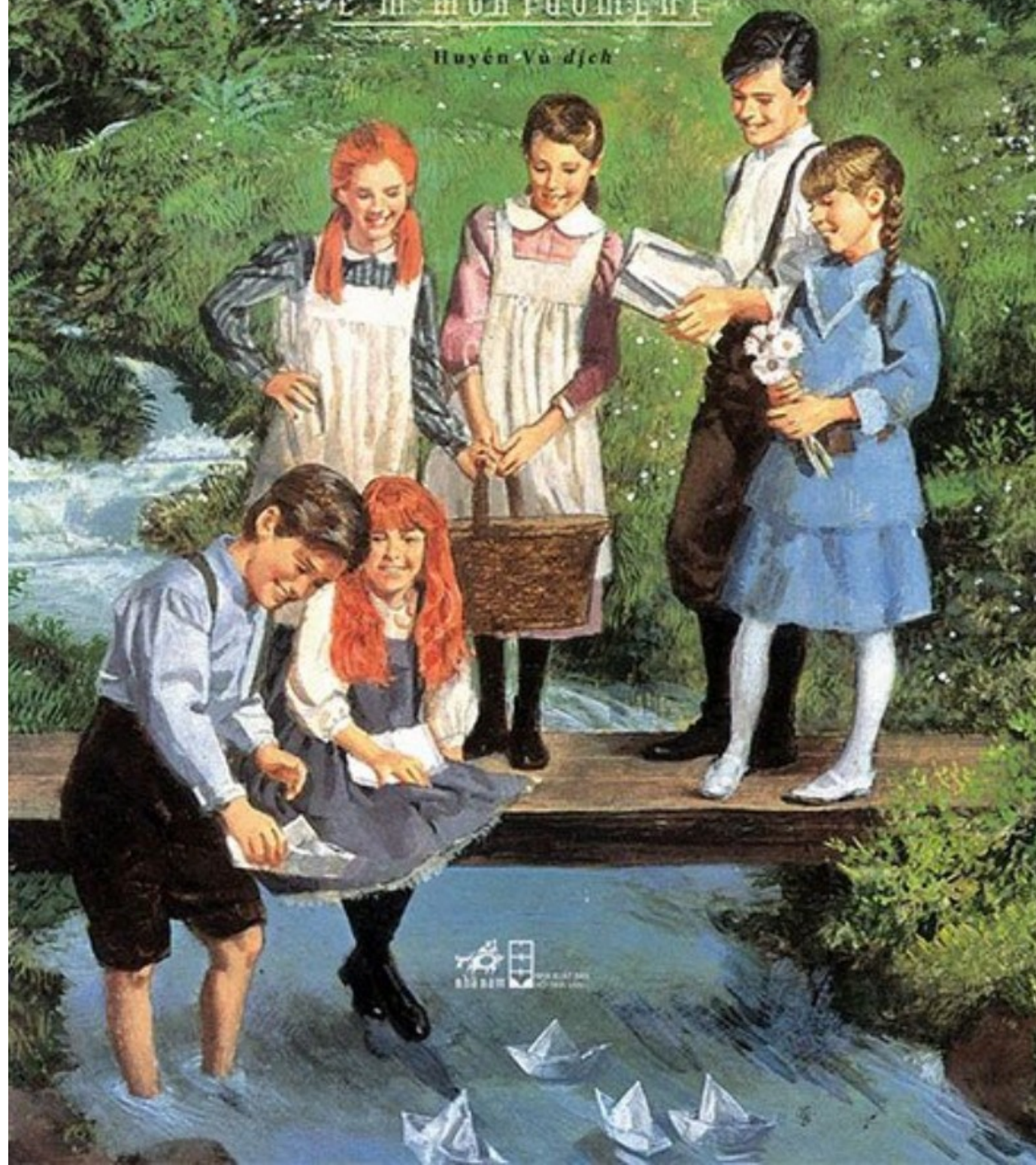


Thung lũng Cầu Vồng

L. M. MONTGOMERY

Huyền Và dịch



ĐÀ LẠT
HÀNG NHÌN
HÀNG NHÌN
HÀNG NHÌN

Tưởng nhớ Goldwin Lapp, Robert Brookes và Morley Shier, những người đã hy sinh tốt bậc để giúp các thung lũng hạnh phúc nơi mảnh đất quê hương họ vẫn gìn giữ được sự thiêng liêng bất chấp cuộc tàn phá của kẻ xâm lược.

1. Lại về nhà

Đó là một buổi chiều tà tháng Năm trong xanh mát mắt, cảng Bốn Làn Gió soi bóng mây phương Tây vàng óng giữa những bờ biển mờ tối. Đại dương rên lên những âm thanh kỳ quái trên bãi cát, không khỏi âu sầu dẫu đang giữa mùa xuân, nhưng một ngọn gió vui tươi, ranh mãnh đã vi vu thổi xuôi con đường cảng màu đỏ đang hiện lên bóng dáng đoan trang, thư thái của cô Cornelia trên đường tiến về phía làng Glen St. Mary. Cô Cornelia thực ra là bà Marshall Elliott, và đã làm bà Marshall Elliott được mười ba năm rồi, nhưng mọi người vẫn quen gọi là cô Cornelia thay vì bà Elliott. Cái tên thời con gái vẫn được những người bạn cũ của cô ưa dùng, chỉ bị duy nhất một người khinh khỉnh bỏ qua. Susan Baker, người hầu gái già trung thành và nghiêm nghị của gia đình Blythe ở mái nhà Bên Ánh Lửa, không bao giờ bỏ lỡ cơ hội gọi cô là “bà Marshall Elliott”, với lối nhấn giọng châm chọc và giàu lực sát thương nhất, như muốn nói, “Bà muốn được làm Bà và riêng với tôi, bà sẽ được làm Bà quá đi ấy chứ.”

Cô Cornelia đang trên đường tới Bên Ánh Lửa gặp vợ chồng bác sĩ Blythe – vừa trở về nhà sau chuyến đi châu Âu. Họ đã đi vắng ba tháng, lên đường hồi tháng Hai để tham dự một hội nghị y tế nổi tiếng ở London; và một số chuyện, mà cô Cornelia đang rất nóng lòng được bàn luận, đã xảy ra ở Glen trong thời gian họ không có đây. Trước hết là, một gia đình mới đã chuyển tới nhà mục sư. Và cái gia đình ấy mới hay ho làm sao chứ! Cô Cornelia lắc đầu vài lần khi nghĩ tới họ trong lúc bước hời hả trên đường.

Bà Susan Baker và Anne Shirley, theo cách gọi thời con gái, đã nhìn thấy cô tiến lại gần, khi họ đang ngồi trên hiên lớn Bên Ánh Lửa, thưởng thức sự quyến rũ của bóng chiều nhập nhoạng, vẻ đáng yêu của những chú chim cổ đỏ ngái ngủ đang hót riu riu giữa những tán thích nhuộm ánh hoàng hôn, cùng điệu vũ của một khóm thủy tiên hoa vàng đang nường theo chiều gió ngả rạp lên bức tường gạch đỏ sậm lâu năm trên bãi cỏ.

Anne đang ngồi trên bậc thềm, hai bàn tay đan vào nhau đặt trên đầu gối, dưới ánh chiều tà êm ái, cô toát lên một dáng vẻ thiếu nữ đậm nét hết mức một bà mẹ mất con được quyền toát lộ; và đôi mắt xinh đẹp màu xanh lục xám, đang nhìn không chớp xuống con đường vắng, vẫn chứa chan vẻ mơ màng và ánh long lanh không thể dập tắt bấy lâu. Phía sau lưng cô, trên chiếc võng, Rilla Blythe đang nằm cuộn người lại, một đứa trẻ sáu tuổi bé bỏng mũm mĩm, hồng hào, đứa bé nhất trong đám trẻ của mái nhà Bên Ánh Lửa. Bé có mái tóc xoăn đỏ, đôi mắt màu hạt dẻ lúc này đang nhắm tịt lại hằn những vết nhăn trông đến buồn cười, đúng dáng vẻ Rilla luôn có mỗi khi đi ngủ.

Shirley, “cậu bé nâu”, theo cách gọi quen thuộc của cậu trong gia đình “Ai là ai”, đang say ngủ trong vòng tay Susan. Cậu có mái tóc nâu, đôi mắt nâu, làn da nâu, hai má đỏ hồng, và cậu là tình yêu đặc biệt của Susan. Sau khi sinh cậu, Anne ốm nặng một thời gian dài, và Susan “đảm nhận vai trò người mẹ” chăm bẵm đứa bé với một niềm thương mến nồng nàn mà không một đứa trẻ nào khác, dẫu thân thương biết mấy với bà, từng khơi dậy được. Bác sĩ Blythe từng bảo nếu không nhờ có bà, cậu bé hẳn sẽ chẳng đời nào sống nổi.

“Tôi trao cho thằng bé sự sống cũng nhiều ngang với cô đấy, cô bác sĩ thân yêu ạ,” Susan thường nói. “Nó thuộc về tôi cũng như thuộc về cô vậy thôi.” Và, quả thật, Susan luôn là người Shirley chạy tới, để được hôn hồng xoa dịu những cục u do va đập, để được đu đưa dỗ vào giấc ngủ, được bảo vệ tránh khỏi những trận đòn đung người đung tội. Bà Susan vẫn thường tận

tâm tận lực tết mông mọi đứa trẻ nhà Blythe khác mỗi khi bà thấy phải làm thế thì mới có lợi cho sự lành mạnh tâm hồn của chúng, nhưng bà chẳng đời nào tết mông Shirley và cũng không cho phép mẹ thằng bé làm thế. Có lần, bác sĩ Blythe tết mông thằng bé, vậy là bà Susan phùng phùng phần nộ.

“Cái người đó đã đánh một thiên thần đấy, cô bác sĩ thân yêu ạ,” bà gay gắt tuyên bố, và suốt mấy tuần liền, bà chẳng chịu làm cho ngài bác sĩ tội nghiệp ấy một cái bánh nướng nào.

Bà đã dẫn theo Shirley đến nhà em trai bà trong thời gian bố mẹ thằng bé vắng nhà, trong lúc những đứa trẻ khác được đưa đến Avonlea, và bà đã có ba tháng hạnh phúc giành thằng bé cho riêng mình. Dầu vậy, bà Susan vẫn rất mừng khi nhận thấy mình đã quay trở về Bên Ánh Lửa, lại được ở giữa tất cả những người thân yêu dấu. Bên Ánh Lửa là thế giới của bà, và ở đó, bà là người trị vì tối cao. Thậm chí, đến cả Anne cũng hiếm khi chất vấn các quyết định của bà, khiến cho bà Rachel Lynde ở Chái Nhà Xanh phần nộ khôn nguôi, hễ khi nào ghé thăm Bốn Làn Gió là bà ấy lại âu sầu bảo Anne rằng cô đã để mặc cho bà Susan quá mức tự tung tự tác, và rồi thế nào cũng có ngày cô hối hận cho xem.

“Cornelia Bryant đang đi trên đường cảng kìa, cô bác sĩ thân yêu ơi,” bà Susan nói. “Cô ấy sắp đến giải bày với chúng ta những chuyện ngồi lê đôi mách suốt ba tháng qua đấy.”

“Cháu cũng mong là vậy,” Anne ôm hai đầu gối nói. “Cháu đang mong mỗi được nghe những chuyện ngồi lê đôi mách của Glen St. Mary đến chết đi được đây, cô Susan. Cháu hy vọng cô Cornelia có thể kể cho cháu nghe tất tậ mọi chuyện đã xảy ra trong thời gian chúng cháu xa nhà – *tất tậ mọi chuyện* – nào ai sinh, ai cưới ai say; ai đã qua đời, ai đã đi xa, ai đã đến, ai lục đục, ai mất bò, hay ai đã tìm thấy bồ. Thật mừng biết bao vì lại được ở nhà, bên tất cả những hàng xóm láng giềng Glen yêu dấu, và cháu muốn biết mọi chuyện về họ. Đấy, cháu nhớ là trong lúc dạo bước trong tu viện Westminster, cháu cứ băn khoăn mãi không biết cuối cùng thì Millicent Drew sẽ lấy ai trong hai người

theo đuổi xuất sắc ấy. Cô biết không, cô Susan, cháu không khỏi có một mối hoài nghi đáng sợ là không chừng cháu cũng thích những chuyện ngồi lê đôi mách ấy chứ.”

“Dào ôi, tất nhiên là thế rồi, cô bác sĩ thân yêu ơi,” Susan thừa nhận, “đã là phụ nữ thì ai mà chẳng thích nghe ngóng tin tức chứ. Chính tôi cũng khá tò mò cái vụ Millicent Drew đấy. Tôi chưa từng có ai theo đuổi, một cũng chả có chứ đừng nói là hai, và hiện giờ tôi chẳng thấy có gì đáng phiền lòng cả, vì một khi ta đã quen làm một gái già rồi thì cũng không lấy làm khổ sở. Cứ nhìn mái tóc của Millicent là tôi lại nghĩ dễ chừng cô ta đã lấy chổi mà chải ấy chứ. Nhưng có vẻ như cánh đàn ông con trai chẳng bận tâm gì chuyện đó.”

“Họ chỉ nhìn thấy mỗi khuôn mặt nhỏ nhắn, yêu kiều, xinh xắn, giễu cợt của cô ấy thôi, cô Susan ạ.”

“Chắc là vậy, cô bác sĩ thân yêu ạ. Kinh Thánh đã nói, duyên là giả dối, sắc lại hư không, nhưng một khi nó đã được định sẵn như thế rồi thì tôi chẳng nên phiền lòng nếu tự mình phát hiện ra điều đó. Tôi không nghi ngờ gì chuyện tất cả chúng ta đều được xinh đẹp khi làm thiên thần, nhưng đến lúc đó thì xinh đẹp cũng có ích gì cho chúng ta đâu chứ? Dẫu vậy, nhân nói đến chuyện ngồi lê đôi mách, nghe nói tuần trước cái cô Harrison Miller khốn khổ ở bên kia cảng đã cố treo cổ tự tử đấy.”

“Ôi, cô Susan!”

“Cứ bình tĩnh, cô bác sĩ thân yêu ạ. Cô ta đã không được như ý nguyện đâu. Nhưng thật lòng mà nói, tôi chẳng trách cô ta vì đã rắp tâm làm thế, bởi thằng chồng cô ta tệ lắm. Tuy nhiên, cô ta thật dại quá nên mới nghĩ đến chuyện treo cổ tự tử và dọn sẵn đường cho hản cưới người đàn bà khác. Nếu tôi mà là cô ta, cô bác sĩ thân yêu ạ, tôi sẽ không ngừng quấy rầy hản sao cho không phải tôi mà chính hản mới là người phải tìm cách treo cổ. Nói thế không có nghĩa là tôi tán thành chuyện người ta treo cổ tự tử đâu nhé, cho dù là trong bất kỳ hoàn cảnh nào, cô bác sĩ thân yêu ạ.”

“Dù sao đi nữa, có chuyện gì với Harrison Miller vậy nhỉ?” Anne sốt ruột hỏi. “Lúc nào anh ta cũng khiến cho ai đó không thể chịu đựng nổi.”

“Chậc, có người gọi đó là sùng đạo, và cũng có kẻ gọi đó là thói cứng đầu cứng cổ, mong cô lượng thứ cho, cô bác sĩ thân yêu nhé, vì đã dùng một từ như thế. Có vẻ như người ta không sao xác định được nên xếp Harrison vào dạng nào. Hôm thì hấn quạu quọ với tất cả mọi người vì định ninh mình đã bị định trước phải đời đời chịu phạt. Lại có hôm hấn bảo chẳng thèm quan tâm gì sắt và đi uống đến say mèm. Theo tôi thì đầu óc hấn có vấn đề đấy, vì cả cái họ Miller ấy ai mà chẳng thế. Ông nội hấn bị mất trí đấy thôi. Ông này cứ định ninh mình bị bọn nhện đen to tướng vây khắp chung quanh. Chúng bò lên người ông ta, lơ lửng trong không trung xung quanh ông ta. Tôi chỉ mong mình chẳng bao giờ bị mất trí, cô bác sĩ thân yêu ạ, và hấn là tôi sẽ chẳng bị đâu, vì đó đâu phải chuyện thường thấy ở người nhà Baker. Nhưng, nhờ một đấng tối cao thông thái lại quyết ban điều đó, tôi chỉ mong nó sẽ không mang lột lũ nhện đen to tướng, vì tôi ghét cay ghét đắng bọn động vật. Về phần cái nhà cô Miller ấy, tôi chẳng biết liệu cô ta có thật sự xứng đáng được nhận lòng thương cảm hay không. Có người bảo cô ta cưới Harrison chỉ cốt để chọc tức Richard Taylor thôi, mà theo quan điểm của tôi thì đó có vẻ là một lý do kết hôn kỳ dị quá. Nhưng, tất nhiên, tôi đâu có rành chuyện hôn nhân, cô bác sĩ thân yêu ạ. Mà Cornelia Bryant đã đến cổng rồi kìa, nên tôi sẽ đặt cậu bé nâu yêu dấu này lên giường rồi đi lấy đồ đan đây.”

2. Toàn là chuyện ngồi lê đôi mách

“Mấy đứa kia đâu rồi?” cô Cornelia hỏi, khi màn chào hỏi – về phía cô thì thân mật, về phía Anne thì vồn vã còn về phía bà Susan thì nghiêm trang – đã kết thúc.

“Shirley đang trên giường còn Jem, Walter với hai đứa sinh đôi đang ở dưới Thung Lũng Cầu Vòng yêu dấu của chúng.” Anne nói. “Cô biết đấy, chúng vừa mới về nhà chiều nay, và chúng khó lòng đợi cho xong bữa tối rồi mới phóng như bay xuống thung lũng. Chúng yêu quý nơi ấy hơn bất kỳ chốn nào khác trên đời. Xét tới mức độ được chúng yêu thương thì đến cả vạt rừng phong cũng chẳng so bì được.”

“Tôi e là chúng dành cho cái chốn ấy quá nhiều tình cảm,” bà Susan rầu rĩ nói. “Có lần bé Jem còn bảo đến lúc chết nó thà tới Thung Lũng Cầu Vòng còn hơn là lên thiên đường, nhận xét như thế thật không đúng đắn chút nào.”

“Ở Avonlea chắc chúng vui lắm nhỉ?” cô Cornelia nói.

“Cực kỳ ấy chứ. Bác Marilla nuông chiều chúng khủng khiếp. Đặc biệt, trong mắt bác ấy, không đời nào có chuyện Jem làm gì sai trái.”

“Giờ bà Cuthbert chắc phải thành một cụ già rồi nhỉ,” cô Cornelia nói, đồng thời lôi bộ đồ đan lát của mình ra, để không bị lép vế trước bà Susan. Cô Cornelia cho rằng nếu đem phụ nữ mà so với nhau thì người bận bịu luôn có lợi thế hơn so với người rảnh rang.

“Bác Marilla đã tám mươi lăm tuổi rồi,” Anne nói kèm theo tiếng thở dài. “Tóc bác ấy giờ đã trắng như cước. Nhưng, có điều lạ là giờ thị lực của bác ấy còn tốt hơn cả hồi bác ấy sáu mươi tuổi nữa.”

“Ôi chao, cưng ơi, ta thật lòng thấy mừng vì các cháu đã trở về. Ta cô đơn đến chết đi mất. Nhưng Glen không buồn chán đâu, tin ta đi. Tính riêng chuyện nhà thờ, thì thật ta chưa từng trải qua một mùa xuân nào phấn khích đến thế trong đời. Cuối cùng thì chúng ta cũng tìm được một mục sư rồi, Anne cưng ạ.”

“Ngài mục sư John Knox Meredith, cô bác sĩ thân yêu ạ,” bà Susan nói, quyết tâm không để cho cô Cornelia một mình kể hết các tin tức.

“Ông ấy có đáng mến không ạ?” Anne háo hức hỏi.

Cô Cornelia thở dài còn bà Susan rên lên.

“Nếu bảo đáng mến hay không thì có, ông ấy là người đáng mến,” cô Cornelia nói. “Ông ấy *rất* đáng mến... và rất uyên bác... và rất thuộc linh. Nhưng mà, ôi Anne cưng ơi, ông ấy chẳng hành xử hợp lẽ gì cả!”

“Vậy sao mọi người còn mời ông ấy?”

“Ôi chao, rõ là tính cho đến giờ thì ông ấy vẫn là người thuyết giáo giỏi nhất chúng ta từng có ở nhà thờ Glen St. Mary, cô Cornelia nói, đan chệch mắt một hai mũi.” Có lẽ ông ấy mơ mộng và lơ đãng quá nên thành ra chẳng bao giờ được thị trấn nào mời. Bài giảng thử của ông ấy phải nói là tuyệt vời, tin ta đi. Ai cũng phát điên lên vì nó hết... và lại còn vẻ ngoài của ông ấy nữa chứ.”

“Ông ấy điển trai *lắm*, cô bác sĩ thân yêu ạ, và nhìn chung, tôi *thật sự* thích được thấy một người dễ nhìn ở trên bục giảng kinh,” bà Susan xen vào, chắc hẳn đã đến lúc bà tiếp tục đòi quyền lợi.

“Thêm nữa,” cô Cornelia nói, “chúng ta chỉ mong chuyện này sớm đâu vào đấy. Và ông Meredith là ứng cử viên đầu tiên được

tất cả chúng ta đồng thuận. Những ứng cử viên khác thì thế nào cũng có ý kiến này ý kiến nọ phản đối. Cũng có người tính mời ông Folsom đấy. Ông ấy cũng là một người giảng đạo hay, nhưng có vẻ như người ta không ưng diện mạo của ông ấy. Ông ấy đen bóng quá thể.”

“Trông ông ấy chẳng khác gì một con mèo đen khổng lồ, đúng thế đấy, cô bác sĩ thân yêu ạ,” bà Susan nói. “Tôi chẳng bao giờ chịu đựng nổi nếu Chủ nhật nào cũng thấy một người như thế đứng trên bục giảng kinh.”

“Sau đó thì ông Rogers xuất hiện và ông này thì như vụn yến mạch rắc cháo vậy – vô thưởng vô phạt,” cô Cornelia giành quyền nói tiếp. Nhưng kể cả ông ấy có giảng đạo được như thánh Peter với cả thánh Paul thì cũng vô ích, vì đúng hôm đó, con cừu của lão Caleb Ramsay đi lạc vào nhà thờ và kêu ‘be-e-e’ ầm ĩ giữa lúc ông ấy giới thiệu bài khóa. Mọi người cười ồ lên, và sau đó thì ông Rogers tội nghiệp chẳng còn cơ hội nào nữa. Một số người cho rằng chúng ta nên mời ông Steward, vì ông ấy học rộng hiểu nhiều. Ông ấy có thể đọc kinh Tân ước bằng năm thứ tiếng hản hoi.”

“Nhưng tôi không nghĩ chuyện đó có thể giúp ông ấy chắc suất lên thiên đường hơn những người khác,” bà Susan xen lời.

“Chúng ta hầu hết đều không thích cách nói của ông ấy,” cô Cornelia nói, phớt lờ bà Susan. “Ông ấy cứ lí nha lí nhí, có thể nói như vậy. Còn ông Arnett thì chẳng biết giảng đạo gì hết. Và ông ấy đã chọn đoạn trích ứng tuyển tệ nhất trong Kinh Thánh – ‘Hãy rửa sả Meroz’.”

“Cứ lúc nào bí ý tưởng, ông ấy lại đập mạnh cuốn Kinh Thánh rồi hét lên đầy cay đắng, ‘Hãy rửa sả Meroz.’ Cho dù Meroz tội nghiệp có là ai đi chăng nữa thì ngày hôm đó cũng đã bị rửa sả ra trò, cô bác sĩ thân yêu ạ,” bà Susan nói.

“Với một mục sư đang trong kỳ dự tuyển thì việc lựa chọn bài giảng có cẩn thận đến mấy cũng không thừa,” cô Cornelia nghiêm túc nói. “Ta tin là nếu chọn một bài giảng khác thì ông

Pierson thể nào cũng được mời. Nhưng khi ông ấy tuyên bố ‘Tôi ngược mắt nhìn lên các đồi’ thì ông ấy coi như xong. Mọi người đều ngoác miệng ra cười, vì ai mà chẳng biết suốt mười lăm năm nay, hễ có mục sư nào đến Glen là hai cô nàng nhà Hill ở Cửa Vịnh đều mỗi chải hết. Còn ông Newman thì gia đình đông đúc quá mức.”

“Ông ấy trọ ở nhà cậu em rể tôi, James Clow ấy,” bà Susan nói. ‘Ông có bao nhiêu con vậy?’ tôi hỏi ông ấy. ‘Chín cậu nhóc và đứa nào cũng có một em gái,’ ông ấy đáp. ‘Mười tám đứa!’ tôi nói. ‘Ôi chao ơi, gia đình gì mà!’ Và rồi ông ấy cứ cười rũ ra. Nhưng tôi chẳng biết tại sao, cô bác sĩ thân yêu ạ, và tôi chắc chắn rằng đối với bất kỳ ngôi nhà mục sư nào thì mười tám đứa trẻ cũng là quá nhiều.”

“Ông ấy chỉ có mười đứa con thôi, bà Susan ạ,” cô Cornelia giải thích, với sự kiên nhẫn khinh khỉnh. “Và nếu đem so với bốn đứa hiện tại thì mười đứa trẻ ngoan cũng chẳng phải chuyện gì quá tệ đối với nhà mục sư và giáo đoàn. Tuy nhiên, Anne cưng ạ, ta cũng không có ý rằng bọn trẻ hiện tại hư hỏng quá. Ta quý mến chúng, mọi người đều quý mến chúng. Chẳng thể nào không quý mến chúng được. Giá như có ai đó trông nom đến lối cư xử của chúng và dạy cho chúng biết những điều đúng đắn phù hợp thì thể nào chúng cũng sẽ trở thành những đứa trẻ thực ngoan. Chẳng hạn như, ở trường giáo viên vẫn bảo chúng là những đứa trẻ mẫu mực. Nhưng ở nhà thì chúng chẳng ra cái thể thống gì hết.”

“Thế còn bà Meredith thì sao?” Anne hỏi.

“Làm gì có bà Meredith nào chứ. Vấn đề nằm ở đó đấy. Ông Meredith đã góa vợ rồi. Vợ ông ấy mất bốn năm trước. Giá mà biết chuyện đó từ trước thì chắc chúng ta đã chẳng mời ông ấy, vì giáo đoàn mà có một ông góa thì còn dở hơn nhiều so với có một ông độc thân. Nhưng chúng ta đã nghe ông ấy nhắc đến bọn trẻ và ai cũng chắc mẩm còn có cả người mẹ nữa. Ấy vậy nhưng lúc họ đến thì chẳng có ai cả, ngoài bà dì Martha, theo cách gọi của họ. Ta dám chắc bà ta là một người họ hàng đẳng

ngoại ông Meredith, và ông ấy đưa bà ta theo cốt tránh cho bà ta khỏi phải vào trại tế bần. Bà ta đã bảy mươi lăm tuổi rồi, mắt lòa, điếc nặng và tính tình lập dị lắm.”

“Lại còn nấu ăn dở kinh khủng, cô bác sĩ thân yêu ạ.”

“Người nội trợ tệ nhất trần đời đối với nhà của một mục sư,” cô Cornelia nói giọng chua cay. “Ông Meredith sẽ chẳng chịu nhận bất kỳ người quản gia nào khác, vì ông ấy bảo như thế sẽ khiến bà dì Martha thương tâm. Cứ tin ta đi, Anne cưng ạ, ngôi nhà mục sư ấy đang trong tình trạng kinh khủng ra trò. Mọi thứ đều bị phủ một lớp bụi dày và chẳng có bất kỳ món gì ở đúng vị trí hết. Ấy là chúng ta đã sơn và dán giấy đẹp để khắp cả trước khi họ đến rồi đấy.”

“Cô bảo có bốn đứa trẻ ở đấy ạ?” Anne hỏi, tình mẫu tử dành cho chúng đã bắt đầu trỗi dậy trong lòng.

“Ừ. Bọn chúng được sinh nối tiếp nhau như các bậc cầu thang vậy. Gerald là anh cả. Thằng bé mười hai tuổi và vẫn được gọi là Jerry. Nó là đứa lanh lợi. Faith mười một tuổi. Nó nghịch như một thằng con trai, nhưng ta phải nói là trông nó xinh như tranh ấy.”

“Con bé bề ngoài cứ như thiên thần nhưng tinh nghịch đến sợ, cô bác sĩ thân yêu ạ,” bà Susan nghiêm trang nói. “Tuần trước có một tối tôi đến nhà mục sư, cả bà James Millison nữa. Bà ta mang cho họ một tá trứng và một xô sữa nhỏ – một xô sữa nhỏ lắm, cô bác sĩ thân mến ạ. Faith nhận các món đó rồi phóng vèo đi mang chúng xuống dưới hầm. Gần đến chân cầu thang thì con bé bị vấp và thế là ngã hết mấy bậc thang cuối cùng, đổ tất tạt cả sữa cả trứng. Cô có thể đoán ra kết quả rồi đấy, cô bác sĩ thân mến. Nhưng đứa bé đó vừa leo lên vừa cười như nắc nẻ. ‘Chẳng biết cháu có còn là cháu không hay đã thành cái bánh trứng mất rồi,’ nó nói. Và bà James Millison giận ghê lắm. Bà ta bảo nếu mang đồ đến mà lại bị lãng phí và hủy hoại theo cái lối đó thì bà ấy sẽ không đời nào mang thêm bất kỳ món gì tới nhà mục sư nữa.”

“Maria Millison chẳng đời nào chịu hại thân mà mang đồ tới nhà mục sư đâu,” cô Cornelia khịt mũi. “Bà ta chỉ mang đến mỗi tối hôm đó để lấy cố thỏa nỗi tò mò thôi. Nhưng con bé Faith tội nghiệp ấy lúc nào cũng đâm đầu vào rắc rối. Con bé bốc đồng quá và lúc nào cũng như đang ở trên mây vậy.”

“Giống cháu đấy. Thế nào cháu cũng mến cô bé Faith của cô lắm cho xem,” Anne nói chắc nịch.

“Con bé gan góc lắm... mà tôi thì lại thích những người gan góc, cô bác sĩ thân yêu ạ,” bà Susan thú nhận.

“Con bé có một điểm cuốn hút người khác lắm,” cô Cornelia công nhận. “Chẳng lúc nào nhìn con bé mà lại không thấy nó đang cười, và chẳng hiểu sao ta cũng luôn muốn cười theo. Con bé thậm chí còn chẳng giữ được vẻ mặt nghiêm túc trong nhà thờ. Una thì mười tuổi – một cô nhóc bé bỏng dễ thương – không xinh, nhưng dễ thương. Thomas Carlyle thì lên chín. Họ gọi thằng bé là Carl, và thằng bé nghiện trò thu gom cóc ếch sâu bọ mang về nhà.”

“Chắc hẳn chính thằng bé là thủ phạm vụ con chuột chết nằm trên ghế phòng khách buổi chiều bà Grant ghé thăm. Bà ấy đã bị một phen chết điếng,” bà Susan nói, “và tôi chẳng lấy làm lạ, vì phòng khách nhà mục sư đâu phải chỗ dành cho bọn chuột chết chứ. Hiển nhiên có khi chính con mèo đã bỏ nó ở đó. *Con mèo* đó ranh ma không để đâu cho hết, cô bác sĩ thân yêu ạ. Theo ý tôi, một con mèo nhà mục sư thì ít nhất cũng nên *ra dáng* đứng đắn, bất kể thực chất nó như thế nào đi nữa. Nhưng tôi chưa từng nhìn thấy con vật vào có vẻ ngông nghênh như thế. Mà hầu như hôm nào cũng vậy, cứ chiều tà là nó lại bước dọc xà nóc nhà mục sư, cô bác sĩ thân yêu ạ, đuôi ngoe nguẩy, trông chẳng phù hợp gì cả.”

“Tệ nhất là chúng *chẳng bao giờ* được ăn mặc tử tế,” cô Cornelia thở dài. “Và tuyệt vừa tan là chúng lại chân trần đi học ngay. Nào, cháu biết đấy Anne cưng, đâu đâu phải chuyện phải phép đối với bọn trẻ nhà mục sư chứ – nhất là khi đứa bé gái con

ngài mục sư Hội Giám lý lúc nào cũng đi đôi với cái cốc đẹp đẽ như thế. Và ta thật lòng ước gì chúng không chơi trong khu nghĩa địa nhà thờ Giám lý cũ.”

“Nó ở ngay bên cạnh nhà như thế thì khó mà cưỡng lại lắm,” Anne nói. “Cháu vẫn luôn cho rằng nghĩa địa chắc hẳn phải là địa điểm vui chơi rất thú vị.”

“Ôi, không, cô không nghĩ thế đâu, cô bác sĩ thân yêu ơi,” bà Susan trung thành nói, kiên quyết bảo vệ Anne khỏi chính bản thân cô. “Cô đoan trang và cư xử phải phép lắm chứ.”

“Ngay từ ban đầu, sao họ lại xây nhà mục sư bên cạnh nghĩa địa vậy nhỉ?” Anne hỏi. “Bãi cỏ ngoài nhà bé như lòng bàn tay ấy, bọn trẻ đâu còn chỗ nào khác để chơi ngoài khu nghĩa địa chứ.”

“Sai lầm nằm ở *đấy* đấy,” cô Cornelia thừa nhận. “Nhưng họ đã tậu được lô đất đó với giá rẻ. Và đâu có đứa trẻ nhà mục sư nào khác từng nghĩ đến chuyện chơi bởi ở chỗ đó chứ. Đáng lẽ ông Meredith không nên cho phép chuyện đó. Nhưng hể ở nhà thì lúc nào ông ấy cũng chúm mũi vào sách vở. Ông ấy cứ đọc miệt mài, hoặc nếu không thì đi đi lại lại trong phòng làm việc, đầu óc để tạt đâu đâu. Cho đến giờ thì ông ấy vẫn chưa lần nào quên có mặt ở nhà thờ vào Chủ nhật, nhưng đã hai lần ông ấy quên búng mắt buổi cầu nguyện và một vị cao niên phải đến tận nhà mục sư nhắc nhở. Ông ấy còn quên cả đám cưới của Fanny Cooper. Họ bèn gọi điện thoại cho ông ấy và thế là ông ấy vội vàng vàng đi đến nơi, vẫn mang nguyên cả đôi dép đi trong nhà này nọ, đúng y phong cách quen thuộc. Nếu cánh Giám lý không cười rũ rượi thì chắc đã chẳng ai buồn để ý. Nhưng có một điểm an ủi – người ta không thể chê bai gì các bài giảng của ông ấy được. Một khi đã đứng trên bục giảng kinh thì ông ấy sinh động hơn, cứ tin ta đi. Mà ngài mục sư Giám lý thì đâu có biết giảng đạo gì – ấy là người ta nói với ta như vậy. Ơn Chúa, *ta* chưa bao giờ nghe ông ta giảng.”

Thái độ khinh miệt đàn ông của cô Cornelia đã phần nào bớt gay gắt kể từ hồi cô lấy chồng, nhưng sự khinh khi cô dành cho

những giáo dân Giám lý thì vẫn y nguyên không nhuốm chút khoan dung nào. Bà Susan mỉm cười tinh quái.

“Nghe người ta bảo, bà Marshall Elliott ạ, thì bên Giám lý và bên Trưởng lão đang tính chuyện hợp nhất đấy,” bà nói.

“Ôi dào, tôi chỉ có một mong mỗi duy nhất là nếu có khi nào chuyện này xảy ra thật thì lúc đó tôi đã nằm yên dưới cỏ rồi,” cô Cornelia vắn lại. “Tôi sẽ không bao giờ buôn bán đổi chác gì với cánh Giám lý, và ông Meredith rồi sẽ phát hiện ra tốt hơn hết ông ấy cũng nên tránh xa cánh ấy. Ông ấy đúng là quá gần gũi với họ, tin tôi đi. Đấy, ông ấy đã tới nhà Jacob Drew dự tiệc kỷ niệm đám cưới bạc và kết quả là dính ngay một vụ xấu hổ ra trò.”

“Có chuyện gì vậy ạ?”

“Bà Drew nhờ ông ấy lạng thịt con ngỗng quay – vì Jacob Drew có bao giờ lạng thịt đâu, mà dù có muốn thì cũng chẳng biết làm. Chậc, ông Meredith bèn xử lý món này, và đương giữa chừng thì lại hất nó trượt khỏi cái đĩa rơi vào lòng bà Reese ngồi cạnh. Vậy mà ông ấy chỉ mơ mơ màng màng nói, ‘Phiền bà trả lại tôi con ngỗng được không, bà Reese?’ Bà Reese bên ‘trả lại’ con ngỗng, nhu mì như chú cừ non, nhưng ắt hẳn bà ta phải điên tiết lắm, vì bị con ngỗng rơi vào đúng chiếc váy lụa mới mà. Tệ nhất là, bà ta lại là một thành viên Hội Giám lý.”

“Nhưng tôi nghĩ thà thế còn hơn bà ta là tín đồ Trưởng lão,” bà Susan cắt ngang. “Nếu là tín đồ Trưởng lão thì khả năng cao là bà ta sẽ bỏ nhà thờ, mà chúng ta thì không trụ nổi nếu mất thành viên. Và bà Reese không được yêu mến trong chính nhà thờ của bà ta đâu, vì bà ta thích ra vẻ ta đây lắm, vậy nên mấy người Giám lý khá thích thú khi thấy ông Meredith làm hỏng cái váy của bà ta.”

“Vấn đề là, ông ấy đã biến mình thành kẻ lộ bịch, và hiển nhiên tôi không hề muốn thấy cảnh mục sự của mình bị biến thành kẻ lộ bịch trong mắt những tín đồ Giám lý,” cô Cornelia

gay gắt nói. “Nếu ông ấy có vợ thì chuyện như thế đã chẳng xảy ra.”

“Cho dù ông ấy có cả chục bà vợ thì tôi cũng chẳng hiểu họ làm sao ngăn được bà Drew khỏi dùng con ngỗng già dai nhách cho bữa tiệc cưới,” bà Susan nói, kiên quyết không chịu nhượng bộ.

“Nghe nói là tại ông chồng đấy,” cô Cornelia nói. “Jacob Drew vốn là kẻ độc đoán, bủn xỉn và tự cao tự đại.”

“Thấy bảo vợ chồng nhà đấy ghét nhau ghê lắm – đã là vợ chồng mà sống với nhau kiểu đó thì tôi thấy thật không phải chút nào. Nhưng tất nhiên, tôi đâu có kinh nghiệm về đời sống vợ chồng,” bà Susan hất đầu nói. “Mà tôi cũng không phải người chỉ biết đổ hết trách nhiệm cho cánh đàn ông. Chính bà Drew cũng keo kiệt chẳng kém ai. Nghe nói thứ duy nhất người ta từng thấy bà ta mang đi cho người khác là một hũ bơ đã bị chuột rơi vào. Bà ta đem góp nó cho một buổi họp mặt ở nhà thờ. Mãi sau này người ta mới phát hiện ra chuyện con chuột.”

“May thay, tính cho đến nay, tất cả những người bị gia đình Meredith làm phật lòng đều là người Hội Giám lý,” cô Cornelia nói. “Một tối cách đây hai tuần, thằng bé Jerry tham dự buổi lễ cầu nguyện của Hội Giám lý và ngồi cạnh lão William Marsh, lão này bèn đứng dậy như thường lệ, rên rỉ kinh khiếp. ‘Giờ ông đã thấy đỡ hơn chút nào chưa?’ Jerry thì thầm khi lão William ngồi xuống. Thằng bé Jerry tội nghiệp thật lòng thương cảm cho ông lão, nhưng lão Marsh lại thấy nó thật láo xược nên đã giận điên lên. Tất nhiên, Jerry nào có việc gì để mà xuất hiện trong một buổi cầu nguyện của Hội Giám lý chứ. Nhưng họ thích đi đâu thì đi thôi.”

“Hy vọng họ sẽ không làm phật lòng bà Alec Davis ở Cửa Vịnh,” bà Susan nói. “Tôi biết bà ta vốn rất dễ tự ái, nhưng bà ta sống sung túc lắm và quỳn tiền cung lương hậu hĩnh hơn bất kỳ ai. Nghe nói bà ta từng bảo chưa thấy bọn trẻ nào được nuôi dạy một cách tệ hại như bọn trẻ nhà Meredith.”

“Cô càng nói thì cháu càng tin rằng gia đình Meredith thuộc dòng những người quen **Joseph**,” cô Anne quả quyết nói.

“Xét cho cùng thì gia đình đó *đúng* là như vậy thật,” cô Cornelia thừa nhận. “Và điều đó đã cân bằng tất cả mọi thứ. Dù sao đi nữa, giờ chúng ta cũng đưa họ về rồi thì cứ cố làm hết sức thôi, và ủng hộ họ trước đám người Hội Giám lý nữa. Chắc, có lẽ ta phải xuống dưới cảng thôi. Marshall chắc sắp về rồi – hôm nay ông ấy sang bên kia cảng – và thể nào cũng muốn có người trông nom ở nhà, đúng là đồ đàn ông. Tiếc là ta không gặp được mấy đứa bé kia. Mà cậu bác sĩ đâu rồi?”

“Trên Cửa Vịnh ạ. Chúng cháu mới về nhà được ba ngày, thế mà anh ấy chỉ ngủ ở nhà được ba tiếng, ăn ở nhà được hai bữa.”

“Ôi chao, tất cả những người ốm đau trong sáu tuần vừa rồi đều đang mong mỗi cậu ấy trở về – và ta cũng không thấy họ có gì đáng trách cả. Từ lúc vị bác sĩ bên kia cảng cưới con gái người quản tang ở Lowbridge thì người ta đã thấy nghi ngờ anh ta rồi. Chuyện đó có vẻ không được ổn cho lắm. Cháu và cậu bác sĩ phải xuống chơi sớm sớm để mà kể cho chúng ta nghe tất tậ mọi chuyện về chuyến đi của hai đứa đấy nhé. Chắc là các cháu đã có khoảng thời gian tuyệt vời lắm.”

“Đúng vậy ạ,” Anne thừa nhận. “Chuyến đi đã thỏa lòng mong ước bao năm. Cựu Thế giới rất xinh đẹp, rất tuyệt vời. Nhưng chúng cháu vô cùng mãn nguyện được quay trở về với xứ sở của chúng ta. Canada là đất nước tuyệt nhất trần đời, cô Cornelia ạ.”

“Chưa từng có ai nghi ngờ gì điều đó,” cô Cornelia nói, hài lòng rõ rệt.

“Và đảo Hoàng Tử Edward lâu đời là tỉnh đẹp nhất nước, còn Bốn Làn Gió thì đẹp nhất đảo.” Anne bật cười, si mê hướng ánh mắt ra ngoài trời, nhìn khung cảnh hoàng hôn mỹ lệ bao trùm thung lũng, bến cảng và con vịnh. Cô vẫy tay về hướng đó. “Ở châu Âu, cháu chẳng nhìn thấy cảnh tượng nào đẹp để hơn thế

cả, cô Cornelia ạ. Cô phải đi rồi ạ? Bọn trẻ sẽ tiếc lắm vì lỡ mất dịp gặp cô đấy ạ.”

“Bọn trẻ phải đến thăm ta sớm sớm vào nhé. Cứ bảo bọn chúng là hũ bánh vòng lúc nào cũng đầy ắp.”

“Ôi, lúc ăn tối chúng đã lên kế hoạch xuống thăm cô rồi đấy ạ. Chúng sẽ xuống sớm thôi, nhưng giờ mấy đứa còn phải quay trở về ổn định việc học hành đã. Còn hai nhóc sinh đôi lại sắp học nhạc.”

“Không phải là theo học bà vợ ông mục sư Hội Giám lý đấy chứ?” cô Cornelia lo lắng hỏi.

“Không đâu ạ, học Rosemary West cơ. Tối qua cháu đã đến bàn bạc mọi việc với cô ấy rồi. Cô ấy đẹp thật đấy!”

“Rosemary chăm sóc bản thân rất tốt. Cô ấy không còn trẻ trung như ngày xưa nữa.”

“Cháu thấy cô ấy rất quyến rũ. Cô biết đấy, cháu chưa từng thật sự quen biết cô ấy. Nhà họ khuất nẻo quá, và cháu hầu như chẳng bao giờ gặp cô ấy ngoài lúc nhà thờ.”

“Mọi người vẫn luôn mến Rosemary West, cho dù không hiểu rõ cô ấy,” cô Cornelia nói, không ý thức được cô đang khen ngợi sức quyến rũ của Rosemary. “Phải nói là Ellen quản cô ấy chặt lắm. Bà ta chế áp cô ấy, tuy nhiên lại cũng luôn nuông chiều cô ấy trong nhiều chuyện lắm. Cháu biết đấy, Rosemary đã từng đính hôn một lần – với cậu chàng Martin Crawford. Tàu của cậu ấy bị đắm ở quần đảo Magdalen và toàn bộ thủy thủ đoàn đều chết đuối. Hồi ấy Rosemary còn nhỏ lắm – mới chỉ mười bảy tuổi. Nhưng kể từ đó, cô ấy như biến thành một con người khác. Cô ấy và Ellen cứ ru rú ở nhà kể từ sau khi mẹ họ qua đời. Họ không thường xuyên đến nhà thờ của họ ở Lowbridge và theo ta hiểu thì Ellen không tán thành việc quá thường xuyên đến nhà thờ Giáo hội Trưởng lão. Nhà thờ Hội Giám lý thì bà ta *không bao giờ* đặt chân tới, riêng chuyện đó thì ta phải khen ngợi bà ta. Gia đình West đó luôn là những tín đồ Tân giáo nhiệt thành. Rosemary và Ellen tương đối có của ăn của để. Rosemary không

thật sự cần phải đi dạy nhạc làm gì. Cô ấy làm thế chỉ vì thích thôi. Cháu biết không, họ là họ hàng xa của Leslie đấy. Hè này nhà Ford có đến cảng không nhỉ?”

“Không đâu ạ. Họ sắp đi Nhật và có lẽ sẽ vắng mặt tầm một năm. Cuốn tiểu thuyết mới của Owen lấy bối cảnh Nhật. Đây sẽ là mùa hè đầu tiên Ngôi Nhà Mơ ước thân thương xưa bị bỏ vắng kể từ khi chúng cháu rời khỏi đó.”

“Ta thấy ở Canada cũng có đủ thứ cho Owen Ford viết rồi chứ nhỉ, cậu ta cần gì phải tha lời vợ và mấy đứa con vô tội tới một đất nước ngoại đạo như Nhật Bản,” cô Cornelia càu nhàu. “*Cuốn sách cuộc đời* là tác phẩm xuất sắc nhất cậu ta từng viết và cậu ta đã lấy chất liệu cho nó ngay ở Bốn Làn Gió này đấy thôi.”

“Thuyền trưởng Jim đã cung cấp hầu hết tư liệu cho cuốn đó, cô biết mà. Và ông ấy đã cóp nhặt chúng từ khắp mọi nơi trên thế giới. Nhưng theo cháu, cuốn sách nào của Owen cũng đều thú vị cả.”

“Ồ, chúng cũng tạm tạm. Chắc chắn ta sẽ đọc mọi cuốn sách cậu ta viết, tuy nhiên, Anne cứng ạ, ta vẫn luôn tin rằng đọc tiểu thuyết là một sự lãng phí thời gian đầy tội lỗi. Tin ta đi, ta sẽ viết thư cho cậu ta biết ý kiến của ta về chuyện Nhật Bản này. Chẳng lẽ cậu ta lại muốn biến Kenneth và Persis thành những kẻ ngoại giáo à?”

Sau khi buông ra câu hỏi hóc búa không cách nào hồi đáp được đó, cô Cornelia ra về. Bà Susan đặt Rilla lên giường còn Anne ngồi trên bậc thềm nơi hiên nhà, bên dưới những vì sao sớm, thả hồn vào những mộng mơ khó bề kiểm soát và lần thứ một trăm, ngất ngây nhận ra cảnh trăng mọc trên cảng Bốn Làn gió mới huy hoàng tráng lệ đến nhường nào.

3. Những đứa trẻ dưới mái nhà Bên Ánh Lửa

Ban ngày, đám trẻ nhà Blythe rất thích chơi đùa trong vạt rừng phong lớn râm mát xanh um nằm giữa Bên Ánh Lửa và hồ Glen St. Mary; nhưng với các cuộc vui buổi chiều tối thì không nơi nào có thể sánh được với thung lũng nhỏ phía sau vạt rừng phong. Đối với chúng, nơi đây chính là một xứ sở mộng mơ thần tiên. Có lần, nhìn từ các ô cửa sổ áp mái của Bên Ánh Lửa, xuyên qua màn sương mù cùng khung cảnh tươi tắn sau một cơn đông mùa hè, chúng đã thấy địa điểm yêu dấu đó nằm gọn dưới một vành cầu vồng trắng lợt, một đầu cầu vồng dường như nhúng thẳng xuống nơi góc hồ chạy vào phía trũng của thung lũng.

“Chúng mình gọi nó là Thung Lũng Cầu Vồng đi.” Walter hớn hởi nói, và kể từ đó, nó đã trở thành Thung Lũng Cầu Vồng.

Bên ngoài Thung Lũng Cầu Vồng, gió có thể quay cuồng gào thét. Ở đây, gió lúc nào cũng êm ái thổi. Những con đường nhỏ thơ mộng uốn lượn thoắt ẩn thoắt hiện bên trên những rễ vân sam phủ rêu. Những cây anh đào dại, trắng xóa như sương mỗi độ hoa nở, rải rác khắp thung lũng, xen lẫn những cây vân sam tối sẫm. Một con suối nhỏ với làn nước màu hổ phách chảy xuyên thung lũng từ làng Glen. Các ngôi nhà trong làng đều cách tương đối xa; chỉ duy nhất ở đầu phía trên cao thung lũng, có một ngôi nhà nhỏ bỏ hoang xập xệ, được gọi là “nhà Bailey cũ”. Ngôi nhà đã bị bỏ không nhiều năm, nhưng có một bờ tường rậm cỏ bao quanh, bên trong là một khu vườn lâu năm nơi những đứa trẻ nhà Bên Ánh Lửa có thể tìm thấy viola, cúc họa mi và ly tháng Sáu vẫn nở rộ theo mùa. Phần còn lại của

khu vườn hoàn toàn bị che phủ bởi những cây thì là Ba Tư đung đưa lấp lánh như những biển bạc dưới ánh trăng đầu buổi tối mùa hè.

Đi xa hơn nữa là hồ nước, và phía bên kia hồ nước, cánh rừng màu tím trải dài ngút tầm mắt, chỉ trừ trên một ngọn đồi cao, một ngôi nhà cũ màu xám đơn độc đứng trông xuống thung lũng và bên cảng. Thung Lũng Cầu Vòng nằm trong một bầu không khí núi rừng hoang dã và quạnh hiu, dẫu rằng nó chẳng nằm cách xa ngôi làng là mấy, và chính điều đó đã làm đám trẻ nhà Bên Ánh Lửa mê mẩn.

Thung lũng dày đặc các vùng lòng chảo thân thiện đáng yêu, và lòng chảo rộng lớn nhất trong số đó chính là chốn lai vãng ưa thích nhất của bọn trẻ. Chúng đã tụ tập chính nơi đây trong buổi chiều tối đặc biệt này. Trong vùng lòng chảo này, có một khoảnh vân sam non, chính giữa là một trảng đất nhỏ rậm cỏ, ngay bên bờ suối. Một cây bạch dương mọc cạnh dòng suối, một cây non thẳng tắp lạ thường được Walter đặt tên là “Tiểu Thư Trắng”. Cũng trên trảng đất này, còn có cặp “Cây Tình Nhân”, theo cách gọi được Walter gán cho một cây vân sam và một cây phong, vốn mọc sát sạt đến độ các cành nhánh của chúng quấn vào nhau không cách nào tách rời. Jem treo lên cặp Cây Tình Nhân này một chùm chuông gắn xe trượt tuyết mà ông thợ rèn làng Glen cho cậu, và cứ mỗi khi gió thổi hiu hiu, chùm chuông lại bất thần ngân leng keng, như thể đang rung lên những âm thanh từ chốn thần tiên.

“Được trở về nhà thích thật đấy!” Nan nói. “Xét cho cùng, trên khắp Avonlea, chẳng nơi nào thích bằng Thung Lũng Cầu Vòng.”

Nhưng dẫu vậy, bọn trẻ vẫn vô cùng yêu mến mọi nơi chốn ở Avonlea. Mỗi chuyến ghé thăm Chái Nhà Xanh luôn được chúng coi như một phần thưởng tuyệt vời. Bà Marilla đối xử với chúng rất tốt, bà Rachel Lynde cũng vậy – bà vẫn dành thời gian rảnh rỗi lúc tuổi già để đan những chiếc chăn sợi bông, phòng khi có ngày mấy cô con gái của Anne cần một “món hồi môn”. Còn có

cả những người bạn chơi cùng vui nhộn nữa – mấy đứa con của “cậu” Davy và con của “dì” Diana. Bọn trẻ biết tất tậ những nơi chốn mẹ chúng yêu mến vô cùng thuở thiếu nữ ở Chái Nhà Xanh xưa – Đường Tình Nhân chạy dài, cứ đến mùa hoa hồng đại nở là lại lọt thỏm giữa hai hàng giậu màu hồng; sân nhà lúc nào cũng gọn gàng, với nào phong nào liễu; Bong Bóng Nữ Thần Rừng, vắn rạng ngời và đáng yêu không khác gì ngày xưa; Hồ Nước Lấp Lánh; rồi Hồ Liễu. Hai đứa sinh đôi được xếp cho căn phòng cũ đầu hồi mẹ chúng từng ở ngày xưa, và buổi tối, đoán chừng lúc này chúng đã ngủ ngon, bà Marilla thường ghé vào tha thiết ngắm nhìn chúng. Nhưng tất cả đều biết bà yêu thương Jem nhất.

Ngay lúc này, Jem đang bận rán một mớ cá hồi con con cậu vừa bắt dưới hồ. Bếp lò của cậu là một đồng đá đỏ quay thành vòng tròn, nhóm lửa ở giữa, còn dụng cụ nấu nướng gồm có một cái hộp thiếc cũ đập bẹt và một cái nĩa chỉ còn lại một răng. Tuy nhiên, trước đây, nhiều bữa ăn ngon lành tuyệt hảo đều đã được nấu nướng theo cách này rồi.

Jem là đứa trẻ được sinh ra ở Ngôi Nhà Mơ ước. Tất cả đám còn lại đều được sinh ra ở Bên Ánh Lửa. Cậu có mái tóc xoăn đỏ, giống y như mẹ, đôi mắt thẳng thắn màu hạt dẻ, giống như bố; cậu được thừa hưởng cái mũi xinh đẹp của mẹ và khuôn miệng kiên định, hóm hỉnh của bố. Cậu cũng là thành viên duy nhất trong gia đình sở hữu đôi tai đẹp đủ khiến bà Susan vừa lòng. Nhưng cậu luôn áp ủ một mối hận lâu năm với bà Susan vì bà nhất quyết không chịu gọi cậu là bé Jem. Quá là sỉ nhục, cậu Jem mười ba tuổi nghĩ. Mẹ sáng suốt hơn nhiều.

“Con *không* còn bé bỏng nữa, mẹ ơi,” cậu phẫn nộ kêu lên, hồi sinh nhật tám tuổi. “Con đã lớn *kinh khủng khiếp* rồi.”

Mẹ cậu thở dài rồi bật cười rồi lại thở dài; và mẹ không bao giờ còn gọi cậu là bé Jem nữa – ít nhất là cậu không nghe thấy lần nào.

Từ nhỏ, cậu đã là một cậu bé mạnh mẽ, đáng tin cậy. Cậu không bao giờ hứa mà không giữ lời. Cậu không phải người thích ba hoa. Các thầy cô giáo không xếp cậu vào diện xuất sắc, nhưng cậu vẫn là một học sinh ngoan, giỏi toàn diện. Cậu không bao giờ nghe thế nào tin thế đấy, cậu luôn thích tự mình điều tra nghiên cứu tính xác thực của một tuyên bố. Có lần bà Susan bảo nếu cậu mà thè lưỡi ra chạm vào một cái chốt cửa đóng bằng thì thế nào cũng bị tước cả da ra. Jem nhanh nhẩu làm thế ngay, “chỉ để xem liệu có đúng thế không”. Cậu phát hiện ra là “đúng thế” thật, và cái giá phải trả là lưỡi cậu đau ghê gớm suốt mấy ngày liền. Nhưng Jem không bài xích những khổ sở vì lợi ích của khoa học. Nhờ sự quan sát và những thử nghiệm không ngừng nghỉ, Jem đã học được rất nhiều điều và các em trai em gái của cậu đều cho rằng vốn kiến thức rộng lớn của cậu về cái thế giới bé nhỏ của chúng khá là tuyệt vời. Jem luôn biết những quả mọng đầu mùa chín nhất mọc ở đâu, những cây viola tím nhạt đầu tiên rụt rè thức dậy sau giấc ngủ mùa đông ở nơi nào, và có bao nhiêu quả trứng màu xanh dương trong cái tổ chim kết giữa khoảng rừng phong ấy. Cậu biết xem cánh hoa cúc để đoán vận, biết hút mật từ hoa cỏ ba lá đỏ, biết nhổ đủ các thể loại rễ cây có thể ăn được mọc bên bờ hồ, trong khi bà Susan ngày nào cũng lo sợ cả đám bị ngộ độc. Cậu biết tìm ở chỗ nào để lấy được món nhựa vân sam thượng hạng – trong những mẫu màu hổ phách nhạt trên phần vỏ mọc địa y, cậu biết quả hạch mọc sai nhất trong khu rừng dẻ gai quanh Cửa Vịnh, biết cá hồi tụ tập đông nhất ở khúc suối nào. Cậu có thể bắt chước tiếng kêu của bất kỳ loài thú hay loài chim hoang dã nào sống ở Bốn Làn Gió, và cậu cũng biết rõ sào huyết của mọi loài hoa dại nở từ mùa xuân cho tới mùa thu.

Walter Blythe đang ngồi bên dưới Tiểu Thư Trắng, một tập thơ nằm bên cạnh, nhưng cậu không đọc. Lúc này, cậu đang nhìn chăm chăm rằng liễu ven hồ phủ tấm màn sương màu ngọc lục bảo, rồi giờ thì nhìn đến một cụm mây như con cừu nhỏ màu bạc dưới sự chặn dắt của ngọn gió đang thổi trên khắp Thung Lũng Cầu Vòng, đôi mắt mở to sáng ngời đọng đầy niềm

say mê. Mắt Walter rất đẹp. Mọi niềm vui, nỗi buồn, mọi tiếng cười, lòng trung thành và khát vọng tích lũy từ bao nhiêu thế hệ đã nằm dưới một đều trông ra từ đôi mắt màu xám sẫm sâu thăm thẳm.

Nhìn bề ngoài mà xét, Walter quả là một “con cừu lạc lõng trong bầy”. Cậu chẳng hề có nét tương tự với bất kỳ người họ hàng quen biết nào. Với mái tóc đen thẳng và những đường nét như tạc tượng, có lẽ cậu là đứa ưa nhìn nhất trong đám trẻ ở mái nhà Bên Ánh Lửa. Nhưng cậu lại được thừa hưởng trọn vẹn từ mẹ mình trí tưởng tượng sống động và tình yêu cái đẹp nồng nàn. Sương giá mùa đông, sức cuốn hút của mùa xuân, sự mơ màng của mùa hè và vẻ đẹp đắm say của mùa thu, tất cả đều mang ý nghĩa vô cùng lớn lao đối với Walter.

Ở trường, trong khi Jem được xem như con chim đầu đàn thì Walter lại không được đánh giá cao. Cậu được cho là “nữ tính” và ảo tưởng, vì chẳng bao giờ đánh nhau, cũng hiếm khi tham gia các hoạt động thể thao trong trường mà chỉ thích ngồi trong góc khuất đọc sách – nhất là “sách thơ”. Walter thích thơ và ngay từ khi biết đọc đã miệt mài với những trang sách thơ. Âm nhạc của các bài thơ được dệt vào trong tâm hồn đang độ trưởng thành của cậu – âm nhạc của những người bất tử. Walter vẫn ấp ủ niềm tham vọng một ngày nào đó chính cậu cũng sẽ trở thành thi sĩ. Ước mơ này hoàn toàn có thể thành sự thực. Hình mẫu của Walter là một chú Paul – gọi theo phép lịch sự – hiện giờ đang sống ở cái vùng đất bí ẩn gọi là “Hoa Kỳ” ấy. Chú Paul từng có thời là một cậu học trò nhỏ ở Avonlea, còn giờ đây, thơ của chú đã được người ta tìm đọc ở khắp mọi nơi. Nhưng bạn nam sinh trường Glen không biết gì về ước mơ của Walter, mà nếu có biết đi chăng nữa, chắc chúng cũng chẳng mấy ấn tượng. Tuy nhiên, dầu thiếu các kỹ năng thể chất, cậu vẫn nhận được khá sự hâm mộ bất đắc dĩ, nhờ khả năng “nói chuyện sách vở”. Ở trường Glen St. Mary, không ai có thể nói chuyện giống như cậu. Cậu “nói năng như nhà thuyết giáo”, một thằng nhóc nhận xét, và bởi lý do này, cậu thường được để yên một mình, chẳng bị ai

quấy rầy, giống như hầu hết bọn con trai bị ngờ là không thích hoặc sợ chuyện đánh đấm.

Hai đứa sinh đôi mười tuổi ở Bên Ánh Lửa đã phá vỡ truyền thống xưa nay của các cặp sinh đôi vì bề ngoài khác nhau một trời một vực. Anne, luôn được gọi bằng cái tên Nan, cực kỳ xinh đẹp, với đôi mắt nâu dịu dàng và mái tóc nâu mềm như lụa. Cô bé rất dễ thương và hoạt bát – tính cách cũng hết như **cái tên**, một giáo viên của Nan từng nói. Cô bé có nước da gần như hoàn hảo, khiến mẹ cô rất lấy làm vừa lòng.

“Tôi rất lấy làm mừng vì sinh ra được một cô con gái có thể mặc trang phục màu hồng” cô bác sĩ Blythe vẫn thường hân hoan nói thế.

Diana Blythe, thường được gọi là Di, lại giống mẹ như tạc, với mái tóc đỏ và đôi mắt màu xanh xám luôn tỏa một thứ ánh sáng huy hoàng rạng ngời đặc biệt trong buổi hoàng hôn. Có lẽ chính vì lý do này mà Di luôn được bố yêu thương hơn cả. Di và Walter cực kỳ thân thiết với nhau; Di là người duy nhất được Walter đọc cho nghe những vần thơ cậu viết, người duy nhất biết được rằng cậu vẫn âm thầm nỗ lực sáng tác một thiên sử thi, có những nét tương đồng thấy rõ với trường ca *Marmion*, nếu không điểm này thì cũng là ở điểm khác. Cô bé giấu kín các bí mật của cậu với tất cả mọi người, kể cả Nan, đồng thời kể cho cậu nghe tất tật các bí mật của mình.

“Cá sắp chín chưa, anh Jem?” Nan hỏi, cái mũi thanh tú khụt khịt. “Mùi thơm làm em đói ngấu rồi đây này.”

“Xong ngay rồi đây,” Jem nói, khéo léo lật mấy con cá. “Bày bánh mì và đĩa ra đi, các cô gái. Walter, dậy thôi.”

“Tối nay, đất trời mới rạng rỡ làm sao,” Walter mơ màng nói. Nói thế không có nghĩa là cậu chê bôi gì món cá hồi chiên; chỉ có điều đối với Walter, thức ăn cho tâm hồn bao giờ cũng được đặt lên vị trí đầu tiên. “Hôm nay, thiên thần hoa đang dạo bước trên khắp thế gian, gọi hoa bung nở. Em có thể nhìn thấy đôi cánh màu xanh dương của ngài trên ngọn đồi cạnh rừng kia.”

“Tất cả các thiên thần em từng nhìn thấy đều có cánh màu trắng,” Nan nói.

“Thiên thần hoa thì không đâu. Cánh của ngài ấy có màu xanh dương nhạt mờ, y như màn sương trong thung lũng. Ôi, giá như anh biết bay. Bay lượn ắt phải kỳ thú lắm.”

“Thỉnh thoảng người ta vẫn bay trong mơ mà,” Di nói.

“Anh chẳng bao giờ mơ thấy mình đang bay một cách hẫ hoi,” Walter nói. “Nhưng anh vẫn thường mơ thấy anh bỗng nhiên rời khỏi mặt đất rồi trôi nổi trên cao vượt qua các hàng rào và cây cối. Cảm giác thật sướng khoái, và lần nào anh cũng nghĩ, ‘Đây *không phải* một giấc mơ như bao nhiêu lần trước. Đây là hiện thực’... rồi sau đó rốt cuộc anh cũng thức dậy, tan nát cõi lòng.”

“Nhanh lên, Nan” Jem thúc giục.

Nan đã chế tạo một tấm ván bày tiệc – xét theo nghĩa đen thì là một tấm ván còn gọi một cách hoa mỹ thì là cái bàn – được dùng cho rất nhiều bữa tiệc ở Thung Lũng Cầu Vòng, với các món ăn theo mùa vì chỉ dùng thực phẩm tại chỗ. Tấm ván được hô biến thành bàn bằng cách kê lên hai tảng đá to phủ đầy rêu. Máy tờ báo trải ra thay cho khăn trải bàn, còn mấy cái đĩa sứ và ly tách mất quai trưng dụng từ đồng đồ thải của bà Susan thì được bày ra làm đĩa tách đựng đồ ăn thức uống. Nan lấy ra bánh mì và muối đựng trong một cái hộp thiếc giấu ở gốc cây vân sam. Dòng suối trao cho bọn trẻ món nước lã trong vắt. Ngoài ra còn có chút nước xốt chế biến từ không khí trong lành trộn với sự ngon miệng được nuôi dưỡng nhờ tuổi trẻ, khiến cho tất cả mọi thứ đều mang một hương vị tuyệt diệu. Được ngồi trong Thung Lũng Cầu Vòng đang tắm mình dưới ánh trời chạng vạng nửa vàng óng nửa tím ngắt, thơm nức mùi lạnh sam và mùi của đủ loại thực vật đang sinh sôi phát triển trong rừng giữa độ mùa xuân rực rỡ, bao quanh là những đóa dâu rừng bung nở như những vì sao nhạt màu, giữa tiếng gió vi vu và tiếng chuông leng keng vẳng xuống từ những ngọn cây đu đưa, ăn cá hồi

chiên kèm bánh mì nhạt, đó quả là một trải nghiệm đủ sức khiến cho cả những ông hoàng bà chúa hùng mạnh trên đời cũng phải lấy làm ghen tị với bọn trẻ.

“Ngồi vào chỗ đi,” Nan mời mọc trong khi Jem đặt lên mặt bàn cái đĩa thiếc đựng món cá hồi vẫn còn đang kêu xèo xèo. “Lần này đến lượt anh đọc lời cầu nguyện trước bữa ăn rồi đây, Jem.”

“Anh đã hoàn thành nhiệm vụ chiên cá rồi còn gì,” Jem phản đối, cậu rất ghét phải đọc lời cầu nguyện trước bữa ăn. “Để Walter đọc đi. Nó *thích* cầu nguyện lắm. Và nói ngắn ngắn thôi nhé, Walt. Anh chết đói đến nơi rồi đây.”

Nhưng ngay lúc đó thì Walter chẳng đọc lời cầu nguyện nào được, dù ngắn hay dài cũng vậy. Bữa tiệc đã bị cắt ngang.

“Ai đang đi từ trên đồi mục sư xuống vậy nhỉ?” Di hỏi.

4. Bọn trẻ nhà mục sư

Bà dì Martha có lẽ là – và quả thật là một bà quản gia nghèo kiệt xác; mục sư John Knox Meredith có lẽ là – và quả thật là – một người khoan dung bị đấng trí nặng. Nhưng không ai có thể phủ nhận được rằng, bất chấp tình trạng thiếu ngăn nắp, ngôi nhà mục sư ở Glen St. Mary vẫn toát lên một bầu không khí nào đó rất thân thiện và ấm cúng. Thậm chí, đến cả các bà nội trợ khó tính ở Glen cũng cảm nhận được điều đó và bởi thế nên những khi đánh giá về nó, họ vẫn thường vô tình tỏ ra bớt gay gắt hơn hẳn bình thường. Có lẽ nét quyến rũ của nó một phần bắt nguồn từ những chi tiết ngẫu nhiên – đám cây leo um tùm chen chúc phủ kín mấy bức tường lát ván xám, những cây keo và cây hương du thân thiện quây quần quanh nhà với sự tự do thoải mái như những người quen cũ, những ô cửa sổ trước nhà nhìn ra quang cảnh bến cảng và đụn cát tuyệt đẹp. Nhưng hết thảy những thứ này đâu có gì khác so với thời người tiền nhiệm của ông Meredith còn cư ngụ tại nơi đây, mà hồi ấy, ngôi nhà mục sư lại là nơi nghiêm túc nhất, gọn gàng nhất nhưng ấm đạm nhất cả vùng Glen. Để ngôi nhà được như bây giờ, công lao chủ yếu thuộc về tính cách những cư dân mới của nó. Ngôi nhà thấm đẫm một bầu không khí vui tươi và hữu hảo; cửa luôn mở rộng; thế giới ngoài trời và thế giới trong nhà nắm tay nhau. Tình yêu thương là quy tắc duy nhất trong ngôi nhà mục sư Glen St. Mary.

Mọi người trong giáo xứ cho rằng ông Meredith đã chiều hư mấy đứa con. Rất có khả năng ông đã như thế thật. Chắc chắn rằng ông không thể chịu nổi cái suy nghĩ phải rầy la bọn trẻ.

“Chúng đã mất mẹ rồi,” ông thường tự nhủ, kèm theo tiếng thở dài, mỗi khi một lỗi lầm vặt vãnh khác thường nào đó rành rành đập vào mắt ông. Nhưng ông chẳng biết gì – dầu chỉ là một nửa – về hành tung của bọn trẻ. Ông thuộc về môn phái của những kẻ mộng mơ. Các cửa sổ phòng làm việc của ông trông ra khu nghĩa địa nhà thờ, nhưng lúc đi đi lại lại trong phòng, đắm chìm suy tưởng về sự bất tử của linh hồn, ông không mấy may ý thức được Jerry và Carl đang hăm hở chơi trò nhảy cừu qua những phiến đá phẳng trong chốn yên nghỉ của những môn đồ Hội Giám lý quá cố. Thỉnh thoảng, mục sư Meredith cũng tình tường nhận ra rằng bọn trẻ nhà ông không được chăm sóc tử tế cho lắm, xét cả về mặt thể chất lẫn tinh thần, khác hẳn với thời vợ ông còn trên dương thế, và trong tiềm thức, ông luôn mơ hồ cảm thấy dưới bàn tay chăm sóc của bà Martha, ngôi nhà cùng các bữa ăn dường như khác xa một trời một vực so với dưới sự trông nom của Cecilia. Ngoài những lúc đó ra, ông sống trong thế giới của sách vở và lúc nào cũng tỏ ra lơ đãng, và bởi vậy nên, mặc dù quần áo của ông hiếm khi được chải, mặc dù những bà nội trợ vùng Glen, dựa trên sắc xanh xao tái nhợt như ngà trong những đường nét rõ ràng cũng như trong đôi bàn tay mảnh khảnh của ông, đã rút ra kết luận rằng ông chẳng bao giờ đủ ăn đủ uống, ngài mục sư vẫn không phải kẻ bất hạnh gì cho cam.

Nếu trên đời này có một khu nghĩa địa nhà thờ nào đó có thể được gọi là chốn vui vẻ thì ắt hẳn đó chính là khu nghĩa địa cũ của nhà thờ Giám lý ở Glen St. Mary. Khu nghĩa địa mới, nằm ở phía bên kia nhà thờ Giám lý, vừa chẵn chu ngay hàng thẳng lối, vừa thắm đậm bầu không khí sâu thẳm; những khu nghĩa địa cũ thì từ rất lâu đã bị phó thác hoàn toàn cho những mục sư tử tế và khoan dung của Tự nhiên, lâu đến độ nó rồi đã trở nên vô cùng thú vị.

Ba mặt nghĩa địa được vây quanh bởi một bờ tường thấp đắp bằng đá và cỏ, trên đỉnh cắm một hàng rào cọc xám xiêu vẹo. Bên ngoài tường, một hàng linh sam vươn cao, chia tua tủa những cành lá rậm thơm ngát. Bờ tường, vốn được những cư

dân đầu tiên của Glen xây dựng nên, đã quá lâu đời, đủ để trở nên xinh đẹp, rêu phong và cây xanh trở ra từ khắp các khe nứt, hoa viola nhuộm tím chân tường mỗi độ chớm xuân, còn cúc tây và các hoàng anh lại phủ khắp các góc ngách của bức tường một vẻ đẹp lộng lẫy khi thu về. Những cây dương xỉ nhỏ hữu hảo tùm tùm chen giữa các tảng đá, lác đác lại lạc vào một cây dương xỉ điều hâu to.

Mặt phía Đông khu nghĩa địa cũ chẳng có tường thấp cũng không có hàng rào. Phần nghĩa địa này đã biến thành một bãi linh sam non, cây mọc lộn xộn, càng ngày càng có xu hướng lan gần hơn về phía các ngôi mộ và đồng thời mở rộng về phía Đông, đâm sâu hơn vào trong một khu rừng rậm rạp. Không trung luôn tràn ngập những giọng nói của biển khơi ngân rung như tiếng đàn hạc, cùng giai điệu của những cây xám lâu đời, và sáng sáng mùa xuân, dàn đồng ca của bầy chim đậu trên những cây du quanh hai nhà thờ lại cất lên bài ca về sự sống, thay vì hót về cái chết. Bọn trẻ nhà Meredith thích mê khu nghĩa địa nhà thờ cũ.

Dây thường xuân mắt xanh, “vân sam vườn” và bạc hà mọc bừa bãi bên trên những ngôi mộ trũng. Những bụi việt quất tràn lan trên góc nghĩa địa phủ cát bên cạnh rừng linh sam. Ở đây, người ta có thể nhìn thấy những tấm bia mộ đủ mọi phong cách, của suốt ba thế hệ cư dân Glen, từ những phiến sa thạch đỏ phẳng hình chữ nhật của những cư dân thuở xa xưa, cho đến những tấm bia mộ thời còn thịnh hành các hình khắc liêu rủ và hai bàn tay siết lấy nhau, rồi đến những bia mộ mới nhất, tạc theo đủ các hình kỳ quái với nào là bình tro cốt phủ khăn, nào là các “bia tưởng niệm” cao. Trong số những bia mộ vừa được nhắc tới này, cái to nhất và xấu xí nhất khu nghĩa địa nhà thờ được dành để tưởng nhớ về một ông Alec Davis nào đó, vốn là tín đồ Hội Giám lý nhưng về sau lại rước về một người vợ dòng họ Douglas thuộc Giáo hội Trưởng lão. Bà này đã thuyết phục ông ta chuyển sang theo Giáo hội Trưởng lão và giữ cho ông ta cả đời trung thành với tín ngưỡng của Giáo hội Trưởng lão. Tuy nhiên, khi ông ta qua đời, bà vợ không dám đẩy ông ta vào một ngôi

mộ cô đơn giữa nghĩa trang của nhà thờ Giáo hội Trưởng lão bên kia cảng. Tất cả dòng họ nhà ông đều được chôn trong nghĩa trang Hội Giám lý, vậy nên, đến lúc chết, Alec Davis lại quay trở về với tôn giáo xưa còn bà vợ góa của ông ta an ủi bản thân bằng cách cho dựng một tấm bia kỷ niệm xa xỉ đến mức không một tín đồ Hội Giám lý nào đủ sức chi trả. Bọn trẻ nhà Meredith ghét cay ghét đắng tấm bia này, dầu chẳng hiểu được tại sao, nhưng chúng lại rất thích những tấm bia cũ bằng phẳng chẳng khác gì cái ghế băng, gần như lọt thỏm giữa đám cỏ cao mọc um tùm. Một phần lý do là vì những tấm bia này cung cấp những chỗ ngồi rất thích ý. Giờ cả bọn đang ngồi trên một tấm bia như thế. Jerry, đã phát một vì trò nháy cừu, giờ đang thổi đàn môi. Carl mê mải nghiên cứu một con bọ cánh cứng kỳ lạ vừa bị nó phát hiện ra, Una thì hì hụi làm một cái váy búp bê trong khi Faith – chống hai cổ tay mảnh dẻ rám nắng xuống mặt đá để làm điểm tựa ngả người về phía sau – vui vẻ đung đưa hai bàn chân trần theo tiếng đàn môi.

Jerry được thừa hưởng mái tóc đen cùng đôi mắt to đen của người cha, nhưng mắt cậu sáng long lanh chứ không mơ màng như cha. Faith, được sinh kế sau cậu, đẹp như một bông hồng, tự nhiên và rạng ngời. Con bé mang đôi mắt màu nâu vàng, mái tóc xoăn màu nâu vàng và đôi má đỏ hây hây. Con bé rất thích cười sảng khoái, quá thường xuyên đến mức giáo đoàn của cha nó không khỏi phật lòng, và đã gây sốc không ít cho cụ bà Taylor, người vợ sầu muộn của vài ông chồng quá cố, bằng lời tuyên bố thô lỗ – hơn nữa lại còn ngay giữa sân trước nhà thờ – rằng, “Thế giới *không phải* một cái máng dẫn nước mắt, thưa bà Taylor. Nó là thế giới của tiếng cười.”

Cô bé Una mơ mộng không hay cười. Mái tóc thẳng đen nhánh thắt bím gọn gàng không để xủ một sợi tóc lộn xộn nào, còn đôi mắt xanh sẫm hình quả hạnh của cô bé đượm nét dăm chiêu sầu muộn. Cô quen mở hé môi, để lộ hàm răng trắng nhỏ xíu và thỉnh thoảng, một nụ cười trầm ngâm bẽn lén lại len lén nở trên khuôn mặt nhỏ nhắn. Khác với Faith, cô rất dễ bị tác động bởi ý kiến của người khác và luôn bứt rứt cảm thấy lỗi

sống của gia đình mình có gì đó lệch lạc. Cô khao khát muốn sửa lại cho đúng, nhưng không biết phải làm như thế nào. Thỉnh thoảng, cô lại lau chùi đồ đạc trong nhà, nhưng họa hoằn lắm cô mới tìm thấy khăn lau bụi vì nó lúc nào cũng nay được để ở chỗ này, mai lại bị chuyển sang chỗ khác. Vào các thứ Bảy, nếu tìm thấy bàn chải quần áo, cô bé sẽ cố gắng chải sạch bộ cánh bảnh nhất của cha mình và có lần còn lấy chỉ thô màu trắng khâu thế vào chỗ một cái cúc áo bị mất. Hôm sau, khi mục sư Meredith đến nhà thờ, cánh phụ nữ đều nhìn thấy cái cúc áo đó và sự yên bình của Hội Nữ Giáo dân Cứu trợ đã bị xáo trộn suốt mấy tuần liền.

Carl có đôi mắt trong veo sáng long lanh màu xanh sẫm, dạn dĩ và thẳng thắn, y như người mẹ quá cố, cũng thừa hưởng cả mái tóc nâu ánh vàng của bà. Thằng bé biết rõ những bí ẩn của các loài sâu bọ và có sự đồng cảm kiểu gì đó với đám ong và bọ cánh cứng. Una không đời nào thích ngồi cạnh đứa em trai vì chẳng bao giờ biết được liệu thằng bé có giấu bên người một sinh vật kỳ quái nào đó không. Jerry không chịu ngủ cùng thằng bé vì Carl từng có lần mang theo cả một con rắn sọc non lên giường, vậy nên Carl ngủ trên chiếc giường cũ cũ, quá ngắn đến độ thằng bé chẳng bao giờ đuổi thẳng người ra được, với những bạn cùng giường kỳ lạ. Có lẽ khi dọn giường cho thằng nhóc, bà Martha mất ngủ dở thế lại thành may. Bốn đứa trẻ hội thành một đám nhóc vui nhộn, đáng yêu và chắc hẳn Cecilia Meredith đã phải nhức nhối tâm can khi ý thức được cô sắp phải rời xa chúng.

“Nếu là tín đồ Hội Giám lý thì mọi người thích được chôn ở đâu?” Faith vui vẻ hỏi.

Câu hỏi này đã mở ra một cuộc suy xét thú vị.

“Chẳng có nhiều lựa chọn đâu. Chỗ đã kín hết cả rồi,” Jerry nói. “*Anh* thì thích cái góc cạnh đường cái kia. Anh có thể nghe thấy tiếng xe ngựa chạy qua và tiếng người nói chuyện.”

“Em thích cái hồ trứng nhỏ bên dưới cây dương liễu kia,” Una nói. “Bọn chim làm tổ trên cây dương liễu ấy nhiều lắm và cứ sáng sáng chúng lại đua nhau hót vang hết cả lên.”

“Em thích khu đất nhà Porter chỗ chôn rất nhiều trẻ em ấy. Em thích có nhiều người bầu bạn,” Faith nói. “Em thì ở đâu, Carl?”

“Em chẳng thích bị chôn gì hết,” Carl nói, “nhưng nếu không thể tránh khỏi chuyện đó thì em thích chỗ tổ kiến. Bọn kiến hay ho *kinh khủng khiếp*.”

“Những người được chôn ở đây chắc hẳn khi còn sống đều là người rất tốt,” Una lên tiếng, cô đã đọc rất nhiều bia mộ cũ đầy những lời tán dương ở đây. “Có vẻ như cả nghĩa trang này chẳng có một người xấu nào. Chắc là tốt cuộc người Hội Giám lý tử tế hơn người Giáo hội Trưởng lão thật.”

“Có khi Hội Giám lý chôn những người xấu như chôn mèo thì sao,” Carl phỏng đoán. “Có khi họ còn chẳng thèm đưa những người đó tới nghĩa địa ấy chứ.”

“Vớ vẩn,” Faith nói. “Những người được chôn ở đây cũng chẳng tốt đẹp gì hơn so với những người khác đâu, Una. Nhưng khi ai đó chết thì ta chỉ được nói những điều tốt đẹp về họ thôi, nếu không họ sẽ quay lại ám ta đấy. Bà Martha đã bảo chị thế. Chị đã hỏi cha xem có thật như thế hay không nhưng cha chỉ thất thần nhìn chị rồi lầm bầm, “Thật hay không ư? Thật hay không ư? Sự thật là gì? Sự thật là gì, hỡi Pilate thích đùa? Nếu cha nói thế thì chị nghĩ chắc hẳn chuyện đó là thật rồi.”

“Không biết nếu anh ném hòn đá vào cái bình di cốt trên nóc bia mộ của ông Alec Davis thì ông ấy có quay về ám anh không nữa,” Jerry nói.

“Bà Davis sẽ ám đấy,” Faith cười khúc khích. “Bà ấy nhìn anh em mình ở nhà thờ cứ như mèo rình chuột ấy. Chủ nhật vừa rồi, em đã làm mặt hề với cháu bà ấy rồi cậu ta cũng làm mặt hề với em, giá mà mọi người nhìn thấy ánh mắt trợn trừng của bà ấy lúc đấy. Em dám cá là khi họ ra khỏi nhà thờ bà ấy đã bạt tai cậu

ta. Bà Marshall Elliott đã dặn em là dù có thế nào cũng không được chọc tức bà Davis, chứ nếu không thì em cũng đã làm mặt hề với bà ấy rồi!”

“Nghe nói Jem Blythe từng có lần lè lưỡi ra trêu bà ấy và kể từ đó bà ấy không bao giờ nhờ cha cậu ấy khám chữa gì nữa, kể cả khi chồng bà ấy đang hấp hối,” Jerry nói. “Anh rất tò mò không biết cánh nhà Blythe trông như thế nào.”

“Em thích ngoại hình của họ.” Faith nói. Buổi chiều bọn trẻ nhà Blythe xuống tàu, mấy đứa con ông mục sư cũng có mặt ở ga. “Em đặc biệt thích vẻ ngoài của Jem.”

“Ở trường, mọi người bảo thằng Walter đó ẻo lả lắm,” Jerry nói.

“Em không tin đâu,” Una – vốn luôn cho rằng Walter rất điển trai – nói.

“Chậc, dù sao thì nó cũng làm thơ đấy. Bertie Shakespeare Drew kể là hồi năm ngoái, nó được thầy giáo thưởng vì đã viết một bài thơ. Mẹ thằng Bertie nghĩ là vì Bertie có tên như thế nên đáng nhẽ ra chính nó phải được nhận thưởng mới đúng, nhưng Bertie bảo tên gì thì tên, nó vẫn không biết làm thơ để cứu vớt linh hồn mình.”

“Em nghĩ ngay khi họ bắt đầu đi học chúng mình sẽ quen với họ thôi,” Faith đảm chiêu. “Hy vọng bọn con gái nhà đó đều tốt tính. Quanh đây chẳng có mấy đứa con gái em có cảm tình. Ngay cả những đứa tốt tính cũng chán ngắt. Nhưng hai đứa sinh đôi nhà Blythe có vẻ vui nhộn. Em cứ tưởng hễ sinh đôi là sẽ giống nhau y đúc, nhưng hai người kia không như thế. Em thấy đứa tóc đỏ là dễ ưa nhất.”

“Em thích ngoại hình của mẹ các anh chị ấy,” Una nói kèm theo tiếng thở dài khe khẽ. Una ghen tị với tất cả những đứa trẻ có mẹ. Hồi mẹ mất, cô bé mới sáu tuổi, nhưng cô bé vẫn còn lưu giữ một số kỷ ức vô cùng quý giá – được cô bé lưu giữ trong lòng như những viên đá quý – về những buổi chiều tà ôm ấp yêu thương cùng những buổi sớm nọ đùa vui vẻ, về đôi mắt trìu

mến, giọng nói dịu dàng và tiếng cười ngọt ngào nhất, tươi vui nhất trần đời.

“Nghe nói cô ấy không giống những người khác.” Jerry nói.

“Bà Elliott bảo đó là vì cô ấy chưa bao giờ trở thành người lớn thực sự,” Faith nói.

“Cô ấy còn cao hơn bà Elliott đấy.”

“Vâng, đúng vậy, nhưng đây là nói về tâm hồn cơ... bà Elliott bảo cô Blythe vẫn mang tâm hồn của một cô bé.”

“Mùi gì ấy nhỉ?” Carl cắt ngang câu chuyện, khịt khịt mũi.

Giờ tất cả mấy đứa trẻ đều ngủi thây. Từ phía thung lũng nhỏ giữa rừng phía dưới ngọn đồi nhà mục sư, một mùi thơm nức mũi bay tới, trôi nổi trong bầu không khí tĩnh mịch buổi chiều tà.

“Mùi này làm anh đói quá,” Jerry nói.

“Chúng ta mới chỉ ăn bánh mì chấm mật mía cho bữa phụ và món y như cũ nguội ngất nguội ngơ cho bữa chính thôi” Una nói giọng ai oán.

Bà Martha có thói quen luộc một tảng thịt cừu bọc giấy vào đầu tuần rồi ngày ngày bày món đó lên bàn ăn, lạnh tanh và ngấy mỡ, cho đến khi nó hết sạch sành sanh. Trong một phút giây dâng trào cảm hứng, Faith đã đặt cho món này cái tên “món y như cũ” và nó đã trở thành cái tên chính thức luôn được dùng trong ngôi nhà mục sư.

“Đi xem mùi đó từ đâu mà ra đi,” Jerry rủ.

Cả bọn đứng bật dậy, tung tăng như bầy cún con băng qua bãi cỏ, leo lên hàng rào, lao phăm phăm xuống con dốc rêu phong, đi theo sự mời gọi của mùi hương quyến rũ đang càng lúc càng trở nên đậm đặc hơn. Vài phút sau, thở không ra hơi, bọn trẻ tìm đến được chốn linh thiêng giữa Thung Lũng Cầu Vồng, đúng lúc anh em nhà Blythe đang chuẩn bị dâng lời tạ ơn rồi đánh chén.

Bọn trẻ nhà mục sư ngượng ngùng dừng lại. Una chỉ ước gì chúng đã không cư xử nông nổi như thế; nhưng Di Blythe, như trong bất kỳ dịp nào khác, lần này cũng tỏ ra sốt sắng chẳng thua kém gì. Cô bé bước về phía trước, nụ cười thân thiện nở rộ trên môi.

“Có lẽ tớ biết các cậu là ai đấy,” cô bé nói. “Các cậu sống ở nhà mục sư, đúng không?”

Faith gật đầu, đôi lúm đồng tiền hiện rõ trên hai má.

“Chúng tớ ngửi thấy mùi nấu nướng và bắn khoăn không biết đó là mùi gì.”

“Các cậu phải ngồi xuống ăn hộ bọn tớ mới được,” Di nói.

“Có khi các cậu cũng chỉ vừa đủ ăn thôi,” Jerry nói, hau háu nhìn cái đĩa thiếc.

“Chúng tớ có cả đồng đây này... mỗi người ba con nhé,” Jem nói. “Ngồi xuống đi.”

Không cần khách sáo gì thêm. Cả đám ngồi xuống mấy tảng đá rêu phong. Bữa tiệc kéo dài trong bầu không khí tươi vui. Hản Nan và Di sẽ sợ chết khiếp nếu phát hiện ra cái thông tin mà Faith và Una vốn biết rõ mười mười – rằng Carl đang giấu hai con chuột nhắt trong túi áo khoác. Nhưng chúng không biết, vậy nên chuyện đó chẳng gây tổn hại gì cho hai đứa trẻ hết. Để con người ta làm thân với nhau, thì có chỗ nào phù hợp hơn là trên bàn ăn chứ? Khi con cá hồi cuối cùng biến mất, đám trẻ nhà mục sư và đám trẻ nhà Bên Ánh Lửa đã trở thành đồng minh và bạn bè chí cốt. Chúng vẫn luôn hiểu rõ nhau từ xưa và về sau này cũng mãi luôn hiểu nhau như thế. Con cháu của Joseph luôn nhận ra nhau.

Bọn trẻ dốc bầu tâm sự về những sự kiện chúng đã trải qua trong cái quá khứ vốn chưa được dày dặn gì cho cam. Mấy đứa con nhà mục sư nghe kể về Avonlea và Chái Nhà Xanh, về những truyền thống ở Thung Lũng Cầu Vòng, về ngôi nhà nhỏ bên bờ cảng nơi Jem chào đời. Đám trẻ nhà Bên Ánh Lửa nghe kể

về Maywater, nơi gia đình Meredith sinh sống trước khi chuyển đến Glen, về con búp bê một mắt yêu quý của Una và con gà trống cưng của Faith.

Faith thường hay bực tức chuyên mọi người cười nhạo nó vì nuôi một con gà trống làm vật cưng. Con bé mền bẹn trẻ nhà Blythe vì chúng đón nhận thông tin ấy chẳng chút lẩn tránh.

“Tớ nghĩ, một con gà trống bảnh như Adam mà làm vật cưng thì cũng xứng chẳng kém gì chó hay mèo,” con bé nói. “Nếu chú ta mà là chim hoàng yến thì chắc đã chẳng ai thắc mắc. Và tớ đã chăm bẵm chú từ hồi chú còn là một con gà con màu vàng bé xíu. Bà Johnson ở Maywater cho tớ đấy. Một con chồn đã giết sạch các anh chị em của chú ta. Tớ lấy tên chồng của bà ấy để đặt cho chú. Tớ chẳng thích búp bê hay mèo gì cả. Mèo thì cứ lén lén lút lút còn búp bê thì là đồ *chết*.”

“Ai sống ở căn nhà tí trên kia vậy?” Jerry hỏi.

“Hai cô con gái nhà West – Rosemary và Ellen,” Nan trả lời, “Hè này Di và tớ sẽ học nhạc với cô Rosemary.”

Una nhìn cặp chị em sinh đôi may mắn bằng ánh mắt tha thiết quá đỗi dịu dàng nên chẳng ai có thể bảo là cô bé đang ganh tị. Ôi, giá như cô bé được học nhạc! Đây chính là một ước mơ trong cuộc đời bé nhỏ âm thầm của cô bé. Nhưng thậm chí chẳng ai từng nghĩ tới một việc như thế.

“Cô Rosemary dễ thương kinh khủng và cô ấy lúc nào cũng ăn mặc đẹp cực,” Di nói. “Tóc cô ấy có màu kẹo mật cứng mới làm,” cô bé nói thêm giọng thèm thuồng – vì, cũng giống y như mẹ mình trước đây, Di không cam lòng chấp nhận mái tóc màu hoe đỏ của mình.

“Tớ cũng quý cả bác Ellen nữa,” Nan nói. “Lần nào đến nhà thờ bác ấy cũng cho tớ kẹo. Nhưng Di lại sợ bác ấy.”

“Lông mày bác ấy đen quá và giọng bác ấy lại còn trầm ời là trầm nữa,” Di nói. “Ôi, Kenneth Ford hồi còn nhỏ mới gọi là sợ bác ấy chứ! Mẹ tớ kể là vào Chủ nhật đầu tiên cô Ford đưa anh ấy

tới nhà thờ, tình cờ làm sao bác Ellen cũng đang có mặt ở đó, ngồi ngay đằng sau hai mẹ con họ. Và vừa nhìn thấy bác ấy là Kenneth cứ thế gào toáng lên không ngừng, cho tới tận lúc cô Ford phải đưa anh ấy ra ngoài.”

“Cô Ford là ai vậy?” Una thắc mắc.

“Ồ, nhà Ford không sống ở đây đâu. Họ chỉ đến đây vào mùa hè thôi. Mà hè này họ lại không đến. Họ sống trong ngôi nhà nhỏ ở tít phía cuối bờ cảng, chỗ hồi xưa bố mẹ tớ từng ở. Giá như các cậu được thấy Persis Ford. Cậu ấy trông cứ như tranh ấy.”

“Tớ nghe kể về cái cô Ford ấy rồi,” Faith xen vào. “Bertie Shakespeare Drew kể cho tớ. Cô ấy lấy một ông chồng bị chết mười bốn năm rồi tự dưng ông ta sống lại.”

“Vớ vẩn,” Nan nói. “Chuyện có phải như thế đâu. Bertie Shakespeare chẳng bao giờ biết được cái gì cho ra hồn. Tớ biết rõ rành toàn bộ câu chuyện và sau này có dịp sẽ kể lại cho các cậu nghe, nhưng giờ thì chưa được, vì chuyện dài lắm mà bọn tớ phải về nhà bây giờ rồi. Mẹ không thích bọn tớ về nhà muộn vào những buổi chiều tối không khí ẩm thấp như này.”

Chẳng ai quan tâm xem bọn trẻ nhà mục sư có lang thang bên ngoài lúc không khí ẩm thấp hay không. Bà Martha đã lên giường từ đời nào còn ông mục sư thì quá mải mê chìm đắm trong những dòng suy nghĩ liên quan đến sự bất tử của linh hồn nên chẳng cách gì nhớ đến cái hữu tử của thể xác. Nhưng bọn trẻ cũng vẫn về nhà, tâm trí tràn ngập hình ảnh quãng thời gian vui vẻ ban nãy.

“Em nghĩ Thung Lũng Cầu Vòng thậm chí còn hay hơn cả nghĩa địa nữa ấy chứ.” Una nói. “Và em rất quý các anh chị em nhà Blythe đáng mến ấy. Thật tuyệt vời biết bao khi ta có thể yêu quý mọi người, vì thông thường, ta *chẳng thể* yêu quý người khác được. Trong bài giảng kinh Chủ nhật vừa rồi, cha đã bảo rằng chúng ta nên yêu quý tất cả mọi người. Nhưng làm sao ta có thể chứ? Làm sao ta có thể yêu quý bà Alec Davis được?”

“Ôi, cha chỉ nói thế trên bục giảng kinh thôi,” Faith ung dung nói. “Cha đủ lý trí để không thật lòng nghĩ thế ngoài đời.”

Bọn trẻ nhà Blythe leo lên nhà Bên Ánh Lửa, riêng Jem thì len lén trốn đi một lát để thực hiện chuyến thám hiểm đơn độc đến một góc hẻo lánh của Thung Lũng Cầu Vòng. Hoa táo gai mọc ở góc đó và trong mùa hoa nở, Jem không bao giờ quên mang về tặng mẹ một bó.

5. Mary Vanee xuất hiện

“Hôm nay đúng là một trong những ngày mang lại cho ta cảm giác dường như sắp có chuyện gì đó,” Faith nói, đáp lại sự mời gọi của bầu không khí trong veo và những ngọn đồi xanh lơ. Con bé hớn hở vòng hai cánh tay phía trước, ôm siết lấy người rồi nhảy điệu vũ thủy thủ trên tấm bia mộ hình ghế băng của ông già Hezekiah Pollock, gây nên một trận kinh hãi ra trò cho hai bà cô già tình cờ chạy xe qua đúng lúc Faith đang vừa nhảy lò cò quanh phiến đá vừa vung vẩy hai cánh tay và cái chân còn lại.

“Kia là con gái ông mục sư của chúng ta đấy,” một bà cô rên lên.

“Bà còn có thể trông chờ gì khác vào gia đình của một ông góa chứ?” bà cô còn lại cảm thán. Rồi cả hai người họ cùng lắc đầu.

Lúc đó đương là sớm tinh mơ ngày Chủ nhật và bọn trẻ nhà Meredith đang ở ngoài trời, giữa không gian thấm đẫm sương đêm, lòng rộn ràng nghĩ đến ngày nghỉ. Từ trước đến nay, chúng chẳng biết làm gì vào ngày nghỉ. Đến cả Nan và Di Blythe cũng phải làm việc nhà vào sáng thứ Bảy, nhưng hai cô con gái nhà mục sư thì lại được tùy ý đi chơi rong từ tảng sáng cho tới xế chiều sương xuống, miễn là chúng thích thế. Faith quả có thích thật, nhưng Una thì lại luôn lẩn cấn trong lòng một nỗi xấu hổ âm thầm, khổ sở vì chúng chưa bao giờ được học cách làm bất cứ việc gì. Cánh con gái trong lớp cô bé đã biết nấu nướng, khâu vá, đan lát; chỉ có cô là một con nhóc mít đặc.

Jerry đề nghị cả bọn tổ chức đi thám hiểm; vậy là chúng thơ thẩn đi xuyên qua khoảnh rừng linh sam, trên đường kết nạp

thêm Carl, đương quỳ trên bãi cỏ ướt nghiên cứu những con kiến yêu quý. Đi hết khoảnh rừng thưa, chúng tiến vào cánh đồng chăn gia súc của ông Taylor – lăm tấm những cây bồ công anh trắng xóa như những con ma; một nhà kho lâu năm xập xệ nằm ở góc xa tít, thỉnh thoảng được ông Taylor trưng dụng để trữ cỏ thừa, nhưng ngoài thế ra thì nó chưa từng được sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác. Bọn trẻ nhà Meredith lũ lượt kéo nhau tiến về hướng đó rồi đi vòng quanh tầng dưới nhà kho vài phút.

“Cái gì vậy,” Una bắt thần thì thầm.

Cả bọn lắng tai nghe. Một tiếng lạo xạo khe khẽ nhưng rất rõ vang lên từ vựa cỏ khô phía trên. Bọn trẻ nhà Meredith giương mắt nhìn nhau.

“Có cái gì ở trên kia” Faith thì thào. “Để anh lên xem nó là cái gì,” Jerry nói giọng kiên quyết.

“Ôi, đừng,” Una khản khoản, túm lấy tay anh. “Anh sẽ đi xem.”

“Vậy thì tất cả bọn em cũng sẽ đi,” Faith nói.

Cả bốn đứa trẻ bèn leo lên cái thang ọp ẹp, Jerry và Faith tương đối gan dạ, Una thì sợ tái mặt, còn Carl thì không mấy tập trung, vì còn mải bận tâm tính đến khả năng tìm thấy một con dơi trên gác xép. Thằng bé tha thiết muốn được nhìn thấy một con dơi giữa ban ngày ban mặt.

Sau khi rời khỏi cái thang, mấy đứa trẻ đã nhìn thấy nguồn cơn gây ra tiếng lạo xạo và cảnh tượng trước mắt làm cả bọn sửng sốt đến điếng người mất một lúc.

Một đứa con gái đang nằm cuộn mình trong cái ổ nhỏ giữa đồng cỏ khô, trông như thể vừa bị đánh thức khỏi giấc ngủ. Nhìn thấy bọn trẻ, con bé bèn đứng dậy, dường như hơi run rẩy, và trong ánh mặt trời rạng rỡ đổ vào căn gác qua khung cửa sổ đóng mành nhện phía sau lưng con bé, bọn trẻ nhận thấy khuôn mặt gầy gò rạm nắng của nó tái nhợt không chút huyết sắc. Con

bé có hai bím tóc dày thẳng màu vàng nhạt và đôi mắt rất dị thường – “mắt trắng”, bốn đứa trẻ nhà mục sư thăm nghĩ, lúc đứa con gái nhìn chúng chăm chăm, nửa ngang ngạnh, nửa tội nghiệp. Thật ra, đôi mắt ấy mang màu xanh lơ quá nhạt đến độ có vẻ gần như màu trắng, nhất là khi tương phản với cái vòng tròn hẹp màu đen bao quanh mống mắt. Con bé đi chân trần, để đầu trần và mặc bộ váy len kẻ ô cũ rách, bạc màu, sờn rách vừa chật vừa cộc. Về tuổi tác, nhìn từ khuôn mặt nhỏ héo hon mà đoán thì cơ hồ không thể nói đích xác được con bé khoảng bao nhiêu tuổi, nhưng nếu dựa vào chiều cao thì có thể áng chừng nó tầm mười hai.

“Cậu là ai?” Jerry hỏi.

Đứa con gái nhìn xung quanh như thể muốn tìm đường chạy trốn. Rồi dường như đành chịu thua, nó khẽ run lên vẻ tuyệt vọng.

“Tôi là Mary Vance,” nó nói. “Cậu từ đâu đến?” Jerry truy hỏi.

Thay vì trả lời, Mary đột nhiên ngồi, hoặc có lẽ là ngã sụp xuống đồng cỏ khô rồi òa khóc. Ngay lập tức, Faith lao tới ngồi xuống cạnh con bé, quàng tay ôm lấy hai bờ vai gầy guộc đang rung lên bần bật.

“Anh đừng quấy rầy chị ấy nữa,” con bé ra lệnh cho Jerry. Rồi con bé ôm đứa trẻ bơ vơ ấy vào lòng. “Đừng khóc, bạn yêu quý. Nói cho bọn em nghe xem có chuyện gì nào. *Chúng mình* là bạn mà.”

“Tôi... đói... đói... quá,” Mary nức nở. “Tôi... tôi chẳng có gì để ăn kể từ sáng thứ Năm đến giờ, chỉ có mỗi tí nước lấy từ con suối ngoài kia.”

Bọn trẻ nhà mục sư thất kinh nhìn nhau. Faith đứng bật dậy.

“Chị đừng nói thêm bất cứ lời nào nữa, đi về nhà bọn em kiếm gì đó bỏ bụng ngay.”

Mary co rúm người lại.

“Ôi... không được đâu. Bố mẹ mọi người sẽ nói gì chứ? Thêm nữa, họ sẽ đuổi tôi đi cho xem.”

“Bọn em không có mẹ, mà cha thì chẳng để ý gì đến chị đâu. Bà Martha cũng chẳng quan tâm nốt. Em đã bảo là cứ đi đi mà.” Faith sốt ruột giậm chân. Chẳng lẽ cái đứa con gái kỳ quái này cứ nhất định đòi chết đói gần như ngay trên ngưỡng cửa nhà chúng hay sao?

Mary đầu hàng. Con bé quá yếu đến độ gần như không trèo xuống thang nổi, nhưng bằng cách nào đó, chúng cũng xoay xở đưa được nó xuống dưới, đi qua hết cánh đồng rồi vào trong căn bếp ở nhà mục sư. Bà Martha, đang loay hoay nấu nướng cho bữa ăn ngày thứ Bảy, chẳng để ý gì đến con bé. Faith và Una phi tới chạn, khua khoắng sạch bách bất cứ thứ gì có vẻ ăn được – một ít “món y như cũ”, bánh mì, bơ, sữa và một cái bánh nướng có vẻ rất đáng ngờ. Mary Vance hau háu ngấu nghiến chỗ thức ăn, không ý kiến ý cò gì hết, trong lúc bọn trẻ nhà mục sư đứng xung quanh, quan sát con bé. Jerry để ý thấy con bé có khuôn miệng xinh xắn và hàm răng trắng đẹp đều tăm tắp. Faith, trong nỗi kinh hãi âm thầm, rút ra kết luận rằng Mary chẳng có lấy một manh vải trên người ngoài cái váy bạc phếch rách bướm ấy. Una tràn ngập niềm thương cảm thuần túy, còn Carl đầy ngạc nhiên thích thú, và cả bốn đều không khỏi tò mò.

“Giờ thì ra khu nghĩa địa và kể cho bọn em nghe về chị đi,” Faith đề nghị, khi xem chừng Mary đã không còn bị cơn đói hành hạ nữa. Giờ thì Mary đã sẵn sàng. Thức ăn đã khôi phục bản tính hoạt bát của con bé và giúp cho lưỡi nó không còn cứng đơ đơ nữa.

“Nếu tôi kể cho mọi người nghe thì mọi người sẽ không kể lại cho bố mọi người hoặc bất kỳ ai khác chứ?” con bé ra điều kiện, khi đã được ngự lên trên tấm bia mộ của ông Pollock. Ở phía đối diện, bọn trẻ nhà mục sư xếp thành hàng trên một chiến bia mộ khác. Sự thú vị, bí ẩn và phiêu lưu đây rồi. Đã có chuyện gì đó rồi.

“Không, bọn em sẽ không kể đâu.”

“Thế chứ?”

“Thế.”

“Chậc, tôi đã bỏ nhà ra đi. Trước tôi sống cùng với bà Wiley ở bên kia cảng. Mọi người biết bà Wiley không?”

“Không.”

“Chậc, mọi người sẽ không muốn quen biết gì bà ta đâu. Bà ta kinh khủng lắm. Ôi chao ơi, tôi mới ghét bà ta chứ! Bà ta bắt tôi làm việc quần quật mà chẳng cho tôi ăn lưng dạ nữa, và gần như ngày nào bà ta cũng đánh đập tôi. Nhìn đây này.”

Mary xắn hai ống tay áo rách rưới rồi giơ ra hai cánh tay khẳng khiu cùng đôi bàn tay gầy trơ xương, nứt nẻ vì lạnh. Tay con bé chỉ chút vết thâm tím. Bọn trẻ nhà mục sư rùng mình. Faith đỏ nhừ cả mặt vì tức giận. Đôi mắt xanh của Una đắm lệ.

“Tối thứ Tư vừa rồi, bà ta lấy gậy quật tôi một trận nhừ tử,” Mary nói, giọng dửng dưng. “Căn nguyên là vì tôi để con bò đá đổ xô sữa. Làm sao tôi biết con bò già chết giẫm ấy định đá cơ chứ?”

Một cơn rùng mình không mang chút cảm giác khó chịu nào lan khắp châu thân các thánh giả của đứa con gái. Bọn trẻ sẽ chẳng bao giờ mơ đến việc thốt ra những từ ngữ đáng ngờ như thế, nhưng kể cũng thích thú khi nghe người khác sử dụng chúng – mà lại còn là một đứa con gái nữa chứ. Chắc chắn cô nàng Mary Vance này là một người hay ho.

“Chả trách chị phải bỏ nhà ra đi.” Faith nói.

“Ồ, tôi không bỏ nhà ra đi vì bị bà ta đánh đập. Với tôi thì đánh đập cũng chỉ như một công việc hằng ngày thôi. Tôi đã quá quen với chuyện chết giẫm đó rồi. Không, tôi nảy sinh ý định bỏ trốn từ một tuần trước, vì tôi phát hiện ra bà Wiley sắp đem trang trại cho người khác thuê rồi chuyển tới Lowbridge sinh sống, và bà ta sẽ đem tôi cho một người họ hàng ở tít

Charlottetown. Tôi không muốn chịu đựng *chuyện đó*. Người họ hàng kia thậm chí còn thuộc dạng tệ hại hơn cả bà Wiley nữa. Hồi mùa hè vừa rồi, bà Wiley cho bà kia thuê tôi một tháng và tôi thà sống với quỷ sứ còn hơn.”

Bầu không khí cảm thương lại bao trùm. Nhưng Una có vẻ hoài nghi.

“Vậy nên tôi hạ quyết tâm sẽ đập tan kế hoạch này. Tôi đã tiết kiệm bảy mươi xu được bà John Crawford cho hồi mùa xuân để trả công vì đã trồng khoai tây cho bà ấy. Bà Wiley không biết về món này. Lúc tôi trồng khoai tây thì bà ta đang đi xa thăm họ hàng. Tôi định sẽ trốn đến Glen này rồi mua vé tới Charlottetown và thử tìm việc ở đó. Tôi siêng năng lắm đấy, nói cho mọi người biết thế. Không có một tí ti lười biếng nào trong người tôi đâu. Vậy nên sáng thứ Năm vừa rồi, tôi rời khỏi nhà trước khi bà Wiley dậy và đi bộ tới Glen – sáu dặm đường lận đận. Rồi khi đến ga tàu hỏa, tôi phát hiện ra mình đã đánh mất hết tiền rồi. Chịu chẳng biết bằng cách nào... chịu chẳng biết ở đâu. Dù sao đi nữa, tiền cũng mất rồi. Tôi không biết phải làm gì. Nếu quay lại nhà bà già Wiley thì thế nào bà ta cũng lột da tôi mất. Vậy nên tôi bèn đi tiếp và trốn trong cái nhà kho cũ ấy.”

“Vậy bây giờ cậu định làm gì?” Jerry hỏi.

“Chịu. Chắc tôi sẽ phải quay trở về và ngâm đắng nuốt cay thôi. Giờ đã có chút gì đó bỏ bụng rồi thì có lẽ tôi có thể chịu đựng được.”

Nhưng nỗi sợ hãi vẫn thấp thoáng trong đôi mắt đang cố toát lên vẻ can đảm của Mary. Đột nhiên, Una nhảy từ tấm bia mộ bên này sang tấm bia mộ bên kia và quàng tay ôm lấy Mary.

“Đừng quay lại. Chị cứ ở đây với chúng em.”

“Ôi, bà Wiley sẽ truy lùng tôi đến cùng,” Mary nói. “Chắc bà ta đang tìm tôi rồi đấy. Nếu mọi người không phiền, tôi có thể ở lại đây cho đến khi bà ta tìm ra. Tôi đúng là đồ ngu ngốc chết giẫm thì mới nảy ra ý định bỏ trốn. Bà ta sẽ sẵn sàng truy đuổi đến cùng trời cuối đất. Nhưng tôi sống khổ quá.”

Giọng Mary run rẩy, nhưng con bé không khỏi xấu hổ vì đã để lộ sự yếu đuối của mình.

“Suốt bốn năm nay, tôi sống không bằng một con chó, con bé giải thích, giọng ngang ngạnh.

“Chị ở với bà Wiley bốn năm nay à?”

“Ừ. Bà ta đưa tôi ra khỏi trại trẻ mồ côi ở Hopetown hồi tôi tám tuổi.”

“Cô Blythe cũng đến từ chính chỗ đó đấy.” Faith kêu lên.

“Tôi ở trại trẻ hai năm. Tôi bị đưa vào đó hồi sáu tuổi. Mẹ tôi đã treo cổ tự tử còn bố tôi thì cắt cổ.”

“Ôi trời ơi! Tại sao?” Jerry hỏi. “Rượu chè,” Mary nói ngắn gọn. “Vậy chị không có họ hàng thân thích gì à?”

“Tôi chẳng biết bất cứ một người chết giẫm nào. Nhưng chắc hẳn trước đây cũng từng có vài người. Tôi được đặt tên theo nửa tá họ hàng ấy đấy. Tên đầy đủ của tôi là Mary Martha Lucilla Moore Ball Vance. Tên mọi người có độ được không? Ông tôi giàu lắm. Tôi dám cá rằng ông còn giàu hơn ông của *mọi người* nhiều. Nhưng bố tôi đã rượu chè cạn cả gia sản và mẹ tôi cũng chẳng thua kém gì. Họ cũng hay đánh đập tôi lắm. Ôi dào, tôi bị đánh đập như cơm bữa, đến độ còn thấy hơi thính thích ấy chứ.”

Mary hắt đầu. Con bé đoán bọn trẻ nhà mục sư hẳn đang thấy thương cảm trước vô số đòn roi nó phải chịu, nhưng nó không muốn bị thương hại. Con bé muốn được người khác ganh tị. Con bé vui vẻ nhìn xung quanh. Giờ đây, khi không còn mờ đục vì đói, đôi mắt lạ thường của nó sáng lên rạng rỡ. Con bé sẽ chứng tỏ cho những cô nhóc cậu nhóc này thấy nó là người như thế nào.

“Tôi bị ốm nhiều kinh khủng đấy nhé,” con bé tự hào khoe. “Không mấy đứa trẻ có thể trải qua những gì tôi đã từng trải đâu. Tôi từng mắc bệnh ban đỏ, bệnh sởi, viêm quầng, quai bị, ho gà và viêm phổi đấy.”

“Chị đã bao giờ bị bệnh chết người chưa?” Una hỏi.

“Tôi không biết nữa,” Mary đáp, không mấy chắc chắn.

“Tất nhiên cậu ấy chưa bị rồi.” Jerry quở trách. “Nếu bị bệnh chết người thì đã mất mạng rồi còn đâu.”

“Ồ, chắc, chết hẳn hoi thì chưa bao giờ,” Mary nói, “nhưng tôi từng có lần suýt chết rồi đấy. Người ta cứ tưởng tôi chết rồi và đúng lúc họ sửa soạn đem tôi đi chôn thì tôi tỉnh lại.”

“Cảm giác suýt chết thế nào?” Jerry tò mò hỏi.

“Chẳng thế nào cả. Tận mấy ngày sau đó tôi vẫn chẳng biết gì cả. Hồi đó, tôi bị viêm phổi. Bà Wiley không mời bác sĩ... bảo bà ta không đời nào chịu tiêu tốn thế cho một đứa con gái mồ côi. Bà cụ Christina MacAllister đã đập thuốc cho tôi. Cụ ấy đã làm tôi tỉnh lại. Nhưng thỉnh thoảng tôi ước gì hồi đó tôi cứ chết hẳn đi cho xong. Chết rồi tôi lại còn sướng hơn ấy chứ.”

“Nếu chị được lên thiên đường thì chắc là sẽ sướng hơn thật,” Faith nói, giọng có phần hoài nghi.

“Ô, thế ngoài ra thì còn chỗ nào khác để đi nữa?” Mary hỏi, giọng bối rối.

“Có địa ngục, chị biết mà,” Una nói, hạ giọng xuống và ôm siết Mary nhằm làm giảm bớt sự đáng sợ của gợi ý này.

“Địa ngục á? Nó là cái gì?”

“Ô kìa, chính là chỗ quỷ sứ sống ấy,” Jerry nói. “Cậu đã nghe đến hẳn rồi còn gì... cậu đã nhắc đến hẳn đấy thôi.”

“Ồ, đúng vậy, nhưng tôi không biết hẳn lại sống ở một nơi nào đó đấy. Tôi cứ tưởng hẳn chỉ đi lang thang thôi. Hồi còn sống, ông Wiley từng nhắc đến địa ngục rồi. Ông ấy cứ luôn miệng bảo mọi người đi đến đó. Tôi cứ đinh ninh đấy là một chỗ nào đó ở New Brunswick, quê nhà của ông ấy.”

“Địa ngục là một nơi khủng khiếp,” Faith nói, giọng đượm vẻ khoái chí đầy kịch tính chuyên dùng để kể những điều đáng sợ.

“Người xấu sẽ tới đó sau khi chết và bị thiêu đốt vĩnh viễn không bao giờ ngừng.”

“Ai bảo em thế?” Mary ngờ vực hỏi.

Kinh Thánh nói thế mà. Ông Isaac Crothers ở Maywater cũng bảo bọn em như vậy, ở trong lớp giáo lý. Ông ấy là trưởng lão, là nhân vật trụ cột của nhà thờ và biết tất tật về địa ngục. Nhưng chị đừng lo. Nếu là người tốt, chị sẽ được lên thiên đường, còn nếu là người xấu thì có lẽ chị sẽ thích xuống địa ngục hơn.”

“Không đâu,” Mary quả quyết nói. “Cho dù có xấu xa cỡ nào thì tôi cũng không muốn bị thiêu hoại thiêu mãi đâu. Tôi biết rõ cảm giác ấy là như thế nào. Tôi từng có lần tình cờ cầm một cái que cời lửa nóng đỏ rồi. Muốn làm người tốt thì ta phải làm gì?”

“Chị phải đi nhà thờ và đến lớp giáo lý, đọc Kinh Thánh, cầu nguyện hằng đêm và dâng mình cho sứ mệnh của Chúa,” Una nói.

“Có vẻ là nhiều yêu cầu đấy,” Mary nói. “Còn gì nữa không?”

“Chị phải xin Chúa tha thứ cho những tội lỗi chị đã phạm phải nữa.”

“Nhưng tôi chẳng bao giờ phạm... phạm phải bất kỳ cái gì,” Mary nói. “Mà tội lỗi là gì thế.”

“Ôi, Mary, hiển nhiên là chị có phạm phải tội lỗi chứ. Ai mà chẳng thế. Chị có bao giờ nói dối không?”

“Vô khối ấy chứ,” Mary nói. “Đó là một tội lỗi kinh khủng,” Una nghiêm trang nói.

“Em muốn nói là,” Mary cất vấn, “chị sẽ bị tống xuống địa ngục vì thỉnh thoảng nói dối á? Này nhé, chị *buộc phải* nói dối. Nếu chị mà không nói dối thì có khi đã bị ông Wiley đánh cho gãy hết cả xương rồi. Nhờ nói dối mà chị thoát được nhiều đòn roi lắm đấy, chị có thể nói với em như vậy.”

Una thở dài. Ở đây có quá nhiều khó khăn cần cô bé tháo gỡ. Cô rùng mình, tưởng tượng đến cảnh bị đánh đập tàn nhẫn. Có

lẽ trong hoàn cảnh ấy, cô cũng phải nói dối. Cô bé siết chặt bàn tay nhỏ bé đầy các vết chai của Mary.

“Chị chỉ có mỗi cái váy này thôi à?” Faith hỏi, bản chất vui vẻ không cho con bé đắm chìm vào những chủ đề khó chịu.

“Tôi chỉ mặc cái váy này vì nó không phải đồ tốt,” Mary đỏ bừng mặt kêu lên. “Bà Wiley mua quần áo cho tôi và tôi không muốn chịu ơn bà ta bất cứ cái gì. Và tôi là người trung thực. Nếu đã bỏ nhà trốn đi, tôi không định mang đi bất cứ món đồ giá trị nào thuộc về bà ta. Lớn lên, tôi sẽ có một chiếc váy xanh lơ bằng xa tanh. Quần áo của mọi người trông chẳng mấy hợp thời trang đâu. Tôi cứ tưởng con cái của các mục sư thì lúc nào cũng phải ăn mặc đẹp để chứ.”

Hiển nhiên Mary tỏ ra khá nhạy cảm và nóng tính trước một số vấn đề. Nhưng từ con bé toát lên một sự hấp dẫn hoang dại, kỳ quái khiến cả bọn đều mê mẩn. Chiều hôm đó, con bé được dẫn tới Thung Lũng Cầu Vồng và được giới thiệu với bọn trẻ nhà Blythe là “một người bạn của chúng tớ từ bên kia cảng ghé thăm”. Bọn trẻ nhà Blythe đón nhận con bé không chút băn khoăn, có lẽ bởi vì lúc này, con bé đã tương đối chỉnh tề. Sau bữa trưa – suốt từ đầu đến cuối bữa, bà Martha không ngừng lăm lăm còn ông Meredith lơ đãng nghiền ngẫm đến bài giảng ngày Chủ nhật – Faith đã thuyết phục được Mary mặc một chiếc váy của con bé, cũng như một vài món trang phục khác nữa. Với mái tóc đã được tết gọn gàng, Mary trải qua buổi tụ họp tương đối ổn thỏa. Con bé là một bạn chơi đáng hoan nghênh, vì biết nhiều trò chơi mới thú vị và các cuộc trò chuyện của nó không thiếu hấp dẫn chút nào. Thực ra mà nói, một vài lỗi diễn đạt của con bé khiến Nan và Di phải nhìn nó bằng ánh mắt ngờ vực. Chúng không chắc lắm mẹ chúng sẽ nghĩ thế nào về đứa con gái này, nhưng chúng khá rõ bà Susan sẽ nghĩ gì. Tuy nhiên, con bé là khách của gia đình mục sư, vậy thì ắt hẳn con bé không có vấn đề gì hết.

Đến giờ đi ngủ mới nảy sinh một vấn đề là không biết thu xếp cho Mary ngủ ở đâu.

“Bọn mình không thể để chị ấy ở trong phòng dành cho khách được, em biết mà,” Faith bối rối nói với Una.

“Đầu chị chẳng có chấy rận gì đâu,” Mary kêu lên bằng giọng tổn thương.

“Ôi, em không có ý *như thế*,” Faith cam đoan. “Phòng dành cho khách lạnh tanh bành hết cả ấy. Bọn chuột đã gặm một lỗ to tướng trên cái nệm nhồi lông và chui vào làm ổ trong đấy. Nhà em chẳng biết gì hết mãi cho tới tận tuần vừa rồi, khi bà Martha để ngài mục sư Fisher Charlottetown vào phòng đó ngủ. Ngay sau đó *ông ấy* đã phát hiện ra chuyện này. Vậy là cha em phải nhường giường của mình cho ông ấy còn cha ngủ trên cái trường kỷ trong phòng làm việc. Bà Martha vẫn chưa có thời gian sửa soạn lại giường trong phòng dành cho khách, ấy là bà ấy nói như vậy, thế nên *không ai* có thể ngủ ở đó được, cho dù đầu họ có sạch sẽ đến mức nào đi chăng nữa. Mà phòng của bọn em thì nhỏ lắm, giường cũng quá nhỏ nên chị không ngủ chung với bọn em được.”

“Nếu các em cho chị mượn chăn thì chị có thể quay lại qua đêm ở chỗ đồng cỏ khô trong nhà kho cũ,” Mary bình thản nói. “Tối qua trời cũng khá rét, nhưng ngoài chuyện đẩy ra thì trước đây chị còn ngủ trên những cái giường tệ hơn nhiều.”

“Ôi, không, không, chị không cần phải làm thế đâu.” Una nói. “Em vừa nghĩ ra một kế hoạch, chị Faith ạ. Chị nhớ cái giường trên gác mái có trải sẵn đệm cũ không, cái giường ông mục sư trước đã bỏ lại ấy? Ta hãy mang chăn ga ở phòng dành cho khách lên rồi trải giường cho Mary ở trên đó. Chị không phiền nếu phải ngủ ở gác mái chứ, chị Mary? Nó nằm ngay bên trên phòng bọn em.”

“Với chị thì chỗ nào cũng được hết. Ôi, từ bé đến giờ chị đã bao giờ được ngủ ở chỗ nào tử tế đâu. Ở nhà bà Wiley, chị vẫn ngủ trong gác xép phía trên bếp. Mùa hè thì mưa dột, mùa đông thì tuyết xối vào phòng. Giường của chị là một tấm nệm nhồi

rom đặt trên sàn. Mọi người sẽ không thấy chị có xiu xiu dần dỗi gì về chuyện chị sẽ ngủ ở đâu đâu.”

Gác mái ở nhà mục sư là một khoảng không gian hẹp, dài và khá tối, với một đầu hồi đua ra ngoài. Bọn trẻ dọn giường cho Mary bằng mấy tấm ga thêu rua xinh xắn và một tấm khăn thêu trải giường từng được Cecilia Meredith tự hào bày soạn trong căn phòng dành cho khách và đến giờ vẫn sống sót sau bao nhiêu lần giặt giũ bất cẩn của bà Martha. Những lời chúc ngủ ngon được trao qua đổi lại và sự im lặng bao trùm khắp căn nhà mục sư. Una vừa thêm thiệp ngủ thì bỗng giật mình ngồi phắt dậy vì nghe thấy một âm thanh vang lên trong căn phòng phía trên.

“Nghe kìa, chị Faith... chị Mary đang khóc đấy,” cô bé thì thầm. Faith không đáp lời, giờ đã ngủ say sưa rồi. Trong chiếc váy ngủ nhỏ màu trắng, Una trượt ra khỏi giường, lần đường đi dọc hành lang rồi leo lên cầu thang gác mái. Sàn nhà kêu cọt két, mách rằng cô bé đang trên đường tới, và khi cô bé đến được căn phòng nơi góc nhà, cả không gian đã chìm trong bầu không khí thình lạng nhuộm ánh trắng, còn trên giường chỉ lộ ra một khối lùm lùm ở giữa.

“Chị Mary,” Una thì thầm. Không có tiếng đáp lại.

Una rón rén tiến lại sát giường và kéo kéo tấm khăn trải. “Chị Mary, em biết chị đang khóc. Em nghe thấy tiếng chị. Chị đang thấy cô đơn à?”

Mary đột nhiên lộ mặt ra nhưng không nói năng gì.

“Cho em vào nằm cạnh chị nhé. Em lạnh quá,” Una nói, giọng run rẩy trong không khí giá lạnh, vì ô cửa sổ nhỏ của căn phòng gác mái đang để mở và làn gió biển ban đêm rét căm căm đang từ phương Bắc thổi vào trong phòng.

Mary dịch người sang bên và Una nằm xuống rúc vào cạnh cô.

“*Bây giờ* chị không còn cô đơn nữa đâu. Lẽ ra bọn em không nên để chị ở lại đây một mình trong đêm đầu tiên.”

“Chị không cô đơn,” Mary khịt mũi đáp. “Vậy tại sao chị lại khóc?”

“Ô, chị chỉ nghĩ chuyện này chuyện kia trong lúc đây một mình thôi. Chị nghĩ đến chuyện phải quay trở về nhà bà Wiley... và chuyện sẽ bị đánh đập vì đã bỏ trốn... và... và... và nghĩ đến chuyện sẽ phải xuống địa ngục vì đã nói dối. Chị cứ sợ rằng đó là một chuyện rất đáng hổ thẹn.”

“Ôi, Mary,” cô bé Una tội nghiệp âu sầu nói. “Em không nghĩ là Chúa sẽ cho chị xuống địa ngục vì nói dối trong khi chị không hề biết làm thế là sai. Người không thể làm thế. Chao ôi, Người vốn tốt bụng và nhân từ mà. Tất nhiên, từ giờ chị không được nói dối nữa, sau khi đã biết làm thế là sai trái.”

“Nếu không thể nói dối thì chị sẽ thành ra thế nào đây?” Mary nức nở nói. “*Em* không hiểu đâu. Em chẳng biết gì cả. Em có một mái ấm và một người cha tử tế – mặc dù theo chị thấy thì ông ấy cứ như chẳng có mặt ở đây. Nhưng dù sao đi nữa ông ấy cũng không đánh đập em, và em vẫn được ăn uống đầy đủ, dù rằng bà dì của em chẳng hiểu biết tí gì về chuyện bếp núc hết. Này, đây là ngày đầu tiên chỉ biết cảm giác ăn no là như thế nào. Chị đã chịu cảnh ngược đãi cả đời, chỉ trừ hai năm sống ở trại trẻ. Hồi đó, người ta không đánh đập chị và mọi chuyện cũng không đến nỗi quá tệ, tuy nhiên bà quản lý rất nóng tính. Bà ấy lúc nào cũng có cái vẻ như sẵn sàng cắn đứt đầu chị vậy. Nhưng bà Wiley thì đúng là một kẻ đáng sợ, bà ta đúng là người *như thế* đấy, và chỉ cần nghĩ đến chuyện phải quay về với bà ta là chị đã sợ đến đờ cả người.”

“Có lẽ chị không cần phải quay về đâu. Có lẽ chúng ta sẽ tìm ra được một lối thoát nào đấy. Cả hai ta hãy cùng cầu xin Chúa giúp chị không phải quay trở về với bà Wiley đi. Chị vẫn cầu nguyện đấy chứ, chị Mary?”

“Ồ, có chứ, chị luôn nhắc lại một bài thơ cổ trước lúc đi ngủ,” Mary thờ ơ nói. “Nhưng chị chưa bao giờ nghĩ đến chuyện đặc biệt cầu xin thứ gì. Trên đời này, chẳng ai thêm bận tâm gì đến chị, nên chị đoán là Chúa cũng sẽ vậy thôi. Ông ấy *có thể* quan tâm đến em nhiều hơn, vì em là con gái mục sư mà.”

“Người cũng quan tâm đến chị hết mực, em chắc chắn như vậy đấy, chị Mary,” Una nói. “Cho dù chị có là con ai thì cũng chẳng có gì quan trọng cả. Chị chỉ cần cầu xin Người... và em cũng sẽ làm thế.”

“Thôi được rồi,” Mary đồng ý. “Cho dù không mấy ích lợi thì cũng chẳng hại gì. Nếu em hiểu rõ bà Wiley như chị thì em sẽ chẳng cho rằng Chúa muốn đánh giá gì đến bà ta đâu. Dù sao thì, chị sẽ không khóc lóc vì chuyện đó nữa. Tầm nhìn ở đây rộng đẹp hơn nhiều so với tối qua cái nhà kho cũ chuột chạy khắp nơi ấy. Nhìn ánh đèn ở Bốn Làn Gió mà xem. Đẹp quá phải không?”

“Đây là cửa sổ duy nhất có thể nhìn ra chỗ đó đấy.” Una nói. “Em thích ngắm cảnh ấy lắm.”

“Thật hả? Chị cũng vậy. Chị có thể nhìn thấy nó từ chỗ gác xép nhà Wiley và đó là nguồn an ủi duy nhất chị có được. Những khi cả người đau như dần vì bị đánh đập, chị vẫn dõi nhìn nó và quên hết những đau đớn. Chị tưởng tượng ra cảnh tàu thuyền dong buồm rời đi mỗi lúc một xa và ước gì mình cũng đang ở trên một trong những con tàu lướt sóng xa khơi – rời xa tất cả. Những đêm mùa đông ánh đèn không tỏa rạng, chị cảm thấy thật sự cô đơn. Này, Una, tại sao các em lại đối xử tử tế với chị như thế trong khi chị chỉ là một người xa lạ?”

“Bởi vì làm thế là đúng đắn. Kinh Thánh đã dạy chúng ta hãy đối xử tử tế với tất cả mọi người.”

“Vậy hả? Chắc, vậy thì chị đoán là hầu hết mọi người chẳng thêm bận tâm đến Kinh Thánh đâu. Chị chẳng tài nào nhớ được trước đây đã có bất kỳ ai đối xử tử tế với chị – thật một trăm phần trăm là không hề có. Này, Una, những cái bóng trên tường

đẹp nhỉ? Giống y như một đàn chim non đang nháy múa vậy. Mà này, Una, chị mến tất cả các em, cả mấy cậu con trai nhà Blythe và Di nữa, nhưng chị không có cảm tình với con bé Nan đó. Nó kiêu ngạo quá.”

“Ôi, không đâu, chị Mary, chị ấy không hề kiêu ngạo một chút nào đâu,” Una khẩn thiết nói. “Không một xíu xiu nào hết.”

“Không cần nói thế với chị. Bất kỳ ai có cái cung cách nghênh đầu như thế cũng đều là người kiêu ngạo hết. Chị không có cảm tình với con bé ấy.”

“Tất cả *bọn em* đều quý chị ấy lắm.”

“Ồ, chắc là em quý nó hơn quý chị hả?” Mary nói giọng ganh tị. “Phải không?”

“Ôi, Mary... bọn em đã quen biết chị ấy hàng mấy tuần rồi trong khi mới biết chị được có mấy tiếng đồng hồ,” Una lấp bắp.

“Vậy ra em thích nó hơn hả?” Mary giận dữ nói. “Được thôi! Em muốn thì cứ việc thích nó đến mức nào cũng được. *Chị* không quan tâm. Chẳng có em thì *chị* vẫn xoay xở được.”

Con bé vùng tránh ra đập đánh rầm vào bức tường gác mái.

“Ôi, Mary ơi,” Una nói, dịu dàng vòng cánh tay qua tấm lưng ngang ngạnh của Mary, “chị đừng nói như thế. Em *quý* chị lắm lắm. Và chị làm em cảm thấy khó nghĩ quá.”

Không có tiếng trả lời. Ngay sau đó, Una bật ra một tiếng nức nở. Lập tức, Mary ngượng ngùng bò trở lại chỗ cũ và ôm Una vào lòng.

“Suyt, thôi nào,” con bé ra lệnh. “Đừng khóc vì những lời chị vừa nói. Chị đúng là kẻ hèn hạ không khác gì con quỷ vì đã nói năng theo kiểu đó. Chị xứng đáng phải chịu trừng phạt... vậy mà mấy anh em em quá tốt với chị. Mọi người có quý mến một ai đó tốt hơn chị thì cũng phải thôi. Chị đáng bị đánh đòn lắm. Nào, suyt. Nếu em không nín khóc thì chị sẽ mặc nguyên cái bộ

váy ngủ này mà đi thẳng xuống chỗ bến cảng rồi trằm mình ở đó đấy.”

Lời đe dọa kinh khủng này đã chặn ngang những tiếng nức nở của Una. Mary lau nước mắt cho cô bé bằng cái khăn ren của chiếc gối trong phòng dành cho khách và cả người tha thứ lẫn người được tha thứ lại nằm rúc vào nhau, hòa thuận trở lại, cùng ngắm nhìn bóng dây leo in trên bức tường tắm ánh trắng, cho tới khi cả hai chìm vào giấc ngủ.

Còn trong căn phòng làm việc bên dưới, mục sư John Meredith đi đi lại lại trên sàn, mắt sáng rực, khuôn mặt toát lên vẻ mê say, ngẫm ngợi về lời rao giảng ngày mai, chẳng hề ý thức được rằng một tâm hồn bé bỏng đau khổ đang ẩn náu ngay dưới mái nhà của ông, loạng choạng trong bóng tối và sự vô tri, bị nỗi sợ hãi bủa vây và lọt thỏm giữa những khó khăn quá lớn khó bề xoay sở trong cuộc vật lộn không tương xứng với một thế giới thờ ơ rộng lớn.

6. *Mary ở lại nhà mục sư*

Hôm sau, bọn trẻ nhà mục sư dẫn theo Mary Vance đến nhà thờ. Ban đầu, Mary gặt phất ý tưởng này.

“Chẳng lẽ hồi ở bên kia cảng, chị không đi nhà thờ à?” Una hỏi.

“Dĩ nhiên là có chứ. Bà Wiley chẳng quan tâm mấy đến nhà thờ đâu, nhưng hễ Chủ nhật nào được ra ngoài là chị đều đi cả. Chị cực kỳ cảm kích nếu được đến một nơi nào đó để chị có thể ngồi một lát. Nhưng chị không thể đến nhà thờ trong cái váy rách rưới cũ rích này được.”

Khó khăn này đã được loại bỏ sau khi Faith đề nghị cho Mary mượn cái váy đẹp thứ nhì của con bé.

“Nó hơi bạc màu rồi và còn bị mất hai cái cúc, nhưng chắc là không sao đâu.”

“Chỉ nhoáng một lúc là chị khâu xong mấy cái cúc thôi,” Mary nói.

“Không phải vào ngày Chủ nhật đâu,” Una kinh hãi nói.

“Có chứ. Ngày đẹp thì thành quả cũng đẹp. Em chỉ cần cho chị mượn kim chỉ và nếu thấy khó chịu trong lòng thì cứ quay nhìn chỗ khác là được.”

Đôi bốt đi học của Faith cùng cái mũ nhung đen cũ từng thuộc sở hữu của bà Cecilia Meredith đã hoàn thiện trang phục của Mary, vậy là con bé lên đường tới nhà thờ. Con bé cứ xử tương đối thích hợp và mặc dù có một vài người bắn khoăn

không biết đứa con gái nhỏ bé ăn mặc xoàng xĩnh đi cùng đám trẻ nhà mục sư là ai, nhưng con bé cũng không quá thu hút sự chú ý. Con bé lắng nghe bài thuyết giảng với vẻ đoan trang và nhiệt tình tham gia tiết mục đồng ca. Có vẻ như con bé có một chất giọng khỏe khoắn, trong trẻo và đôi tai tinh tường.

“Máu Người có thể thanh tẩy *viola*,” Mary vô tư hát. Bà Jimmy Milgrave, ngồi ở hàng ghế ngay phía trước hàng ghế nhà mục sư, quay ngoắt lại nhìn khắp lượt đứa trẻ từ đầu đến chân. Mary, thuần túy bắt nguồn từ bản tính quá ư tinh nghịch, thè lưỡi ra trêu bà Milgrave, trước sự kinh hãi vô cùng của Una.

“Chị không cưỡng lại được,” con bé tuyên bố sau buổi lễ. “Bà ta muốn gì mà cứ trừng mắt nhìn chị như thế chứ? Cái lối cư xử đến là hay ho! Chị rất vui vì đã thè lưỡi ra trêu bà ta. Giá như chị thè lưỡi ra được dài hơn chút nữa. Này, chị đã nhìn thấy Rob MacAllister người ở bên kia cảng đấy. Chẳng biết liệu cậu ta có kể cho bà Wiley nghe về chị không.”

Tuy nhiên, bà Wiley không thấy xuất hiện, và chỉ vài ngày sau, bọn trẻ đã quên bém mắt chẳng buồn trông ngóng bà ta nữa. Có vẻ như Mary đã trở thành một thành viên cố định ở nhà mục sư. Nhưng con bé nhất quyết không chịu đi học cùng bạn trẻ.

“Không. Chị đã học hành xong xuôi rồi,” con bé nói, khi Faith cố thuyết phục nó đến trường. “Từ hồi chuyển đến nhà bà Wiley, chị đã đi học qua bốn mùa đông và với chị học hành thế là đủ. Chị phát ớn và quá chán bị răn dạy liên miên vì không làm xong bài tập về nhà rồi. Chị *làm gì* có thời gian để mà làm bài tập về nhà.”

“Thầy giáo của bọn em sẽ không răn dạy chị đâu. Thầy ấy đáng mến kinh khủng,” Faith nói.

“Chắc, chị không đi đâu. Chị biết đọc biết viết và biết tính đến số thập phân rồi. Chị chỉ muốn có vậy thôi. Các em cứ đi đi, còn chị sẽ ở nhà. Các em không cần lo chị sẽ ăn cắp gì đâu. Xin thế chị là người trung thực.”

Trong lúc mấy đứa kia ở trường, Mary xắn tay vào dọn dẹp căn nhà mục sư. Chỉ sau vài ngày, căn nhà đã biến thành một nơi khác hẳn. Sàn nhà được quét tước, đồ đạc được lau bụi, tất tật mọi thứ đều được sắp xếp ngăn nắp đâu ra đấy. Con bé vá tấm nệm giường trong phòng dành cho khách, khâu những cái cúc áo bị khuyết và mạng quần áo chỉnh tề, thậm chí còn mang chổi và gầu hót rác vào trong phòng làm việc rồi bắt ông Meredith đi ra ngoài cho con bé dọn dẹp gọn gàng căn phòng. Nhưng có một khu vực bà Martha nhất quyết không cho phép con bé động chạm đến. Bà Martha có thể mất lòng, tai nghễnh ngãng và cư xử chẳng khác gì đứa trẻ, nhưng dẫu Mary có giở ra bao nhiêu mưu chước, bà vẫn quyết tâm ôm khu vực công việc bếp núc.

“Cam đoan với mọi người là nếu bà già Martha chịu để cho *tôi* nấu nướng thì mọi người đã có những bữa ăn tử tế rồi,” con bé phần nộ nói với bọn trẻ nhà mục sư. “Sẽ không còn món y như cũ nữa... cũng sẽ không còn món cháo lỏn nhón và sữa xanh lét nữa. Bà ấy đã làm gì với toàn bộ số kem sữa đó vậy chứ?”

“Bà ấy mang cho mèo. Chị biết đấy, nó là con mèo của bà ấy,” Faith nói.

“Chị chỉ muốn cho bà ấy *một trận*,” Mary cay đắng thốt lên. “Dù sao đi nữa chị cũng không ưa bọn mèo. Chúng thuộc về quỷ sứ đấy. Cứ nhìn vào mắt chúng là biết. Chắc, nếu bà Martha không chịu thì đành thôi vậy. Nhưng chị bức mình lắm khi thấy bao nhiêu thực phẩm ngon lành bị phá hỏng hết.”

Hễ tan trường là bọn trẻ lại kéo tới Thung Lũng Cầu Vồng. Mary không chịu chơi ở nghĩa địa. Con bé tuyên bố nó sợ ma.

“Trên đời này không có những thứ kiểu như hồn ma đâu,” Jem Blythe tuyên bố.

“Ồ, không có ấy hả?”

“Em đã bao giờ nhìn thấy con ma nào chưa?”

“Hàng trăm con ấy chứ.” Mary đáp ngay tấp lụp. “Trông chúng như thế nào?” Carl hỏi.

“Đáng sợ lắm. Cả người trắng toát, đầu và tay trơ xương,” Mary nói.

“Thế chị làm gì?” Una hỏi.

“Vắt chân lên cổ mà chạy chứ sao nữa,” Mary nói. Rồi con bé bắt gặp ánh mắt Walter và đỏ bừng mặt. Mary rất kiêng nể Walter. Con bé nói với hai cô con gái nhà mục sư rằng đôi mắt cậu khiến nó cảm thấy bất an.

“Mỗi khi nhìn vào mắt anh ấy, chị lại nhớ đến tất cả những lời nói dối chị đã thốt ra trong đời,” con bé nói, “và chị chỉ ước gì mình chưa từng nói.”

Mary rất quý Jem. Khi cậu dẫn con bé lên gác mái ngôi nhà Bên Ánh Lửa và chỉ cho nó xem bảo tàng trưng bày những món đồ quý giá mà thuyền trưởng Jim Boyd đã để lại cho cậu, con bé sững mê và cảm thấy hãnh diện kinh khủng. Con bé cũng giành được sự yêu mến tuyệt đối của Carl nhờ bày tỏ mối quan tâm đối với đàn kiến và bộ cánh cứng của thằng bé. Không thể phủ nhận rằng Mary chơi với cánh con trai thuận hòa hơn là với bọn con gái. Ngay hôm thứ hai, con bé đã cãi nhau một trận này lửa với Nan Blythe.

“Mẹ em là phù thủy,” con bé nói với Nan giọng đầy khinh miệt. “Phụ nữ tóc đỏ luôn là phù thủy.” Rồi con bé và Faith tranh cãi về con gà trống. Mary nói đuôi nó quá ngắn. Faith giận dữ đập lại rằng con bé dám chắc Chúa biết rõ đuôi gà trống dài bao nhiêu là vừa. Sau vụ đó, chúng không “nói chuyện” với nhau cả một ngày. Mary đối xử rất ân cần với con búp bê một mắt trọc đầu của Una; nhưng khi Una khoe với con bé kho báu khác của cô bé – bức hình một thiên thần đang ôm một đứa bé, chắc hẳn đang trên đường tới thiên đàng, Mary bèn tuyên bố rằng con bé thấy thiên thần đó không khác gì một con ma. Una lén trốn về phòng khóc nức nở một hồi, nhưng Mary đã lòng sục khắp nơi cho tới khi tìm thấy cô bé, ân hận ôm chầm lấy cô và khẩn thiết

cầu xin sự tha thứ. Chẳng ai giận dỗi Mary lâu được – kể cả Nan, vốn thù dai và không bao giờ tha thứ cho bất kỳ lời sỉ nhục nào dành cho mẹ cô bé. Mary là người vui nhộn. Con bé có thể kể và trên thực tế đã kể những câu chuyện ma ly kỳ nhất trần đời. Không thể phủ nhận được, những buổi tụ họp ở Thung Lũng Cầu Vòng đã trở nên thú vị hơn nhiều kể từ khi Mary xuất hiện. Con bé đã học được cách chơi đàn môi và chẳng mấy mà đã vượt qua Jerry.

“Một khi tôi đã đề tâm thì không gì tôi không làm được,” con bé tuyên bố. Mary hiếm khi bỏ lỡ cơ hội khoe khoang bản thân. Con bé dạy bọn trẻ làm “bọng thổi” bằng những chiếc lá dày thích của cây “sống đời” mọc um tùm trong vườn nhà Bailey cũ, con bé dẫn dắt chúng trải nghiệm mùi vị ngon lành của thứ “cây chua” mọc trong các góc ngách ở bờ tường trong nghĩa địa, con bé cũng biết cách chiếu những ngón tay dài linh hoạt lên trên tường để bóng tay tạo thành những hình ảnh hay ho bậc nhất. Còn khi cả đám đi cạo nhựa cây trong Thung Lũng Cầu Vòng, Mary lúc nào cũng lấy được “cục nhựa cây lớn nhất” và không tiếc lời huênh hoang về chuyện đó. Bọn trẻ lúc yêu lúc ghét Mary. Nhưng lúc nào chúng cũng thấy con bé thật thú vị. Vậy nên chúng khá ngoan ngoãn nghe theo các mệnh lệnh của con bé và sau nửa tháng thì bọn trẻ cảm thấy con bé ắt hẳn đã là một thành viên trong nhóm từ xưa rồi.

“Chuyện quái lạ nhất là bà Wiley vẫn chưa đuổi theo chị,” Mary nói. “Chị không tài nào hiểu nổi.”

“Có khi bà ấy chẳng thêm bận tâm gì đến chị nữa đâu,” Una nói. “Vậy thì chị có thể cứ tiếp tục sống ở đây như thế này.”

“Ngôi nhà này không đủ lớn để chứa được cả chị và bà Martha,” Mary ảm đạm nói. “Thật tốt biết bao khi được ăn uống đầy đủ – trước đây chị vẫn thường bán khoản không biết cảm giác ấy sẽ như thế nào – nhưng chị nấu nướng kỹ tính lắm. Và bà Wiley rồi sẽ đến đây thôi. Bà ta luôn sẵn sàng các biện pháp trừng trị chị một trận nên thân. Ban ngày, chị không suy nghĩ quá nhiều đến chuyện đó, nhưng phải nói là, các em ạ, đêm đêm

ở trên căn gác mái, chị cứ suy nghĩ mãi không ngừng, cho tới khi chị gần như chỉ muốn bà ta đến đây rồi kết thúc mọi chuyện đi cho xong. Chị chịu không biết một trận đòn ra trò trong đời thực liệu có tồi tệ hơn hàng chục trận đòn chị đã tưởng tượng trong đầu từ hồi bỏ nhà trốn đi không. Hai người các em đã từng có ai bị đánh đòn chưa?”

“Chưa, tất nhiên là không rồi,” Faith phần nộ nói. “Cha sẽ không bao giờ làm chuyện như thế.”

“Các em không biết gì về cuộc sống hết,” Mary nói kèm theo một tiếng thở dài nửa ghen tị, nửa ra vẻ kể cả. “Các em không biết chị đã trải qua những chuyện gì đâu. Và chị đoán là anh em nhà Blythe cũng chưa bị đánh đập bao giờ nhỉ?”

“Khôôông, em đoán là không. Nhưng em nghĩ hồi nhỏ họ cũng thỉnh thoảng bị tét mông.”

“Tét mông thì có là gì cơ chứ,” Mary khinh khỉnh nói. “Nếu người thân của chị chỉ tét mông chị thôi thì thể nào chị cũng cho là họ đang cưng nựng chị ấy chứ. Chậc, thế giới này đúng là chẳng công bằng gì hết. Chị sẽ chẳng lấy làm phiền nếu phải nhận đúng phần đòn roi của mình, nhưng đằng này chị lại phải chịu đánh nhiều bỏ mẹ ra.”

“Không nên nói từ đó đâu, chị Mary,” Una trách móc. “Hứa với em là chị sẽ không nói từ đó nữa nhé.”

“Chịu thôi,” Mary đáp. “Nếu em mà biết một vài từ chị *có thể* nói nếu thích thì em sẽ không nặng xị lên vì từ bỏ mẹ đâu. Mà em biết thừa từ hồi đến đây, chị không bao giờ còn nói dối nữa.”

“Thế chuyện chị bảo chị nhìn thấy ma thì sao?” Faith hỏi.

Mary đỏ bừng mặt.

“Chuyện đó khác, con bé bướng bình nói.” Chị biết em sẽ không tin những câu chuyện hoang đường đó và chị cũng không bắt em phải tin. Nhưng chị thật sự đã nhìn thấy một thứ kỳ quái vào một đêm đang trên đường đi qua nghĩa địa bên kia cảng, thật trăm phần trăm luôn. Chị không biết liệu đó là ma

hay con ngựa trắng già của Sandy Crawford, nhưng nó có vẻ kỳ dị lắm và phải thú nhận với các em là chị đã chạy trốn chết.”

7. Vụ con cá

Rilla Blythe kiêu hãnh, và có phần hơi cứng nhắc, bước đi xuyên qua con “phố” chính của Glen, leo lên ngọn đồi nhà mục sư, cẩn thận cầm một giỏ dâu đầu mùa vốn được bà Susan chăm cho thơm lừng ngọt lịm ở một góc không gian ngập nắng trong nhà Bên Ánh Lửa. Bà Susan đã giao nhiệm vụ cho Rilla không được đưa cái giỏ cho bất kỳ người nào khác ngoài bà Martha hoặc ông Meredith, và Rilla, tự hào vì được tin tưởng đảm nhận công việc chạy vặt quan trọng như vậy, quyết tâm tuân theo chỉ dẫn của bà nghiêm ngặt từng ly từng tí.

Bà Susan đã diện cho cô bé thật xinh đẹp với chiếc váy thêu trắng hồ cứng, khăn quàng xanh dương và đôi dép đính hạt. Mái tóc dài đỏ hoe của cô bé uốn thành những lọn quăn bóng mượt và bà Susan đã cho cô bé đội chiếc mũ đẹp nhất để tỏ lòng trân trọng với gia đình mục sư. Chiếc mũ có phần chải chuốt, phù hợp với sở thích của bà Susan hơn là của Anne, và tâm hồn bé bỏng của Rilla hãnh diện đắm chìm trong sự lộng lẫy của chiếc mũ, với nào lụa, nào ren, nào hoa. Cô bé ý thức rất rõ về chiếc mũ của mình và tôi e rằng cô đã leo lên ngọn đồi nhà mục sư với dáng vẻ khá vênh váo. Dáng đi vênh vang, hoặc chiếc mũ, mà cũng có khi là cả hai, đã chọc tức Mary Vance – đương đầu đưa trên cánh cổng dẫn vào bãi cỏ. Vả lại, ngay lúc đó, Mary cũng đang cúi kính sẵn rồi. Bà Martha không cho con bé gọt khoai tây và đuổi nó ra khỏi bếp.

“Úi chà chà! Rồi bà sẽ lại bê khoai tây ra bàn trong khi nó vẫn còn sượng nguyên và vỏ vẫn còn dính lúc la lúc lắc y như thường lệ cho mà xem. Ôi chao ơi, nhưng thể nào cũng dễ chịu

lắm nếu được đến đám tang của bà,” Mary kêu ré lên. Con bé rời khỏi bếp, đóng sầm cửa lại mạnh đến nỗi kể cả bà Martha cũng nghe thấy và ông Meredith đang ở trong phòng làm việc cũng cảm nhận được cơn chấn động và lơ đãng nhủ thầm ắt hẳn vừa có một trận động đất nhẹ. Rồi sau đó, ông lại tiếp tục đắm chìm vào bài thuyết giảng của mình.

Mary tụt xuống khỏi cánh cổng và đứng đối diện với cô bé gọn gàng sạch sẽ của nhà Bên Ánh Lửa.

“Em cầm cái gì đấy?” con bé cất vấn, định tìm cách tóm lấy cái giỏ.

Rilla ngăn lại. “Đây là của *ung* Meredith,” cô bé ngọng nghịu nói.

“Đưa đây cho chị. *Chị* sẽ đưa nó cho bác ấy,” Mary nói.

“Không. Bà *Thuthan* đã bảo em *khung* được đưa nó cho ai ngoài *ung* Meredith và bà Martha,” Rilla khẳng khái nói.

Mary nhìn cô bé bằng ánh mắt tức tối.

“Em tưởng em cũng ra gì lắm, phải không, trưng diện cử như một con búp bê vậy! Nhìn chị đây này. Váy chị như cái giẻ rách và *chị* cóc quan tâm! Chị thà ăn mặc rách rưới còn hơn làm một em bé búp bê. Về nhà mà bảo người ta bỏ em vào trong lồng kính đi. Nhìn chị đi... nhìn chị đi... nhìn chị đi này!”

Mary trình diễn một điệu nhảy hoang dã vòng quanh cô bé Rilla đang hoang mang thất kinh, vừa nghịch cái váy rách vừa quát “Nhìn chị đi... nhìn chị đi” cho tới khi Rilla tội nghiệp chóng cả mặt. Nhưng lúc Rilla cố gắng né sang bên tiến về chỗ cổng, Mary lại bổ nhào về phía cô bé.

“Đưa cho chị cái giỏ đó đi, con bé nhăn mặt ra lệnh. Mary rất rành trò “làm mặt hề”. Con bé có thể đeo lên mặt một vẻ kỳ dị quái đản tột độ, đôi mắt trắng long lanh kỳ lạ của nó sáng rực lên với một sắc thái khác thường.

“Em *khung* đưa,” Rilla thở hổn hển, dù sợ hãi nhưng vẫn không chịu nhượng bộ. “Chị để em đi đi, Mary Vanth.”

Mary bèn thả cô bé đi và nhìn ngó xung quanh. Ngay bên trong cổng là một cái “giàn phơi” nhỏ, bên trên đang phơi khô chừng nửa tá cá tuyết to. Một hôm, một giáo dân thuộc địa phận của ông Meredith đã mang cá đến biếu, có lẽ là để thay cho khoản tiền nhẽ ra phải đóng góp để cung lương mục sư nhưng ông ta chẳng đóng bao giờ. Mục sư Meredith cảm ơn ông ta và sau đó đã quên bẻng mất đóng cá và hẳn chúng sẽ chẳng mấy mà hỏng hết nếu không nhờ Mary can đảm không quản nhọc nhằn sơ chế để đem phơi và chính con bé còn dựng cái “giàn phơi” để phơi cá lên trên.

Mary vừa chợt nảy ra một ý nghĩ tinh quái. Con bé lao tới chỗ “giàn phơi”, tóm lấy con cá to nhất trên giàn – một con cá khổng lồ, mình dẹt, to gần bằng con bé. La lên một tiếng, Mary nhào về phía cô bé Rilla đang thất kinh, vung vẩy cái món vũ khí dị kỳ của mình. Mọi dũng cảm của Rilla biến đi đâu mất sạch. Bị tấn công bởi một con cá tuyết khô là một thử thách chưa từng có mà Rilla không thể đương đầu. Kêu ré lên, cô bé đánh rơi cái giỏ và co cẳng chạy. Những quả dâu đẹp mắt được bà Susan nâng niu chọn lựa cho ông mục sư giờ lăn lông lốc thành một dòng lũ màu đỏ hồng trên con đường bụi bặm và rồi bị giẫm dưới những đôi chân đang phi qua của kẻ truy đuổi và người bị truy đuổi. Cái giỏ cùng những thứ bên trong biến sạch khỏi tâm trí Mary. Con bé chỉ chăm chăm nghĩ đến niềm vui sướng vì có thể dọa cho Rilla Blythe một trận nhớ đời. Nó sẽ dạy cho *con bé kia* một trận can tội dám lên mặt vì ăn mặc đẹp dễ.

Rilla lao xuống đồi và chạy như bay dọc con phố. Nỗi kinh hoàng đã chấp cánh cho đôi chân cô bé và bé trầy trật dẫn trước Mary một khoảng – cô nàng có phần bị cản trở bởi còn mãi cười sằng sặc, nhưng vẫn đủ hơi đủ sức để thỉnh thoảng bật lên những tiếng thét ghê rợn trên đường chạy, đồng thời khua khoắng con cá tuyết trong không trung. Chúng chạy phăm phăm xuyên qua con phố Glen, trong lúc mọi người đổ xô ra các

cửa sổ và cổng nhà để nhìn ngó. Mary có cảm giác mình đang gây ra một cơn rung động ghê gớm và rất lấy làm thích thú. Sợ hãi chạy quáng quàng đến hụt cả hơi, Rilla tưởng như không thể chạy nổi nữa. Chỉ trong chớp mắt thôi, đứa con gái kinh khủng kia cùng con cá tuyết sẽ bắt kịp cô bé cho xem. Đúng lúc ấy, cô bé tội nghiệp sẩy chân ngã vào vũng bùn cuối phố, vừa khi cô Cornelia bước ra khỏi tiệm Carter Flagg.

Chỉ liếc nhìn qua, cô Cornelia đã nắm bắt được toàn bộ tình hình. Mary cũng vậy. Mary đang phi như bay trên đường bèn dùng phắt lại và cô Cornelia còn chưa kịp nói gì thì con bé đã quay ngoắt đi, chạy ngược trở lại cũng nhanh không kém gì lúc chạy tới. Cô Cornelia mím chặt môi như thể sắp giáng một trận sấm sét, nhưng cô biết rõ chẳng nên tính đến chuyện đuổi theo con bé làm gì cho mệt. Thay vào đó, cô nâng cô bé Rilla tội nghiệp đang nhếch nhác khóc nức nở lên và đưa bé về nhà. Rilla đau khổ vô cùng. Chiếc váy, đôi dép và cái mũ của cô bé đều đã bị làm hỏng hết, còn niềm kiêu hãnh sáu tuổi đời của bé cũng phải nhận những cú đòn khủng khiếp.

Tái nhợt cả người vì giận dữ, bà Susan nghe cô Cornelia tường thuật lại chiến tích của Mary Vance.

“Ôi, đứa con gái mất nết... Ôi, cái con nhỏ mất nết!” bà nói, trên đường đưa Rilla đi để tắm rửa sạch sẽ và an ủi cô bé.

“Chuyện này đã đi quá xa rồi, Anne cưng ơi,” cô Cornelia kiên quyết nói. “Phải làm gì đó mới được. Cái đứa con gái đang ở trong nhà mục sư này là ai vậy nhỉ, mà nó từ đâu ra đấy?”

“Theo cháu biết thì đây là cô bé ở bên kia cảng đang chơi tại nhà mục sư,” Anne trả lời, cô nhìn nhận vụ cá tuyết đuổi bắt này dưới con mắt hài hước và âm thầm cảm thấy Rilla hơi tự phụ nên cần được dạy cho vài bài học.

“Ta quen biết mọi gia đình bên kia cảng từng đi lễ tại nhà thờ làng ta và cái con bé yêu tinh đó không phải người bất kỳ gia đình nào trong số đó,” cô Cornelia vặn lại. “Con bé đó ăn mặc gần như rách tả tơi và lúc đến nhà thờ, nó đã mặc quần áo cũ

của Faith Meredith. Chuyện này có gì đó bí ẩn đây, và ta sẽ tìm hiểu cho ra nhẽ, vì dường như chẳng ai chịu làm việc đó cả. Ta tin chắc con bé chính là đầu sỏ vụ việc xảy ra tại bụi vân sam nhà Warren Mead hôm nọ. Cháu đã nghe chuyện bọn chúng dọa cho mẹ thằng bé sợ đến ngất xỉu chưa?”

“Chưa ạ. Cháu biết Gilbert đã được gọi đi xem bệnh cho bà ấy, nhưng cháu không rõ là có chuyện gì.”

“Chà, cháu biết rõ bà ta vốn bị yếu tim mà. Hồi tuần trước, có một hôm, bà ta đang ở một mình trên hiên nhà thì nghe thấy từ chỗ bụi cây vọng lại những tiếng kêu ‘giết người’ và ‘cứu’ kinh khiếp tột độ – những âm thanh hết sức đáng sợ, Anne cứng ạ. Tim bà ta lập tức ngừng đập. Chính Warren đang ở trong nhà kho cũng nghe thấy, bèn đi thẳng ra chỗ bụi cây để kiểm tra xem có chuyện gì, và lúc đến đó, cậu ta thấy toàn thể đám trẻ nhà mục sư đang ngồi trên một cái cây đổ, vận hết khí lực mà gào ‘giết người’. Bọn trẻ bảo chúng chỉ đùa chút thôi và không nghĩ sẽ có ai nghe thấy. Chúng chỉ đang đóng giả một trận phục kích của người da đỏ. Warren trở vào nhà và phát hiện ra bà mẹ tội nghiệp đang nằm bất tỉnh trên hiên.”

Bà Susan, vừa quay trở lại, khịt mũi vẻ khinh thường.

“Tôi nghĩ bà ta còn khướt mới bất tỉnh, bà Marshall Elliott ạ, bà cứ tin đi. Tôi đã nghe chuyện Amelia Warren bị yếu tim suốt bốn mươi năm nay rồi. Bà ta bị từ hồi hai mươi tuổi. Bà ta cứ thích nặng xị lên để gọi bác sĩ đến khám bệnh, và cứ có cố gì là tận dụng hết.”

“Cháu không nghĩ Gilbert thấy cơn đau tim của bà ấy có gì nghiêm trọng đâu,” Anne nói.

“Ồ, cũng có thể là vậy,” cô Cornelia nói. “Nhưng vụ này đã bị lôi ra bàn tán rất ghê và vì nhà Mead là tín đồ Hội Giám lý nên chuyện càng trở nên tệ hơn. Những đứa trẻ ấy rồi sẽ trở thành người như thế nào đây? Nhiều đêm, ta không thể ngủ được vì nghĩ đến bọn chúng, Anne cứng ạ. Thậm chí ta còn thật lòng băn khoăn không biết bọn chúng có đủ ăn đủ uống hay không,

vì cha chúng vốn thường xuyên đắm chìm trong mộng tưởng đến độ nhiều khi còn chẳng nhớ nổi ông ấy cũng có một cái dạ dày ấy chứ, trong khi cái bà già chây lười kia thì lại chẳng thêm nấu nướng cho đúng nghĩa vụ. Chúng chỉ biết chạy rong khắp nơi và bây giờ khi sắp hết năm học rồi thì chúng sẽ lại càng trở nên tệ hơn thôi.”

“Chúng được chơi đùa vui vẻ mà,” Anne nói, bật cười khi nhớ đến những chuyện xảy ra ở Thung Lũng Cầu Vòng mà cô từng được nghe kể. “Và tất cả bọn chúng đều dũng cảm, thẳng thắn, chân thành và thật thà.”

“Quả đúng như vậy, Anne cưng ạ, và cứ nhớ đến tất cả những rắc rối mà hai thằng con trai đối trá, ba hoa chích chòe của ông mục sư cũ gây nên thì ta sẵn lòng bỏ quá rất nhiều cho đám trẻ nhà Meredith.”

Dựa trên tất cả những gì được nghe được thấy, cô bác sĩ thân yêu ạ, thì chúng đều là những đứa trẻ rất ngoan,” bà Susan nói. “Chúng có rất nhiều tội lỗi, và tôi sẵn lòng thừa nhận điều đó, nhưng có lẽ như thế lại thành hay, vì nếu không thì có khi chúng sẽ hỏng mất vì ngọt ngào quá độ. Chỉ có điều, tôi cảm thấy chuyện chúng chơi đùa trong nghĩa địa thật không nên không phải chút nào, và tôi sẽ vẫn giữ quan điểm đó.”

Nhưng thật ra chúng chơi ở đó khá trật tự mà.” Anne biện bạch. “Chúng không chạy nhảy, la hét như vẫn làm ở những nơi khác. Thỉnh thoảng, ở tận đây ta vẫn có thể nghe thấy tiếng hú hét ở Thung Lũng Cầu Vòng ấy chứ! Tuy nhiên, cháu cho là chính bạn nhỏ nhà cháu cũng mang trong mình một phần bản tính dũng sĩ đấy. Tối qua chúng chơi đánh trận giả ở đó và đã phải ‘gầm rống’ về phía nhau, vì chúng không có vũ khí để làm được điều đó, ấy là Jem nói thế. Jem đang trải qua thời kỳ mơ ước được làm lính, giống như tất cả những cậu trai khác.”

“Ôi chao, ơn Chúa, thằng bé sẽ không bao giờ trở thành lính,” cô Cornelia nói. “Ta không bao giờ ủng hộ chuyện trai tráng làng mình đi tham gia cái cuộc chiến ở Nam Phi ấy. Nhưng nó đã qua

rồi, và chắc chuyện như thế chẳng xảy ra lần nữa đâu. Ta nghĩ thế giới đang càng ngày càng trở nên biết phải trái hơn. Về chuyện nhà Meredith, ta đã nói rất nhiều lần rồi và giờ sẽ nhắc lại lần nữa, ấy là nếu ông Meredith mà có vợ thì mọi chuyện sẽ đâu vào đấy hết.”

“Tôi nghe nói tuần vừa rồi ông ấy đã ghé qua nhà Kirk hai lần đấy,” bà Susan nói.

“Chậc,” cô Cornelia trầm ngâm nói, “thường thì tôi không tán thành chuyện mục sư kết hôn với người trong cùng giáo xứ. Thông thường, chuyện đó sẽ làm hỏng ông ấy. Nhưng riêng trong trường hợp này thì chẳng có hại gì cả, vì tất cả mọi người đều mến Elizabeth Kirk và ngoài cô ấy ra thì chẳng còn ai thêm muốn đảm nhận vai trò làm mẹ kế của lũ trẻ kia. Đến cả mấy cô nàng nhà Hill cũng chùn bước trước việc đó. Chẳng ai thấy họ đặt bẫy gì ông Meredith cả. Elizabeth sẽ là một người vợ đảm, nếu ông ấy chỉ trông mong có thế. Nhưng vấn đề nằm chỗ, cô ấy quê kệch mà ông Meredith thì, Anne cứng ạ, tính tình lơ đãng thế nhưng lại thích phụ nữ ưa nhìn, đúng là đồ đàn ông. Hề dính dáng đến chuyện đó thì ông ấy không tâm hồn treo ngược cành cây *như thế* đâu, cứ tin ta đi.”

“Elizabeth Kirk rất tử tế, nhưng nghe nói trước đây, người ta từng suýt chết vì rét trên giường trong phòng dành cho khách nhà mẹ cô ấy đấy, cô bác sĩ thân yêu ạ,” bà Susan cay độc nói. “Nếu cảm thấy mình có bất cứ quyền hành gì để bày tỏ ý kiến liên quan đến một vấn đề quan trọng như là việc cưới hỏi của một mục sư, thì tôi xin nói rằng theo tôi thấy, người họ hàng của Elizabeth là Sarah, sống bên kia cảng, phù hợp làm vợ ông Meredith hơn nhiều.”

“Này, Sarah Kirk là người Hội Giám lý đấy,” cô Cornelia nói, cứ như thể bà Susan vừa đề cử một người thổ dân Nam Phi làm cô dâu nhà mục sư.

“Nếu cưới ông Meredith thì rất có khả năng cô ấy sẽ cải sang Giáo hội Trưởng lão,” bà Susan bật lại.

Cô Cornelia lắc đầu. Hiển nhiên là theo ý cô, một ngày là tin đồn Hội Giám lý thì cả đời vẫn theo Hội Giám lý.

“Sarah Kirk hoàn toàn nằm ngoài vòng cân nhắc,” cô quả quyết nói. “Cả Emmeline Drew cũng vậy, mặc dù gia đình Drew vẫn đang cố hết sức mai mối. Họ quả thật đã ném cô Emmeline tội nghiệp đó vào đầu ông ấy, mà ông ấy thì chẳng may may nghĩ đến chuyện đó.”

“Emmeline Drew không biết phải quấy gì cả, tôi phải thừa nhận thế,” bà Susan nói. “Cô ta đúng là kiểu phụ nữ sẽ để một chai nước sưởi lên giường ta vào một buổi tối trời se se lạnh và rồi tỏ ra tổn thương nếu ta không tỏ lòng cảm kích, cô bác sĩ thân yêu ạ. Còn mẹ cô ta thì là một bà nội trợ *rất* đoảng. Cô đã nghe chuyện cái khăn rửa bát của bà ta chưa? Một hôm, bà ta bị mất cái khăn rửa bát. Nhưng đến hôm sau lại tìm thấy nó.Ồ, đúng vậy đấy, cô bác sĩ thân yêu ạ, bà ta đã tìm thấy nó trong bụng con ngỗng bày trên bàn ăn tối, trộn chung với các nguyên liệu nhồi thịt ngỗng khác. Theo cô thì một phụ nữ như thế có phù hợp để làm mẹ vợ mục sư không chứ? *Tôi* thì thấy không đâu. Nhưng chắc chắn tôi nên bận rộn vá quần cho bé Jem hơn là đi ngồi lê đôi mách về hàng xóm láng giềng. Tối qua thằng bé đã làm quần rách toác đến kinh ở Thung Lũng Cầu Vòng.”

“Walter đang ở đâu vậy ạ?” Anne hỏi.

“Tôi e rằng thằng bé đang có chiều hướng cư xử rất không đúng mực, cô bác sĩ thân yêu ạ. Giờ nó đang ở trên gác mái viết gì đó vào vở bài tập. Và học kỳ này, tôi nghe thầy giáo nói thằng bé học toán không được tốt như đáng ra phải thế. Tôi biết thừa lý do tại sao. Thằng bé đang viết những vần thơ ngớ ngẩn trong khi đáng lẽ phải làm toán. Tôi e là thằng bé sau này sẽ trở thành nhà thơ, cô bác sĩ thân yêu ạ.”

“Giờ thằng bé *đã là* nhà thơ rồi, cô Susan.”

“Chà, cô nhìn nhận chuyện này một cách bình tĩnh thật đấy, cô bác sĩ thân yêu ạ. Có lẽ khi người ta đủ mạnh mẽ thì đó là cách tốt nhất. Tôi có một ông bác ban đầu làm nhà thơ rồi cuối

cùng lại trở thành kẻ lang thang. Gia đình tôi xấu hổ vì ông ấy ghê gớm.”

“Cô có vẻ không đánh giá cao các nhà thơ cho lắm, cô Susan nhỉ,” Anne bật cười nói.

“Ai mà đánh giá cao cho được chứ, cô bác sĩ thân yêu?” bà Susan hỏi với vẻ ngạc nhiên chân thành.

“Thế còn Milton và Shakespeare thì sao ạ? Còn cả các nhà thơ soạn Kinh Thánh nữa?”

“Tôi nghe người ta bảo Milton không thể sống hòa thuận với vợ, còn Shakespeare thì nhiều khi cũng chỉ là một người đáng trọng mà thôi. Về phần Kinh Thánh, tất nhiên vào thời thiêng liêng ấy thì mọi chuyện khác hẳn – mặc dù nói gì thì nói, tôi chưa bao giờ đánh giá cao vua David. Tôi chưa từng thấy viết thơ mang lại bất cứ điều tốt đẹp gì và tôi hy vọng cũng như cầu nguyện rằng lớn lên rồi thằng bé tội nghiệp đó sẽ từ bỏ được cái xu hướng ấy. Nếu không như vậy... thì chúng ta sẽ đành phải chờ xem nhũ tương dầu gan cá có thể làm được gì.”

8. Cô Cornelia ra tay can thiệp

Hôm sau, cô Cornelia đột xuất ghé thăm nhà mục sư để tra hỏi Mary hàng loạt vấn đề; và Mary – vốn là một đứa con gái hết sức lanh lợi và khôn ranh – đã kể câu chuyện của mình một cách đơn giản và trung thực, không mảy may bộc lộ ý tứ oán trách hay ra vẻ can đảm. Cô Cornelia đã có ấn tượng tốt ngoài dự kiến, nhưng cô cho rằng bốn phận đòi hỏi cô phải tỏ ra nghiêm khắc.

“Cháu có nghĩ rằng,” cô nghiêm nghị nói, “việc cháu sỉ nhục và đuổi bắt một người bạn nhỏ của gia đình này – cái gia đình đã đối xử hết đời tử tế với cháu, như cháu đã làm ngày hôm qua, chính là một cách để cháu bày tỏ lòng biết ơn đối với họ?”

“Ôi, cháu đúng là kẻ xấu tính đáng ghét,” Mary thoải mái thừa nhận. “Cháu không biết cái gì đã ám vào cháu nữa. Con cá ôi đó dường như xuất hiện quá đúng lúc. Nhưng cháu hối hận kinh khủng. Tối qua, lúc đi ngủ, cháu đã khóc vì chuyện đó, cháu đã khóc thật đấy ạ. Bà cứ hỏi Una là biết cháu có khóc thật hay không. Cháu không kể cho em ấy biết tại sao cháu khóc, bởi vì cháu cảm thấy thật xấu hổ, rồi sau đó em ấy cũng khóc, vì em ấy chỉ sợ là đã có người khiến cháu đau lòng. Ôi chao ơi, cháu có nỗi đau lòng nào đáng để mà nhắc tới đâu. Điều khiến cháu băn khoăn là không biết tại sao bà Wiley vẫn chưa đuổi theo cháu. Thế này chẳng giống bà ấy gì cả.”

Chính cô Cornelia cũng cảm thấy chuyện này có phần bất thường, nhưng cô chỉ đơn thuần nghiêm khắc rắn dạy Mary chớ có làm thêm bất cứ hành động tùy tiện nào với con cá tuyệt của

ngài mục sư nữa, rồi lên đường đến ngôi nhà Bên Ánh Lửa để báo cáo sự tình.

“Nếu chuyện đúng như những gì đứa trẻ đó kể thì ta phải xem xét kỹ vấn đề này mới được,” cô nói. “Ta biết đôi điều về cái bà Wiley đó đấy, cứ tin ta đi. Hồi còn sống bên kia cảng, Marshall biết khá tường tận về bà ta. Mùa hè năm ngoái, ta đã được nghe ông ấy kể đôi điều về bà ta và về một đứa trẻ mồ côi được bà ta thu dưỡng – có vẻ như chính là con bé Mary này. Ông ấy bảo có người kể là bà ta bắt đứa trẻ đó làm việc quần quật mà lại còn không cho nó ăn đủ no, mặc đủ ấm. Cháu biết đấy, Anne cưng, ta không có thói quen giao du hay can thiệp với đám dân bên kia cảng. Nhưng ngày mai, ta sẽ bảo Marshall đến đó xem có tìm hiểu được thực hư chuyện này là như thế nào không. Rồi sau đó ta sẽ nói chuyện với mục sư. Cháu đừng quên, Anne cưng a, bọn trẻ nhà Meredith đã tìm thấy cô bé này đang suýt chết đói trong kho cỏ cũ của James Taylor. Con bé đã ở đó suốt đêm, lạnh, đói và chỉ có một mình. Trong khi chúng ta thì đang ấm áp ngủ trên giường sau bữa tối no nê.”

“Cô bé tội nghiệp,” Anne nói, tưởng tượng đến cảnh một trong những đứa con yêu dấu của chính cô cũng vừa đói vừa lạnh lại chỉ có một mình trong những hoàn cảnh tương tự. “Nếu đứa bé ấy từng bị đối xử tàn tệ, cô Cornelia ơi, thế thì nhất thiết không được để nó quay về một nơi như vậy. *Cháu* từng là một đứa trẻ mồ côi phải sống trong hoàn cảnh y hệt.”

“Chúng ta sẽ phải hỏi ý kiến người ở trại trẻ Hopetown,” cô Cornelia nói. “Dù sao đi nữa, con bé cũng không ở lại nhà mục sư được. Có Chúa mới biết bọn trẻ tội nghiệp đó có thể học những gì từ con bé. Theo như ta biết, con bé nổi tiếng là hay chửi thề. Nhưng cứ nghĩ đến chuyện nó đã ở đó trọn hai tuần mà ông Meredith chẳng mảy may ý thức được gì mà xem! Một người đàn ông như thế sao lại có quyền có một gia đình cơ chứ? Ôi chao, Anne cưng, đáng lẽ ông ta nên làm thầy tu mới phải.”

Sau đó hai tối, cô Cornelia quay lại Bên Ánh Lửa.

“Thật không thể ngờ nổi!” cô nói. “Ngay buổi sáng sau khi con bé Mary này bỏ nhà trốn đi, người ta đã phát hiện ra bà Wiley nằm chết trên giường. Bà ta bị bệnh yếu tim nhiều năm nay rồi và bác sĩ cũng từng cảnh báo bà ta rằng chuyện này có thể xảy ra bất cứ lúc nào. Bà ta đã sai người làm thuê đi chạy việc ở chỗ khác và chẳng còn ai trong ngôi nhà đó hết. Ngày hôm sau, mấy người hàng xóm tìm thấy bà ta. Có vẻ như họ vẫn nhớ đến đứa trẻ, nhưng cứ định ninh bà Wiley đã đưa nó đến nhà người họ hàng ở gần Charlottetown vì bà ta từng nói là đang định làm thế. Người họ hàng ấy không đến dự lễ tang, vậy nên chẳng ai biết Mary không ở chỗ bà ta. Những người được Marshall hỏi chuyện đã kể cho ông ấy nghe đôi điều về cách bà Wiley đối xử với con bé Mary này, khiến ông ấy sôi máu lên, ông ấy bảo thế đấy. Cháu biết đấy, cứ nghe thấy có đứa trẻ nào bị đối xử tàn tệ là Marshall thế nào cũng nổi cơn tam bành. Người ta kể là bà ta lấy roi quật con bé rất tàn nhẫn bất cứ khi nào con bé phạm phải một lỗi lầm hay nhầm lẫn vặt vãnh nào. Vài người kể họ đã từng viết thư cho các nhà chức trách ở trại trẻ, nhưng cha chung thì không ai khóc, thế nên chuyện chẳng bao giờ được giải quyết cả.”

“Tôi lấy làm tiếc là cái bà Wiley đó đã chết,” bà Susan hung dữ nói. “Giá mà tôi được đến bên kia cảng rồi nói cho bà ta một trận ra trò. Bỏ đói và đánh đập một đứa trẻ, cô bác sĩ thân yêu ơi! Như cô biết đấy, tôi tán thành chuyện tét mông theo đúng lý hợp tình, nhưng tôi không bao giờ đi xa hơn thế. Mà rồi đứa trẻ tội nghiệp này giờ sẽ ra sao đây, bà Marshall Elliott?”

“Chắc con bé sẽ bị đưa trả về Hopetown thôi,” cô Cornelia nói. “Tôi nghĩ quanh đây, những ai có ý định nhận nuôi một đứa trẻ mồ côi thì cũng đều đã nhận nuôi hết cả rồi. Ngày mai, tôi sẽ gặp ông Meredith và nói cho ông ấy biết ý kiến của tôi đối với toàn bộ chuyện này.”

“Chắc chắn bà ấy sẽ làm thế, cô bác sĩ thân yêu ạ,” bà Susan nói, sau khi cô Cornelia đã rời đi. “Một khi đã định làm gì, thậm chí là đi lợp chóp nhà thờ, thì bà ấy cũng sẽ không bao giờ chùn

bước. Nhưng tôi không hiểu nổi làm sao Cornelia Bryant có thể nói chuyện với một mục sư theo cái cung cách đó. Cô mà nghe thì thế nào cũng sẽ tưởng ông ấy chỉ là một người bình thường nào đó thôi.”

Khi cô Cornelia đã khuất dạng, Nan Blythe đuổi người rời khỏi cái vồng, nơi cô bé vẫn đang học bài này giờ, rồi lẻn khỏi nhà đến Thung Lũng Cầu Vồng. Những đứa khác đã tụ tập sẵn ở đây. Jem và Jerry đang chơi ném vòng bằng mấy cái móng ngựa cũ mượn của ông thợ rèn làng Glen. Carl đang bám theo đàn kiến trên một mô đất. Walter thì đang nằm sấp giữa đám dương xỉ, đọc to cho Mary, Di, Faith và Una nghe một tập thơ hay tuyệt với những câu chuyện hấp dẫn về thầy tư tế John, về Người Do Thái Lang Thang, những đôi đũa bói, người mọc đuôi, về Schamir – con sâu đã xẻ đá mở đường tới kho vàng, về đảo Phước Lành cùng các nàng tiên thiên nga. Walter choáng váng cực độ khi khám phá ra William Tell và Gelert cũng là các nhân vật huyền thoại; và câu chuyện về Giám mục Hatto đã khiến cậu thức trắng cả đêm; nhưng trên hết, cậu say mê những câu chuyện về Người Thổi Sáo và Chén Thánh. Cậu đọc mê mải, trong lúc những quả chuông trên cặp Cây Tình Nhân rung leng keng trong gió hè và hơi lạnh từ những cái bóng buổi đêm trườn qua khắp thung lũng.

“Chà, mấy chuyện bịa đặt này thật hấp dẫn nhỉ?” Mary nói giọng ngưỡng mộ khi Walter đóng cuốn sách lại.

“Đấy không phải chuyện bịa đặt,” Di phần nộ nói.

“Em không định nói đó là chuyện có thật đấy chứ?” Mary hỏi giọng hoài nghi.

“Không... không hẳn. Cũng giống như những chuyện ma chị kể ấy. Không phải chuyện có thật... nhưng chị không mong đợi bọn em tin, vậy nên đấy không phải chuyện bịa đặt.”

“Dù sao đi nữa thì chuyện về cái đũa bói cũng không phải chuyện bịa đặt,” Mary nói. “Cụ Jake Crawford ở bên kia cảng biết bói đũa đấy. Người ở khắp mọi nơi đều đến tìm cụ ấy mỗi khi họ

muốn đào giếng. Và chị tin là chị có quen biết Người Do Thái Lang Thang đấy.”

“Ôi, Mary,” Una nói, vẻ kinh hãi.

“Thật đấy... thật trăm phần trăm luôn. Hồi mùa thu năm ngoái, một hôm, một ông già đã đến nhà bà Wiley. Ông ấy già đến độ có thể là *bất cứ ai hay cái gì*. Bà ta hỏi ông ấy về đồng cột gỗ tuyết tùng, rằng theo ý ông ấy thì chúng có bền không. Vậy là ông ấy đáp, “Có bền không ấy à? Chúng sẽ bền vững hàng nghìn năm ấy chứ. Tôi biết thế, vì tôi đã dùng thử chúng hai lần rồi. Nào, nếu ông ấy đã hai nghìn tuổi, thì ông ấy còn là ai khác ngoài Người Do Thái Lang Thang mà mọi người đã nhắc đến chứ?”

“Em không tin là Người Do Thái Lang Thang lại chịu kết giao với một người như bà Wiley,” Faith nói giọng dứt khoát.

“Em thích chuyện Người Thối Sáo,” Di nói, “và mẹ cũng vậy. Em luôn cảm thấy thương thay cho cậu bé què khốn khổ không theo kịp những đứa trẻ khác nên không thể vào trong ngọn núi được. Chắc hẳn cậu ấy phải thất vọng ghê gớm lắm. Em nghĩ là cho đến tận cuối đời, cậu ấy sẽ mãi băn khoăn không biết mình đã bỏ lỡ những điều tuyệt diệu gì và ước sao có thể vào trong núi cùng những đứa trẻ khác.”

“Nhưng mẹ cậu ấy chắc hẳn phải mừng lắm,” Una nói khẽ. “Em nghĩ là bà ấy hẳn đã buồn khổ cả đời vì cậu ấy bị què. Có lẽ bà ấy thậm chí còn từng khóc thương vì điều đó. Nhưng hẳn bà ấy sẽ không bao giờ còn thấy buồn khổ nữa – không bao giờ. Bà ấy sẽ mừng vì cậu ấy bị què, bởi vì chính nhờ thế mà bà ấy mới không đánh mất cậu ấy.”

“Một ngày nào đó,” Walter mơ màng nói, dõi ánh mắt xa xăm về phía bầu trời, “Người Thối Sáo sẽ băng qua ngọn đồi kia rồi xuống Thung Lũng Cầu Vòng, vừa đi vừa thổi những giai điệu rộn ràng ngọt ngào. Và anh sẽ đi theo ông ta... đi theo ông ta xuống bờ biển... xuống biển... rời xa tất cả các em. Anh không nghĩ là anh sẽ muốn đi... Jem thể nào cũng muốn đi... đó sẽ là

một cuộc phiêu lưu ra trò... nhưng anh không muốn. Chỉ có điều anh sẽ *bắt buộc* phải đi... âm nhạc réo gọi và réo gọi, réo gọi không ngừng cho đến tận khi anh *phải* đi theo.”

“Tất cả chúng ta đều sẽ đi.” Di kêu lên, ngọn lửa từ trí tưởng tượng của Walter đã cháy lan sang cô bé và Di gần như tin rằng cô có thể nhìn thấy hình dáng đầy nhạo báng đang càng lúc càng cách xa của người thổi sáo huyền bí tí tặn phía cuối thung lũng mờ tối.

“Không. Em sẽ ngồi đợi ở đây,” Walter nói, đôi mắt to tuyệt đẹp của cậu đọng đầy nét đắm say kỳ lạ. “Em sẽ đợi bọn anh quay lại. Mà rất có thể bọn anh không quay lại... vì bọn anh không thể quay lại chừng nào Người Thổi Sáo vẫn còn thổi sáo. Có khi ông ta sẽ thổi sáo dẫn bọn anh đi vòng quanh thế giới. Trong lúc đó em cứ ngồi đợi đây... và cứ thế *đợi*.”

“Ôi, thôi đi,” Mary nói, run lên. “Đừng có ra cái vẻ như thế, Walter Blythe. Anh làm em sồn gáy lên rồi đây này. Anh muốn dọa cho em khóc thét lên đấy à? Em có thể nhìn thấy ông già Người Thổi Sáo đáng sợ đó đang đi càng lúc càng xa, còn các anh thì bám theo ông ta, trong khi bọn con gái chúng em ngồi đợi tro tro ở đây. Em chẳng biết tại sao lại thế... em hoàn toàn không phải một đứa mít ướt... nhưng lần nào cũng vậy, ngay khi anh bắt đầu kể chuyện là em lại muốn khóc.”

Walter mỉm cười đắc thắng. Cậu thích lấy đồng bạn ra làm đối tượng để rèn giũa thứ quyền năng này của mình – lợi dụng cảm xúc của chúng, khơi dậy nỗi sợ hãi của chúng, làm tâm hồn chúng run lên vì hồi hộp. Điều đó làm thỏa mãn một thứ bản năng kịch tính nào đó trong con người cậu. Nhưng bên dưới niềm đắc thắng ấy, cậu còn cảm thấy một cơn ớn lạnh kỳ dị bắt nguồn từ một nỗi kinh hãi bí ẩn nào đó. Đối với cậu, Người Thổi Sáo dường như vô cùng chân thật – như thể tám màn rung rinh che giấu tương lai đã nhất thời bị thổi sang một bên dưới bóng chiều chạng vạng lấp lánh ánh sao của Thung Lũng Cầu Vòng và cậu có thể loáng thoáng nhìn thấy mờ mờ hình ảnh của những tháng năm sắp tới.

Carl tiến đến gia nhập nhóm và thuật lại những sự kiện đã xảy ra trong miền đất kiến, kéo cả bọn quay trở về hiện thực.

“Bọn kiến *đúng là* hay ho bỏ cụ lên được,” Mary reo lên, lấy làm mừng vì đã thoát khỏi sự áp chế của cái Người Thối Sáo mờ mờ ảo ảo đó. “Carl và tôi đã quan sát ngôi mộ đó trong nghĩa trang suốt cả chiều thứ Bảy. Tôi chẳng bao giờ ngờ được bọn côn trùng lại có nhiều chuyện như thế. Nay, thế mà chúng cũng chửi bới gây lộn đấy – theo như bọn tôi quan sát thì có những con chẳng gặp chuyện gì cũng sưng cổ lên được. Lại có những con thật hèn nhát. Chúng sợ hãi đến độ chỉ biết gập đôi mình lại thành quả bóng, để mặc cho những con kiến khác đánh đập. Chúng không có chút xíu tinh thần chiến đấu nào. Một số con thì lười biếng chẳng chịu làm việc. Bọn tôi đã chứng kiến chúng trốn việc như thế nào. Rồi còn có một con kiến đau khổ đến chết vì một con kiến khác bị giết... không chịu làm việc... không chịu ăn uống... cứ thế chết đi... đúng thế đấy, thế có Je... Đức Chúa Jesus.”

Bầu không khí im lặng choáng váng bao trùm. Tất cả bọn trẻ đều biết Mary không định nói từ “Đức Chúa Jesus”. Faith và Di trao nhau những cái liếc mắt đầy ẩn ý mà hắt đến cô Cornelia cũng phải thán phục. Walter và Carl có vẻ không mấy thoải mái còn môi Una thì run lên bần bật.

Mary bứt rứt vặn vẹo người. “Nó cứ buột ra khi tôi còn chưa kịp nghĩ... thật đấy, thế có... ý tôi là, thật trăm phần trăm đấy, mà tôi cũng đã ngăn được một nửa từ đó rồi còn gì. Tôi thấy dân ở nơi này câu nệ ghê gớm. Giá mà mọi người có thể nghe thấy nhà Wiley nói năng như thế nào những lúc họ cãi nhau.”

“Các quý cô không nói năng như thế đâu,” Faith nói, nghiêm nghị khác thường.

“Nói thế là không đúng,” Una thì thầm.

“Chị có phải quý cô đâu,” Mary nói. “Chị làm gì có cơ hội nào được trở thành quý cô chứ? Nhưng chị sẽ không nói thế nữa, nếu chị kiềm chế được. Chị hứa đấy.”

“Ngoài ra,” Una nói, “chị không thể trông đợi Chúa sẽ đáp lại lời cầu nguyện của chị nếu chị nhắc đến tên Người một cách bất kính, chị Mary ạ.”

“Dù sao đi nữa chị cũng chẳng trông chờ Người đáp lại chúng,” Mary – vốn không mấy sùng tín – nói. “Cả tuần nay, chị vẫn đang cầu xin Người hãy giải quyết chuyện bà Wiley này đi, nhưng Người chẳng làm gì cả. Chị sắp từ bỏ rồi.”

Đúng lúc này, Nan chạy đến, thở không ra hơi.

“Ôi, Mary, em có tin mới cho chị đây. Bà Elliott đã sang bên kia cảng và chị có biết bà ấy đã phát hiện ra chuyện gì không? Bà Wiley chết rồi... ngay buổi sáng sau khi chị bỏ trốn khỏi nhà, người ta đã tìm thấy bà ta nằm chết trên giường. Vậy nên chị sẽ không bao giờ phải quay về với bà ta nữa.”

“Chết rồi!” Mary nói, sững cả người. Rồi con bé run lên bần bật.

“Em có nghĩ là lời cầu nguyện của chị có liên quan gì đến chuyện đó không?” con bé kêu lên với Una, giọng khẩn thiết. “Nếu thật như thế thì chúng nào còn sống, chị sẽ không bao giờ cầu nguyện nữa. Ôi trời ơi, bà ta có thể quay trở lại và ám chị.”

“Không, không đâu, Mary,” Una nói, giọng vỗ về, “không có chuyện đấy đâu. Này nhé, bà Wiley đã chết rất lâu trước khi chị bắt đầu cầu nguyện về chuyện đó mà.”

“Đúng vậy,” Mary nói, tỉnh trí lại sau cơn hoảng loạn. “Nhưng phải thú thật với em là nó đã làm chị giật cả mình. Chị không bao giờ muốn nghĩ là vì chị cầu nguyện nên ai đó phải chết. Chị không bao giờ nghĩ đến một chuyện gì kiểu như bà ta đang chết dần trong lúc chị cầu nguyện. Bà ta dường như không giống kiểu người đang chết dần. Bà Elliott có nói gì về chị không?”

“Bà ấy bảo rất có khả năng chị sẽ phải quay lại trại trẻ mồ côi.”

“Chị cũng nghĩ vậy,” Mary ử rử nói. “Rồi sau đó họ sẽ lại đem chị đi cho người ta – rất có thể lại là ai đó giống hệt bà Wiley.”

Chắc, hẳn là chị vẫn có thể chịu đựng được chuyện đó. Chị là người cứng cỏi mà.”

“Em sẽ cầu nguyện để chị không phải quay trở về,” Una thì thầm, trong lúc cô bé và Mary quay về nhà mục sư.

“Em thích thì cứ làm,” Mary nói dứt khoát, nhưng chị thể là *chị* sẽ không làm thế đâu. Chị vẫn ổn và quá sợ vụ cầu nguyện này rồi. Cứ xem nó đã gây ra chuyện gì đi. Nếu bà Wiley đã chết sau khi chị bắt đầu cầu nguyện thì đó hẳn là lỗi tại chị.”

“Ôi, không, không phải thế đâu,” Una nói. “Giá như em có thể giải thích mọi chuyện một cách rõ ràng hơn... cha có thể làm thế, em biết vậy, nếu chị nói chuyện với cha, Mary ạ.”

“Không đời nào! Nói gọn lại, chị chẳng biết nghĩ thế nào về cha em nữa. Ông ấy đi lướt qua chị ngay giữa thanh thiên bạch nhật nhưng chẳng bao giờ nhìn thấy chị. Chị chẳng phải người đáng tự hào gì... nhưng chị cũng đâu phải cái thảm chùi chân!”

“Ôi, Mary, cha vốn là người như thế mà. Hầu hết thời gian, cha cũng chẳng nhìn thấy bọn em. Cha suy nghĩ quá chú tâm, chỉ thế thôi. Và *em* sẽ cầu nguyện để Chúa giữ chị ở lại Bốn Làn Gió – vì em quý chị, Mary ạ.”

“Thôi được rồi. Chỉ có điều đừng để chị nghe thấy có thêm bất kỳ người nào chết dần vì nó nữa,” Mary nói. “Chị rất thích ở Bốn Làn Gió. Chị thích nó, thích bến cảng và ngọn hải đăng – cả em và các anh em nhà Blythe nữa. Các em là những người bạn duy nhất chị từng có trong đời và chị không hề muốn phải rời xa các em.”

9. *Una ra tay can thiệp*

Cô Cornelia đã có một cuộc trao đổi tương đối gây sốc với quý ông lơ đảng Meredith. Cô chỉ ra, một cách không quá nể vì, cho ông thấy ông đã lơ là trách nhiệm của mình đến mức nào khi cho phép một đứa trẻ lang thang như Mary Vance tiến vào trong gia đình ông, bầu bạn với các con ông trong khi ông không hề quen biết hay nghe kể bất kỳ điều gì về cô bé.

“Tất nhiên, tôi không có ý là đã xảy ra chuyện tai hại gì,” cô kết luận. “Xét một cách toàn thể, con bé Mary này không thuộc dạng có thể bị gọi là xấu xa hư hỏng. Tôi đã hỏi han các con ông cũng như đám trẻ nhà Blythe, và theo những gì tôi có thể nắm bắt được thì đứa trẻ này không có nhiều điều đáng để bị nói xấu, ngoại trừ việc nó thích nói tiếng lóng và không sử dụng lối nói năng lịch sự cho lắm. Nhưng cứ thử nghĩ mà xem, chuyện gì *có thể* xảy ra nếu con bé giống với một vài đứa nhỏ ở trại trẻ mồ côi mà chúng ta quen biết chứ. Chính ông cũng biết cái đứa trẻ khốn khổ mà gia đình Jim Flagg nhận nuôi đã nói năng dạy dỗ những gì cho bọn trẻ nhà Flagg rồi đấy.”

Ông Meredith không biết và thật lòng bị sốc trước sự bất cẩn của ông trong chuyện này.

“Nhưng biết làm sao đây, bà Elliott?” ông bắt lực hỏi. “Chúng ta không thể xua đuổi đứa trẻ tội nghiệp đó được. Cô bé *phải* được quan tâm chăm sóc chứ.”

“Tất nhiên. Tốt hơn hết chúng ta nên lập tức viết thư cho các nhà chức trách ở Hopetown. Trong lúc chờ đợi, tôi cho là con bé có thể ở lại đây thêm vài ngày nữa, cho tới khi chúng ta nhận

được tin tức từ họ. Nhưng nhớ mở mắt, mở tai ra nhé, ông Meredith.”

Bà Susan hẳn sẽ chết vì kinh hãi ngay lập tức nếu nghe thấy cô Cornelia răn bảo một mục sư như thế. Nhưng cô Cornelia ra về cùng niềm mãn nguyện nồng nhiệt vì đã hoàn thành nhiệm vụ, và tối đó, ông Meredith yêu cầu Mary vào phòng làm việc cùng ông. Mary tuân lời, mặt mày tái nhợt vì hoảng loạn. Nhưng con bé đã nhận được một bất ngờ cho cái cuộc đời bé nhỏ tội nghiệp bầm giập của mình. Người đàn ông này, người đàn ông từng khiến nó kính sợ không cách nào tả xiết, là con người dịu dàng nhất, tử tế nhất con bé từng gặp trên đời. Còn chưa kịp ý thức được chuyện gì đang xảy ra thì Mary đã nhận thấy mình dốc lòng tâm sự với ông mọi rắc rối của mình và đáp lại, con bé nhận được một sự thấu hiểu dịu dàng, đầy cảm thông mà nó chưa bao giờ dám tưởng tượng. Mary rời khỏi phòng làm việc, khuôn mặt và đôi mắt toát lên một vẻ mềm mại tốt độ đến mức Una suýt không nhận ra bạn.

“Cha em cũng được đấy, những khi ông ấy tỉnh táo,” con bé nói kèm theo một tiếng khịt mũi vừa kịp thoát ra ngay trước khi có nguy cơ biến thành tiếng nức nở. “Tiếc là ông ấy không thường xuyên tỉnh táo hơn. Ông ấy bảo chị không phải chịu trách nhiệm gì trong việc bà Wiley bị chết, tuy nhiên, chị nên cố gắng nghĩ đến những điểm tốt đẹp của bà ta thay vì nghĩ đến những điểm xấu. Chị chịu chẳng biết bà ta có điểm tốt gì, trừ việc bà ta giữ nhà cửa sạch sẽ và làm món bơ ngon bậc nhất. Chị chỉ biết chị gần như rụng rời hai cánh tay vì phải chà lau cái sàn bếp lâu năm gỗ ghê nhà bà ta. Nhưng từ sau chuyện này, chị sẽ nhớ lời cha em đã nói.”

Tuy nhiên, trong những ngày tiếp theo, Mary thể hiện rõ ràng nó là một người đồng hành khá thần thờ ử rử. Con bé tâm sự với Una rằng càng nghĩ đến chuyện phải quay trở về trại trẻ, con bé càng thấy căm ghét nó. Una vắt kiệt bộ óc bé nhỏ của mình để tìm cách ngăn chặn chuyện đó, nhưng cuối cùng, Nan Blythe đã

đến giải cứu, mang theo một đề nghị tương đối đáng ngạc nhiên.

“Bà Elliott có thể nhận nuôi Mary. Nhà bà ấy rộng thênh thang và ông Elliott vẫn luôn muốn bà ấy có người hỗ trợ. Đây sẽ là một nơi tuyệt vời đối với Mary. Chỉ có điều, chị ấy phải cư xử cho phải phép cơ.”

“Ôi, Nan ơi, chị có nghĩ là bà Elliott sẽ nhận nuôi chị ấy không?”

“Em cứ thử hỏi bà ấy xem, cũng đâu có hại gì,” Nan nói.

Thoạt đầu, Una không nghĩ là cô bé có thể làm thế được. Una quá nhút nhát nên chỉ cần nghĩ đến việc phải nhờ vả bất kỳ ai là cô bé đã thấy khổ sở vô cùng. Mà cô bé lại còn rất kính sợ bà Elliott vốn tính ồn ào, sôi nổi ấy. Cô bé rất quý bà Elliott và cũng luôn thích thú mỗi khi được ghé thăm nhà bà; nhưng đi đến đó để đề nghị bà nhận nuôi Mary Vance thì quả là một hành vi táo bạo cao độ khiến tâm hồn rụt rè của Una phải run sợ nao núng.

Khi các nhà chức trách của Hopetown viết thư cho ông Meredith đề nghị ông lập tức đưa Mary về cho họ, đêm đó Mary đã khóc cho tới tận khi ngủ thiếp đi trong căn gác mái ở nhà mục sư và Una nhận thấy một sự dũng cảm đầy tuyệt vọng dâng lên trong lòng. Chiều tối hôm sau, cô bé len lén rời khỏi ngôi nhà mục sư, tiến đến con đường vắng. Xa xa giữa Thung Lũng Cầu Vòng, cô bé nghe thấy tiếng cười rộn ràng vang đến, nhưng đó không phải con đường cô bé định đi. Una nhột nhột cực độ và đồng thời cũng hăm hờ cực độ – đến mức chẳng hề để ý những người tình cờ gặp trên đường – thành ra bà cụ Stanley Flagg dẫn dỗi mà bảo sau này lớn lên Una Meredith thế nào cũng đăng trí y như ông bố cho xem.

Cô Cornelia sống ở lưng chừng đoạn đường giữa làng Glen và mũi đất Bốn Làn Gió, trong một ngôi nhà mà sắc xanh lục chói mắt nguyên thủy đã dịu dần theo năm tháng thành một màu xám xanh dễ chịu. Ông Marshall Elliott đã trồng cây quanh nhà và dựng một vườn hoa hồng cùng một hàng rào vân sam. Nơi

này đã thay đổi diện mạo tương đối so với nhiều năm về trước. Đám trẻ nhà mục sư và nhà Bên Ánh Lửa rất thích tới đây. Cuối đi bộ dọc theo đường cảng cũ rất nhiều cảnh đẹp và đến cuối chặng đường, luôn có một hũ bánh vòng ú ụ nhân chờ sẵn.

Biển cả mờ sương dịu dàng vỗ sóng lên bờ cát xa xa. Ba con thuyền lớn đang lướt dọc bên cảng như những con chim biển màu trắng khổng lồ. Một chiếc thuyền buồm dọc đang tiến đến gần eo biển. Thế giới của Bốn Làn Gió đang tắm mình trong sắc màu rực rỡ, trong tiếng nhạc như có như không, trong một vẻ huyền ảo đắm say lạ thường, và tất cả mọi người ở trong đó đứng ra đều phải thấy hạnh phúc. Nhưng khi Una rẽ vào cổng nhà cô Cornelia, đôi chân cô bé gần như nhất quyết không chịu đưa cô đi nữa.

Cô Cornelia đang ở một mình trên hiên. Una những mong ông Elliott sẽ ở đó. Ông rất cao lớn, thân thiện và vui vẻ, thành ra sự hiện diện của ông mang tính động viên rất lớn. Cô bé ngồi trên cái ghế đầu nhỏ được cô Cornelia mang ra, cố gắng ăn cái bánh vòng cô Cornelia đưa mời. Miếng bánh mắc nghẹn trong cổ họng, nhưng cô bé gắng hết sức nuốt nó xuống, nếu không chỉ e cô Cornelia sẽ phật lòng. Cô bé không nói năng được gì; mặt cô bé vẫn còn tái nhợt và đôi mắt to xanh sẫm của cô toát lên một vẻ đáng thương đậm đặc đến độ cô Cornelia rút ra kết luận đứa bé này hẳn đang gặp rắc rối nào đó.

“Cháu đang phiền lòng chuyện gì vậy, bé cưng?” cô hỏi. “Nhìn cũng thấy là đang có chuyện rồi.”

Una trầy trật nuốt khoanh bánh vòng cuối cùng.

“Bà Elliott ơi, bà không định nhận chị Mary Vance ạ?” cô bé hỏi, giọng khản nài.

Cô Cornelia trợn mắt nhìn ngây ra.

“Bà! Nhận Mary Vance! Ý cháu là bà nuôi con bé ấy hả?”

“Vâng... nuôi chị ấy... nhận chị ấy làm con nuôi.” Una tha thiết nói, lúc này đã lấy được dũng khí sau khi lớp băng đã bị

phá vỡ. “Ôi, bà Elliott, *xin bà* hãy làm như vậy. Chị ấy không muốn quay trở lại trại trẻ mồ côi đâu ạ... tối nào chị ấy cũng khóc vì chuyện đó. Chị ấy rất sợ sẽ bị đưa đến một chỗ khác nghiệt khác. Mà chị ấy thì lại thông minh *lắm lắm* đấy ạ... chẳng có chuyện gì chị ấy lại không làm được cả. Cháu biết chắc bà sẽ không phải hối hận nếu nhận nuôi chị ấy đâu ạ.”

“Bà chưa bao giờ nghĩ đến một chuyện như thế,” cô Cornelia nói, giọng nhuốm vẻ bất lực.

“Bà sẽ *không* nghĩ đến chuyện đó sao ạ?” Una khấn nài.

“Nhưng, bé cưng ạ, bà không cần người giúp việc. Bà có thể làm được hết công việc ở đây. Mà kể cả có cần người giúp việc thì bà cũng chưa bao giờ nghĩ sẽ nhận một cô gái ở trại trẻ mồ côi.”

Ánh sáng trong mắt Una tắt ngóm. Môi cô bé run bần bật. Cô bé lại ngồi xuống ghế, một bóng dáng nhỏ bé đáng thương đắm chìm trong thất vọng, rồi òa khóc nức nở.

“Đừng... bé cưng... đừng,” cô Cornelia lo lắng kêu lên. Cô không bao giờ chịu đựng nổi việc làm tổn thương một đứa trẻ. “Bà không nói là sẽ *không* nhận nuôi đứa bé ấy... nhưng ý tưởng này quá mới mẻ, khiến bà bối rối quá. Bà phải suy nghĩ thật kỹ mới được.”

“Chị Mary thông minh *lắm lắm* đấy ạ,” Una nhắc lại lần nữa.

“Hừm! Bà cũng nghe thấy thế. Bà còn nghe nói đứa bé ấy hay chửi thề nữa. Có đúng vậy không?”

“Cháu chưa bao giờ nghe thấy chị ấy chửi thề... *hắn hỏi*,” Una bất an ấp úng. “Nhưng cháu e là chị ấy *có thể* làm thế ạ.”

“Bà tin cháu! Đứa bé ấy có luôn nói thật không?”

“Cháu nghĩ là có ạ, chỉ trừ những khi chị ấy sợ bị đánh đòn thôi ạ.”

“Ấy vậy nhưng cháu lại muốn bà nhận nuôi con bé!”

“Phải có *ai đó* nhận nuôi chị ấy chứ ạ,” Una nức nở. “Phải có *ai đó* chăm sóc chị ấy chứ, bà Elliott.”

“Đúng vậy thật. Có lẽ đó chính là trách nhiệm của bà,” cô Cornelia thở dài nói. “Chắc, bà sẽ phải nói chuyện cẩn thận với ông Elliott đã. Thế nên trước mắt cháu đừng nói gì về chuyện ấy nhé. Ăn thêm một cái bánh vòng nữa đi này, bé cưng.”

Una nhận lấy cái bánh vòng và cảm thấy ăn ngon miệng hơn hẳn.

“Cháu rất mê bánh vòng.” cô bé thú nhận. “Bà Martha chẳng bao giờ làm bánh vòng. Nhưng bà Susan ở nhà Bên Ánh Lửa thì có làm và thỉnh thoảng bà ấy lại cho chúng cháu mang một đĩa đầy ra Thung Lũng Cầu Vòng. Bà có biết cháu sẽ làm gì khi thèm ăn bánh vòng mà lại chẳng kiếm đâu ra được cái nào không ạ, bà Elliott?”

“Không, bé cưng. Làm gì?”

“Cháu lấy cuốn sách dạy nấu ăn cũ của mẹ và đọc phần công thức làm bánh vòng, cùng với các công thức khác nữa. Chúng có vẻ *rất* hấp dẫn. Cháu luôn làm thế mỗi khi đói – nhất là sau khi chúng cháu ăn tối với ‘món y như cũ’. *Sau đó* cháu sẽ đọc công thức làm gà rán và ngỗng quay. Mẹ có thể nấu được tất cả các món hấp dẫn ấy.”

“Bọn trẻ nhà mục sư có khi sẽ chết đói mất nếu ông Meredith không lấy vợ,” cô Cornelia phần nộ nói với chồng sau khi Una ra về. “Mà ông ấy sẽ không lấy đâu... và còn biết làm gì chứ? Mà chúng ta sẽ nhận nuôi đứa trẻ Mary này chứ, Marshall?”

“Ừ, nhận con bé đi,” ông Marshall đáp gọn lỏn.

“Đúng là đồ đàn ông,” vợ ông nói, giọng chán chường. “‘Nhận con bé đi’ – cứ như thế thế là xong ấy. Có cả trăm điều cần phải cân nhắc đến đấy, cứ tin *tôi* đi.”

“Nhận con bé đi... sau đó chúng ta sẽ cân nhắc đến chúng,” chồng bà nói.

Cuối cùng cô Cornelia cũng quyết định nhận nuôi con bé và lên đường đến nhà Bên Ánh Lửa để thông báo tin này cho mọi người ở đây trước tiên.

“Tuyệt vời!” Anne hân hoan nói. “Cháu vẫn hy vọng cô sẽ làm đúng như thế, cô Cornelia ạ. Cháu rất mong đứa trẻ tội nghiệp đó tìm được một mái ấm tử tế. *Cháu* từng có thời là một đứa bé bơ vơ giống y như thế.”

“Ta không nghĩ là cái đứa trẻ Mary này, cả bây giờ lẫn về sau, lại giống cháu cho lắm đâu,” cô Cornelia rầu rĩ phản bác. “Con bé khác hoàn toàn. Nhưng nó cũng là một con người với linh hồn bất tử cần được cứu vớt. Ta có một cuốn sách giáo lý rút gọn cùng một cái lược bí và giờ đây, khi đã bắt tay vào việc, ta sẽ hoàn thành trách nhiệm với con bé, cứ tin ta đi.”

Mary đón nhận tin tức này bằng thái độ miễn cưỡng cố gắng kiềm chế.

“Chị không ngờ mình lại may mắn đến thế này,” con bé nói.

“Chị sẽ phải để ý đến cách hành xử với bà Elliott đấy,” Nan nói.

“Chắc, chị sẽ làm được thôi,” Mary khoe khoang. “Nếu muốn, chị cũng biết cách cư xử chẳng kém gì em đâu, Nan Blythe.”

“Chị biết đấy, chị không được nói năng thô tục đâu, chị Mary,” Una lo lắng nói.

“Chị mà nói năng thế thì có khi bà ấy sẽ chết vì khiếp hãi mất,” Mary cười toe toét, đôi mắt trắng rạng rỡ một niềm hân hoan tội lỗi trước ý tưởng này. “Nhưng em không cần lo đâu, Una. Từ giờ trở đi, chị sẽ làm ra bộ đoan trang. Chị sẽ cư xử cực kỳ phải phép.”

“Cũng không được nói dối nữa,” Faith nói.

“Thậm chí kể cả khi để tránh bị đánh đòn cũng không được à?” Mary khẩn khoản hỏi.

“Bà Elliott sẽ *không bao giờ* đánh đòn chị... *không bao giờ*,” Di kêu lên.

“Thật không?” Mary hỏi giọng hoài nghi. “Nếu chị mà được sống ở một nơi nào đó không bị ai đánh đập, thế thì với chị đó đã

là thiên đường rồi. Đến lúc đó thì chẳng lo chị sẽ nói dối. Chị chẳng thích nói dối... nếu có bắt buộc phải nói dối thì chị cũng không hề muốn.”

Một ngày trước hôm Mary lên đường rời khỏi nhà mục sư, bọn trẻ tổ chức buổi dã ngoại ở Thung Lũng Cầu Vòng để tỏ lòng yêu mến con bé, và buổi chiều hôm đó, mọi đứa trẻ nhà mục sư đều tặng cho con bé một món gì đó lấy từ cái gia tài cá nhân khiêm tốn của mình để con bé làm kỷ niệm. Carl tặng cho nó con thuyền Noah đồ chơi, Jerry tặng cái đàn môi xịn thứ nhì của nó. Faith tặng con bé chiếc lược nhỏ lưng ốp gương trước giờ vẫn được Mary đánh giá là đẹp xuất sắc. Una lưỡng lự giữa một cái ví cầm tay đính hạt cũ và một bức hình nhà tiên tri Daniel trong hang sư tử màu sắc sặc sỡ, rồi cuối cùng đề nghị Mary tự chọn. Thật lòng mà nói, Mary mê mẩn cái ví đính hạt, nhưng con bé biết Una rất thích nó, vậy nên con bé bảo, “Cho chị hình Daniel đi. Chị muốn lấy bức hình hơn vì chị rất thích sư tử. Chỉ có điều, giá như chúng ăn thịt Daniel thì tốt. Như thế sẽ phần thích hơn nhiều.”

Đến tối, Mary ngon ngọt dỗ Una đi ngủ cùng.

“Đây là lần cuối cùng rồi,” con bé nói, mà tối nay trời lại mưa, và chị rất ghét phải ngủ một mình trên đó khi trời mưa, bởi vì cái nghĩa địa đó ấy. Vào những đêm đẹp trời thì chẳng có vấn đề gì cả, nhưng vào một đêm như thế này, chị chẳng thể nhìn thấy bất cứ thứ gì ngoài cơn mưa đang trút xuống trên những phiến đá trắng lâu năm ấy, còn gió thì thổi quanh cửa sổ, nghe như là những người chết đang tìm cách vào trong nhà nhưng vì không vào được nên cứ kêu khóc.”

“Em thích đêm mưa,” Una nói, khi cả hai đứa bé đã rúc vào cạnh nhau trên căn phòng áp mái nhỏ, và các chị em nhà Blythe cũng vậy.”

“Nếu không phải đang ở ngay cạnh nghĩa địa thì chị đã chẳng thấy phiền,” Mary nói. “Nếu chỉ có một mình đây, chị sẽ khóc rớt

cả mắt vì quá cô đơn mất. Chị thấy buồn phiền kinh khủng vì sắp phải rời xa tất cả các em.”

“Em dám chắc bà Elliott sẽ cho phép chị được thường xuyên đến chơi ở Thung Lũng Cầu Vòng” Una nói. “Và chị sẽ là một cô gái ngoan, đúng không, chị Mary?”

“Ôi, chị sẽ cố,” Mary thở dài. “Nhưng với chị, việc trở nên ngoan ngoãn – ý chị là cả ở bên trong cũng như bề ngoài – không dễ dàng như với các em. Các em không có những người họ hàng bất lương như họ hàng chị.”

“Nhưng bên cạnh các điểm xấu thì người nhà chị chắc hẳn cũng phải có những điểm tốt chứ,” Una phản bác. “Chị phải nói theo những điểm tốt đó và đừng bao giờ bận tâm đến những điểm xấu của họ.”

“Chị không tin là họ lại có bất kỳ điểm tốt gì,” Mary rầu rĩ nói. “Chị chưa bao giờ nghe thấy bất kỳ điểm tốt nào. Ông chị có tiền, nhưng người ta bảo ông là kẻ bất lương. Không đâu, chị sẽ phải tự thân phấn đấu và sẽ cố gắng hết sức có thể.”

“Và Chúa sẽ giúp đỡ chị, chị biết đấy, chị Mary, nếu chị cầu xin Người.”

“Chuyện đó thì chị không chắc.”

“Ôi, Mary. Chị biết chúng ta đã cầu xin Chúa cho chị một mái ấm và Người đã làm thế mà.”

“Chị chẳng thấy Chúa có dính dáng gì đến chuyện đó hết,” Mary phản bác. “Chính em đã đặt ý nghĩ đó vào đầu bà Elliott đấy chứ.”

“Nhưng Chúa đã đặt ý nghĩ đó vào *trái tim* bà ấy để bà ấy nhận nuôi chị. Cho dù em có cố gắng đến thế nào để đặt ý nghĩ đó vào *đầu* bà ấy thì cũng chẳng ích lợi gì nếu Người không làm thế.”

“Chắc, có lẽ cũng có gì đó liên quan,” Mary thừa nhận. “Em nhớ cho là chị chẳng chống đối gì Chúa cả đâu nhé, Una. Chị sẵn

lòng cho Người một cơ hội. Nhưng, thành thật mà nói, chị nghĩ Người giống cha em kinh khủng ấy – luôn lơ đãng và gần như chẳng bao giờ để ý đến bất kỳ ai, nhưng rồi thỉnh thoảng lại bỗng dưng tỉnh táo và trở nên tử tế, tốt bụng và khôn ngoan kinh khủng.”

“Ôi, Mary, không đâu!” Una kinh hoảng kêu lên. “Chúa không giống cha chút xíu nào hết... ý em là Người tốt bụng và tử tế gấp hàng nghìn lần ấy chứ.”

“Nếu Người tốt bụng ngang với cha em thì Người sẽ giúp được chị đấy,” Mary nói. “Khi cha em nói chuyện với chị, chị cảm thấy chị sẽ không bao giờ còn có thể hư hỏng được nữa.”

“Giá như chị chịu nói chuyện với cha về Người,” Una thở dài nói. “Cha có thể giải thích mọi chuyện rõ ràng hơn em rất nhiều.”

“Chắc, chị sẽ làm thế, lần tới khi ông ấy tỉnh táo,” Mary hứa. “Tối đó nói chuyện với chị trong phòng làm việc, ông ấy đã chỉ ra cho chị thấy rõ ràng rằng lời cầu nguyện của chị đã không giết chết bà Wiley. Từ hồi đó, tinh thần chị thoải mái hơn, nhưng chị thật sự thấy cần cẩn thận với chuyện cầu nguyện. Có lẽ thơ cổ là an toàn nhất. Una này, theo chị thấy, nếu người ta buộc phải cầu nguyện với ai đó thì thà cầu nguyện với quỷ sứ còn hơn là cầu xin Chúa. Chúa rất nhân từ, dù sao thì theo em nói là thế, vậy nên Người sẽ chẳng làm gì tổn thương đến ta, nhưng từ tất cả những gì chị có thể hiểu được, thì quỷ sứ cần phải được dỗ dành mới xong. Chị nghĩ cách đúng lý hợp tình nhất là nói với *ông ta*, ‘Quỷ sứ nhân từ, xin đừng dụ dỗ tôi. Xin ông cứ mặc kệ tôi.’ Nào, đúng không?”

“Ôi, không, không đâu, Mary. Em chắc chắn cầu nguyện với quỷ thì không thể đúng đắn được. Và cũng chẳng ích gì, vì ông ta là kẻ xấu mà. Chuyện đó có thể chọc tức ông ta và ông ta sẽ càng trở nên xấu xa độc ác hơn bao giờ hết.”

“Chắc, về vấn đề Chúa chiếc này,” Mary bướng bỉnh nói, “vì chị em mình không thể dàn xếp được cho xuôi, nên có nói mãi

thì cũng chẳng ích gì cả, trừ phi chúng ta có cơ hội tìm hiểu thực chất vấn đề. Còn từ giờ cho tới đó, chị sẽ cố gắng hết sức tự xoay xở một mình.”

“Nếu còn sống thì mẹ có thể nói với chúng ta tất cả mọi thứ trên đời,” Una nói, kèm theo tiếng thở dài.

“Giá như bà ấy còn sống,” Mary nói. “Chị không biết khi chị đi rồi đám nhóc bọn em sẽ trở nên như thế nào đây. Dù sao đi nữa, *nhớ* cố gắng giữ gìn nhà của gọn gàng chút nhé. Cái cách mọi người bàn tán về nó thật đáng hổ thẹn. Rồi nhoáng một cái, em sẽ thấy cha em chuẩn bị lấy vợ mới và sau đó các em sẽ phải sống khổ sống sở cho xem.”

Una choáng váng sững sờ. Từ trước đến nay, cô bé chưa từng nghĩ đến chuyện cha cô sẽ tục huyền. Cô bé không thích ý tưởng ấy và đơ cả người dưới sự lạnh lẽo của nó.

“Các bà mẹ kể *kinh khủng* lắm,” Mary tiếp tục. “Nếu chị mà kể cho em nghe tất tật những điều chị biết về họ thì em có thể sẽ sợ chết khiếp ấy chứ. Mấy đứa nhà Wilson ở đối diện nhà bà Wiley có một bà mẹ kể. Bà ta đối xử với chúng cũng tệ không kém gì bà Wiley đối xử với chị vậy. Em mà có mẹ kể thì *kinh khủng* lắm.”

“Em chắc chắn là chúng em không có mẹ kế đâu,” Una run rẩy nói. “Cha sẽ không cưới ai khác cả.”

“Chị ngờ là ông ấy sẽ không thoát được đâu,” Mary âm thầm nói. “Tất cả gái ế trong vùng đều theo đuổi ông ấy. Không gì giống như mấy bà gái ế. Và điều tệ nhất ở các bà mẹ kế, ấy là họ luôn luôn xúi giục cha ta chống lại ta. Ông ấy chẳng bao giờ còn quan tâm gì đến ta nữa. Ông ấy sẽ luôn đứng về phía bà ta và con riêng của bà ta. Rồi em sẽ thấy, bà ta sẽ khiến cho ông ấy tin rằng ta là kẻ hư hỏng không thể cứu chữa được.”

“Em ước gì chị chưa từng kể cho em nghe chuyện này, chị Mary,” Una kêu lên. “Em nghe mà thấy khổ sở quá.”

“Chị chỉ muốn báo trước cho em thôi,” Mary nói, có phần hối hận. “Tất nhiên, cha em quá đãng trí nên có khi ông ấy chẳng

tình cờ mà nghĩ đến chuyện lấy vợ lần nữa đâu. Nhưng cứ chuẩn bị sẵn sàng thì vẫn hơn.”

Sau khi Mary đã ngủ say, cô bé Una vẫn nằm thao thức, lệ ứa ra cay xè đôi mắt. Ôi, hẳn sẽ kinh khủng biết bao nếu cha cô bé lấy về một người nào đó sẽ xúi ông ghét bỏ cô bé cùng Jerry, Faith và Carl! Cô bé không thể chịu đựng nổi điều đó – cô bé không thể!

Mary không tiêm nhiễm vào tâm trí những đứa trẻ nhà mục sư bất cứ thứ độc dược nào mà cô Cornelia từng e sợ. Tuy nhiên, chắc chắn con bé đã thực hiện một trò tinh quái nho nhỏ xuất phát từ thiện ý. Nhưng con bé ngủ say sưa không mộng mị, trong khi Una nằm trần trọc giữa mưa rơi gió hú quanh ngôi nhà mục sư lâu năm màu xám. Còn mục sư John Meredith thì đã quên bồng mất chuyện ngủ nghê, vì ông còn mải mê đọc câu chuyện về cuộc đời của thánh Augustine. Đến lúc ông đọc xong và đi lên tầng, vật lộn với những vấn đề của hai nghìn năm trước, thì trời đã tang tảng sáng. Cửa ra vào phòng các cô con gái đang để mở và ông nhìn thấy Faith đang nằm say giấc, hồng hào và xinh xắn biết bao. Ông thậm chí không biết Una biến đi đâu rồi. Có lẽ cô bé đang vắng nhà để “ở suốt đêm” với các cô gái nhà Blythe. Thỉnh thoảng Una vẫn làm vậy, coi đó là một niềm vui lớn lao. John Meredith thở dài. Ông cảm thấy việc Una đang ở chỗ nào đáng lý ra không phải là một bí ẩn đối với ông mới đúng. Cecilia hẳn sẽ chăm sóc cô bé tốt hơn thế nhiều.

Giả như Cecilia vẫn đang ở bên ông! Cô mới xinh đẹp và rạng rỡ biết nhường nào! Căn nhà mục sư cũ ở Maywater mới rộn ràng tiếng hát của cô làm sao! Vậy nhưng cô đã đột ngột ra đi, mang theo tiếng cười và âm nhạc, chỉ để lại sự câm lặng... đột ngột đến mức ông mãi vẫn chưa vượt qua được cảm giác choáng váng sững sờ. Làm sao cô ấy – con người xinh đẹp và tràn trề sức sống ấy – lại có thể chết đi kia chứ?

Ý định tục huyền chưa bao giờ nghiêm túc nảy ra trong tâm trí John Meredith. Ông yêu vợ bằng một tình yêu son sắt đến độ ông tin chắc mình không bao giờ có thể để ý đến bất kỳ người

phụ nữ nào nữa. Ông thoáng nghĩ rằng chẳng bao lâu nữa, Faith hẳn sẽ đủ lớn để thay thế vị trí của người mẹ. Còn từ giờ cho đến lúc đó, ông sẽ phải tự mình cố gắng hết sức. Ông thở dài tiến về phòng, nhưng giường vẫn chưa được dọn. Bà Martha đã quên dọn giường, còn Mary thì không dám làm vì bà Martha cấm con bé động đến bất cứ thứ gì trong phòng ông mục sư. Tuy nhiên, ông Meredith không để ý thấy giường vẫn chưa dọn. Suy nghĩ cuối cùng của ông là về thánh Augustine.

10. Các cô gái nhà mục sư dọn dẹp nhà cửa

“Eo ôi,” Faith nói, ngồi dậy trên giường, rùng mình. “Trời đang mưa. Chị ghét Chủ nhật trời mưa. Ngày Chủ nhật đã đủ u ám lắm rồi, kể cả khi thời tiết có đẹp đi chăng nữa.”

“Chúng ta đâu có nhất thiết phải cảm thấy Chủ nhật là ngày u ám chứ,” Una nói giọng ngái ngủ, cố gắng rũ bỏ cảm giác lơ mơ, thậm chí thấy tội lỗi vì mấy chị em đã ngủ dậy muộn.

“Nhưng chúng ta *cảm thấy* thế mà, em biết đấy, Faith nói thẳng thắn.” Mary Vance bảo gần như Chủ nhật nào cũng u ám đến độ chị ấy có thể treo cổ tự tử mất.”

“Đáng lý ra chúng mình phải thích ngày Chủ nhật hơn chị Mary Vance mới phải,” Una ăn năn nói. “Chúng mình là con mục sư mà.”

“Chị chỉ ước gì chúng mình là con thợ rèn,” Faith vừa giận dữ phản bác vừa lòng tìm đôi tất. “*Nếu vậy thì* người ta sẽ không trông chờ chúng mình ngoan ngoãn hơn những đứa trẻ khác. Cứ nhìn mấy cái lỗ chỗ gót chân của chị mà xem. Mary đã mạng hết các chỗ rách trước khi rời khỏi đây, nhưng giờ chúng lại toang hoác y như cũ. Una, dậy đi. Chị không làm bữa sáng một mình được. Ôi trời ơi. Giá như cha và Jerry đang ở nhà. Cứ tưởng chúng mình sẽ chẳng cảm thấy thiếu vắng cha cho lắm chứ... lúc cha ở nhà mình cũng đâu có thường xuyên nhìn thấy cha. Ấy vậy nhưng *mọi thứ* cứ như thể đều đi đâu mất hết. Chị phải chạy vào xem bà Martha như thế nào đã.”

“Bà ấy đã khá hơn chưa ạ?” Una hỏi, khi Faith đã quay trở lại.

“Chưa. Bà ấy vẫn rên rỉ than vãn. Có lẽ bọn mình phải nói chuyện với bác sĩ Blythe. Nhưng bà ấy bảo không được – bà ấy cả đời chưa từng khám bác sĩ bao giờ và giờ cũng không định bắt đầu. Bà ấy bảo các bác sĩ chỉ tuyền kiếp sống bằng cách đầu độc người khác. Em có nghĩ là họ làm thế không?”

“Không, tất nhiên là không rồi,” Una phần nộ nói. “Em chắc chắn bác sĩ Blythe không đầu độc bất kỳ ai hết.”

“Chậc, bọn mình sẽ phải chà lưng cho bà Martha lần nữa sau bữa sáng. Lần này thì bọn mình phải nhớ đừng làm khăn lau nóng như ngày hôm qua.”

Faith cười khúc khích khi nhớ đến chuyện hôm qua. Chúng suýt nữa đã làm lưng bà Martha tội nghiệp bồng đến tróc cả da. Una thở dài. Mary Vance thế nào cũng biết chính xác một cái lưng khốn khổ sẽ cần khăn lau ở nhiệt độ bao nhiêu cho phù hợp. Mary biết tất tậ mọi thứ trên đời. Chúng thì chẳng biết gì cả. Nhưng chúng biết học bằng cách nào đây, ngoại trừ cái kinh nghiệm cay đắng mà vì nó, riêng trong trường hợp này, bà Martha bất hạnh đã phải trả giá?

Thứ Hai vừa rồi, ông Meredith đã lên đường đi nghỉ ngắn ngày ở Nova Scotia, dẫn theo Jerry. Hôm thứ Tư, bà Martha đột nhiên nhiễm phải căn bệnh bí ẩn đã nhiều lần trở đi trở lại và luôn được bà gọi bằng cái tên “cơn đau”, vốn quen tấn công bà vào những thời điểm không phù hợp nhất. Bà không nhắc người dậy khỏi giường, hể cử động gì là lại đau đớn cực độ. Bà thẳng thừng từ chối gọi bác sĩ đến khám. Faith và Una nấu ăn và chăm sóc phục vụ bà. Thôi thì chớ có nhắc gì đến các bữa ăn cho lành – tuy nhiên chúng cũng chẳng đỡ hơn bà Martha nấu là bao. Không ít phụ nữ trong làng hẳn sẽ sẵn lòng đến giúp đỡ, nhưng bà Martha nhất quyết không chịu để lộ tình cảnh khốn khổ của mình.

“Các cháu phải cáng đáng mọi việc cho tới khi nào bà có thể đi lại được,” bà rên rỉ. “Ơn Chúa, John không có mặt ở đây. Có đây

thịt nguội và bánh mì đầy, và các cháu có thể thử bắt tay nấu cháo xem sao.”

Hai cô gái đã thử bắt tay nấu cháo, nhưng tính đến thời điểm này thì vẫn chưa được thành công cho lắm. Ngày đầu tiên thì cháo quá loãng. Ngày tiếp theo, cháo đặc sánh đến độ ta có thể xắn thành miếng được. Và trong cả hai ngày, cháo đều bị khô.

“Chị ghét cháo,” Faith hậm hực nói. “Khi nào có nhà riêng, chị sẽ *không bao giờ* cho phép một miếng cháo nào xuất hiện trong nhà chị.”

“Vậy khi đó các con của chị biết làm sao?” Una hỏi. “Trẻ con phải ăn cháo cơ, nếu không sẽ không lớn được. Mọi người đều bảo vậy.”

“Chúng sẽ phải ăn thứ khác mà không phải cháo, nếu không thì nhịn,” Faith bướng bỉnh cãi lại. “Đây, Una, em khuấy đi nhé để chị dọn bàn. Chị mà bỏ mặc một phút thôi là cái món kinh khiếp này sẽ cháy ngay. Giờ đã chín rười rồi. Bọn mình sẽ đến lớp giáo lý muộn mất.”

“Em vẫn chưa nhìn thấy ai đi qua cả,” Una nói. “Có vẻ sẽ không đông người ra đường đâu. Cứ xem trời đang mưa to thế nào kìa. Và một khi không có bài giảng đạo thì người ta sẽ chẳng dẫn con cái đi cả một quãng đường xa đâu.”

“Đi gọi Carl đi,” Faith nói.

Có vẻ như Carl đang bị viêm họng, do chiều tối hôm trước mải mê đuổi bắt chuồn chuồn trong đầm lầy ở Thung Lũng Cầu Vòng đến nỗi ướt hết cả người. Thằng bé giầy tất ướt nhẹp đi về nhà và cứ ngồi cả tối trong tình trạng ấy. Thằng bé không nuốt nổi bữa sáng và Faith đã ép nó quay trở lại giường nằm. Con bé và Una để nguyên bàn ăn như thế mà đi tới lớp giáo lý. Khi hai đứa đến nơi, chưa có ai ở trong phòng học và cũng chẳng ai đến thêm. Hai chị em đợi cho đến mười một giờ rồi quay về nhà.

“Có vẻ như lớp giáo lý của Hội Giám lý cũng không có ai đến,” Una nói.

“Chị rất *mừng*,” Faith nói. “Chị rất ghét phải nghĩ rằng người bên Hội Giám lý chăm chỉ đến lớp giáo lý vào các ngày Chủ nhật trời mưa hơn là người Giáo hội Trưởng lão. Nhưng hôm nay nhà thờ của họ cũng không tổ chức giảng đạo, nên có khi lớp giáo lý của họ mở vào buổi chiều.”

Una rửa bát đĩa, làm cũng đâu ra đấy vì cô bé đã học hỏi được rất nhiều từ Mary Vance. Faith quét nhà không được sạch lắm và gọt vỏ khoai tây làm bữa trưa, giữa chừng lỡ làm đứt tay.

“Giá như bọn mình có gì đó cho bữa trưa ngoài ‘món y như cũ,’” Una thở dài. “Em phát ngán món đó rồi. Các anh chị em bên nhà Blythe còn chẳng biết gì về ‘món y như cũ’. Và bọn mình *chưa bao giờ* có một cái bánh pudding nào. Chị Nan bảo bà Susan sẽ phát ngát nếu họ không có bánh pudding để ăn trong ngày Chủ nhật. Tại sao bọn mình lại không giống với những người khác hả chị Faith?”

“Chị không muốn giống người khác,” Faith vừa cười phá lên vừa băng bó ngón tay đang chảy máu. “Chị thích là chính mình. Như thế thú vị hơn nhiều. Jessie Drew cũng là người nội trợ đảm đang y như mẹ cậu ta vậy, nhưng em có muốn ngốc như cậu ta không?”

“Nhưng nhà bọn mình không ổn. Chị Mary Vance đã nói thế. Chị ấy bảo là mọi người chê nhà mình quá bừa bộn.”

Faith được khơi nguồn cảm hứng.

“Bọn mình sẽ dọn dẹp nhà cửa sạch sẽ,” con bé kêu lên. “Ngày mai bọn mình sẽ bắt tay vào việc ngay. Đây đích thực là một cơ hội tuyệt vời vì bà Martha đang phải nằm bẹp trên giường và không thể quấy rầy chị em mình. Chúng mình sẽ khiến cho căn nhà trở nên sạch sẽ đẹp để khi cha trở về, đúng y như lúc Mary chuyển đi vậy. *Bất kỳ ai* cũng đều có thể quét tước, phủi bụi và lau cửa sổ. Người ta sẽ không xì xào bàn tán được gì về bọn mình nữa. Jem Blythe bảo chỉ những gái già mới xì xào bàn tán, nhưng những chuyện gièm pha của họ cũng gây tổn thương sâu sắc chẳng kém gì của bất kỳ người nào khác.”

“Hy vọng ngày mai thời tiết đẹp,” Una nói, sôi trào nhiệt huyết. “Ồi, chị Faith ơi, sẽ thật tuyệt vời nếu được gọn gàng sạch sẽ và giống như những người khác.”

“Hy vọng cơn đau của bà Martha sẽ kéo dài quá ngày mai,” Faith nói. “Nếu không, bọn mình sẽ chẳng làm được việc gì đâu.”

Ước mong dễ thương của Faith đã được đáp ứng. Ngày hôm sau, bà Martha vẫn không cất mình dậy khỏi giường được. Carl cũng vẫn ốm và ngoan ngoãn chịu nghe lời nằm yên trên giường. Cả Faith lẫn Una đều không biết thằng bé thật sự ốm đau ra sao; một bà mẹ thận trọng hẳn sẽ mời bác sĩ đến khám ngay lập tức, nhưng chúng làm gì còn mẹ, và Carl bé bỏng tội nghiệp – cổ họng đau rát, đầu đau nhức, hai má đỏ rực – lẫn lộn trong đồng chăn đệm nhàu nhĩ và một mình chịu đựng cơn đau, được an ủi đôi chút nhờ sự bầu bạn của một con thằn lằn nhỏ màu xanh lục nằm trong cái túi áo ngủ tả tơi.

Sau cơn mưa, ánh mặt trời mùa hè tràn ngập khắp không gian. Đó quả là một ngày vô cùng phù hợp để dọn dẹp nhà cửa, và Faith cùng Una hân hoan bắt tay vào việc.

“Bọn mình sẽ lau dọn phòng ăn và phòng khách,” Faith nói. “Đừng động đến phòng làm việc, còn trên tầng thì cũng không cần phải bận tâm lắm. Việc đầu tiên là mang hết mọi thứ ra ngoài đã.”

Vậy là, mọi đồ đạc đều được mang ra ngoài. Các đồ nội thất chồng đống trên hiên và bãi cỏ, còn hàng rào khu nghĩa địa Hội Giám lý phơi đủ các loại thảm rực rỡ sắc màu. Sau đó là một màn tát bật quét tước, Una thì đảm nhiệm phần việc cố gắng quét sạch bụi, trong lúc Faith lau rửa các cửa sổ phòng ăn, giữa chừng làm vỡ mất một tấm kính và làm rạn hai tấm khác. Una nhìn cái thành quả đầy những sọc ngang sọc dọc bằng ánh mắt hoài nghi.

“Chúng có vẻ không đúng sao sao đó,” cô bé nói. “Cửa sổ nhà bà Elliott và bà Susan sạch bóng và sáng loáng cơ.”

“Mặc kệ đi. Đàng nào thì ánh nắng cũng chiếu qua được hết y như nhau thôi,” Faith phấn khởi nói. “Sau khi chị đã dùng bằng dầy xà phòng với nước thì chúng *chắc hẳn* phải sạch thôi, và đó mới là chuyện quan trọng. Mà này, đã mười một giờ hơn rồi, nên chị sẽ lau chùi cái đồng hồ độn trên sàn này nhé, rồi bọn mình sẽ ra ngoài. Em phủi bụi bàn ghế còn chị thì giữ thảm. Chị sẽ làm việc đó trong nghĩa địa. Chị không muốn nhìn bụi bay mù mịt khắp bãi cỏ đâu.”

Faith rất thích công việc giữ thảm. Quả là vui thích cực kỳ khi được đứng trên tấm bia mộ của ông Hezekiah Pollock, hết vung vẩy rồi lại giữ giữ các tấm thảm. Thật ra mà nói, hình như hai vợ chồng trưởng lão Abraham Clow, trên chiếc xe độc mã ghế đôi rộng rãi, đã nhìn con bé chăm chăm bằng ánh mắt chê trách nghiêm khắc.

“Cảnh tượng kinh khủng quá nhỉ?” trưởng lão Abraham nghiêm nghị nói.

“Nếu không phải chính mắt nhìn thấy thì tôi sẽ chẳng đời nào tin nổi chuyện này,” bà vợ trưởng lão Abraham nói, thậm chí giọng còn nghiêm trọng hơn.

Faith vui vẻ vẩy vẩy một tấm thảm chùi chân về phía gia đình Clow. Con bé chẳng băn khoăn gì khi thấy ông và bà vợ không đáp lại màn chào hỏi. Ai cũng đều biết rõ chưa người nào từng nhìn thấy trưởng lão Abraham mỉm cười kể từ hồi ông được bổ nhiệm làm người coi sóc lớp giáo lý mười bốn năm về trước. Nhưng con bé không khỏi buồn lòng vì Minnie và Adella Clow không vẩy tay chào lại. Faith thích Minnie và Adella. Ngoài đám trẻ nhà Blythe, chúng là những người bạn chơi thân với con bé nhất ở trường và Faith vẫn luôn giúp Adella làm toán. Đây là thái độ biết ơn dành cho ta đây. Bạn bè con bé phớt lờ nó vì nó đang giữ thảm trong một nghĩa địa cũ, nơi mà, theo lời Mary Vance, bao năm nay chẳng chôn người nào cả. Faith hồi hải quay về hiên nhà, thấy Una đang ủ rũ ở đó vì hai đứa con gái nhà Clow cũng không vẩy tay chào cô bé.

“Chắc chúng đang câu chuyện gì đấy,” Faith nói. “Có khi chúng nó ghen tị vì bọn mình năng chơi ở Thung Lũng Cầu Vòng với mấy anh em nhà Blythe quá. Chậc, cứ đợi đến năm học mới rồi xem, thế nào Adella cũng lại muốn chị chỉ cho nó cách giải toán! Đến lúc đó thì bọn chị sẽ thanh toán nợ nần cho xong. Thôi nào, mang đồ đạc vào lại trong nhà đi. Chị mệt chết đi được rồi và chị chẳng tin là phòng ốc trông khá khảm hơn là mấy so với lúc bọn mình mới bắt đầu công việc đầu – mặc dù chị đã giữ được cả đồng bụi trong nghĩa địa. Chị *ghét* dọn dẹp nhà cửa.”

Đến hai giờ, hai cô gái mệt phờ vẫn chưa kết thúc công việc ở hai phòng. Chúng ăn uống qua loa trong bếp và định rửa bát đĩa luôn. Nhưng Faith tiện tay vớ được một cuốn truyện mới Di Blythe cho mượn và thế là quên hết sự đời cho tới tận hoàng hôn. Una mang một cốc trà thảo mộc lên cho Carl nhưng phát hiện ra thằng bé đang ngủ; vậy nên cô bé cuộn mình nằm trên giường Jerry và cũng chìm vào giấc ngủ. Trong lúc đó, một câu chuyện kỳ quái đã lan khắp Glen St. Mary và dân làng nghiêm túc hỏi nhau không biết đã có chuyện gì xảy ra với những đứa trẻ nhà mục sư ấy.

“Thật cười không nổi với chuyện đó, tin tôi đi,” cô Cornelia nói với chồng kèm theo một tiếng thở dài nặng nề. “Mới đầu tôi còn không tin. Chiều nay, Miranda Drew nghe được chuyện này ở lớp giáo lý của Hội Giám lý bèn về nhà kể lại và tôi chỉ cười nhạo không tin. Nhưng bà vợ trưởng lão Abraham bảo chính bà ta và ông trưởng lão đã tận mắt trông thấy chuyện đó.”

“Thấy cái gì?” ông Marshall hỏi.

“Sáng nay, Faith và Una Meredith không đi học lớp giáo lý mà lại ở nhà *dọn dẹp nhà cửa*,” cô Cornelia nói, giọng thất vọng náo nức. “Khi trưởng lão Abraham từ nhà thờ về nhà – ông ta về sau mọi người vì còn phải vượt phăng các cuốn sách thư viện – ông ta nhìn thấy chúng đang giữ thảm trong nghĩa địa của nhà thờ Hội Giám lý. Tôi sẽ không bao giờ có thể nhìn thẳng vào mặt một người Giám lý nào nữa. Cứ nghĩ mà xem, nó sẽ gây ra một vụ bê bối như thế nào chứ!”

Tất nhiên nó đã gây ra một vụ bê bối, và càng lan truyền thì càng xôn xao dư luận, cho tới khi người dân bên kia cảng nghe đồn bọn trẻ nhà mục sư không những dọn nhà và giặt giũ vào ngày Chủ nhật mà thậm chí sau đó còn tổ chức một buổi picnic buổi chiều trong nghĩa địa, giữa lúc lớp giáo lý của Hội Giám lý đang trong giờ học. Gia đình duy nhất vẫn còn hờ hững mịt mịt chẳng biết gì đến câu chuyện khủng khiếp này chính là nhà mục sư; vào cái hôm mà cả Faith lẫn Una đều thực lòng tin chắc đương là thứ Ba, trời lại mưa, trời mưa suốt ba ngày liền sau đó, chẳng ai lai vãng gần nhà mục sư; các cư dân của ngôi nhà mục sư chẳng đi đâu hết; lẽ ra chúng có thể đội mưa xuyên qua Thung Lũng Cầu Vòng mưa giăng mịt mù để đến nhà Bên Ánh Lửa, nhưng cả gia đình Blythe, ngoại trừ bà Susan và ông bác sĩ, đều đã đến Avonlea chơi.

“Đây là ổ bánh mì cuối cùng của bọn mình rồi,” Faith nói, “và ‘món y như cũ’ đã hết sạch. Nếu bà Martha không chóng khỏe lên thì bọn mình biết *làm* gì đây?”

“Bọn mình có thể mua một ít bánh mì trong làng và vẫn còn con cá tuyết chị Mary đã phơi khô nữa,” Una nói. “Nhưng bọn mình có biết nấu đâu.”

“Ôi, dễ ợt ấy mà,” Faith bật cười. “Cứ luộc lên là xong.”

Vậy là hai đứa trẻ luộc cá lên; nhưng vì không hề tính đến chuyện phải ngâm qua nước trước khi chế biến nên món cá mặn quá không ăn nổi. Tối đó, bọn trẻ đói meo, nhưng đến ngày hôm sau thì các rắc rối của chúng kết thúc. Ánh mặt trời trở lại với vạn vật; Carl khỏi ốm còn cơn đau của bà Martha thì biến mất một cách đột ngột y như khi xuất hiện, người bán thịt đã ghé qua nhà mục sư và đánh bay cảnh đói kém. Thêm vào đó, đám trẻ nhà Blythe đã trở lại và tối đó, cả bọn cùng với đám trẻ nhà mục sư cộng thêm Mary Vance lại tổ chức một cuộc hẹn lúc xế chiều ở Thung Lũng Cầu Vòng, nơi cúc họa mi dập dờn trên bãi cỏ như những linh hồn của sương đêm còn chuông trên Cây Tình Nhân thì lanh canh như tiếng chuông thần tiên giữa buổi chạng vạng ngát hương.

11. Phát hiện đáng sợ

“Ái chà chà, vậy là bọn nhóc các em đã gây ra một chuyện tệ hại không thể cứu vãn,” Mary nói thay cho lời chào hỏi, ngay khi nhập hội cùng bạn trẻ ở thung lũng. Cô Cornelia đã lên nhà Bên Ánh Lửa, tổ chức buổi họp kín cùng Anne và bà Susan, và Mary hy vọng buổi họp sẽ lâu lâu một chút, vì đã trọn hai tuần con bé chưa được tụ tập cùng nhóm bạn thân trong Thung Lũng Cầu Vồng thân thương.

“Gây ra chuyện gì cơ?” tất cả mọi người đều thắc mắc, ngoại trừ Walter vẫn đang mơ màng như thường lệ.

“Ý chị là hai cô gái nhà mục sư các em ấy,” Mary nói. “Bọn em thật kinh khủng. Dẫu có vì lý do gì đi chăng nữa thì *chị* cũng sẽ không bao giờ làm một chuyện gì như thế, ấy là *chị* còn không được nuôi dạy trong nhà mục sư đấy – mà cũng chẳng được nuôi dạy ở *bất cứ nơi nào cả*... cứ lớn lên thế thôi.”

“*Bọn em* đã làm ra chuyện gì?” Faith hỏi thẳng thừng.

“Làm ra chuyện gì! Thế mà em *lại còn* hỏi! Những lời bàn tán thật khủng khiếp. Chị ngờ là chúng sẽ khiến cho cha các em không ngóc đầu dậy nổi trong giáo đoàn này. Ông ấy sẽ không bao giờ có thể xóa bỏ chuyện đó, tội nghiệp! Mọi người đều đổ lỗi cho ông ấy vì chuyện đó, mà như thế thật không công bằng. Nhưng trên đời này làm gì có cái gì là công bằng đâu chứ. Các em phải lấy làm hổ thẹn vì chính bản thân đi.”

“Bọn em *đã* gây ra chuyện gì?” Una chán nản nhắc lại câu hỏi. Faith không nói gì, nhưng đôi mắt chiếu về phía Mary ánh nhìn khinh khỉnh màu nâu vàng.

“Ôi, đừng có mà giả vờ ngây thơ nữa đi,” Mary nói, giọng coi thường. “Tất cả mọi người đều biết các em đã gây ra chuyện gì.”

“Anh không biết,” Jem Blythe phần nộ xen vào. “Đừng để anh thấy em làm Una phải khóc, Mary Vance. Em đang nói đến chuyện gì đây?”

“Em đoán chắc các anh vẫn chưa biết, vì các anh mới từ phía Tây về thôi mà,” Mary nói, hơi chùn lại. Jem luôn có khả năng chế ngự con bé. “Nhưng tất cả những người khác đều biết cả, cứ tin thế đi.”

“Biết cái gì?”

“Rằng Chủ nhật vừa rồi Faith và Una đã bỏ buổi học giáo lý để ở nhà *dọn dẹp nhà cửa*.”

“Không phải,” Faith và Una kêu lên, phản đối dữ dội. Mary nhìn hai đứa bằng ánh mắt ngạo mạn.

“Chị không ngờ bọn em lại chối đây, sau khi các em đã dạy dỗ *chị* như thế về chuyện nói dối,” con bé nói. “Các em có chối thì cũng có ích gì chứ? Tất cả mọi người đều biết các em đã *làm chuyện đó*. Trưởng lão Clow và vợ ông ấy đã nhìn thấy các em. Một số người còn nói chuyện đó sẽ khiến nhà thờ bị giải tán, nhưng *chị* thì không nghĩ sẽ đến mức đó. Các em đều là người tốt.”

Nan Blythe đứng dậy, vòng tay ôm cả Faith và Una đang sững sờ choáng váng.

“Các cậu ấy tốt bụng đến mức đủ đón nhận *chị*, cho *chị* cái ăn cái mặc, trong khi *chị* sắp chết đói ở nhà kho của ông Taylor, *chị* Mary Vance,” cô bé nói. “Em phải nói rằng, *chị* nên cực kỳ cảm kích mới đúng.”

“*Chị* có cảm kích đây chứ,” Mary phản bác. “Em sẽ biết thế nếu nghe thấy *chị* kiên trì bảo vệ ông Meredith mọi lúc mọi nơi. Tuần này, vì bảo vệ ông ấy mà *chị* nói đến sừng cả lưỡi lên rồi đây này. *Chị* cứ phải nhắc đi nhắc lại là ông ấy không có lỗi gì khi

các con ông ấy dọn dẹp nhà cửa vào Chủ nhật. Ông ấy đang đi vắng... và họ biết quá rõ ấy chứ.”

“Nhưng bọn em không làm thế,” Una phản đối. “Bọn em dọn dẹp nhà cửa vào *thứ Hai* đấy chứ. Đúng vậy nhỉ, chị Faith?”

“Tất nhiên là vậy rồi,” Faith nói, mắt rục rủa. “Bọn em đã đến lớp giáo lý bất chấp trời đang mưa... nhưng chẳng ai đến hết... chẳng ai hết thậm chí kể cả trưởng lão Abraham, trong khi ông ấy không biết đã bao nhiêu lần căn dặn là các tín đồ cơ Đốc chỉ tỏ ra ngoan đạo những khi thời tiết thuận lợi.”

“Hôm trời mưa là thứ Bảy đấy chứ,” Mary nói. “Chủ nhật trời đẹp như mơ ấy. Chị không đến lớp giáo lý vì bị đau răng, nhưng mọi người khác đều đến cả, và họ đã nhìn thấy đồ của nhà em phơi trên bãi cỏ. Vợ chồng trưởng lão Abraham đã nhìn thấy em giũ thảm trong nghĩa địa.”

Una ngồi xuống giữa vạt hoa cúc, òa khóc nức nở.

“Nghe này,” Jem kiên quyết nói, “chắc chắn phải làm cho rõ ràng chuyện này. Có *người* đã nhầm lẫn rồi. Chủ nhật, trời đẹp *thật*, Faith ạ. Sao em lại có thể nhầm thứ Bảy thành Chủ nhật chứ?”

“Buổi lễ cầu nguyện diễn ra vào tối thứ Năm,” Faith kêu lên, và hôm thứ Sáu, Adam đã bay vào nỗi xúp khi bị con mèo của bà Martha rượt đuổi và làm hỏng cả bữa tối của bọn em; hôm thứ Bảy, có một con rắn trong hầm thực phẩm và Carl đã lấy một cái que có chạc bắt con rắn đem ra ngoài, và hôm Chủ nhật, trời mưa. Vậy đấy!”

“Buổi lễ cầu nguyện diễn ra vào tối thứ Tư,” Mary nói, “Trưởng lão Baxter nhận nhiệm vụ chủ trì buổi lễ nhưng ông ấy không đi vào tối thứ Năm được nên đã dời lịch sang thứ Tư. Em bị nhầm mất một ngày rồi, Faith Meredith, và em *đã* làm việc vào Chủ nhật.”

Bất thần, Faith phá lên cười sặc sụa.

“Thế chắc là bọn em đã làm thế thật. Khôi hài quá đi mất!”

“Đối với cha em mà nói thì chuyện đó không khôì hài lắm đâu,” Mary nói giọng cáu kỉnh.

“Đến khi mọi người phát hiện ra đây chỉ là hiểu nhầm thì mọi chuyện sẽ ổn cả thôi,” Faith nói, chẳng mấy để ý. “Bọn em sẽ giải thích.”

“Em cứ gân cổ lên mà giải thích,” Mary nói, “nhưng một sự hiểu nhầm như thế sẽ lan nhanh lan xa đến mức em không tưởng tượng nổi đâu. *Chị* trải đời nhiều hơn em và *chị* biết rõ điều đó. Ngoài ra, sẽ có khối người không tin đây là chuyện hiểu nhầm đâu.”

“Họ sẽ tin nếu em kể cho họ nghe mọi chuyện,” Faith nói.

“Em không thể kể với tất cả mọi người được,” Mary nói. “Không đâu, để *chị* nói cho em biết, các em đã làm xấu mặt cha mình.”

Suy nghĩ tàn khốc này phá hỏng cả buổi tối của Una, nhưng Faith thì chẳng thấy có gì không thoải mái hết. Thêm nữa, con bé đã lên kế hoạch sẽ giải quyết mọi chuyện ngon nghề. Vậy nên con bé bỏ quá khứ nhầm lẫn của nó lại sau lưng và cho phép bản thân tận hưởng hiện tại. Jem đã bỏ đi câu cá còn Walter đã dứt cơn mơ màng và tiếp tục miêu tả cánh rừng chốn thiên đường. Mary đồng tai lên chuyện tâm nghe ngóng. Mặc dù e sợ Walter, con bé lại thích mê cuộc thảo luận về sách vở của cậu. Cuộc thảo luận luôn mang đến cho con bé cảm giác vui thích. Hôm đó, Walter đang đọc thơ Coleridge và vẽ nên một thiên đường nơi *“Có những khu vườn rạng rỡ suối nhỏ quanh co Nơi cây thơm trở hoa chi chít, Có những rừng già cổ xưa tựa rặng đồi Ôm ấp những vùng cây xanh rợp nắng.”*

“Em chẳng biết là trên thiên đường lại có rừng đấy,” Mary nói, hít một hơi thở sâu. “Em cứ tưởng nó chỉ toàn đường phố... và đường phố... và đường phố.”

“Tất nhiên là có rừng chứ,” Nan nói. “Mẹ không sống nếu thiếu cây cối được đâu và em cũng thế, vậy nên nếu chẳng có cây cối gì hết thì lên thiên đường có ích gì chứ?”

“Cũng có cả các thành thị nữa,” chàng trai ưa mơ mộng nói, “những thành phố hoa lệ... rực rỡ như hoàng hôn, với những ngọn tháp màu ngọc bích và những mái vòm bảy sắc cầu vồng. Chúng được xây bằng vàng và kim cương – tất cả các con phố đều bằng kim cương, sáng chói như mặt trời. Ở giữa quảng trường, các đài phun nước bằng pha lê đón nụ hôn của ánh sáng, và khắp nơi lan nhạt quang đua nở – loài hoa của thiên đường.”

“Chao ôi!” Mary kêu lên. “Em từng nhìn thấy phố chính ở Charlottetown một lần rồi và em nghĩ nó thật sự tráng lệ, nhưng có lẽ nó chẳng là gì nếu so với thiên đường. Chắc, nghe anh tả thì nó có vẻ thật lộng lẫy, nhưng chẳng phải trên đó cũng khá tẻ nhạt hay sao?”

“Ồ, em đoán chúng mình có thể vui chơi đôi chút khi các thiên thần đã quay lưng đi,” Faith thoải mái nói.

“Thiên đường vui *cực kỳ* ấy chứ.” Di tuyên bố.

“Kinh Thánh đâu có nói như vậy,” Mary kêu lên, con bé vốn đã phải dành rất nhiều thời gian trong các chiều Chủ nhật đọc Kinh Thánh dưới sự giám sát của cô Cornelia, đến độ bây giờ nó cảm thấy tạm coi mình là chuyên gia cũng được.

“Mẹ bảo Kinh Thánh dùng lối nói tượng trưng,” Nan nói.

“Tức là nó không nói đúng sự thật hả?” Mary khắp khởi hỏi.

“Không... không hẳn... nhưng em nghĩ như thế có nghĩa là nếu ta muốn thiên đường là nơi như thế nào thì nó sẽ là y như thế.”

“Chị thích nó giống Thung Lũng Cầu Vồng,” Mary nói, “có tất cả các em để cùng chuyện trò chơi bời. Với chị *như thế* là quá đủ rồi. Dù sao đi nữa, chúng ta chưa chết thì chưa thể tới thiên đường được, mà có khi đến tận lúc ấy rồi cũng không được ấy chứ, vậy nên lo lắng cũng có ích gì đâu? Jem mang một xâu cá hồi đến đây rồi, giờ đến lượt chị chiêm chúng đây.”

“Nhẽ ra bọn mình phải hiểu biết về thiên đường hơn Walter nhiều, vì bọn mình là gia đình mục sư mà,” Una nói, khi hai chị em trên đường cuốc bộ về nhà tối đó.

“Bọn mình *hiểu biết* cũng nhiều chẳng kém gì anh ấy cả, nhưng Walter biết *tưởng tượng*,” Faith nói. “Bà Elliott nói anh ấy được thừa hưởng nét ấy từ mẹ anh ấy.”

“Em chỉ ước giá như bọn mình không nhầm lẫn về chuyện Chủ nhật,” Una thở dài.

“Đừng lo nghĩ mãi về chuyện đó nữa. Chị đã nghĩ ra một kế hoạch vĩ đại để giải thích cho mọi người đều biết rồi,” Faith nói. “Cứ đợi đến tối mai đi.”

12. Giải thích và thách thức

Tối hôm sau, ngài mục sư tiến sĩ Cooper đến giảng đạo ở Glen St. Mary và nhà thờ Giáo hội Trưởng lão đông nghịt người dân khắp xa gần. Ngài mục sư tiến sĩ nổi tiếng là một diễn giả hoạt ngôn; và, luôn khắc ghi trong tâm trí câu châm ngôn cổ khuyến người mục sư nên mang theo bộ cánh đẹp nhất của mình tới thành phố và mang bài giảng xuất sắc nhất của mình tới nông thôn, ông đã trình bày một bài diễn thuyết uyên thâm gây ấn tượng mạnh. Nhưng tối đó, khi dân làng trở về nhà, chủ đề bàn luận của họ không phải là bài giảng đạo của tiến sĩ Cooper. Họ đã quên sạch sẽ bài giảng đó.

Tiến sĩ Cooper đã kết thúc bài giảng bằng một lời cầu khẩn thiết tha, lau mồ hôi trên vầng trán rộng, nói “Chúng ta hãy cầu nguyện” theo đúng cách đã khiến ông nổi tiếng vì nói câu đó, rồi cầu nguyện một cách thích đáng. Một khoảng lặng ngắn ngủi nổi theo sau. Ở nhà thờ Glen St. Mary, mọi người vẫn duy trì cung cách ngày xưa là quyên góp sau bài giảng đạo chứ không phải từ trước – chủ yếu bởi vì bên Hội Giám lý đã áp dụng cách quyên mới trước, và cô Cornelia cũng như trưởng lão Clow không đời nào chịu đi theo chân Hội Giám lý. Charles Baxter và Thomas Douglas, được giao nhiệm vụ cầm đĩa quyên góp, đang dậm đứng dậy. Người đánh đại phong cầm dạo khúc nhạc thánh ca và dàn đồng ca nhà thờ đang hăng dạn giọng. Đột nhiên, Faith Meredith đang ngồi ở dãy ghế dành cho nhà mục sư đứng bật dậy, bước tới bục giảng, đối mặt với toàn thể đoàn cử tọa đang sống sốt.

Cô Cornelia nhôrm dậy khỏi ghế nhưng sau đó lại ngồi xuống. Hàng ghế của cô ở tít phía sau và cô sực nhớ ra cho dù Faith có định làm gì hay nói gì đi nữa thì trước khi cô kịp tiếp cận con bé, Faith ắt cũng đã làm được nửa chừng hoặc nói được một nửa rồi. Chẳng ích gì nếu làm cho màn thể hiện đã tệ lại càng tệ hơn. Đau khổ liếc nhìn sang phía cô bác sĩ Blythe và sau đó lại khổ sở đánh mắt về phía trợ tế Warren thuộc nhà thờ Hội Giám lý, cô Cornelia đành cam chịu đón nhận thêm một vụ tai tiếng nữa.

“Giá mà đứa trẻ này ăn mặc cho chỉnh tề một chút,” cô thầm rên rỉ trong lòng.

Vì đã làm đổ mực lên chiếc váy đẹp, Faith vui vẻ mặc cái váy hoa cũ màu hồng đã bạc màu. Vết rách ở chân váy đã được mại lại bằng miếng vải can màu đỏ tươi và gấu váy đã được thả xuống, để lộ một dải vải hồng tươi vẫn chưa bị bạc màu vòng quanh chân váy. Nhưng Faith chẳng chút để tâm đến trang phục của mình. Bỗng nhiên, con bé thấy căng thẳng bất an. Trong tưởng tượng, chuyện vốn có vẻ dễ dàng biết bao nhiêu thì giờ trong thực tế lại có phần khó khăn hơn hẳn. Đối diện với hết thảy những ánh mắt dò hỏi đang xoáy thẳng vào mình, Faith dường như chẳng còn giữ lại được chút can đảm nào. Ánh sáng quá chói mắt, sự im lặng quá đáng sợ. Con bé tưởng chừng không cách nào mở miệng nổi. Nhưng nó *phải* nói... cha nó *phải* được xóa sạch mọi hoài nghi. Chỉ có điều... lời lẽ *không chịu* thoát ra.

Khuôn mặt nhỏ bé trắng bệch của Una đang khấn khoản ngược nhìn nó từ dãy ghế dành cho nhà mục sư. Đám trẻ nhà Blythe sững sốt đến đờ người. Ở tít phía cuối, bên dưới khu vực dành cho dàn đồng ca, Faith nhìn thấy nụ cười khoan dung ngọt ngào của cô Rosemary West và vẻ thích thú của bà Ellen. Nhưng tất cả những cái đó không hề giúp ích được gì cho con bé. Chính Bertie Shakespeare Drew đã cứu vãn tình hình. Bertie Shakespeare ngồi hàng ghế trước trong khu vực dành cho dàn đồng ca và làm mặt hề với Faith đầy vẻ chế nhạo. Faith lập tức nhả mặt làm mặt hề đáp trả và, nổi giận vì bị Bertie

Shakespeare chế giễu, con bé quên bém nổi sợ hãi vì phải nói trước đám đông. Con bé lấy lại được giọng nói của mình và bắt đầu trình bày một cách rõ ràng và can đảm.

“Cháu muốn giải thích một chuyện, con bé nói,” và cháu muốn làm điều đó bây giờ bởi vì tất cả mọi người ngồi đây đều đã từng nghe về chuyện ấy theo cách khác. Mọi người bảo rằng Chủ nhật vừa rồi, Una và cháu đã ở nhà dọn dẹp nhà cửa thay vì tới lớp giáo lý. Chắc, chúng cháu đã làm thế thật... nhưng chúng cháu không cố ý. Chúng cháu bị lẫn lộn các ngày trong tuần. Tất cả là do lỗi của trưởng lão Baxter” – sự náo động lan ra trên hàng ghế của nhà Baxter – “bởi vì ông ấy đã đổi lịch buổi lễ cầu nguyện sang tối thứ Tư nên chúng cháu cứ tưởng thứ Năm là thứ Sáu và cứ vậy nên nhầm thứ Bảy thành Chủ nhật. Carl bị ốm nằm bẹp trên giường và bà Martha cũng vậy, nên cả hai người ấy không nhắc nhở cho chúng cháu biết được. Chúng cháu đã đến lớp giáo lý trong lúc trời mưa như trút hôm thứ Bảy và chẳng thấy ai đến cả. Sau đó chúng cháu nghĩ mình sẽ dọn nhà vào thứ Hai và chặn miệng những gái già cứ chê nhà mục sư bản thủ thế nào” – sự náo động lan ra khắp nhà thờ – “và chúng cháu đã làm vậy. Cháu giữ tấm trong nghĩa địa của nhà thờ Hội Giám lý để cho tiện chứ không phải vì cháu cố tình tỏ ra bất kính với người chết. Người chết đâu có làm ồn ã lên vì chuyện này – chính người sống làm thế đấy chứ. Và cũng thật không phải nếu bất kỳ ai trong mọi người đổ lỗi cho cha cháu vì chuyện này, bởi vì cha cháu khi ấy không có mặt ở nhà và chẳng biết gì cả, mà dù sao đi nữa chúng cháu cứ tưởng hôm đó là thứ Hai. Cha là người cha tốt nhất trên đời này và chúng cháu yêu cha bằng cả trái tim.”

Lòng can đảm của Faith biến mất tăm trong tiếng nước nở. Con bé chạy xuống bậc thềm và lao ra ngoài qua cánh cửa hông của nhà thờ. Đêm hè trù mền lấp lánh ánh sao xoa dịu tâm hồn con bé và cơn đau biến mất khỏi đôi mắt cũng như cổ họng của con bé. Nó cảm thấy rạo rực vui sướng. Màn giải thích kinh khiếp đã xong xuôi và giờ mọi người đều đã biết cha con bé

không đáng bị đổ lỗi và rằng con bé cùng Una không hư hỏng đến mức chủ tâm dọn dẹp nhà cửa vào Chủ nhật.

Bên trong nhà thờ, mọi người thất thần trừng trừng nhìn nhau, nhưng rồi Thomas Douglas đứng dậy bước ra lối đi giữa các dãy ghế, vẻ mặt nghiêm nghị. Nhiệm vụ của ông rất rõ ràng, cho dù trời có sập thì vẫn phải thực hiện việc quyên góp. Việc quyên góp được tiến hành; dàn đồng ca hát thánh ca, thiếu nhiệt tình đến mức khiến cho bài hát trở nên nhạt nhẽo kinh khủng, rồi tiến sĩ Cooper hát thánh ca kết thúc và đọc kinh tạ ơn ít mộ đạo hơn khá khá so với thường lệ. Mục sư tiến sĩ vốn có khiếu hài hước và màn thể hiện của Faith đã chọc cho ông buồn cười. Bên cạnh đó, John Meredith tương đối nổi tiếng trong giới Giáo hội Trưởng lão.

Mục sư Meredith quay về nhà vào chiều hôm sau, nhưng trước khi ông về đến nhà, Faith đã lại một lần nữa làm cả Glen St. Mary chướng tai gai mắt. Do sự căng thẳng và cảm xúc mãnh liệt bị khơi dậy trong tối Chủ nhật, sang đến thứ Hai, con bé đặc biệt chất chứa cái mà cô Cornelia hẳn sẽ gọi là “sự yêu ma quỷ quái”. Điều này đã dẫn con bé đến chỗ thách thức Walter Blythe cưỡi lợn chạy xuyên qua đường chính, trong khi chính nó cũng cưỡi một con lợn khác chạy cùng.

Hai con lợn được nhắc đến ở đây là hai con vật vừa gầy vừa cao, được biết là thuộc quyền sở hữu của bố Bertie Shakespeare Drew và hai tuần nay vẫn điểu qua điểu lại suốt trên lề đường cạnh nhà mục sư. Walter không muốn cưỡi lợn chạy xuyên qua Glen St. Mary, nhưng Faith Meredith mà đã thách thì dù là cái gì cậu cũng nhất định phải làm. Hai đứa trẻ lao phăm phăm xuống đồi và băng qua làng, Faith cười đến rập cả người xuống trên con lợn đua đang bị dọa cho chết khiếp, trong khi Walter thì xấu hổ đến mức đỏ như cả mặt. Chúng chạy băng qua chính ông mục sư vừa rời khỏi ga tàu hỏa và đang trên đường về nhà; ông mục sư, đỡ mơ màng lơ đãng hơn một chút so với lệ thường – nhờ vừa trò chuyện trên tàu với cô Cornelia, vốn là người luôn nhất thời thức tỉnh được ông – đã chú ý đến hai đứa trẻ và thầm

nghĩ nhất định ông phải nói chuyện với Faith về việc này và bảo cho con bé biết lối cư xử như thế quả là không thích hợp chút nào. Nhưng đến lúc về tới nhà thì ông đã quên bồng mất cái sự cố vặt vãnh này rồi. Hai đứa trẻ cười lộn chạy qua bà Alec Davis, khiến bà ta kinh hãi đến độ kêu ré lên, và chúng cũng băng qua chỗ cô Rosemary West, làm cô phải bật cười và rồi thở dài. Cuối cùng, ngay trước khi đôi lợn phăm phăm lao vào sân sau nhà Bertie Shakespeare Drew, từ đấy không bao giờ xuất hiện trở lại nữa – do thần kinh đã bị kích thích tột độ – Faith và Walter nhảy xuống khỏi lưng lợn, đúng lúc vợ chồng bác sĩ Blythe đánh xe chạy lướt qua.

“Vậy ra đây là cách em dạy dỗ các con trai đấy,” Gilbert nói, giả vờ tỏ ra nghiêm khắc.

“Có lẽ em đã hơi chiều hư chúng.” Anne nói giọng ăn năn, “nhưng, ôi chao, anh Gilbert ơi, cứ mỗi khi nghĩ đến tuổi thơ của chính mình trước khi được đến Chái Nhà Xanh, em lại chẳng thể nhẫn tâm mà cư xử quá nghiêm khắc được. Trước đây, em đã khát khao biết bao nhiêu tình yêu thương và sự vui vẻ chứ – một kẻ nô lệ bé nhỏ không được yêu thương chẳng bao giờ có cơ hội để chơi đùa! Chúng đã hạnh phúc biết nhường nào khi chơi cùng bọn trẻ nhà mục sư.”

“Thế còn hai con lợn tội nghiệp thì sao?” Gilbert hỏi. Anne cố tỏ ra nghiêm túc nhưng không thành công.

“Anh có thật tâm cho rằng chuyện đó sẽ làm chúng bị tổn thương không?” cô hỏi. “Em không nghĩ là lại có bất cứ thứ gì có thể gây tổn thương cho những con vật đó được. Hè này, chúng đã thành mối tai họa cho dân làng quanh đây, mà nhà Drew thì *chẳng chịu* bắt nhốt chúng lại. Nhưng em sẽ vẫn nói chuyện với Walter – nếu em có thể kiềm chế được để không cười phá lên trong lúc nói.”

Tối đó, cô Cornelia đến Bên Ánh Lửa để giải tỏa những cảm xúc tích tụ từ tối Chủ nhật. Cô ngạc nhiên phát hiện ra Anne

không có cùng quan điểm như cô khi nhìn nhận màn thể hiện của Faith.

“Cháu nghĩ đứa bé đó thật dũng cảm và đáng thương khi đứng lên đó, trước mặt mọi người trong nhà thờ đông đúc, để thú nhận,” cô nói. “Cô có thể thấy lúc đó con bé đang sợ chết khiếp... ấy vậy nhưng nó vẫn kiên quyết minh oan cho cha mình. Cháu quý con bé ở điểm đó.”

“Ôi, tất nhiên, đứa trẻ tội nghiệp đó có ý tốt,” cô Cornelia thở dài, “nhưng đồng thời, đó cũng là một hành động kinh khủng và lại còn gây nhiều bàn tán hơn cả chuyện dọn dẹp nhà cửa vào Chủ nhật nữa. Vụ đó vốn đã bắt đầu xuôi xuôi đi rồi, ấy vậy nhưng chuyện này lại khơi nó dậy lần nữa. Rosemary West cũng giống hệt cháu – tối qua lúc rời khỏi nhà thờ, cô ấy bảo Faith quả là gan dạ khi hành động như thế, nhưng cô ấy cũng thấy thương thay cho đứa trẻ. Ellen thì thuần túy coi đó là một trò cười thú vị và nói đã rất lâu rồi bà ấy không được vui vẻ đến thế trong nhà thờ. Tất nhiên họ chẳng buồn quan tâm – họ là tín đồ Tân giáo mà. Nhưng những người Giáo hội Trưởng lão chúng ta thì phải gánh chịu hậu quả. Tối đó có rất nhiều khách vắng lai tập trung ở nhà thờ và cả đồng người Hội Giám lý nữa. Bà Leander Crawford đã khóc vì quá khổ sở trong lòng. Còn bà Alec Davis thì bảo nhất định phải có người tét vào mông con nhỏ hỗn xược đó một cái mới được.”

“Bà Leander Crawford lúc nào mà chẳng khác trong nhà thờ,” bà Susan khinh khỉnh nói. “Ông mục sư cứ nói gì xúc động là bà ấy lại khóc. Nhưng cô chẳng thường xuyên nhìn thấy tên bà ta xuất hiện trong danh sách quyên góp đâu, cô bác sĩ thân yêu ạ. Nước mắt thì rẻ hơn nhiều. Có hôm bà ta cứ đòi nói cho tôi nghe bà Martha là quản gia mà để nhà cửa bẩn thỉu đến thế nào, và tôi chỉ muốn nói, ‘Ai mà chẳng biết người ta đã nhìn thấy bà nhào bột bánh nướng trong cái chậu hủ bà Leander Crawford!’ Nhưng tôi *không* nói thế, cô bác sĩ thân yêu ạ, bởi vì tôi là người giàu lòng tự trọng nên chẳng muốn hạ mình mà tranh cãi với những người như bà ta. Nhưng nếu thích buôn chuyện thì tôi

còn có thể nói nhiều điều tệ hơn thế về bà Leander Crawford ấy chứ. Còn về phần bà Alec Davis, nếu bà ta mà nói điều đó với tôi, cô bác sĩ thân yêu ạ, cô có biết tôi sẽ đáp lại như nào không? Tôi sẽ bảo, "Tôi không hề hoài nghi chuyện bà rất muốn тет мông Faith, bà Davis ạ, nhưng bà sẽ không bao giờ có cơ hội тет мông con gái một mục sư đâu, cho dù là ở cõi trần gian này hay cõi nào về sau đó nữa."

"Giá mà Faith tội nghiệp ăn mặc kín chu," cô Cornelia lại than van, "thì chuyện đã chẳng tệ đến mức đó. Nhưng lúc con bé đứng đấy trên bục giảng kinh, cái váy đó trông đến là kinh."

"Tuy nhiên, nó vẫn sạch sẽ, cô bác sĩ thân yêu ạ," bà Susan nói. "Chúng là những đứa trẻ sạch sẽ. Có lẽ chúng rất lơ là, bất cẩn thật, cô bác sĩ thân yêu ạ, và tôi sẽ không phản đối điều đó, nhưng chúng *không bao giờ* quên rửa ráy đằng sau tai."

"Cứ nghĩ đến việc Faith quên mất ngày hôm đó là Chủ nhật mà xem," cô Cornelia vẫn khẳng định. Sau này lớn lên, rồi con bé cũng trở nên lơ đãng và thiếu thực tế y như bố nó cho xem, cứ tin tôi đi. Tôi đồ rằng nếu không ốm thì Carl thế nào cũng nắm rõ tình hình. Tôi không biết thằng bé bị làm sao, nhưng tôi nghĩ rất có khả năng nó đã ăn việt quất mọc trong nghĩa địa nhà thờ ấy. Chẳng có gì lạ nếu chúng làm thằng bé bị ốm. Nếu tôi mà là người Hội Giám lý thì ít nhất tôi cũng sẽ cố gắng giữ cho khu nghĩa địa nhà thờ được dọn dẹp sạch sẽ."

"Theo ý tôi thì Carl chỉ ăn phải quả xanh mọc trên bờ tường thôi," bà Susan nói, giọng khấp khởi hy vọng. "Tôi không nghĩ là có *bất cứ* đứa con trai mục sư nào lại đi ăn việt quất mọc trên mộ người chết. Cô biết rõ nếu ăn quả mọc trên bờ tường thì sẽ chẳng đến nỗi quá tệ đâu mà, cô bác sĩ thân yêu."

"Phần tệ hại nhất trong màn thể hiện tối hôm qua chính là Faith đã làm mặt hề giễu ai đó trong giáo đoàn ngay trước khi con bé bắt đầu," cô Cornelia nói. "Trưởng lão Clow nhất quyết cho rằng con bé đã làm mặt hề với ông ấy. Mà hai người có nghe chuyện hôm nay con bé cười lộn chạy không?"

“Cháu đã nhìn thấy nó. Walter đã ở cùng con bé. Cháu đã khiển trách thằng bé một chút – một chút *xíu* – về chuyện đó. Thằng bé không nói gì nhiều, nhưng qua lời nó nói thì cháu có cảm tưởng đó chính là ý tưởng của nó và Faith không đáng bị trách mắng.”

“Tôi không tin vậy đâu, cô bác sĩ thân yêu ơi, bà Susan kêu lên, tay giơ cao.” Đó đúng là cung cách của Walter – nhận mọi lỗi lầm về phần mình. Nhưng cô cũng hiểu rõ chẳng kém gì tôi, cô bác sĩ thân yêu ạ, rằng đứa trẻ đó sẽ không đời nào nảy ra ý tưởng cười lên một con lợn, cho dù có là viết trong thơ đi nữa.”

“Ôi, chắc chắn cái ý tưởng đó đã được nảy sinh trong đầu Faith Meredith,” cô Cornelia nói. “Và phải nói rằng tôi chẳng thấy thương tiếc gì cho hai con lợn già của Amos Drew khi chúng ít nhất cũng có một lần bị trừng phạt thích đáng. Nhưng còn đứa con gái mục sư đó!”

“Và đứa con trai bác sĩ đó!” Anne nói, nhại giọng cô Cornelia. Rồi cô cười phá lên. “Cô Cornelia yêu quý, chúng chỉ là trẻ con thôi mà. Và cô *biết* rõ chúng chưa bao giờ làm bất cứ chuyện xấu xa nào... chúng chỉ bông bột và bốc đồng thôi... y như cháu ngày xưa vậy. Khi lớn lên, rồi chúng sẽ điềm tĩnh và mềm tính đi thôi, y như cháu vậy.”

Cô Cornelia cũng cười phá lên.

“Có nhiều khi, Anne cưng ạ, nhìn vào mắt cháu là ta biết ngay sự điềm tĩnh của cháu chỉ là vẻ bề ngoài thôi chứ thật ra trong thâm tâm, cháu khát khao lại được làm một điều trẻ trung hoang dại nào đó. Chắc, ta cảm thấy được động viên tinh thần nhiều rồi. Chẳng hiểu sao, cứ nói chuyện với cháu là y như rằng ta lại có được hiệu quả đó. Này nhé, mỗi khi ta đi gặp Barbara Samson, tình hình lại khác hoàn toàn. Cô ta khiến ta có cảm giác tất cả mọi chuyện đều sai trái và sẽ luôn luôn như vậy. Nhưng tất nhiên, khi phải sống cả đời với một người đàn ông như Joe Samson thì chẳng dễ gì mà vui vẻ.”

“Cứ ngẫm đến bao nhiêu cơ hội mà cô ta đã có, thì thật lạ là cô ta lại cưới Joe Samson,” bà Susan bình luận. “Hồi còn con gái, cô ta được nhiều người theo đuổi lắm. Cô ta vẫn thường khoe khoang với tôi là cô ta có tận hai mươi mốt anh theo và cả ông Pethick.”

“Ông Pethick là như nào ạ?”

“Chậc, ông ta là một dạng kiểu theo dõi ăn tàn thôi, cô bác sĩ thân yêu ạ, nhưng cô chẳng thể gọi ông ta là một người theo đuổi hẳn hoi được. Ông ta không hẳn có bất kỳ tình ý gì. Hai mươi mốt người theo đuổi – trong khi tôi thì chưa bao giờ có lấy một anh! Nhưng đến cuối cùng Barbara lại bỏ qua cả cánh rừng và chọn lấy một cái que vẹo vọ. Tuy vậy, nghe nói chồng cô ta biết làm món bánh quy xộp ngon hơn cô ta làm nhiều, và mỗi khi có khách đến dùng trà, cô ta luôn để ông chồng làm món đó.”

“Nói đến đây *ta* mới nhớ ra ngày mai ta có khách đến dùng trà và ta phải về nhà chuẩn bị bánh mì thôi,” cô Cornelia nói. “Mary bảo con bé lo liệu được và hiển nhiên con bé có thể làm được thật. Nhưng một khi ta vẫn còn sống, còn cử động và còn tồn tại, thì ta sẽ tự tay làm bánh mì, cứ tin ta đi.”

“Mary dạo này thế nào rồi ạ?” Anne hỏi.

“Ta chẳng có gì để phàn nàn về Mary hết,” cô Cornelia nói, giọng nhuốm vẻ rầu rĩ. “Con bé đang ngày càng có da có thịt hơn và nó là đứa sạch sẽ, lễ phép – tuy nhiên ta chẳng cách nào hiểu thấu nó được. Con bé là đứa ranh mãnh. Cho dù có đào xới cả nghìn năm thì ta cũng chẳng thể dò được đến đáy tâm trí của đứa trẻ đó đâu, cứ tin ta đi! Xét về phương diện làm việc, ta chưa từng thấy có ai như con bé. Nó làm việc *đến nghiện*. Có lẽ bà Wiley đã đối xử tàn nhẫn với con bé thật, nhưng người ta không nhất thiết phải nói rằng bà ta đã bắt Mary làm việc. Mary bản tính là người thích lao động. Nhiều khi ta vẫn băn khoăn không biết cái nào sẽ mệt trước đây – chân hay lưỡi của con bé. Dạo này, ta chẳng còn đủ việc để mà giúp ta bớt rảnh rồi sinh nông

nổi. Ta thật lòng rất mừng nếu trường học khai giảng, vì đến lúc đó, ta sẽ lại có việc gì đó để mà làm. Mary không muốn đi học, nhưng ta kiên quyết phản đối và bảo rằng con bé nhất định phải đến trường. Ta sẽ *không* để cho những kẻ Hội Giám lý nói rằng ta không cho con bé đi học trong khi ta thì lười biếng rong chơi.”

13. Ngôi nhà trên đồi

Trong vùng lòng chảo Thung Lũng Cầu Vòng được bao bọc bởi những hàng bạch dương, ở góc trũng gần đầm lầy, có một con suối nhỏ không bao giờ cạn, nước lúc nào cũng lạnh băng và trong vắt như pha lê. Không nhiều người biết đến sự tồn tại của nó. Tất nhiên, bọn trẻ Bên Ánh Lửa và nhà mục sư đều biết, cũng như chúng biết hết thảy mọi điều khác về thung lũng diệu kỳ này. Thỉnh thoảng, chúng lại đến đó uống nước, và trong nhiều trò chơi của bọn trẻ, nơi này đóng vai trò như một suối nguồn của những câu chuyện lãng mạn xa xưa. Anne biết về con suối và rất thích nó, vì bằng cách nào đấy, nó nhắc cô nhớ đến Bong Bóng Nữ Thần Rừng thân thương ở Chái Nhà Xanh. Rosemary West biết về con suối; nó cũng là suối nguồn lãng mạn của cô. Mười tám năm về trước, trong một buổi hoàng hôn mùa xuân, cô đã ngồi cạnh con suối, nghe chàng Martin Crawford lắp bắp thú nhận về tình yêu trẻ con nồng nàn của mình. Cô đã thầm thì điều bí mật của mình để đáp lại cậu, và họ đã hôn nhau, hẹn thề bên dòng suối rừng hoang dã. Họ chẳng bao giờ đứng cạnh nhau bên con suối ấy lần nào nữa – ít lâu sau đó, Martin đã dong buồm bắt đầu hành trình định mệnh của đời mình, nhưng với Rosemary West, nơi này vĩnh viễn là một chốn thiêng liêng, được tắm trong màu sắc thiêng liêng nhờ cái thời khắc bất diệt ấy của tình yêu và tuổi trẻ. Bất cứ khi nào đi ngang qua nơi này, cô đều rẽ ngang, để bí mật hẹn hò với giấc mơ xưa – một giấc mơ đã từ lâu không còn đau khổ, chỉ lưu lại những ngọt ngào không thể nào quên.

Dòng suối nằm khuất khỏi tầm nhìn. Ta có thể đi qua, chỉ cách nó chừng mười bước chân, ấy vậy nhưng chẳng bao giờ ngờ đến sự tồn tại của nó. Qua hai thế hệ, một cây thông cổ thụ đã đổ xuống gần như chắn ngang dòng suối. Cái cây chẳng còn lại gì, ngoài phần thân tróc vỏ um tùm dương xỉ mọc quanh thành một mái che xanh ngắt và một tấm bình phong đăng ten che chắn cho dòng nước. Một cây phong mọc bên suối, thân cây cong queo xương xẩu đến lạ kỳ, bò trên mặt đất một quãng ngắn rồi đột nhiên vươn lên không trung, uốn éo tạo thành một chỗ ngồi lạ mắt; và thàng Chín đã quàng một chiếc khăn dệt bằng hoa cúc tây màu xanh khói nhạt quanh vùng lòng chảo.

Một tối, John Meredith, đang đi đường tắt băng qua Thung Lũng Cầu Vòng trên đường về nhà sau khi đi thăm mấy thôn dân quanh Cửa Vịnh, bèn rẽ vào dòng suối nhỏ uống nước. Một buổi chiều cách đây chỉ mới vài hôm, Walter Blythe đã chỉ cho ông xem dòng suối này và họ đã chuyện trò một lúc lâu trên chỗ ngồi do cây phong tạo thành kia. Ẩn dưới tính cách rụt rè và thái độ xa cách của mình, John Meredith vẫn mang tâm hồn của một chàng trai. Thời trẻ, ông vẫn được gọi là Jack, mặc dù sẽ chẳng có người nào ở Glen St. Mary tin vào điều đó. Walter và ông đã trở nên quý mến nhau và trò chuyện cởi mở với nhau. Ông Meredith đã tìm được con đường tiến vào những căn phòng thiêng liêng được niêm phong kín mít trong tâm hồn cậu, nơi mà thậm chí cả Di cũng chưa từng có cơ hội liếc nhìn. Sau quãng thời gian thân tình đó, hai người đã trở thành đôi bạn thân thiết và Walter biết rằng cậu sẽ không bao giờ còn thấy sợ hãi ông mục sư nữa.

“Trước đây, con chẳng bao giờ tin là ta có thể làm bạn với một mục sư,” cậu nói với mẹ tối đó.

Ông John Meredith uống nước từ bàn tay tuy xanh xao mảnh khảnh nhưng luôn khiến cho những người không biết rõ phải sửng sốt bởi lực nắm cứng như thép của nó, rồi sau đó ông ngồi xuống chỗ ngồi do cây phong tạo thành. Ông không vội về nhà, đây là một chốn xinh đẹp và tinh thần ông đang uể oải sau một

chuỗi trò chuyện có phần thiếu cảm hứng với những con người tốt bụng nhưng khờ dại. Trăng đang lên. Thung Lũng Cầu Vòng nơi ông đang ngồi chỉ có gió lai vãng và các vì sao canh gác, nhưng xa xa, phía trên kia, vọng đến tiếng cười đùa trò chuyện vui vẻ của lũ trẻ.

Vẻ đẹp thoát tục của những bông cúc tây dưới ánh trăng, ánh sáng mờ ảo của dòng suối nhỏ, tiếng nước róc rách êm ái cùng nét duyên dáng lung linh của đám dương xỉ điều hòa quyện vào nhau, dệt nên một tấm màn phép thuật thiện lành bao quanh John Meredith. Ông quên hết những lo toan về giáo đoàn và các vấn đề tâm linh; năm tháng trôi đi cách xa ông; ông lại trở về là một chàng sinh viên trẻ trung khoa thần học và những bông hoa hồng tháng Sáu đang bung nở đỏ thắm và thơm ngát trên mái tóc nâu kiêu sa của Cecilia của ông. Ông ngồi đây, mơ mộng giống như bất kỳ chàng trai nào khác. Và chính vào thời khắc tốt lành này, Rosemary West từ con đường hẻo lánh rẽ vào đứng bên cạnh ông trong chốn nguy hiểm thắm đẫm sắc màu phép thuật ấy. Khi cô bước vào, ông John Meredith đứng dậy nhìn cô – nhìn cô *hắn hoi* – lần đầu tiên trong đời.

Ông đã gặp cô trong nhà thờ một hai lần gì đó và từng lơ đãng bắt tay cô y như ông vẫn làm với bất kỳ người nào tình cờ gặp gỡ dọc trên lối đi giữa các dãy ghế trong nhà thờ. Ông chưa từng gặp cô ở bất kỳ nơi nào khác, vì gia đình West theo nhà thờ Tân giáo, quen đi nhà thờ ở Lowbridge, và chẳng có cơ hội nào để ông ghé thăm họ. Trước buổi tối nay, nếu có bất kỳ ai hỏi John Meredith rằng Rosemary West có đáng vẻ như thế nào thì ắt hẳn ông sẽ chẳng mảy may nảy sinh trong đầu một hình dung mơ hồ nào hết. Nhưng sau tối nay, ông sẽ không bao giờ quên cô được, vì cô đã xuất hiện trước mắt ông trong vẻ đẹp huyền ảo của đêm trăng thanh bên dòng suối.

Hiển nhiên cô không có nét gì tương tự Cecilia – vốn luôn là hình mẫu của sắc đẹp phụ nữ trong tâm trí ông. Cecilia nhỏ nhắn, tóc nâu và hoạt bát; Rosemary West cao dong dỏng, tóc vàng và điềm tĩnh, ấy vậy nhưng John Meredith lại cảm thấy

ông chưa bao giờ gặp một người phụ nữ nào xinh đẹp nhường ấy.

Cô đang để đầu trần và mái tóc vàng óng ả – mái tóc mang màu vàng ấm áp, màu “keo mật mía cứng” theo cách miêu tả của Di Blythe – được ghim thành những cuộn tóc chặt bóng mượt vòng trên đầu cô, cô có đôi mắt xanh lơ to tròn điềm tĩnh dường như lúc nào cũng dong đầy sự thân thiện, vầng trán vừa cao vừa trắng và khuôn mặt thanh thoát.

Rosemary West luôn được gọi là một “người phụ nữ ngọt ngào”. Cô ngọt ngào đến độ ngay cả cái phong thái trang nghiêm, quý phái của cô cũng chẳng bao giờ đủ khả năng khiến cho cô phải mang cái danh là kẻ “ngạo mạn”, trong khi nếu là bất kỳ ai khác ở Glen St. Mary thì đây hẳn sẽ là chuyện chẳng cách gì tránh nổi. Cuộc sống đã dạy cô phải biết can trường, biết kiên nhẫn, yêu thương và tha thứ. Cô đã dõi nhìn theo con tàu giương buồm ra khơi, mang theo người yêu cô rời khỏi cảng Bốn Làn Gió, tiến vào ánh hoàng hôn. Nhưng, dẫu có dõi nhìn bao lâu đi chăng nữa, cô cũng chẳng bao giờ thấy con tàu ấy giương buồm quay trở về. Sự ngóng chờ vô vọng ấy đã cướp mất ánh sáng tuổi thanh xuân trong đôi mắt cô, tuy nhiên, cô vẫn giữ được nét trẻ trung ở một mức độ đáng kinh ngạc. Có lẽ điều này bắt nguồn từ việc cô dường như luôn duy trì được thái độ ngạc nhiên đầy hứng khởi trước cuộc sống, một thái độ thường đã bị phần lớn chúng ta bỏ lại thời thơ ấu, một thái độ không chỉ khiến bản thân Rosemary dường như thật trẻ trung, mà còn khiến cho tất cả những người trò chuyện với cô cũng đều bị tẩm trong một ảo tưởng dễ chịu về sự trẻ trung của chính mình.

John Meredith sửng sốt trước vẻ đáng yêu của Rosemary còn cô thì sửng sốt trước sự hiện diện của ông. Cô chưa từng nghĩ rằng sẽ gặp bất kỳ người nào bên dòng suối khuất nẻo này, nhất là con người ẩn dật của ngôi nhà mục sư làng Glen St. Mary. Cô suýt nữa đã đánh rơi chồng sách nặng trĩu mượn từ thư viện Glen mang về nhà, rồi sau đó, để che giấu sự bối rối, cô đã bật ra

một trong những lời nói dối vô hại thuộc dạng mà đôi khi, đến cả những người phụ nữ đoan trang bậc nhất cũng vẫn nói.

“Tôi... tôi đến uống nước,” cô nói, hơi lắp bắp, để đáp lại câu chào nghiêm nghị “Xin chào, cô West” của ông Meredith. Cô cảm thấy mình đúng là một kẻ ngốc nghếch không thể tha thứ được và chỉ mong biến mất khỏi nơi này. Nhưng John Meredith không phải người ảo tưởng và ông biết rất có khả năng cô cũng sẽ sống sót y như thế nếu gặp ông già trưởng lão Clow trong tình cảnh đột ngột như vậy. Sự bối rối của cô giúp ông bớt căng thẳng và ông quên bém mất bản tính rụt rè của mình, thêm nữa, dưới ánh trăng sáng thì đôi khi đến cả người đàn ông rụt rè nhất trần đời cũng vẫn có thể trở nên tương đối táo bạo.

“Để tôi lấy cho cô một cốc nhé,” ông mỉm cười nói. Giá ông biết được có một cái cốc gần đây *thật*, một cái cốc nứt mất quai màu xanh dương được bọn trẻ Thung Lũng Cầu Vòng giấu bên dưới cây phong nhưng ông không biết điều đó, vậy nên ông bèn bước tới chỗ một cây bạch dương, lột một mảnh vỏ trắng ra khỏi thân cây. Ông khéo léo cuộn nó lại thành một cái cốc hình nón, múc đầy nước suối vào trong rồi trao nó cho Rosemary.

Rosemary nhận cái cốc và uống cạn để trừng phạt bản thân vì lời nói dối vặt vãnh, vì cô chẳng hề khát chút nào và phải uống cả một cốc to đầy nước trong khi ta không khát thì quả là một thử thách tương đối. Tuy nhiên màn uống nước đó đã để lại trong Rosemary một ký ức rất đẹp. Trong nhiều năm về sau, cô vẫn cảm thấy nó dường như có một cái gì đó tựa như được ban phước. Có lẽ bởi vì hành động của ông mục sư khi cô đưa trả cái cốc lại cho ông. Ông lại cúi xuống, múc đầy nước vào cốc rồi tự mình uống. Hoàn toàn do tình cờ, ông đặt môi lên đúng nơi Rosemary đã đặt môi, và Rosemary biết rõ điều đó. Ấy vậy nhưng, cô vẫn thấy hành động ấy mang một ý nghĩa lạ lùng. Hai người họ uống nước từ cùng một cái cốc. Cô vẫn nhớ lại một bà dì của cô từng nói nếu hai con người làm thế thì cuộc sống tương lai của họ sẽ kết nối với nhau theo một kiểu nào đó, dù tốt hay xấu.

John Meredith ngáp ngừng cầm cái cốc. Ông không biết nên làm gì với nó. Theo đúng lý hợp tình thì hẳn nên ném nó đi, nhưng chẳng hiểu sao ông lại không muốn làm vậy. Rosemary chìa tay về phía cái cốc.

“Anh để tôi giữ nó được không?” cô hỏi. “Anh làm nó khéo quá. Tôi chưa từng thấy bất cứ ai làm một cái cốc như thế từ vỏ cây bạch dương, kể từ hồi anh trai tôi làm chúng từ rất lâu trước đây... trước khi anh ấy mất.”

“Tôi đã học cách làm chúng hồi *tôi* còn nhỏ, trong một lần cắm trại mùa hè. Một người thợ săn già đã dạy tôi,” ông Meredith nói. “Đưa sách đây tôi cầm hộ cho, cô West.”

Giật mình, Rosemary lại bật ra một lời nói dối khác và bảo ồ, không nặng gì đâu. Nhưng ông mục sư đã dứt khoát cầm đóng sách trên tay cô và hai người sánh bước rời đi. Đây là lần đầu tiên Rosemary đứng cạnh dòng suối trong thung lũng mà tâm trí không hướng về Martin Crawford. Cuộc hẹn hò huyền bí đã bị phá vỡ rồi.

Con đường nhỏ uốn lượn quanh đầm lầy rồi sau đó chạy lên trên ngọn đồi rậm rạp trải dài, trên đỉnh đồi chính là nơi Rosemary sinh sống. Xa hơn nữa, xuyên qua hàng cây, họ có thể nhìn thấy ánh trăng đang rắc bạc trên khắp các cánh đồng mùa hè bằng phẳng. Nhưng con đường nhỏ vừa hẹp vừa tối. Cây cối sin sít che phủ phía bên trên con đường, và khi đêm buông, cây cối vốn chẳng mấy khi thân thiện với loài người như lúc ban ngày. Chúng co mình lại tránh xa chúng ta. Chúng thì thầm, lén lút bày mưu tính kế. Nếu chúng vươn bàn tay về phía chúng ta, thể nào đó cũng là một cái đụng chạm thăm dò, nhuộm mùi thù địch. Nếu đi giữa rừng cây trong đêm tối, người ta luôn bất giác dựa sát vào nhau theo bản năng, hình thành nên một mối liên minh, cả về mặt thể xác lẫn tinh thần, chống lại những thế lực không cùng chủng tộc đang vây xung quanh. Chiếc váy của Rosemary khẽ quét qua người John Meredith khi họ bước đi trên đường. Thậm chí ngay cả một mục sư lơ đãng, xét cho cùng vẫn còn thanh niên, mặc dù ông vẫn khẳng định chắc chắn mình đã

qua cái thời lãng mạn, thì cũng chẳng thể tỏ ra vô tình trước sự mê hoặc của buổi đêm, của con đường và sự bầu bạn.

Chẳng bao giờ chắc chắn khi ta nghĩ đời mình thế là hết. Khi ta tưởng đã kết thúc câu chuyện đời mình thì y như rằng số phận sẽ tung ra mảnh khốe lật trang sách để chỉ cho ta thêm một chương sách nữa. Hai con người này, ai cũng đều định ninh trái tim họ đã vĩnh viễn thuộc về quá khứ, nhưng cả hai đều nhận thấy hành trình cuộc bộ lên đời vô cùng thú vị. Rosemary nghĩ ông mục sư làng Glen không hề nhút nhát và kiêu lờn như người ta vẫn thường nhận xét. Có vẻ như ông không gặp chút khó khăn nào khi muốn nói chuyện tự do, thoải mái. Các bà nội trợ làng Glen hẳn sẽ ngạc nhiên lắm nếu nghe ông nói. Nhưng ngẫm lại thì, rất nhiều bà nội trợ làng Glen chỉ quen nói những chuyện ngời lê đôi mách và giá trứng gà trứng vịt, mà John Meredith thì chẳng hứng thú gì với cả hai thứ trên. Ông trò chuyện với Rosemary về sách vở, âm nhạc, những sự kiện lớn trên thế giới rộng lớn cũng như một vài sự kiện trong chính cuộc đời ông và nhận thấy cô có thể thấu hiểu và đáp lời. Có vẻ như Rosemary sở hữu một cuốn sách ông Meredith dù rất muốn nhưng vẫn chưa được đọc. Cô đề nghị cho ông mượn nên khi họ đến ngôi nhà cũ trên đồi, ông bèn vào nhà để lấy cuốn sách.

Nhà của Rosemary là một ngôi nhà màu xám kiểu cổ chẳng chịt dây leo, và xuyên qua các nhánh cây, ánh đèn trong phòng khách nhấp nháy đầy thân thiện. Ngôi nhà nhìn xuống làng Glen, phóng tầm mắt qua khắp bến cảng lấp lánh ánh trắng bạc, ra tới những đụn cát và đại dương đang than van. Họ đi xuyên qua một khu vườn đường như lúc nào cũng ngan ngát hương hoa hồng, kể cả khi hoa chưa kịp nở. Có một khóm huệ tây bên cánh cổng và hai dải cúc tây mọc hai bên con đường rộng rãi, thêm một vật linh sam trên rìa đồi phía sau ngôi nhà.

“Cô có cả thế giới nơi ngưỡng cửa này,” John Meredith nói, kèm theo một tiếng thở dài. “Tầm nhìn từ đây mới tuyệt làm sao... quang cảnh mới tuyệt làm sao! Ở làng Glen dưới kia, đôi

khi tôi vẫn cảm thấy ngọt ngào đến không thở nổi. Ở đây, cô có thể hít thở dễ dàng.”

“Tối nay trời lặng” Rosemary bật cười. “Nếu gió nổi lên thì nó sẽ thổi bay cả hơi thở của anh đi ấy chứ. Ở đây chúng tôi có ‘gió thổi từ mọi hướng’. Đáng lẽ ra chính nơi này phải được gọi là Bốn Làn Gió, chứ không phải ở cảng.”

Khi vào trong phòng khách, họ nhận thấy Ellen West đang ngồi trong phòng. Bà bỏ kính ra đặt lên trên cuốn sách đang đọc và nhìn họ với vẻ sững sốt nhuốm thêm một sắc thái gì đó khác. Nhưng bà vẫn hòa nhã bắt tay ông Meredith và ông ngồi xuống trò chuyện với bà, trong lúc Rosemary lục tìm cuốn sách ông muốn mượn.

Ellen West lớn hơn Rosemary mười tuổi và hai người khác nhau đến độ khó mà tin nổi họ là hai chị em. Bà có dáng người cao lớn, da ngăm đen, tóc đen, lông mày đen rậm và đôi mắt mang màu xanh trong veo y như nước vịnh trong cơn gió Bắc. Bà có vẻ ngoài hơi nghiêm nghị, khó gây được cảm tình, nhưng kỳ thực bà lại rất vui tính, mang điệu cười sảng khoái, sôi nổi và giọng nói trầm trầm êm ái, dễ chịu có phần nam tính. Bà từng có lần nói với Rosemary rằng bà rất muốn nói chuyện với cái ông mục sư Giáo hội Trưởng lão ở làng Glen ấy, để xem một khi bị dồn vào chân tường, liệu ông ta có thể tìm ra được lời nào để nói với một người phụ nữ hay không. Giờ đã có cơ hội, bà bèn thảo luận với ông về tình hình chính trị thế giới. Vốn rất thích đọc sách, Ellen dạo này đang mê đắm một cuốn sách viết về hoàng đế Đức, và bà bèn hỏi Meredith nghĩ gì về ông ta.

“Một người nguy hiểm,” là câu trả lời của ông mục sư.

“Tôi đồng ý với anh,” Ellen gật đầu. “Để tôi nói cho anh nghe, anh Meredith, người đàn ông đó sắp đánh nhau với ai đó cho mà xem. Ông ta *khát khao* được làm thế. Ông ta sắp đẩy thế giới vào trong biển lửa rồi.”

“Nếu ý bà muốn nói rằng ông ta sẽ chủ tâm thúc đẩy một cuộc đại chiến, vậy thì tôi khó mà đồng ý được,” ông Meredith

nói. “Đã qua cái thời dành cho những chuyện kiểu thế rồi.”

“Ôi trời ơi, không đâu,” Ellen lớn tiếng nói. “Chẳng bao giờ là hết thời để cho con người và các quốc gia biến mình thành trò cười cho thiên hạ và động đến vũ lực. Thời hoàng kim không gần *đến thế* đâu, anh Meredith ạ, và *anh* cũng rõ chuyện đó như tôi thôi. Về phần vị hoàng đế Đức này, anh cứ nhớ lấy lời tôi nhé, ông ta sắp gây ra cả đồng rắc rối cho xem” – và Ellen chọc mạnh ngón tay dài lên cuốn sách đang đọc. “Đúng vậy đấy, nếu không bị xử lý ngay từ sớm thì thế nào ông ta cũng sẽ gây rắc rối cho coi. *Chúng ta* cứ chờ mà xem... anh và tôi cứ chờ mà xem, anh Meredith ạ. Và ai sẽ xử lý ông ta ngay từ sớm được đây? Lẽ ra phải là nước Anh, nhưng họ lại không. Ai sẽ xử lý ông ta ngay từ sớm đây? Nói tôi nghe xem nào, anh Meredith.”

Ông Meredith không thể nói cho bà nghe được, nhưng họ lại đã đâm đầu vào một cuộc thảo luận về chủ nghĩa quân phiệt của Đức và không dứt ra được kể cả khi Rosemary đã tìm thấy cuốn sách từ lâu. Rosemary không nói gì mà chỉ ngồi trong chiếc ghế bập bênh nhỏ phía sau Ellen, trầm ngâm vuốt ve một con mèo đen oai vệ. John Meredith đi săn những con thú lớn ở châu Âu cùng Ellen, nhưng ông nhìn Ellen thì ít mà nhìn Rosemary thì nhiều, và Ellen đã để ý thấy điều đó. Sau khi Rosemary đã tiễn ông ra cửa và quay trở vào trong nhà, Ellen đứng dậy, nhìn cô bằng ánh mắt cáo buộc.

“Rosemary West, người đàn ông đó đang có ý đồ tán tỉnh em.”

Rosemary run lên. Câu nói của Ellen như một cú đánh giáng thẳng vào cô. Nó xóa sạch vẻ tươi đẹp của buổi tối thú vị ấy. Nhưng cô sẽ không để Ellen thấy nó đã làm cô tổn thương đến mức nào.

“Vớ vẩn,” cô nói và cười phá lên, có phần hơi quá tùy ý. “Chỉ nhìn vào bụi cây nào cũng thấy một anh đang chờ em, Ellen ạ. Này nhé, tối nay, ông ấy kể cho em nghe đủ thứ về vợ ông ấy, rằng cô ấy có ý nghĩa lớn lao đến thế nào với ông ấy, sự qua đời của cô ấy đã để lại sự trống rỗng đến mức nào cho thế giới này.”

“Ôi dào, có khi đấy chính là cách tán tỉnh *của ông ta* đấy.” Ellen phản bác. “Đàn ông có đủ mọi cách tán tỉnh, chị biết thừa ấy chứ. Nhưng đừng quên em đã hứa gì đấy nhé, Rosemary.”

“Dù em quên hay nhớ thì cũng đâu có gì cần thiết,” Rosemary nói, giọng nhuốm màu mệt mỏi. “*Chị* quên mất em đã là một gái già rồi đấy à, Ellen. Chỉ có chị, bị che mắt bởi tình chị em, mới cho rằng em vẫn còn trẻ trung, tươi tắn và nguy hiểm. Ông Meredith chỉ đơn thuần muốn làm bạn thôi... ấy là nếu ông ấy có mong muốn gì nhiều đến thế. Chưa về tới nhà ông ấy đã quên bég cả hai chị em mình từ lâu ấy chứ.”

“Chị không phản đối em làm bạn với ông ấy,” Ellen nhượng bộ, “nhưng không được phép vượt quá tình bạn đâu, nhớ đấy nhé. Chị vẫn luôn nghi ngờ những người đàn ông góa vợ. Họ chẳng quen với những suy nghĩ lãng mạn về tình bạn đâu. Họ vẫn thường có ý định tâm thường đấy. Về phần cái người theo Giáo hội Trưởng lão này, sao người ta lại bảo ông ấy nhút nhát được nhỉ? Ông ấy chẳng nhút nhát chút nào cả, dù có lẽ ông ấy là người đĩnh đẳng thật – đĩnh đẳng đến mức quên cả chào tạm biệt *chị* khi em bắt đầu tiễn ông ấy ra về. Ông ấy cũng là người có đầu óc. Quanh đây chẳng có mấy người đàn ông biết nói chuyện khôn ngoan với người khác. Buổi tối hôm nay khiến chị thấy rất dễ chịu. Chị sẽ không phiền nếu gặp ông ấy thêm nữa. Nhưng không có tán tỉnh gì đâu nhé, Rosemary, nhớ đấy... không có tán tỉnh gì hết.”

Rosemary đã quá quen với tình cảnh bị Ellen cảnh cáo tránh xa chuyện tán tỉnh bất cứ khi nào thấy cô trò chuyện quá năm phút với bất kỳ người đàn ông có đủ tư cách kết hôn nào trong độ tuổi từ mười tám tới tám mươi. Trước những lời cảnh cáo ấy, cô vẫn luôn phá lên cười cợt với sự buồn cười không hề giả tạo. Lần này, cô không thấy buồn cười, cô thấy hơi bức bối. Ai mà thèm tán tỉnh kia chứ?

“Đừng có ngốc thế, chị Ellen,” cô nói bằng giọng cục cằn bất thường trong lúc cầm đèn lên. Cô đi lên gác, chẳng buồn chúc ngủ ngon.

Ellen lắc đầu ngờ vực và nhìn con mèo đen.

“Nó cáu kỉnh như thế vì cái gì mới được chứ, St. George?” bà hỏi. “Tức giận thì hại thân thôi, ta vẫn nghe người ta nói thế suốt, George ạ. Nhưng nó đã hứa rồi, George ạ... nó đã hứa rồi, và người nhà West chúng ta luôn giữ lời hứa. Vậy nên ông ấy có muốn tán tỉnh thì cũng chẳng sao, George ạ. Nó đã hứa rồi. Ta không việc gì phải lo lắng cả.”

Trên gác, trong phòng ngủ, Rosemary ngồi một lúc lâu nhìn ra ngoài cửa sổ, phóng tầm mắt qua khu vườn tắm ánh trăng về hải cảng rực sáng xa xa. Cô mơ hồ cảm thấy bồn chồn, bất an. Cô đột nhiên thấy phát chán với những giấc mơ cũ rích. Và trong vườn, những cánh hoa của bông hồng đỏ cuối cùng rụng lả tả dưới một làn gió nhẹ bất thần. Mùa hạ đã tàn... thu đã sang.

14. Bà Alec Davis ghé thăm

John Meredith chậm rãi đi về nhà. Ban đầu, ông vẫn loáng thoáng nghĩ đến Rosemary, nhưng đến lúc đi tới Thung Lũng Cầu Vòng thì ông đã quên sạch mọi chuyện về cô và trầm ngâm nghĩ đến một vấn đề liên quan đến thần học Đức mà Ellen đã khơi dậy. Ông đi xuyên qua Thung Lũng Cầu Vòng, chẳng để ý gì đến nó. Sức quyến rũ của Thung Lũng Cầu Vòng không độ lại được thần học Đức. Về tới nhà, ông vào phòng làm việc, lấy một cuốn sách dày cộp xuống cốt xem xem ai đã đúng, ông hay Ellen. Ông cứ thế lạc trong mê cung ấy cho tới lúc rạng đông thì lại vấp phải một dòng suy nghĩ mới và mê mải bám theo nó suốt tuần sau, chẳng khác gì một con chó đánh hơi, không mảy may để ý đến thế giới xung quanh, đến giáo xứ và gia đình mình. Ông đọc ngày đọc đêm; nếu Una mà không lôi ông tới bàn ăn thì ông đã chẳng nhớ gì đến ăn với uống; ông chẳng bao giờ còn nghĩ đến Rosemary hay Ellen nữa. Bà cụ Marshall, ở bên kia cảng, ốm rất nặng và đưa tin mời ông đến, nhưng tờ tin nhắn vất vương nằm phủ bụi trên bàn ông, chẳng được đoái hoài. Bà Marshall không bao giờ chịu tha thứ cho ông. Một cặp tình nhân trẻ đến nhà mục sư làm phép cưới và ông Meredith, tóc chưa chải, chân xỏ đôi dép rơm và trên người khoác áo choàng ngủ bạc màu, bèn làm phép cưới cho họ. Hiển nhiên, ông đã bắt đầu bằng cách đọc lời nguyện dành cho tang lễ và đến tận đoạn nói “tàn tro về với tàn tro, cát bụi về với cát bụi”, ông mới mơ hồ hoài nghi rằng hình như có gì đó không ổn.

“Than ôi,” ông lơ đãng nói, “lạ thật đấy... lạ quá đi mất.”

Cô dâu, đang trong cơn kinh hoàng, òa lên khóc. Chú rể, chẳng hề có tâm trạng bất an gì hết, bật cười khúc khích.

“Thưa ông, tôi nghĩ ông đang chôn chúng tôi thay vì làm phép cưới cho chúng tôi đấy,” anh nói.

“Xin thứ lỗi cho tôi,” ông Meredith nói, cứ như thể chuyện này chẳng to tát gì cho cam. Ông bèn chuyển đến phần nghi thức hôn phối và làm phép cưới xong xuôi, nhưng trong suốt phần đời còn lại của mình, cô dâu chẳng bao giờ có thể cảm thấy mình đã được làm lễ cưới một cách đúng phép.

Ông Meredith lại quên bồng buổi lễ cầu nguyện – nhưng chuyện đó cũng không thành vấn đề, vì tối đó trời mưa gió và chẳng ai đến cả. Thậm chí, suýt nữa ông đã quên cả buổi lễ ngày Chủ nhật nếu không nhờ có bà Alec Davis. Chiều thứ Bảy, bà Martha vào thông báo rằng bà Davis đang ở trong phòng khách và muốn gặp ông. Ông Meredith thở dài. Bà Davis là người phụ nữ duy nhất ở giáo xứ Glen St. Mary khiến ông ghét cay ghét đắng. Thật không may, bà ta đồng thời cũng là người giàu có nhất và hội đồng mục vụ giáo xứ đã cảnh cáo ông Meredith chớ có làm méch lòng bà ta. Ông Meredith hiếm khi nghĩ đến một vấn đề trần tục như lương mục sư, nhưng hội đồng mục vụ thì thực tế hơn nhiều. Thêm nữa, họ cũng là người tinh ranh. Không dể động gì đến vấn đề tiền bạc, họ rắp tâm tiêm nhiễm vào đầu ông Meredith cái niềm tin rằng ông không nên làm méch lòng bà Davis. Nếu không, rất có khả năng ông sẽ quên bồng bà ta ngay khi bà Martha vừa ra khỏi phòng. Vậy là, ông bèn bỏ cuốn sách của nhà thần học Ewald xuống, lòng hơi bực, rồi băng qua hành lang tiến đến phòng khách.

Bà Davis đang ngồi trên trường kỷ, nhìn xung quanh với vẻ chê trách đầy khinh miệt.

Căn phòng mới đáng hổ thẹn làm sao chứ! Chẳng có lấy một mảnh rèm trên cửa sổ. Bà Davis không biết rằng hôm trước, Faith và Una đã tháo hết rèm xuống làm đuôi váy cưới trong lúc chơi đùa rồi sau đó quên mất không treo trả lại lên cửa sổ,

nhưng dầu có biết chuyện đó thì bà ta cũng chẳng thể nào bớt chỉ trích gay gắt mấy cái cửa sổ đó. Màn rạn nứt tả tơi. Tranh trên tường thì cong vênh; thảm xộc xệch, bình lọ chất đầy hoa héo; bụi đóng thành tầng – đóng thành tầng theo đúng nghĩa đen.

“Chuyện gì xảy ra thế này?” bà Davis tự nhủ rồi sau đó bấu hai phần mềm môi chẳng lấy gì làm đẹp đẻ của mình.

Đúng lúc bà ta đi qua hành lang thì Jerry và Carl đang hò hét chơi trượt tay vịn cầu thang. Hai đứa trẻ không nhìn thấy bà ta và vẫn tiếp tục vừa hò vừa trượt, vậy là bà Davis cứ định ninh chúng cố tình làm vậy. Con gà trống cung của Faith thông thả dạo bước trong hành lang, dừng lại đứng trên ngưỡng cửa phòng khách mà nhìn bà ta. Không thích dáng vẻ của bà ta, chú gà trống không dám đánh liều đi vào phòng. Bà Davis khịt mũi đầy khinh miệt. Một ngôi nhà mục sư quả là hay ho gồm khi để cho bọn gà trống nghênh ngang đi lại trên hành lang và nhìn chòng chọc đến mức làm cho người ta phát ngại.

“Xùy, ra chỗ khác đi,” bà Davis ra lệnh, chĩa cái ô bằng vải lụa óng ánh viền ren về phía con gà.

Adam chạy đi. Nó là một con gà trống khôn ngoan trong khi bà Davis thì đã tự tay vặn cổ quá nhiều con gà trống trong suốt năm mươi năm cuộc đời, đến độ cái khí chất của kẻ hành quyết dường như vẫn đang giăng mắc quanh người bà ta. Adam lút cút chạy xuyên qua hành lang đúng lúc ông mục sư tiến vào.

Ông Meredith vẫn đi đôi dép rơm và mặc áo choàng trong nhà, mái tóc đen vẫn tùy ý xõa thành từng lọn xuống vầng trán cao. Nhưng ông vẫn ra dáng quý ông như thường lệ; và bà Alec Davis, mặc váy lụa đội mũ bon nê rộng vành, đi găng tay da dê non và đeo dây chuyền vàng, thì vẫn nguyên cái vẻ một phụ nữ thô tục tâm hồn cần cỗi. Cả hai người đều cảm thấy chướng tai gai mắt với đối phương. Ông Meredith chùn bước, nhưng bà Davis thì lại hùng hục khí thế xung trận. Bà ta đến nhà này với mục đích là để đề nghị ông mục sư một việc nhưng bà ta không

có ý định mất thời gian để với nghị gì. Bà ta sẽ ban cho ông mục sư một ân huệ – một ân huệ lớn lao – và ông mục sư càng sớm được biết về việc đó thì càng tốt. Bà ta đã đắn đo suốt cả mùa hè và rồi cuối cùng cũng đi đến quyết định. Đây là chuyện duy nhất quan trọng, bà Davis nghĩ. Một khi bà ta đã quyết định điều gì thì điều đó vậy là *đã được* quyết định xong xuôi. Không ai có ý kiến gì về vấn đề ấy được nữa. Cung cách của bà ta trước giờ vẫn luôn như thế. Khi quyết định sẽ lấy Alec Davis làm chồng, bà ta bèn lấy và thế là hết chuyện. Ông Alec chẳng bao giờ biết chuyện đó đã xảy ra như thế nào, nhưng thế thì sao chứ? Trong trường hợp này cũng vậy, bà Davis đã thu xếp mọi thứ theo ý thích của bà ta. Giờ thì chỉ còn lại mỗi một việc là thông báo cho ông Meredith.

“Ông đóng hộ cái cửa lại được không?” bà Davis nói, không bĩu môi ra lúc nói câu này, nhưng giọng điệu thì lộ rõ sự khó chịu. “Tôi muốn nói một chuyện quan trọng và tôi không thể nói chuyện đó khi hành lang đang âm ỉ thế được.”

Ông Meredith nghe lời đóng cửa lại. Rồi ông ngồi xuống trước mặt bà Davis. Ông vẫn chưa hoàn toàn ý thức được sự hiện diện của bà ta. Tâm trí ông vẫn đang vật lộn với các lý lẽ của Ewald. Bà Davis nhận thấy thái độ thờ ơ này và không khỏi thấy bức mình.

“Ông Meredith ạ, tôi đến đây để nói với ông,” bà ta nói giọng xẵng xái, “rằng tôi đã quyết định nhận nuôi Una.”

“Nhận... nuôi... Una!” Ông Meredith thất thần tròn mắt nhìn bà ta, chẳng hiểu gì cả.

“Phải. Tôi đã suy nghĩ về chuyện này được một thời gian rồi. Từ sau khi ông nhà tôi qua đời, tôi vẫn thường tính chuyện sẽ nhận nuôi một đứa trẻ. Nhưng có vẻ rất khó tìm được một đứa phù hợp. Không có mấy đứa trẻ được tôi mong muốn đón vào trong nhà *của tôi*. Tôi không định nhận nuôi một đứa mồ côi – gần như chắc chắn là đứa trẻ bị bỏ rơi của một khu ổ chuột nào đấy. Và hầu như chẳng còn đứa trẻ nào khác để mà nhận nuôi.

Một ngư dân sống ở cảng mới chết hồi mùa thu vừa rồi, để lại sáu đứa con thơ. Người ta cứ tìm cách thuyết phục tôi nhận nuôi một đứa, nhưng tôi đã nhanh chóng khiến cho họ hiểu ra rằng tôi không hề có ý định nhận nuôi thứ rác rưởi như thế. Ông chúng từng ăn trộm một con ngựa. Ngoài ra, cả sáu đứa đều là con trai trong khi tôi muốn một đứa bé gái cơ – một đứa con gái dịu dàng, dễ bảo để tôi có thể dạy dỗ thành một tiểu thư. Una phù hợp tuyệt đối với mọi yêu cầu của tôi. Nếu được trông nom một cách đúng đắn, con bé sẽ trở thành một đứa trẻ ngoan – khác hẳn với Faith. Tôi không đời nào mơ đến chuyện nhận nuôi Faith. Nhưng tôi sẽ nhận nuôi Una và sẽ cho con bé một mái nhà tử tế, nuôi dạy con bé nên người, ông Meredith ạ, và nếu con bé ăn ở cho phải phép thì sau này chết đi, tôi sẽ để lại toàn bộ tiền bạc cho nó. Sẽ không một người họ hàng nào của tôi nhận được một xu một cắc nào, dù có chuyện gì đi chăng nữa, tôi đã quyết định chắc chắn vậy rồi. Ban đầu, không phải vì lý do gì khác mà chính vì muốn chọc tức họ nên tôi mới tính đến chuyện nhận nuôi một đứa trẻ. Una sẽ được ăn mặc, học hành và dạy dỗ tử tế, ông Meredith ạ, và tôi sẽ cho con bé học nhạc, học vẽ, sẽ đối xử với nó như con ruột của mình.”

Đến lúc này thì ông Meredith đã hoàn toàn tỉnh táo. Hai gò má tái nhợt ửng hồng và đôi mắt đen láy của ông lấp lánh một thứ ánh sáng nguy hiểm. Có phải người phụ nữ này, cái con người sặc mùi tiền với sự thô bỉ rỉ ra từ mọi lỗ chân lông, đang thật lòng đề nghị ông hãy từ bỏ Una – Una u hoài bé bỏng đầu yêu thừa hưởng đôi mắt màu xanh sẫm của Cecilia – đứa trẻ đã được người mẹ hấp hối ôm ghì vào lồng ngực sau khi các anh chị em đang nức nở của nó được dẫn ra khỏi phòng. Cecilia đã níu giữ đứa con bé bỏng cho tới tận khi cánh cổng tử thần sập xuống ngăn cách hai mẹ con. Từ phía trên mái đầu tóc đen bé nhỏ ấy, cô đã nhìn về phía chồng mình.

“Chăm sóc con bé chu đáo nhé, John,” cô tha thiết khẩn nài. “Con bé còn nhỏ quá... lại là người nhạy cảm. Mấy đứa kia có thể nỗ lực khẳng định được bản thân... nhưng thế giới này sẽ làm tổn thương con bé mất. Ôi, John ơi, em không biết anh và con bé

sẽ xoay xử ra sao nữa. Cả hai bố con anh đều cần em biết nhường nào. Nhưng anh nhớ theo sát con bé nhé... nhớ theo sát con bé nhé.”

Đó gần như là những lời nói cuối cùng của cô, ngoại trừ vài câu trăng trối không thể nào quên cô dành riêng cho ông. Ấy vậy mà bà Davis lạnh lùng thông báo ý định tước đoạt chính đứa trẻ này ra khỏi vòng tay ông. Ông ngồi thẳng dậy, nhìn bà Davis. Bất chấp cái áo choàng mặc nhà te tua cùng đôi dép rơm xơ tướp, ở ông Meredith vẫn có một điều gì đó gọi lên trong bà Davis một niềm tôn kính mơ hồ dành cho “giới thầy tu” như bà ta hằng được dạy dỗ ngày xưa. Xét cho cùng, một mục sư – dẫu có nghèo, có đênh đảng và xa rời thế tục như thế nào đi chăng nữa – thì vẫn *luôn* được bao phủ trong một bầu không khí thần thánh nhất định.

“Cảm ơn thiện ý của bà, bà Davis,” ông Meredith nói với vẻ lịch thiệp nhẹ nhàng, dứt khoát và khá đáng sợ, “nhưng tôi không thể đem con tôi cho bà được.”

Bà Davis ngây người. Bà ta không bao giờ tưởng tượng được ông mục sư lại từ chối.

“Trời đất ơi, ông Meredith,” bà ta kinh ngạc nói. “Chắc chắn ông bị... ông không thể nghiêm túc nghĩ thế được. Ông phải suy nghĩ cho kỹ đi... hãy nghĩ đến tất cả những lợi ích tôi có thể trao cho con bé.”

“Không cần phải suy nghĩ kỹ càng gì hết, bà Davis. Chuyện này hoàn toàn không phải nghĩ. Hết thấy những lợi ích trần tục mà bà có khả năng trao tặng đều không thể bù đắp được sự thiếu thốn tình yêu thương chăm sóc của người cha. Một lần nữa xin cảm ơn bà, nhưng chuyện này không cần phải nghĩ đến làm gì nữa.”

Nỗi thất vọng khiến bà Davis tức giận đến độ không đủ khả năng kiềm chế như bình thường. Khuôn mặt to đỏ bừng của bà ta tím lịm đi và giọng bà ta run rẩy.

“Tôi cứ tưởng ông phải mừng hóm khi tôi nhận nuôi con bé ấy chứ,” bà ta chế giễu.

“Sao bà lại nghĩ thế?” ông Meredith bình tĩnh hỏi.

“Bởi vì chẳng có một ai cho rằng ông quan tâm gì đến bất cứ đứa con nào hết,” bà Davis khinh bỉ vắn lại. “Ông bỏ bê chúng nó một cách đáng hổ thẹn. Dân làng đều nói thế cả. Bọn trẻ không được cho ăn cho mặc tử tế và chúng chẳng được dạy dỗ gì hết. Lối cư xử của chúng chẳng khá khẩm gì hơn một lũ da đỏ hoang dại. Ông chưa bao giờ nghĩ đến chuyện hoàn thành trách nhiệm của người cha. Ông để kệ cho một đứa trẻ lang thang đến đây ở với chúng suốt nửa tháng liền mà chẳng hề chú ý gì đến nó – nghe nói là một đứa trẻ hề mở mồm ra là nói tục. Ông sẽ chẳng buồn quan tâm nếu chúng có bị lây bệnh đậu mùa từ con bé đó. Rồi Faith lại còn giở cái trò xấu xa là đi lên bục giảng mà thuyết giáo! Rồi con bé lại còn cười lộn chạy trên đường – theo như tôi hiểu là ngay trước mắt ông nữa. Cái lối cư xử của chúng thật không thể nào tin được, ấy vậy nhưng ông chẳng bao giờ thèm nhắc một ngón tay lên để mà ngăn cản chúng cũng như chẳng bao giờ thèm cố gắng dạy dỗ chúng điều gì. Thế mà bây giờ, khi tôi đề nghị trao cho một đứa trong số chúng một mái nhà tử tế cùng những triển vọng tươi đẹp, ông lại từ chối và sỉ nhục tôi. Ông rõ là một người cha hay ho gớm, lại còn nhắc đến chuyện yêu thương chăm sóc con cái cơ đấy!”

“Quá đủ rồi đấy, mụ đàn bà kia!” ông Meredith nói. Ông đứng dậy và nhìn bà Davis bằng ánh mắt khiến bà ta sợ run lên. “Quá đủ rồi đấy,” ông nhắc lại. “Tôi không muốn nghe thêm gì nữa, bà Davis. Bà nói năng thái quá rồi đấy. Có lẽ tôi đã tắc trách không hoàn thành được một số nghĩa vụ của người làm cha, nhưng bà không có quyền nhắc nhở chuyện đó với tôi bằng cái lối nói năng như vừa rồi. Chúng ta chào tạm biệt nhau thôi.”

Chẳng thèm nói gì hòa nhã kiểu như chào tạm biệt, bà Davis quay quả bỏ đi. Đúng lúc bà ta lướt qua chỗ ông mục sư thì một con cóc cụ mập mập, vốn được Carl giấu dưới ghế dài, nhảy ra gần như ngay dưới chân bà ta. Bà kêu ré lên và vì cố tránh giẫm

phải cái thứ kinh khiếp đó, bà ta bị mất thăng bằng và làm rơi cả ô. Bà ta không ngã hẳn xuống nhưng loạng choạng và lảo đảo đi đến đầu kia căn phòng bằng một dáng vẻ cực kỳ thiếu đoan trang, rồi va vào cửa đánh rầm một cái, làm bà chấn động toàn thân. Không nhìn thấy con cóc, ông Meredith bắn khoăn không biết có phải bà ta bị lên cơn nhồi máu hay tê liệt sao đó hay không nên vội hốt hoảng chạy tới đỡ lấy bà ta. Nhưng bà Davis, giờ đã đứng vững lại, giận dữ xua ông lùi lại.

“Đừng có mà chạm vào tôi,” bà ta gằn như hét lên. “Đây lại là một trò nữa của đám con ông đấy, tôi dám chắc như thế. Đây không phải nơi phù hợp với một phụ nữ đoan trang. Đưa ô đây cho tôi để tôi đi khỏi chỗ này. Tôi sẽ không bao giờ đặt chân đến nhà hay nhà thờ của ông nữa.”

Ông Meredith nhặt cái ô lộng lẫy lên với vẻ nhún nhường vừa phải rồi đưa nó cho bà ta. Bà Davis chớp lấy cái ô và xăm xăm bước ra ngoài. Jerry và Carl đã chấm dứt trò trượt cầu thang và đang ngồi bên mép hiên cùng Faith. Thật không may, cả ba đứa đều đang vắn hết cỡ những giọng ca trẻ trung khỏe khoắn mà hát, “Tối hôm nay thị trấn già nua sẽ nóng nực lắm thay.” Bà Davis chắc mẩm bài hát này nhắm vào bà ta và chỉ nhắm vào một mình bà ta mà thôi. Bà ta dừng lại dứ dứ cái ô về phía bọn trẻ.

“Cha chúng mày là đồ ngốc,” bà ta nói, “còn chúng mày là ba đứa ranh con giá áo túi cơm xứng đáng bị quất cho thừa sống thiếu chết.”

“Cha chúng cháu không phải thế,” Faith kêu lên. “Chúng cháu không phải thế,” hai cậu nhóc kêu lên. Nhưng bà Davis đã đi rồi.

“Trời ạ, bà ta như bị điên ấy!” Jerry nói. “Mà ‘giá áo túi cơm’ là cái gì mới được chứ?”

Ông John Meredith đi đi lại lại trong phòng khách một lúc, sau đó ông quay lại ngồi trong phòng làm việc. Nhưng ông không trở lại với món thần học Đức của mình. Ông quá mức bối rối chẳng tâm trí đâu mà nghĩ đến nó. Bà Davis đã mạnh mẽ

giảng cho ông một đòn tỉnh cả người. *Liệu có phải* ông đúng là một người cha tắc trách, cầu thả đúng như bà ta cáo buộc? *Liệu có phải* ông đã bỏ bê một cách đáng xấu hổ, chẳng thêm chăm sóc tử tế cả về thể chất lẫn tinh thần cho bốn đứa trẻ bé bỏng mồ côi mẹ vốn phải sống phụ thuộc vào ông? *Liệu có phải* các giáo dân của ông đang bàn tán về chuyện đó bằng thái độ khắc nghiệt y như bà Davis đã tuyên bố? Ất phải thế rồi, vì bà Davis đã đến hỏi xin Una với thái độ tin tưởng chắc nịch rằng ông sẽ vui vẻ vô tư trao đứa trẻ cho bà ta, y như người ta đem cho một con mèo lang thang chẳng được ai chào đón. Và nếu đúng như vậy thật, thì giờ sao đây?

Ông John Meredith than vắn thở dài và lại tiếp tục đi đi lại lại trong căn phòng lộn xộn, bụi bặm. Ông biết làm gì bây giờ? Ông yêu thương các con một cách sâu sắc không thua kém bất kỳ người cha nào và dẫu cho bà Davis và những người cùng một giuộc với bà ta có thể làm được đến mức nào để dao động niềm tin của ông, ông vẫn biết rằng bọn trẻ yêu ông tha thiết. Nhưng *liệu* ông có phải người phù hợp để trông nom chúng? Ông biết – không một ai có thể biết rõ ràng hơn những thiếu sót và hạn chế của bản thân. Cái vẫn đang thiếu chính là sự hiện diện, tầm ảnh hưởng và sự sáng suốt của một người phụ nữ tốt. Nhưng biết thu xếp chuyện đó bằng cách nào mới được? Kể cả khi ông tìm được một người quản gia như thế thì chuyện đó thế nào cũng sẽ khiến bà Martha đau lòng tột độ. Bà tin rằng bà vẫn đủ khả năng hoàn thành mọi công việc thích hợp và cần thiết. Ông không thể làm tổn thương và xúc phạm người phụ nữ già cả tội nghiệp đã đối xử rất tốt với ông cùng gia đình ông như thế. Bà đã tận tâm với Cecilia biết bao nhiêu? Và Cecilia đã dặn dò ông phải quan tâm chu đáo đến bà Martha. Hiển nhiên, ông bất thần nhớ ra bà Martha từng có lần bóng gió khuyên ông nên tục huyền. Ông cảm thấy nếu ông cưới vợ, bà hẳn sẽ không phật lòng như khi ông kiếm một quản gia. Nhưng chuyện đó thì khỏi phải nghĩ. Ông không muốn cưới vợ – ông không thể và cũng không để ý đến bất kỳ ai. Vậy thì ông biết làm gì bây giờ? Đột nhiên, ông nghĩ ra ông có lẽ nên đến nhà Bên Ánh Lửa và tâm sự các

khó khăn của mình với cô bác sĩ Blythe. Cô bác sĩ Blythe là một trong số hiếm hoi những phụ nữ ông không thấy ngại ngùng hay khó ăn khó nói khi trò chuyện cùng. Cô ấy luôn là người giàu lòng đồng cảm và mang lại sự thoải mái cho người đối diện. Biết đâu cô có thể đề xuất một phương án nào đó để xử lý những vấn đề của ông. Và cho dù cô không nghĩ ra được cách giải quyết nào thì ông Meredith vẫn cảm thấy ông cần một chút sự bầu bạn dễ chịu của ai đó sau cuộc đụng độ với bà Davis – cần một điều gì đó để loại bỏ những thứ bà ta đã tiêm nhiễm vào tâm hồn ông.

Ông vội vàng thay quần áo và ăn tối một cách bớt lơ đãng hơn hẳn lệ thường. Ông chợt nhận ra bữa tối quả là nghèo nàn. Ông nhìn các con; chúng có vẻ tương đối hồng hào khỏe mạnh – chỉ trừ Una, mà ngay từ hồi mẹ con bé còn sống, Una đã chẳng bao giờ khỏe mạnh cho lắm. Bọn trẻ đều đang cười đùa trò chuyện – chắc chắn chúng đều có vẻ hạnh phúc. Carl đặc biệt vui vì có hai con nhện đẹp nhất trần đời đang bò quanh đĩa thức ăn của nó. Lời lẽ của bọn trẻ đều dễ thương, thái độ của chúng dường như không hề tệ, chúng đều cư xử ân cần và nhẹ nhàng với nhau. Ấy vậy nhưng bà Davis lại bảo rằng lối cư xử của bọn trẻ là chủ đề đàm tiếu của giáo đoàn.

Đúng lúc ông Meredith bước chân ra khỏi cổng nhà thì hai vợ chồng bác sĩ Blythe đánh xe qua trên con đường dẫn tới Lowbridge. Mặt ông mục sù trằm xuống. Cô bác sĩ Blythe đang đi xa, giờ mà có tới Bên Ánh Lửa thì cũng chẳng ích lợi gì. Mà ông thì lại khao khát sự bầu bạn hơn bao giờ hết. Trong lúc ông đưa ánh mắt có phần tuyệt vọng quét khắp cảnh quan xung quanh, ánh nắng chiều tà chiếu lên một ô cửa sổ trong ngôi nhà cũ trên đồi của gia đình West. Ánh sáng lóe lên rạng rỡ chẳng khác gì đèn hiệu của niềm hảo vọng. Ông đột nhiên nhớ tới Rosemary và Ellen West. Ông nghĩ ông sẽ thích thú tận hưởng chút ít cuộc trò chuyện sắc sảo của Ellen. Ông nghĩ hẳn sẽ rất dễ chịu nếu lại được nhìn thấy nụ cười chậm rãi ngọt ngào cùng đôi mắt điểm tints màu thiên thanh của Rosemary. Bài thơ cổ của Sir Philip Sidney đã nói như thế nào nhỉ? – “niềm an ủi bất tận toát ra từ khuôn mặt” – câu đó quả là phù hợp với cô. Mà ông

thì lại cần được an ủi. Sao không ghé qua thăm hỏi nhỉ? Ông nhớ Ellen từng mời ông thỉnh thoảng ghé thăm và lại còn cả cuốn sách của Rosemary cần trả nữa – ông phải mang trả lại nó trước khi quên mất. Ông cứ bứt rứt không yên, ngờ là có rất nhiều sách trong phòng làm việc vốn được ông mượn chỗ này chỗ kia mỗi lần một ít nhưng rồi quên bém mất chẳng buồn trả lại. Chắc chắn trong trường hợp này, ông có nghĩa vụ phải ngăn ngừa chuyện đó xảy ra. Ông quay trở vào phòng làm việc, lấy cuốn sách rồi xăm xăm tiến về phía Thung Lũng Cầu Vòng.

15. Thêm nhiều đàm tiếu

Buổi tối sau khi bà Myra Murray ở khu bên kia cảng được chôn cất, cô Cornelia và Mary Vance ghé thăm nhà Bên Ánh Lửa. Có một số chuyện cô Cornelia thiết tha mong được giải bày cho nhẹ lòng. Tất nhiên, đám tang phải được kể lại tường tận. Bà Susan và cô Cornelia tranh luận gay gắt về vụ này; Anne không tham gia cũng chẳng hào hứng theo dõi những cuộc bàn luận về người chết như thế này. Cô ngồi hơi tách ra, ngắm nhìn những bông thược dược nở trong vườn nhà như những đốm lửa mùa thu cùng với hải cảng đang tắm trong vẻ đẹp mờ ảo đắm say của buổi hoàng hôn tháng Chín. Mary Vance ngồi cạnh cô, nhu mì đan lát. Trái tim Mary lạc giữa Thung Lũng Cầu Vồng, từ nơi ấy vẫn đang văng vẳng tiếng cười ngọt ngào xa xăm của bọn trẻ, nhưng các ngón tay con bé vẫn đang nằm dưới ánh mắt quan sát của cô Cornelia. Con bé phải hoàn thành rất rất nhiều vòng của cái tất đang đan thì mới có cơ được phép xuống thung lũng. Mary ngồi đan, không nói năng gì nhưng vẫn động tai lên nghe ngóng.

“Tôi chưa nhìn thấy một cái xác nào trông đẹp mắt hơn thế,” cô Cornelia vô tư nhận xét. “Trước giờ Myra Murray vẫn là người xinh đẹp, bà ấy thuộc dòng dõi Corey ở Lowbridge mà nhà Corey thì vốn vẫn nổi tiếng bởi vẻ ngoài ưa nhìn.”

“Lúc đi ngang qua thi hài đó, tôi đã nói, ‘Người phụ nữ tội nghiệp. Hy vọng bà được hạnh phúc như vẻ bề ngoài.’” Bà Susan thở dài. “Bà ấy không thay đổi gì nhiều. Cái váy bà ấy đang mặc chính là cái váy xa tanh màu đen bà ấy đã mặc trong đám cưới cô con gái mười bốn năm về trước. Hồi đó bà dì của bà ấy đã bảo

bà ấy hãy giữ cái váy đó mà mặc trong đám tang của chính mình, nhưng Myra đã cười phá lên mà bảo, ‘Có thể cháu sẽ mặc nó tới đám tang của chính mình, dì ạ, nhưng trước đó cháu phải sống vui vẻ với nó đã.’ Và tôi có thể nói rằng bà ấy làm đúng như đã nói. Myra Murray không phải tạt người chưa chết mà cứ như đi đưa đám chính mình đâu. Sau này, thỉnh thoảng, mỗi khi nhìn thấy bà ấy vui vẻ hết mình bên ngoài cùng bè bạn, tôi lại tự nhủ, ‘Bà rất xinh đẹp, Myra Murray ạ, và cái váy đó hợp với bà lắm, nhưng rất có thể cuối cùng nó sẽ trở thành tấm vải liệm của bà.’ Và bà thấy đó, bà Marshall Elliott, lời tôi nói đã thành sự thật rồi.”

Bà Susan lại thở dài thườn thượt. Bà đang hết đổi vui vẻ. Đám tang đích thực là một chủ đề trò chuyện thú vị.

“Tôi luôn thích gặp Myra,” cô Cornelia nói. “Bà ấy lúc nào cũng vui tươi hơn hở, chỉ cần bắt tay bà ấy thôi là ta cũng đã cảm thấy tâm trạng thoải mái lên nhiều. Myra luôn biết cách tận dụng những mặt tích cực nhất của mọi vấn đề.”

“Đúng vậy đấy,” bà Susan khẳng định. “Cô em chồng của bà ấy kể với tôi là khi cuối cùng bác sĩ cũng bảo bà ấy rằng ông ta chẳng thể làm được gì và bà ấy sẽ chẳng bao giờ còn dậy khỏi cái giường đó được nữa, Myra đã đáp lại khá vui vẻ, ‘Ồi chà, nếu vậy thì tôi phải cảm ơn trời đất vì tôi đã dự trữ thực phẩm xong xuôi hết và sẽ không phải đối mặt với vụ dọn dẹp nhà cửa mùa thu. Tôi lúc nào cũng thích dọn dẹp nhà cửa vào mùa xuân,’ bà ấy nói, ‘nhưng tôi luôn ghét dọn nhà vào mùa thu. Ơn Chúa, năm nay tôi được giải thoát khỏi nó rồi.’ Nhiều người sẽ gọi đó là cái thái độ bông lơn, bà Marshall Elliott ạ, và tôi ngờ là em chồng bà ấy hơi lấy làm xấu hổ về chuyện đó. Cô ta nói có lẽ bệnh tật đã khiến Myra trở nên hơi bị mê sảng mất rồi. Nhưng tôi bảo, ‘Không đâu, cô Murray ạ, cô đừng lo lắng đến chuyện đó làm gì. Đây chỉ là cách Myra nhìn vào mặt tươi sáng của vấn đề thôi.’”

“Cô em Luella của bà ấy thì trái ngược hoàn toàn,” cô Cornelia nói. “Luella chẳng thấy mặt tươi sáng nào hết – chỉ có toàn đen tối và xám xịt thôi. Hàng bao nhiêu năm, cô ta cứ luôn miệng

tuyên bố chỉ sống được chừng một tuần nữa là cùng. ‘Tôi sẽ chẳng làm gánh nặng của mọi người ở đây lâu nữa đâu,’ cô ta rên rỉ nói thế với gia đình mình. Và nếu có bất cứ ai trong số họ đánh liều nói về những kế hoạch tương lai vật vãn của họ thì cô ta cũng sẽ rên rỉ, ‘A, đến lúc đó thì tôi sẽ chẳng còn ở đây nữa.’ Lần nào đến thăm tôi cũng đều đồng ý thế với cô ta, thế là cô ta phát điên lên đến mức chỉ vài ngày sau là đã khỏe lên rất nhiều. Giờ cô ta khỏe mạnh hơn rồi nhưng vẫn chẳng tươi tỉnh thêm được. Myra thì khác hẳn, bà ấy lúc nào cũng hành động hoặc nói điều gì đó khiến người ta cảm thấy tinh thần thoải mái. Có lẽ đối tượng phối ngẫu của họ cũng có liên quan đến điều này. Chồng của Luella là kẻ thô bạo, tin *tôi* đi, trong khi Jim Murray thì lại rất nhã nhặn. Hôm nay ông ấy có vẻ đau khổ lắm. Thường thì trong đám tang của người vợ, tôi không mấy khi thấy cảm thông với ông chồng, nhưng tôi lại thấy tội nghiệp cho Jim Murray.” “Ông ấy buồn thế cũng chẳng có gì lạ. Ông ấy sẽ chẳng dễ gì mà lấy được một người vợ như Myra nữa,” bà Susan nói. “Có lẽ ông ấy cũng chẳng cố lấy vợ mới làm gì, vì con cái ông ấy giờ đã vương trưởng cả rồi còn Mirabel thì đủ khả năng trông giáng nhà cửa được. Nhưng ai mà nói trước được một ông góa có thể làm hay không làm gì chứ, và riêng tôi thì tôi sẽ chẳng thử đoán già đoán non làm gì.”

“Nhà thờ chúng ta sẽ nhớ Myra lắm cho xem,” cô Cornelia nói. “Bà ấy mới giỏi việc làm sao chứ. Chẳng chuyện gì có thể gây khó cho *bà ấy*. Nếu không thể vượt qua khó khăn thì bà ấy sẽ tìm cách đi vòng qua nó, còn trong trường hợp không đi vòng qua được, bà ấy sẽ vờ như nó không tồn tại – và nói chung thì nó chẳng hề tồn tại. ‘Tôi sẽ kiên cường chịu đựng cho tới tận cuối cuộc hành trình của đời mình,’ có lần bà ấy đã nói thế với tôi. Chắc, giờ thì bà ấy đã kết thúc cuộc hành trình của đời mình rồi.”

“Cô nghĩ thế ă?” Anne đột nhiên cất tiếng hỏi, rồi miên đất mộng mơ trở về hiện thực. “Cháu không thể tưởng tượng được hành trình *của bà ấy* đã kết thúc. *Các cô* có thể hình dung ra cảnh bà ấy ngồi xuống và đặt hai bàn tay lên nhau không – cái

con người hăm hở khát khao khám phá, với tinh thần đam mê phiêu lưu mạo hiểm ấy ư? Không, cháu nghĩ rằng khi qua đời, bà ấy chỉ đơn giản mở một cánh cổng và bước qua nó... đi tiếp... đi tiếp... tới những chuyến phiêu lưu sáng chói mới.”

“Có lẽ vậy... Có lẽ vậy,” cô Cornelia tán thành. “Cháu có biết là, Anne cưng ới, bản thân ta chưa bao giờ thích thú cái giáo lý về sự yên nghỉ vĩnh hằng này – tuy nhiên ta hy vọng nói thế sẽ không bị coi là đi ngược lại đạo lý thông thường. Ta muốn được bận rộn ở thiên đường cũng y như từng bận rộn ở đây vậy. Và ta hy vọng trên thiên đường có thứ thay thế cho món bánh nướng và bánh vòng – một thứ gì đó phải được *làm ra* chứ. Tất nhiên, thỉnh thoảng người ta cũng trở nên mệt mỏi ghê gớm và càng già, ta càng trở nên mệt mỏi hơn. Nhưng người mệt mỏi nhất thì vẫn có thể yên nghỉ trong một cõi chẳng vĩnh hằng... Có lẽ, trừ phi đó là kẻ lừa nhác.”

“Khi gặp lại bà Myra Murray,” Anne nói, “cháu rất muốn được nhìn thấy bà ấy tiến về phía mình, nhanh nhẹn tươi cười, y như bà ấy vẫn luôn như thế ở nơi này.”

“Ôi, cô bác sĩ thân yêu ới,” bà Susan nói, giọng choáng váng, chắc chắn cô không nghĩ rằng Myra sẽ tươi cười ở thế giới bên kia đấy chứ?”

“Sao lại không chứ, cô Susan? Chẳng lẽ cô cho rằng chúng ta sẽ khóc ở đấy sao?”

“Không, không, cô bác sĩ thân yêu, đừng hiểu nhầm ý tôi. Tôi không nghĩ chúng ta sẽ cười hay khóc gì.”

“Vậy thì sẽ như nào?”

“Ái chà,” bà Susan nói, bị cuốn theo ý tưởng này, “theo ý tôi, cô bác sĩ thân yêu ạ, chúng ta sẽ chỉ tỏ ra nghiêm trang và mộ đạo.”

“Vậy cô Susan này, cô có thật lòng cho rằng,” Anne nói, tỏ ra nghiêm trang vừa đủ, “bà Myra Murray hoặc cháu có thể luôn

luôn – *luôn luôn* – tỏ ra nghiêm trang và mộ đạo không, cô Susan?”

“Ôi dào,” bà Susan miễn cưỡng thừa nhận, “tôi có thể dẫn lòng mà nói rằng cả hai người thỉnh thoảng sẽ phải mỉm cười, nhưng tôi không bao giờ có thể chấp nhận rằng trên thiên đường lại có chuyện tươi cười. Đó thật sự là ý nghĩ bất kính, cô bác sĩ thân yêu ạ.”

“Chậc, quay trở về với hiện thực cái đã,” cô Cornelia nói, “chúng ta để ai tiếp quản lớp giáo lý của bà Myra được đây nhỉ? Julia Clow vẫn dạy ở đó kể từ hồi Myra đổ bệnh, nhưng đến mùa đông bà ta sẽ ra thị trấn và chúng ta buộc phải tìm người thay thế.”

“Cháu nghe nói bà Laurie Jamieson muốn nhận việc ấy lắm,” Anne nói. “Từ hồi chuyển từ Lowbridge đến Glen, gia đình Jamieson vẫn rất chăm chỉ đi nhà thờ.”

“Mới lạ thì nhiệt tình thôi!” cô Cornelia nói giọng hoài nghi. “Cứ đợi cho đến khi họ chăm chỉ đi được một năm đã.”

“Cô không thể dựa dẫm gì vào bà Jamieson được đâu, cô bác sĩ thân yêu,” bà Susan nghiêm túc nói. “Bà ta từng chết một lần rồi và khi họ đang cần đo cỡ người bà ta cho vừa với quan tài, sau khi đã khâu liệm bà ta đẹp đẽ, thì bà ta không chết mà lại sống dậy! Nào, cô bác sĩ thân yêu, cô biết rõ cô *không thể* dựa dẫm vào một người phụ nữ như thế được mà.”

“Bất kỳ lúc nào bà ta cũng có thể cải sang Hội Giám lý,” cô Cornelia nói. “Tôi nghe người ta nói là nhà ấy đi nhà thờ Giám lý ở Lowbridge cũng chăm chỉ chẳng kém gì đi nhà thờ Trưởng lão đâu. Tôi vẫn chưa bắt gặp họ đi nhà thờ Giám lý ở đây, nhưng tôi không tán thành cho bà Jamieson tham gia lớp giáo lý. Tuy nhiên, chúng ta không được làm méch lòng họ. Chúng ta đã mất quá nhiều người rồi, do đã chết hoặc vì tính tình không tốt. Bà Alec Davis đã bỏ nhà thờ rồi, chẳng ai biết vì sao. Bà ta bảo với hội đồng mục vụ là bà ta sẽ không bao giờ đóng góp thêm bất kỳ xu nào để cung lương cho ông Meredith. Tất nhiên, hầu hết mọi

người đều cho rằng bọn trẻ con đã chọc tức bà ta, nhưng chẳng hiểu sao tôi lại không nghĩ thế. Tôi đã thử dò hỏi Faith nhưng chẳng thu thập được thông tin gì ngoài chuyện bà Davis đã ghé qua, có vẻ tinh thần rất phấn khởi, để gặp cha con bé, sau đó thì dùng dùng giận dữ bỏ về, gọi tất cả bọn chúng là đồ giá áo túi cơm?!”

“Đồ giá áo túi cơm, thật là!” bà Susan giận dữ nói. “Có phải bà Alec Davis đã quên là ông cậu bên đảng ngoại nhà bà ta từng bị nghi ngờ đầu độc vợ mình không? Nói thế thôi chứ không phải người ta đã chứng minh được chuyện đó, cô bác sĩ thân yêu ạ, và ta không thể nghe ai nói gì cũng đều tin là thật được. Nhưng nếu *tôi* có một ông cậu mà bà vợ lại bị chết một cách không rõ nguyên nhân thì *tôi* sẽ chẳng đi khắp làng gọi những đứa trẻ vô tội là đồ giá áo túi cơm.”

“Quan trọng là,” cô Cornelia nói, “bà Davis trước đây quen góp rất nhiều và làm sao để bù đắp được khoản thiếu hụt đó cũng là một vấn đề nan giải. Và nếu bà ta xúi giục những người nhà Douglas khác chống lại ông Meredith, mà chắc chắn bà ta sẽ tìm cách làm thế, thì ông ấy sẽ buộc phải rời khỏi đây.”

“Tôi không nghĩ là bà Alec Davis được những người còn lại trong dòng họ yêu quý gì cho cam,” bà Susan nói. “Không nhiều khả năng bà ta tác động được đến họ đâu.”

“Nhưng cánh nhà Douglas đó đoàn kết lắm. Ta mà động chạm đến một người là cả họ xù lông lên ngay. Chúng ta không thể vận hành nếu thiếu họ được, chắc chắn là như vậy. Họ đóng góp một nửa khoản cung lương. Họ không hề kệt xỉ, dẫu cho người ta nói gì về họ đi chăng nữa. Trước khi bỏ nhà thờ, Norman Douglas từng đóng góp mỗi năm một trăm đô, trong suốt một thời gian dài.”

“Sao ông ấy lại bỏ nhà thờ ạ?” Anne hỏi.

“Ông ta tuyên bố là một thành viên hội đồng mục vụ đã lừa ông ta trong một vụ mua bán bò. Ông ta không đến nhà thờ suốt hai mươi năm liền. Hồi còn sống, vợ ông ta vẫn đi lễ khá

thường xuyên, tội nghiệp bà ấy, nhưng ông ta không bao giờ cho phép bà ấy quyền góp bất cứ thứ gì, chỉ trừ một xu vào các ngày Chủ nhật. Bà ấy tủi hổ kinh khủng. Tôi không biết ông ta có phải một người chồng tốt đối với bà ấy không, tuy nhiên chẳng ai nghe thấy bà ấy phàn nàn bao giờ. Nhưng bà ấy lúc nào cũng có vẻ sợ sệt. Ba mươi năm về trước, Norman Douglas đã không cưới được đúng người phụ nữ ông ta mong muốn, mà người nhà Douglas thì chẳng bao giờ thích cam lòng chịu đựng một thứ chỉ đúng thứ hai.”

“Người ông ấy muốn cưới là ai vậy ạ?”

“Ellen West. Họ không hẳn đã đính hôn với nhau, ta tin là thế, nhưng suốt hai năm họ luôn dính lấy nhau như hình với bóng. Rồi dùng phát họ chia tay – chẳng ai biết tại vì sao. Ta đoán chắc chỉ là cãi cọ vớ vẩn gì đó thôi. Rồi khi cơn tức của ông ta còn chưa kịp có thời gian nguôi đi thì Norman đã đi cưới Hester Reese rồi – cưới bà ấy chỉ cốt để chọc tức Ellen thôi, ta không nghi ngờ gì chuyện đó hết. Đàn ông mà! Hester là một cô nàng tốt bụng, nhưng bà ấy chẳng phải người gan dạ gì cho cam và có mỗi một chút can đảm thì cũng bị ông chồng đập nát hết. Đối với Norman thì bà ấy quá nhu nhược. Ông ta cần một người phụ nữ có thể dũng cảm đương đầu với ông ta. Ellen sẽ giữ ông ta không bị chệch ra khỏi khuôn khổ phù hợp và điều đó càng khiến ông ta thích bà ấy hơn. Ông ta khinh thường Hester, quả thật như thế, chỉ vì bà ấy lúc nào cũng nhượng bộ ông ta. Ta từng nghe ông ta nói không chỉ một lần, từ rất lâu hồi ông ta vẫn còn thanh niên,”Cứ cho tôi một người phụ nữ nóng tính, lúc nào cũng nổi nóng lên với tôi. Thế rồi ông ta lại đi cưới một cô gái nhát như cáy. Dòng họ Reese đó chỉ biết sống một cách tẻ nhạt. Họ hời hợt đi qua các chặng đường đời, chứ họ không sống.”

“Russell Reese từng lấy nhẫn cưới của bà vợ đầu để làm đám cưới với bà vợ thứ hai đấy,” bà Susan hồi tưởng. “Theo tôi thấy, đó đúng là hành động tiết kiệm *thái quá*, cô bác sĩ thân yêu ạ. Ông anh John của ông ta thì tự lập bia mộ cho chính mình trong

nghĩa trang bên kia cảng, có đầy đủ hết mọi thông tin chỉ thiếu mỗi ngày qua đời, và Chủ nhật nào ông ta cũng đến xem nó. Hầu hết mọi người đều chẳng thấy chuyện đó có gì vui, nhưng rõ ràng ông ta lại cho là có. Mỗi người đều có những quan niệm khác nhau về niềm vui thú. Về phần Norman Douglas, ông ta đúng là một kẻ ngoại đạo tuyệt đối. Khi ông mục sư trước hỏi tại sao ông ta chẳng bao giờ chịu đến nhà thờ, ông ta bèn bảo, "Ở đó có quá nhiều phụ nữ xấu xí, ngài mục sư ạ... quá nhiều phụ nữ xấu xí!" Tôi chỉ muốn gặp cái gã đàn ông đó, cô bác sĩ thân yêu ạ, và nghiêm túc nói với ông ta, "Trên đời này có địa ngục đấy!"

"Ôi, Norman không tin là có nơi nào như thế đâu," cô Cornelia nói. "Tôi hy vọng đến cuối đời, ông ta sẽ nhận ra sai lầm của mình. Nay, Mary, cháu đã đàn được ba phân rồi, giờ cháu được phép đi chơi với đám trẻ con nửa tiếng nhé."

Mary không cần được mời mọc đến lần thứ hai. Con bé phi như bay đến Thung Lũng Cầu Vòng, lòng cũng nhẹ bằng như hai gót chân, và giữa cuộc trò chuyện, bèn kể hết cho Faith Meredith nghe về bà Alec Davis.

"Và bà Elliott bảo bà ta thế nào cũng xúi cả nhà Douglas chống lại cha em rồi sau đó ông ấy sẽ phải rời khỏi Glen vì không được trả lương," Mary tổng kết lại. "Thật lòng mà nói, *chị* chẳng biết có thể làm gì được. Giá mà ông cụ Norman Douglas quay lại nhà thờ và quyên góp thì chuyện sẽ chẳng đến nỗi tệ quá. Nhưng ông ấy sẽ không làm thế... và gia đình Douglas sẽ bỏ nhà thờ... và tất cả các em sẽ phải đi khỏi đây."

Tối đó, Faith đi ngủ cùng trái tim nặng trĩu. Chỉ cần nghĩ đến chuyện phải rời khỏi Glen là con bé đã không chịu đựng nổi. Chúng chẳng thể tìm được những người bạn thân thiết như đám trẻ nhà Blythe ở bất cứ nơi nào khác trên thế giới này, Trái tim bé bỏng của con bé đã thắt lại khi gia đình chúng rời khỏi Maywater; con bé đã đổ không biết bao nhiêu giọt nước mắt chua xót khi phải chia xa những người bạn thân ở Maywater cùng ngôi nhà mục sư cũ nơi mẹ con bé từng sinh sống và qua đời. Con bé không giữ nổi bình tĩnh khi tưởng tượng đến một

cuộc chia ly như thế nữa, lần này thậm chí còn khó khăn hơn. Con bé *không thể* rời khỏi Glen St. Mary, rời khỏi Thung Lũng Cầu Vòng dấu yêu cùng cái nghĩa địa thú vị đó.

“Thật kinh khủng khi là một thành viên trong gia đình mục sư,” Faith úp mặt vào gối rên rỉ. “Ngay khi vừa trở nên yêu quý một nơi chốn nào đấy là y như rằng ta sẽ bị búng đi hết cả gốc cả rễ. Mình sẽ không bao giờ, không bao giờ, *không bao giờ* cưới một mục sư, cho dù anh ta có tốt đẹp đến thế nào đi nữa.”

Faith ngồi dậy trên giường, nhìn ra bên ngoài khung cửa sổ nhỏ bò lổm ngổm dây leo. Đêm tĩnh lặng như tờ, âm thanh duy nhất phá vỡ bầu không khí im ắng là tiếng thở nhẹ của Una. Faith cảm thấy cô đơn kinh khủng giữa trần gian. Con bé có thể nhìn thấy ngôi làng Glen St. Mary đang nằm phơi mình bên dưới đồng cỏ thiên thanh lấp lánh ánh sao của đêm mùa thu. Phía bên kia thung lũng, một ánh đèn hắt ra từ căn phòng của các cô con gái nhà Bên Ánh Lửa, và thêm một ánh đèn nữa từ phòng Walter. Faith băn khoăn không biết Walter tội nghiệp có lại bị đau răng hay không. Rồi con bé thở dài, một tiếng thở dài ngắn ngủi xuất phát từ lòng ghen tị với Nan và Di. Hai cô bé ấy có một người mẹ và một mái nhà ổn định – chúng không phải trồng cây vào lòng tốt của những con người vô duyên vô cớ nổi giận dưng dưng và gọi ta là kẻ giá áo túi cơm. Xa xa kia bên ngoài địa phận làng Glen, giữa những cánh đồng đang chìm trong giấc ngủ sâu, một ngọn đèn khác cũng đang cháy sáng. Faith biết ánh sáng đó hắt ra từ ngôi nhà nơi Norman Douglas sinh sống. Nghe nói ông ấy thường ngồi đọc sách thâu đêm. Mary đã bảo rằng chỉ cần ông ấy bị thuyết phục mà quay trở lại nhà thờ thì mọi chuyện sẽ ổn cả. Và sao lại không chứ? Faith nhìn ngôi sao lớn treo la đà phía bên trên ngọn vân sam cao vút ở cổng nhà thờ Giám lý và nảy ra một ý tưởng. Con bé biết cần phải làm gì và con bé, Faith Meredith, sẽ là người làm việc đó. Con bé sẽ làm cho mọi việc đều đâu vào đấy hết. Thở dài mãi nguyện, con bé quay lưng lại với thế giới tối đen cô độc và cuộn mình nằm xuống cạnh Una.

16. Ăn miếng trả miếng

Với Faith, một khi đã ra quyết định là phải bắt tay vào hành động ngay. Con bé không lãng phí thời gian mà thực hiện ý tưởng luôn. Ngày hôm sau, ngay khi đi học về, con bé ra khỏi nhà mục sư và lên đường xuống làng Glen. Lúc con bé đi qua bưu điện thì Walter Blythe bèn nhập hội.

“Mẹ nhờ anh đến nhà bà Elliott có chút việc,” cậu nói. “Em đi đâu đấy, Faith?”

“Em đến chỗ này lo việc cho nhà thờ,” Faith kiêu căng nói. Con bé không tình nguyện cung cấp thêm thông tin cụ thể và Walter thấy hơi mất mặt. Chúng im lặng đi một lúc. Chiều tối hôm đó, trời âm áp, gió hiu hiu, bầu không khí ngọt ngào thơm mùi nhựa cây. Phía bên kia những đụn cát, đại dương màu xám êm ả và xinh đẹp. Dòng suối làng Glen chở những chuyến hàng lá đỏ lá vàng chạy xuôi dòng, chẳng khác gì những chiếc sà lúp chôn thân tiên.

Giữa cánh đồng kiêu mạch tơ gốc rạ nhuộm sắc đỏ nâu xinh đẹp của ông James Reese, một hội đồng quạ đang nghiêm túc tranh luận về sự thịnh vượng của xứ quạ. Nảy trò chơi ác muốn phá rối cuộc họp trang nghiêm đó, Faith leo lên hàng rào và ném một thanh rào gãy về phía chúng. Ngay lập tức, bầu không khí chìm trong tiếng quạ quạ đầy căm phẫn, không gian phủ kín những cánh quạ đen vỗ phành phạch.

“Sao em lại làm thế?” Walter khiển trách. “Chúng đang chơi vui thế cơ mà.”

“Ôi dào, em ghét bọn quạ,” Faith ung dung nói. “Chúng quá đen và xảo quyệt, khiến em có cảm giác chắc chắn chúng là bọn đạo đức giả. Chúng ăn trộm những quả trứng chim bé bỏng từ trong tổ, anh biết đấy. Hồi mùa xuân vừa rồi, em đã thấy một con làm thế ngay trên bãi cỏ nhà em. Hôm nay sao trông anh nhợt nhạt thế, Walter? Tối qua anh lại bị đau răng à?”

Walter rùng mình.

“Ừ... đau khủng khiếp luôn. Anh không chớp mắt được một giây nào hết... vậy nên anh chỉ biết đi đi lại lại trong phòng và tưởng tượng anh chính là một tín đồ Thiên Chúa giáo tử vì đạo thời xa xưa đang bị tra tấn theo lệnh của Nero. Làm thế cũng có hiệu quả được một lúc, nhưng rồi sau đó anh đau đớn kinh khủng, đến mức chẳng thể tưởng tượng được cái gì hết.”

“Anh có khóc không?” Faith lo lắng hỏi.

“Không... nhưng anh nằm trên sàn rên rỉ mãi,” Walter thú nhận. “Sau đó các em gái của anh vào phòng và Nan đắp ốt lên chỗ đau... nhưng như thế chỉ làm tình hình càng tệ hơn... Di cho anh ngậm một ngụm nước lạnh trong miệng... nhưng anh không thể chịu đựng nổi, vậy nên hai đứa bèn gọi bà Susan. Bà Susan bảo đáng đời anh vì hôm qua đã ngồi mãi trong gác xếp lạnh giá viết cái thứ thơ thần nhố nhăng. Nhưng bà ấy đã nhóm lò rồi đưa cho anh một chai nước nóng, và nó đã ngăn được cơn đau. Ngay khi cảm thấy khá hơn rồi, anh bèn bảo bà Susan rằng thơ của anh không phải thứ nhố nhăng và bà ấy chẳng am hiểu chút gì cả. Vậy là bà ấy bảo không, tạ ơn trời đất bà ấy không phải người am hiểu và bà ấy chẳng biết gì về thơ thần ngoài chuyện nó hầu hết chỉ là một đồng lời dối trá. Này, Faith, em biết rõ không phải thế mà. Đó chính là một trong những lý do khiến anh thích làm thơ – ta có thể giải bày rất nhiều điều mà nếu nói bằng thơ thì chân thực nhưng nói bằng văn xuôi thì lại không. Anh bảo với bà Susan thế, nhưng bà ấy bảo anh đừng có ba hoa nữa mà đi ngủ đi trước khi nước lạnh mất, nếu không bà ấy sẽ mặc kệ anh, để xem liệu các câu thơ có chữa được bệnh đau răng không, và bà ấy hy vọng nó sẽ dạy cho anh một bài học.”

“Sao anh không đến khám nha sĩ ở Lowbridge rồi nhổ răng đi.”

Walter lại rùng mình.

“Mọi người muốn anh đi đấy... nhưng anh không thể. Thế thì sẽ đau lắm.”

“Anh mà lại sợ một cơn đau vặt vãnh à?” Faith khinh khỉnh hỏi.

Walter đỏ bừng mặt.

“Nó sẽ là một cơn đau *ngghiêm trọng* đấy chứ. Anh không muốn bị đau. Bố anh bảo sẽ không khăng khăng bắt ép anh đi... bố sẽ đợi cho đến khi anh tình nguyện đi khám nha sĩ.”

“Nó không đau dai dẳng như cơn đau răng ấy đâu,” Faith cãi lại. “Anh bị năm trận đau răng rồi. Nếu anh đi khám và nhổ cái răng ấy đi thì sẽ không phải trải qua những buổi tối khổ sở nữa. Em cũng từng nhổ răng một lần rồi. Em la hét mất một lúc, nhưng rồi sau đó cũng qua đi... chỉ bị chảy máu thôi.”

“Chảy máu mới là kinh nhất đấy... gớm chết đi được,” Walter kêu lên. “Hồi mùa hè vừa rồi, anh suýt nôn khi Jem bị đứt chân. Bà Susan bảo trông anh tái nhợt như sắp ngất, còn hơn cả Jem nữa. Nhưng anh cũng không chịu được khi thấy Jem đau. Có người lúc nào cũng bị thương, Faith ạ... và điều đó thật kinh khủng. Anh thật không thể *chịu đựng* được khi nhìn cảnh bị thương. Nó khiến cho anh chỉ muốn bỏ chạy... cứ thế chạy... và chạy... cho đến khi không thể nghe thấy nhìn thấy cảnh đó nữa.”

“Cứ rồi hết cả lên nếu ai đó bị thương cũng đâu có ích gì,” Faith nói, hất hất mấy lọn tóc. “Tất nhiên, nếu đau đớn quá thì anh vẫn phải la hét... và máu *đúng là* bắn lắm... và em cũng không thích nhìn người khác bị thương. Nhưng em không muốn bỏ chạy... em muốn xắn tay vào giúp đỡ họ. Bố anh thường xuyên *phải* làm đau người ta nếu muốn chữa trị cho họ. Nếu *ông ấy* mà bỏ chạy thì họ biết làm sao?”

“Anh không nói là anh sẽ bỏ chạy. Anh chỉ bảo là anh *muốn* bỏ chạy. Chuyện đó khác hẳn đấy. Anh cũng muốn giúp đỡ mọi người. Nhưng, ôi chao, anh ước gì trên đời này không tồn tại bất cứ thứ xấu xa, tồi tệ nào. Anh ước gì mọi thứ trên đời đều đẹp để vui vẻ.”

“Ôi dào, đừng nghĩ đến những thứ không đẹp để vui vẻ làm gì,” Faith nói. “Xét cho cùng, sống trên đời cũng vô khối chuyện vui mà. Nếu anh mà chết thì sẽ chẳng bị đau răng, nhưng đâu thể đi nữa, chẳng phải anh vẫn thích sống hơn là phải chết à? Em thì đúng thế đấy, hơn cả ngàn lần ấy chứ. Ôi, Dan Reese kia. Anh ta đang xuống cảng câu cá.”

“Anh ghét Dan Reese,” Walter nói.

“Em cũng vậy. Bọn con gái chúng em đứa nào cũng ghét. Em sẽ chỉ đi lướt qua chứ không bao giờ thềm để ý một chút xíu gì đến anh ta hết. Anh xem em đây này!”

Vậy là Faith nghênh ngang đi qua chỗ Dan, cầm vênh lên, lộ rõ vẻ khinh miệt găm vào lòng thằng bé. Thằng bé quay người hét với theo Faith.

“Đồ con lợn! Đồ con lợn!! Đồ con lợn!!!” thành một tràng sỉ nhục càng lúc càng cao giọng.

Faith tiếp tục tiến về phía trước, dường như chẳng thềm để tâm. Nhưng môi con bé run run vì giận dữ. Faith biết rõ nếu so về khả năng đặt biệt danh cho người khác thì con bé không thể độ lại được với Dan Reese. Con bé ước gì lúc này Jem Blythe đang ở đây thay vì Walter. Nếu nghe thấy Dan Reese dám gọi con bé là đồ con lợn, Jem thế nào cũng sẽ hạ gục cậu ta. Nhưng Faith không bao giờ nghĩ đến khả năng Walter sẽ làm được như vậy và con bé cũng không bao giờ nghĩ sẽ trách cứ gì Walter vì đã không làm được như vậy. Con bé biết, Walter chẳng bao giờ đánh nhau với bọn con trai. Charlie Clow ở đường Bắc cũng chẳng bao giờ đánh nhau. Lạ ở chỗ, mặc dù khinh thường Charlie là kẻ hèn nhát, con bé lại không bao giờ nảy ra ý nghĩ coi thường Walter. Đơn giản là vì trong mắt con bé, Walter dường

như sống trong một thế giới riêng biệt, nơi thịnh hành những truyền thống khác hẳn. Faith chẳng dám trông mong vào Walter Blythe cũng ngang với chẳng dám trông mong một thiên thần trẻ mắt sáng long lanh sẽ nện cho cậu chàng Dan Reese bản thủ, mặt đầy tàn nhang kia một trận. Con bé chẳng đời nào trách cứ thiên thần ấy cũng như sẽ không trách cứ Walter Blythe. Nhưng con bé chỉ ước mong sao Jerry hoặc Jem khỏe mạnh có mặt ở đây lúc này và sự lẳng nhục của Dan vẫn còn khiến con bé day dứt mãi trong lòng.

Walter không còn nhột nhột nữa. Cậu đỏ phừng cả mặt và đôi mắt xinh đẹp của cậu bị che phủ bởi sự tủi hổ và giận dữ. Cậu biết lẽ ra cậu phải trả thù cho Faith. Jem thế nào cũng sẽ lập tức lao vào dạy dỗ khiến cho Dan phải tủi nhục nhận lỗi. Ritchie Warren thế nào cũng sẽ dón dập đổ lên đầu Dan những “biệt danh” còn tệ hại hơn nhiều những từ Dan đã dùng để gọi Faith. Nhưng Walter thì không thể – đơn giản là không thể – “gọi đồ này đồ nọ”. Cậu biết cậu sẽ thua. Cậu không bao giờ có thể hình dung hoặc thốt lên thành tiếng những lời lẽ sỉ nhục thô bỉ, tục tĩu mà Dan Reese có thể tuôn ra bất tận. Còn nếu giải quyết vấn đề bằng nắm đấm thì Walter lại không biết đánh nhau. Cậu ghét cái ý tưởng đó. Nó thật thô bạo và đầy đau đớn – và, tệ hơn cả, nó thật gớm guộc. Cậu không bao giờ có thể hiểu được cảm giác hờn hủ của Jem khi Jem thỉnh thoảng tham gia vào cuộc ẩu đả nào đó. Nhưng Walter ước gì cậu *có thể* đánh Dan Reese. Cậu thấy xấu hổ kinh khủng vì Faith Meredith bị sỉ nhục trước mặt cậu trong khi cậu lại chẳng hề cố gắng trừng phạt kẻ lẳng mạ con bé. Cậu cảm thấy chắc chắn con bé phải khinh thường cậu lắm. Con bé thậm chí còn chẳng thèm nói chuyện với cậu kể từ lúc Dan gọi nó là đồ con lợn. Cậu thấy mừng khi chúng đến lúc phải chia tay mỗi đứa đi một ngã.

Faith cũng nhẹ cả lòng, tuy nhiên vì một nguyên do khác hẳn. Con bé muốn được ở một mình vì đột nhiên cảm thấy hơi lo lắng vì mục đích của mình. Cơ bốc đồng đã nguội bót, nhất là từ lúc Dan làm tổn thương lòng tự trọng của nó. Con bé phải hoàn thành kế hoạch đã đề ra, nhưng bước chân không còn

được lòng hăng hái nâng đỡ nữa. Con bé định gặp Norman Douglas, đề nghị ông ta quay trở lại nhà thờ, nhưng giờ con bé đã bắt đầu thấy sợ ông ta rồi. Lúc ở trên làng Glen, chuyện nghe có vẻ dễ dàng và đơn giản đấy, nhưng ở dưới này thì dường như lại khác hẳn. Con bé đã nghe kể rất nhiều về Norman Douglas và biết rõ ngay cả những đứa con trai lớn xác nhất trường cũng thấy sợ ông. Giả sử ông ta gọi con bé bằng một từ thô lỗ nào đó thì sao – nghe nói ông ta hay làm thế lắm. Faith không thể chịu đựng nổi nếu bị gọi là đồ này đồ nọ – lời gọi ấy đủ sức hạ gục con bé còn nhanh hơn cả một cú đánh vào thân xác. Nhưng con bé vẫn sẽ kiên trì tiến lên phía trước; Faith Meredith luôn kiên trì tiến về phía trước. Nếu con bé không làm thế, cha nó có lẽ sẽ buộc phải rời khỏi Glen.

Tối cuối con đường dài dằng dặc, Faith đã đến được ngôi nhà – một ngôi nhà lớn kiểu cổ với một hàng dương Lombardi như những người lính đang hành quân qua trước mặt. Norman Douglas ngồi ở hiên sau, đang đọc báo. Con chó bự của ông ta ở bên cạnh. Phía sau lưng ông, trong căn bếp nơi bà quản gia Wilson đang nấu bữa tối, tiếng đĩa bát vang lên loảng xoảng – một tiếng loảng xoảng đầy giận dữ, vì Norman Douglas vừa cãi nhau một trận với bà Wilson và vì thế cả hai đều đang rất bức mình. Thành ra, khi Faith đặt chân lên hiên còn Norman Douglas hạ thấp tờ báo xuống, con bé nhận thấy mình đang nhìn thẳng vào đôi mắt phùng phùng lửa giận của một người đàn ông đang cúi kính.

Norman Douglas có vẻ ngoài tương đối ưa nhìn, theo một cách riêng. Ông ta có một chòm râu dài màu đỏ rủ xuống phía trên lồng ngực rộng rãi và bờm tóc đỏ vẫn chưa bị thời gian nhuộm thành màu hoa râm phủ trên mái đầu to tướng. Vầng trán cao trắng xanh chưa hằn vết nhăn còn đôi mắt xanh lơ vẫn đủ sức bùng cháy lên cái ngọn lửa của thời thanh xuân sôi động. Nếu thích, ông ta có thể tỏ ra vô cùng hòa nhã, nhưng đồng thời cũng có thể tỏ ra rất đáng sợ. Quá lo lắng muốn tìm cách giải quyết tình hình liên quan đến nhà thờ, cô bé Faith tội nghiệp đã

bắt gặp Norman Douglas đúng lúc ông ta đang trong tâm trạng khó ở.

Không biết con bé là ai, ông ta trừng mắt nhìn Faith với vẻ ghét bỏ. Norman Douglas thích những cô gái mạnh mẽ, sôi nổi và vui tươi. Ngay trong lúc này, Faith tái nhợt như xác chết. Con bé thuộc kiểu người sắc mặt như thế nào thì sẽ có vẻ là người như thế ấy. Thiếu đôi má đỏ hây hây, con bé có vẻ nhu nhược và thậm chí là tầm thường. Con bé có vẻ khúm núm, sợ hãi và cái con người thích bắt nạt trong tim Norman Douglas bị kích thích.

“Mày là đứa quỷ quái gì vậy hả? Mày muốn gì ở đây?” ông ta hỏi với giọng oang oang, kèm theo cái quắc mắt dữ tợn.

Lần đầu tiên trong đời, Faith không biết nói gì. Con bé chưa bao giờ tưởng tượng được Norman Douglas sẽ cư xử *như thế này*. Con bé bị dọa đến đờ cả người. Thấy thế ông ta lại càng khó chịu hơn.

“Mày bị làm sao vậy hả?” ông ta nói to. “Trông mày như thể muốn nói gì đó nhưng lại sợ không dám nói vậy. Mày có vấn đề gì vậy? Quỷ tha ma bắt, nói đi xem nào?”

Không. Faith không nói được. Không lời lẽ nào tuôn ra được. Nhưng đôi môi con bé bắt đầu run lên.

“Trời đất ơi, đừng có khóc chứ.” Norman quát lên. “Ta không chịu nổi cảnh suốt mấy yếu đuối. Nếu muốn nói gì thì nói đi cho xong việc. Ôi trời ơi, đứa con gái này bị một hồn câm ám đấy à? Đừng có nhìn ta như thế... ta là con người... ta không có đuôi đâu! Mày là ai... mày là ai, nghe ta hỏi không?”

Giọng ông Norman vang rền đến nỗi ở tận cả căn cũng nghe thấy được. Mọi hoạt động trong bếp đều đã tạm dừng. Bà Wilson căng hết cả tại cả mắt ra lắng nghe. Ông Norman đặt hai bàn tay to rám nắng lên đầu gối và ngả người về phía trước, nhìn chăm chăm vào khuôn mặt xanh mét, rúm rỏ của Faith. Ông ta dường như đang lừng lững phía trên con bé, như thể một gã khổng lồ

xấu xa trốn ra từ một câu chuyện cổ tích. Con bé tưởng chừng như ngay sau đây ông ta sẽ ăn nó sạch sẽ hết cả thịt lẫn xương.

“Cháu.. là... Faith... Meredith,” con bé nói, chẳng lớn hơn một tiếng thì thậm là bao.

“Meredith, hả? Một đứa trong đám con của ông mục sư, hả? Ta đã nghe kể về mày... ta đã nghe kể về mày rồi! Cuối lợn và không tuân theo **ngày Sabbath**! Thú vị đấy! Mày muốn gì ở đây, hả? Mày muốn gì ở lão già ngoại đạo này đây, hả? *Ta* không xin các mục sư giúp đỡ... và ta cũng không giúp đỡ gì hết. Mày muốn gì, nghe ta hỏi không?”

Faith ước gì mình đang ở cách đây hàng nghìn dặm. Con bé lấp bấp bày tỏ suy nghĩ của mình một cách đơn giản đến trần trụi.

“Cháu đến... để xin ông... hãy đi nhà thờ... và quyên góp... cung lương.”

Ông Norman trừng mắt nhìn con bé. Rồi ông ta lại bùng nổ.

Đồ con gái trơ tráo vô liêm sỉ... cái con này! Ai bảo mày làm thế hả, con ranh? Ai bảo mày làm thế?”

“Chẳng ai cả ạ,” Faith tội nghiệp đáp.

“Nói dối. Đừng có giở trò dối trá với ta! Ai đã sai mày đến đây? Không phải là cha mày rồi... ông ta nhát như cáy... nhưng ông ta sẽ không sai mày làm một việc mà chính ông ta không có gan làm. Ta đoán là ai đó trong đám gái già chết giẫm ở Glen, đúng không... đúng không, hả?”

“Không ạ... cháu... cháu tự đến ạ.”

“Mày coi ta là gã ngốc đấy à?” ông Norman gầm lên.

“Không ạ... cháu nghĩ ông là một quý ông,” Faith yếu ớt nói, và chắc chắn không hề mảy may có hàm ý chế giễu nào.

Ông Norman nháy dưng lên.

“Đừng có chổ mũi vào chuyện của người khác. Ta không muốn nghe mày nói thêm gì hết. Nếu mày mà không phải là một đứa bé thì ta đã dạy cho mày biết đừng có xen vào những chuyện không liên quan đến mình. Khi nào muốn gặp mục sư hay thầy thuốc, ta sẽ cho gọi họ tới. Còn một khi chưa tới lúc đó thì ta sẽ chẳng dính dáng gì với họ hết. Mày hiểu chưa? Giờ thì cút đi, đồ bánh bèo.”

Faith bỏ đi. Con bé thất thần loạng choạng bước xuống thêm, rời khỏi cánh cổng sân sau tiến vào con đường mòn. Qua chừng một nửa đường mòn, cơn sợ hãi choáng váng tắt dần và một cảm giác giận dữ nhức nhối choán hết người con bé. Đến lúc tới cuối đường thì con bé đã đắm chìm trong một nỗi giận dữ chưa từng trải nghiệm bao giờ. Những lời lăng mạ của ông Norman Douglas bùng cháy trong tâm hồn con bé, thổi bùng lên một ngọn lửa phừng phừng. Về nhà ư! Ai chứ con bé thì đừng hòng! Nó sẽ lập tức quay trở lại để nói với lão yêu tinh đó đúng những gì con bé nghĩ về ông ta... con bé sẽ chỉ ra cho ông ta thấy... ôi chao ơi, phải vậy không! Bánh bèo à, thật tình!

Không chút lưỡng lự, Faith xoay người quay trở lại con đường vừa đi. Hiên vắng tanh còn cửa bếp đã đóng kín. Faith chẳng buồn gõ cửa mà cứ thế mở ra rồi bước vào trong nhà. Ông Norman Douglas vừa ngồi xuống bàn ăn, nhưng vẫn đang cầm tờ báo. Faith hiên ngang băng qua căn phòng, giằng lấy tờ báo trong tay ông ta và ném nó lên sàn nhà rồi giẫm chân lên. Sau đó, con bé nhìn thẳng vào mặt ông ta, đôi mắt rực sáng, hai má đỏ bừng. Lúc này, con bé xinh đẹp và bùng bùng khí thế đến độ công Norman Douglas suýt nữa không nhận ra.

“Mày quay lại làm gì thế hả?” ông ta gầm gừ, nhưng bối rối nhiều hơn là giận dữ.

Không chút sợ hãi, con bé trừng mắt nhìn thẳng vào đôi mắt hung dữ vốn chẳng mấy người đủ khả năng đối diện mà vẫn giữ vững được tinh thần.

“Cháu quay trở lại để nói cho ông biết chính xác cháu nghĩ gì về ông,” Faith nói bằng giọng rõ ràng, rành mạch. “Cháu không sợ ông. Ông là một lão già cau có, hung dữ, phi lý và thô lỗ. Bà Susan bảo chắc chắn ông sẽ phải xuống địa ngục và cháu từng lấy làm tiếc thay cho ông, nhưng giờ thì cháu không còn thấy thế nữa. Vợ ông chưa từng có lấy một cái mũ mới trong suốt mười năm – chẳng trách bà ấy không sống nổi. Từ bây giờ trở đi, cháu sẽ làm mặt hề chế giễu ông bất cứ khi nào nhìn thấy ông. Bất khi nào cháu ở đằng sau ông thì ông biết rõ đang có chuyện gì rồi đấy. Cha cháu có một bức hình con quỷ trong một cuốn sách ở phòng làm việc và cháu sẽ về nhà viết tên ông xuống dưới bức hình ấy. Ông là một con ma cà rồng già khú và cháu hy vọng ông sẽ bị ghẻ!”

Faith không biết ma cà rồng có nghĩa là gì cũng như chẳng hiểu bệnh ghẻ là thế nào. Con bé từng nghe bà Susan nhắc đến hai điều này và từ giọng điệu của bà, con bé đoán được cả hai đều là thứ kinh khủng. Nhưng ít nhất ông Norman Douglas biết bệnh ghẻ có nghĩa là gì. Ông im lặng tuyệt đối, lắng nghe tràng chí trích của Faith. Khi con bé dừng lại lấy hơi, giậm một bên chân, ông đột nhiên phá lên cười sảng sặc. Vỗ một bàn tay khổng lồ lên trên đầu gối, ông kêu lên, “Ta dám thề rằng xét cho cùng, cháu đúng là kẻ gan dạ đấy... ta thích người gan dạ. Nào, ngồi xuống đi... ngồi xuống đi!”

“Cháu không ngồi.” Đôi mắt Faith còn bùng cháy dữ dội hơn. Con bé tưởng mình đang bị chế nhạo, bị coi thường. Con bé sẵn sàng đương đầu với một cơn giận dữ nữa, nhưng cái thái độ này thì khiến con bé tự ái sâu sắc. “Cháu sẽ không ngồi trong nhà ông. Cháu về nhà đây. Nhưng cháu rất vui vì đã quay lại đây và nói cho ông biết chính xác cháu nghĩ như thế nào về ông.”

“Ta cũng vậy... ta cũng vậy,” ông Norman cười khùng khục. “Ta mến cháu đấy... cháu giỏi lắm... cháu rất tuyệt. Hồng hào như thế... mạnh mẽ như thế cơ mà! Có phải ta đã gọi con bé là đồ bánh bèo không nhỉ? Ái chà chà, con bé này thì bánh bèo cái gì chứ. Ngồi xuống nào. Giá mà ngay từ đầu cháu đã thể hiện

như thế này, cô nhóc ạ! Thế là cháu định viết tên ta phía dưới bức hình con quỷ đấy hả? Nhưng hắc ta tóc đen, cô nhóc ạ, hắc tóc đen... Còn ta thì tóc đỏ. Không hiệu quả đâu... không hiệu quả đâu! Và cháu hy vọng ta sẽ mắc bệnh ghẻ hả? Chúa phù hộ cháu, cô bé, ta đã bị nó hồi nhỏ rồi. Đừng cầu mong ta mắc lại nó nữa. Ngồi xuống đi nào... ngồi đi. Chúng ta uống mừng tình bạn nhé.”

“Không đâu ạ, cảm ơn ông,” Faith ngạo nghễ đáp.

“Ồ, có chứ, phải uống chứ. Nào, đến đây nào, ta xin lỗi, cô bé... ta xin lỗi. Ta đã hành xử một cách ngốc nghếch và ta rất xin lỗi. Thế này là tốt nhất rồi. Hãy quên đi và tha thứ. Bắt tay nào, cô bé... bắt tay nào. Không à... không, con bé không chịu! Nhưng phải chịu thôi! Nghe này, cô bé, nếu cháu bắt tay ta và ăn cùng ta, ta sẽ tiếp tục quyên góp cung lương giống như ngày xưa và ta sẽ đi nhà thờ vào ngày Chủ nhật đầu tiên mỗi tháng và ta sẽ bắt Kitty Alec phải ngậm miệng lại. Ta là người duy nhất trong dòng họ có thể làm được điều này. Đó là một thỏa thuận có lời đấy chứ, cô bé?”

Có vẻ đó đúng là một thỏa thuận có lời. Faith nhận thấy mình đang bắt tay với lão yêu tinh và ngồi xuống bàn ăn nhà ông ta. CƠN GIẬN CỦA CON BÉ ĐÃ NGUÔI – NHỮNG CƠN GIẬN DỮ CỦA FAITH CHẲNG BAO GIỜ DUY TRÌ ĐƯỢC QUÁ LÂU – NHƯNG SỰ KÍCH ĐỘNG SAU ĐÓ THÌ VẪN LÀM HAI MẮT CON BÉ SÁNG LONG LẠNH VÀ HAI MÁ ĐỎ HỒNG. Ông Norman Douglas nhìn con bé đầy ngưỡng mộ.

“Nào, lấy một ít món mứt thượng hạng của bà ra đây đi nào, Wilson,” ông ta ra lệnh,...và đừng có sùng sĩa nữa, bà già, đừng có sùng sĩa nữa. Chúng ta tranh cãi thì có sao chứ, bà già? Một cơn gió lạnh sẽ làm sạch không khí và khiến mọi thứ trở nên tươi tắn phấn khởi. Nhưng đừng có mưa phùn và sương mù theo sau... đừng có mưa phùn và sương mù, bà già ạ. Ta không thể chịu đựng nổi điều đó. Đối với ta, phụ nữ cứ việc giận dữ, nhưng đừng có rơi nước mắt. Nào, cô bé, món khoai tây thịt nhừ của cháu đây. Ăn cái đó trước đã. Bà Wilson đã đặt cho nó một cái tên mỹ miều nào đó, nhưng ta thì gọi nó là macanaccady. Bất

cứ món ăn nào không thể phân tích được thì ta đều gọi là macanaccady còn bất cứ thứ chất lỏng gì khiến ta bối rối thì ta đều gọi là shallamagouslem. Trà của bà Wilson là shallamagouslem. Ta dám thề rằng bà ấy chế biến nó từ cây ngư bàng. Đừng động gì đến thứ chất lỏng đen sì kinh khủng ấy – sữa của cháu đây này. Cháu bảo tên cháu là gì nhỉ?”

“Faith ạ.”

“Đừng dùng cái tên đó... đừng dùng cái tên đó! Ta không thể chịu nổi một cái tên như thế. Có tên khác không?”

“Không ạ, thưa ông.”

“Đừng ưa thích cái tên đó, đừng có thích nó. Nó chẳng có khi thế gì cả. Thêm nữa, nó làm ta nhớ đến bà dì Jinny. Bà ấy gọi ba đứa con gái là **Faith, Hope và Charity**. Faith thì chẳng tin bất cứ cái gì hết; Hope thì bẩm sinh đã bi quan còn Charity thì keo kiệt. Cháu phải được đặt tên là Hồng Đỏ mới đúng – khi cháu tức lên thì trông chẳng khác gì bông hồng đỏ rực. Vậy thì *ta* sẽ gọi cháu là Hồng Đỏ nhé. Và cháu đã dụ dỗ ta hứa sẽ tới nhà thờ nhỉ? Nhưng chỉ mỗi tháng một lần thôi, nhớ đấy nhé – mỗi tháng một lần thôi. Nào nào, cô bé, cháu sẽ tha thứ cho ta chứ? Ta từng quyên góp một trăm đô mỗi năm để cung lương cho mục sư và tới nhà thờ. Nếu ta hứa quyên góp hai trăm đô mỗi năm thì cháu sẽ tha cho ta vụ đi nhà thờ chứ? Nào nào!”

“Không được, không đâu, thưa ông,” Faith nói, cười tinh nghịch làm lộ lúm đồng tiền trên má. “Cháu cũng muốn ông đi nhà thờ nữa.”

“Chậc, thỏa thuận là thỏa thuận. Chắc là ta có thể chịu đựng được mười hai lần mỗi năm. Nghĩ mà xem mọi người sẽ chấn động thế nào vào Chủ nhật đầu tiên ta đi nhà thờ chứ! Mà bà già Susan Baker bảo ta sẽ phải xuống địa ngục, hả? Cháu có tin rằng ta sẽ xuống đó không – nào nào, cháu có tin không?”

“Cháu hy vọng là không ạ, thưa ông,” Faith lắp bắp, hơi ngượng ngùng.

“*Tại sao* cháu lại hy vọng là không? Nào, nào, tại sao cháu lại hy vọng là không? Cho ta một lý do xem nào, cô bé... cho ta một lý do xem nào.”

“Đó.... đó chắc hẳn là một nơi rất... không thoải mái ạ, thưa ông.”

“Không thoải mái? Tất cả hoàn toàn phụ thuộc vào việc cháu coi thế nào là thoải mái, cô bé ạ. Ta sẽ sớm chán các thiên thần thôi. Nay, cứ thử tưởng tượng bà già Susan có vầng hào quang trên đầu xem!”

Faith bèn tưởng tượng và cảnh đó buồn cười đến độ con bé phá lên cười. Ông Norman nhìn con bé ra vẻ hài lòng.

“Thấy buồn cười, hả?Ồ, ta thấy quý cháu đấy... cháu tuyệt thật. Nào, về vụ nhà thờ này... cha cháu có biết giảng đạo không đấy?”

“Cha là một nhà thuyết giáo tuyệt vời,” cô bé Faith trung thành đáp.

“Thế hả? Để rồi xem... ta sẽ soi lỗi. Tốt hơn hết ông ấy nên cẩn thận khi phát ngôn trước mặt *ta*. Ta sẽ bắt nọn ông ấy... ta sẽ tóm được sai lầm của ông ấy... ta sẽ sẫm soi các lý lẽ của ông ấy. Nhất định ta sẽ tìm được vui thú trong vụ đi nhà thờ này cho xem. Ông ấy có bao giờ thuyết giảng về địa ngục không?”

“Khô.....ông... cháu không nghĩ thế ạ.”

“Tệ quá. Ta thích các bài thuyết giảng về chủ đề ấy. Cháu hãy bảo với ông ấy là nếu muốn ta vui vẻ thì cứ sáu tháng một lần, nhớ giảng một bài thật hay ho về địa ngục nhé – và càng nhiều tội đày địa ngục càng tốt. Ta muốn chúng phải thật mãnh liệt. Và cứ nghĩ đến sự vui sướng mà ông ấy trao cho các cô gái già mà xem. Tất cả bọn họ sẽ dán mắt vào lão già Norman Douglas mà nghĩ, ‘Đó là dành cho lão đấy, lão già tội lỗi. Đó chính là thứ được dành sẵn cho *lão* đấy!’ Ta sẽ quyên góp thêm mười đô la mỗi lần cháu thuyết phục được cha cháu thuyết giảng về địa

ngực. Bà Wilson và món mứt đây rồi. Thích nó chứ, hả? Nó không phải macanaccady đâu. Ném thử đi!”

Faith ngoan ngoãn nuốt nguyên một thìa đầy ông Norman chìa ra cho con bé. May mắn thay, nó *đúng là* ngon thật.

“Món mứt mạn ngon nhất trần đời,” ông Norman nói, bỏ mứt ra đầy một cái đĩa lớn rồi đặt phịch cái đĩa trước mặt con bé.

“Mừng là cháu thích nó. Ta sẽ cho cháu hai hũ mang về nhà. Ta không hề ket xỉ chút nào hết... chưa bao giờ. Dù sao đi nữa, quý sứ cũng chẳng thể tóm ta vì cái lẽ *đó* được. Chẳng phải tại ta mà Hester không có mũ mới trong suốt mười năm đâu. Chính do bà ấy đấy chứ... bà ấy chặt bóp không mua mũ để tiết kiệm khoản tiền đó cho bè bạn da vàng ở Trung Quốc. *Ta* cả đời chưa từng hiến một xu nào cho các hội truyền giáo – và cũng sẽ không bao giờ. Cháu đừng bao giờ lừa bịp ta làm thế! Một trăm đô mỗi năm quyên góp cung lương và đi nhà thờ mỗi tháng một lần... nhưng đừng có hủy hoại những kẻ ngoại đạo tốt lành để biến họ thành những tín đồ cơ Đốc khốn khổ! Sao hả, cô bé, họ không phù hợp với thiên đường hay địa ngục đâu – quá hư hỏng với cả hai chốn đó – quá hư hỏng. Này, Wilson, bà vẫn chưa nhếch miệng cười lên hả? Thật chẳng tưởng tượng nổi sao đám phụ nữ các bà có thể hờn dỗi như thế! Ta cả đời chẳng bao giờ hờn dỗi gì hết... ta thì chỉ gió cuốn sấm rền một lúc rồi – phù – gió ngừng, trời quang mây tạnh và sau đó, cháu chẳng cần sợ gì ta nữa.”

Ông Norman khẳng khẳng đòi đánh xe đưa Faith về nhà sau bữa tối và ông chất đầy xe nào táo, nào cải bắp, khoai tây, bí ngô và mấy hũ mứt.

“Trong kho thóc có một chú mèo con đáng yêu lắm. Nếu cháu thích thì ta sẽ cho cháu cả con mèo đó nữa. Cháu chỉ cần nói một câu là được,” ông ta nói.

“Không cần ạ, cảm ơn ông,” Faith nói dứt khoát. “Cháu không thích mèo, với cả, cháu đã có một chú gà trống rồi.”

“Nghe cô bé nói kìa. Cháu làm sao có thể ôm ấp vuốt ve một con gà trống như với một chú mèo con chứ. Có ai nghe đến

chuyện nuôi gà trống làm vật cưng bao giờ chưa? Tốt hơn hết là nhận nuôi mèo con đi. Ta muốn tìm một mái nhà tử tế cho chú ta.”

“Không đâu ạ. Bà Martha có một con mèo và nó sẽ giết chết mèo lạ đấy ạ.”

Ông Norman đành đầu hàng trước lý do này, có phần hơi miễn cưỡng. Ông đánh xe đưa Faith đi một chuyến về nhà đầy phấn khích, sau đuôi chú ngựa hoang hai tuổi, và sau khi thả con bé xuống ở cửa bếp nhà mục sự đồng thời dỡ đóng hàng hóa xuống hiên sau nhà, ông đánh xe quay về, miệng hét to, “Chỉ mỗi tháng một lần thôi... chỉ mỗi tháng một lần thôi đấy, nhớ nhé!”

Faith leo lên giường, cảm thấy hơi chệnh choáng và hụt cả hơi, cứ như thể con bé vừa thoát khỏi một cơn gió lốc. Con bé hạnh phúc và tràn đầy cảm kích. Giờ đây, không còn phải sợ rằng bọn chúng sẽ phải rời khỏi Glen, rời khỏi khu nghĩa địa và Thung Lũng Cầu Vồng nữa. Nhưng con bé đi ngủ mà lòng chẳng hề yên ổn bởi trong tiềm thức vẫn canh cánh nỗi khó chịu vì đã bị Dan Reese gọi là đồ con lợn và rằng, sau khi đã vớ được biệt danh tâm đắc ấy, cậu ta sẽ tiếp tục gọi nó như thế bất cứ khi nào có cơ hội.

17. Chiến thắng kép

Norman Douglas đến nhà thờ vào ngày Chủ nhật đầu tiên của tháng Mười một và gây ra một con chấn động đúng như mong muốn. Ông Meredith lơ đãng bắt tay ông ta trên bậc thềm nhà thờ và mơ màng nói hy vọng bà Douglas vẫn khỏe.

“Bà ấy chẳng khỏe khoản gì cho cam ngay trước khi tôi chôn cất bà ấy mười năm về trước, nhưng tôi đoán là bây giờ sức khỏe của bà ấy đã khá lên nhiều rồi,” ông Norman rộn ràng nói, trước sự kinh hãi và thích thú của tất cả mọi người ngoại trừ ông Meredith, lúc này còn đang chìm đắm trong nỗi băn khoăn không biết khi nãy có giảng phần đầu một cách rõ ràng theo đúng khả năng không và hoàn toàn chẳng hề ý thức được ông Norman đang nói gì với mình cũng như mình đang nói gì với ông Norman.

Ông Norman chặn đường Faith ở cổng.

“Ta đã giữ lời nhé, thấy chưa... ta đã giữ lời nhé, Hồng Đỏ. Giờ thì ta được tự do cho tới ngày Chủ nhật đầu tiên của tháng Mười hai. Bài giảng hay đấy, cô gái... bài giảng hay đấy. Cha cháu chẳng thể hiện gì mấy trên khuôn mặt nhưng trong đầu thì có nhiều thứ đấy. Nhưng có một lần cha cháu đã tự mâu thuẫn với chính mình... nhớ bảo với ông ấy là ông ấy đã mâu thuẫn với chính mình đấy nhé. Và nhớ bảo là trong tháng Mười Hai, ta muốn nghe giảng về tội đày địa ngục. Cách tuyệt vời để kết thúc năm cũ – với một chút địa ngục, cháu biết đấy. Và một bài diễn thuyết hay ho dễ chịu về thiên đường cho ngày tất niên thì sao nhỉ? Mặc dù nó sẽ chẳng thú vị bằng một nửa bài giảng về địa

ngực, cô gái ạ... chẳng bằng một nửa. Chỉ có điều ta muốn biết cha cháu nghĩ gì về thiên đường... Ông ấy *biết* suy nghĩ đấy... thứ quý hiếm nhất trần đời... một người biết suy nghĩ... nhưng ông ấy *đã* tự mâu thuẫn với chính mình. Ha, ha! Đây là một câu mà cháu có thể hỏi ông ấy, vào khi nào đấy ông ấy đang tỉnh táo, cô gái ạ. Liệu Chúa có thể tạo ra một tảng đá lớn đến độ Người không thể tự nhấc lên được không? Đừng quên đấy nhé. Ta muốn nghe ý kiến của ông ấy về vấn đề này. Ta đã khiến nhiều mục sư bối rối không biết trả lời sao với câu hỏi đó rồi đấy, cô gái ạ."

Faith rất mừng khi thoát khỏi ông rồi chạy về nhà. Dan Reese, đang đứng trong đám con trai ở cổng, nhìn con bé và làm khẩu hình thành từ "đồ con lợn", tuy nhiên không dám nói to từ đó lên ngay ở đấy. Ngày hôm sau, ở trường học, chuyện lại khác hẳn. Vào giờ nghỉ trưa, Faith đùng mặt Dan ở bãi vân sam nhỏ phía sau trường và Dan lại hét lên lần nữa, "Đồ con lợn! Đồ con lợn! *Đồ gà trống!*"

Walter Blythe đột nhiên nhô ra từ một thảm rêu sau lùm linh sam nhỏ, nơi cậu đang ngồi đọc sách. Mặt cậu tái nhợt, nhưng đôi mắt long lên.

"Ngậm miệng lại đi, Dan Reese!" cậu nói.

"Ồi, xin chào, tiểu thư Walter," Dan bật lại, không hề luống cuống. Thằng bé nhẹ nhàng nhảy lên đỉnh hàng rào và ngân nga sỉ nhục, "*Đồ hèn nhát, ô đồ hèn nhát Ăn trộm một bình mù tạt Đồ hèn nhát, ô đồ hèn nhát!*"

"Mày là đồ trùng hợp!" Walter nói giọng khinh bỉ, mặt càng tái nhợt hơn. Cậu chỉ hiểu cực kỳ mơ hồ trùng hợp nghĩa là gì, nhưng Dan thì mù tịt và cho rằng nó ắt hẳn phải là một cái gì đấy cực kỳ xúc phạm. "Úi chà chà! Đồ hèn nhát!" nó lại hét lên. "Mẹ mày viết những thứ dối trá... dối trá... dối trá! Và Faith Meredith là đồ con lợn... đồ con lợn... đồ con lợn! Và nó là đồ gà trống... đồ gà trống... đồ gà trống! Úi chà chà! Đồ hèn nhát... Ô đồ..."

Dan không nói thêm được nữa. Walter đã lao mình băng qua khoảng không gian ngắn cách hai đứa và đấm một cú trúng mục tiêu hất Dan ngã bật ngửa khỏi hàng rào. Cú ngã sống soài đột ngột đẩy nhục nhã của Dan được chào đón bằng một tràng cười cùng tràng vỗ tay của Faith. Dan đứng bật dậy, mặt tím tái vì giận và bắt đầu leo lên hàng rào. Nhưng đúng lúc đó chuông vào học reo lên và Dan biết thừa những đứa con trai vào lớp muộn trong giờ của thầy Hazard thì sẽ gặp phải chuyện gì.

“Chúng ta sẽ đánh cho đến khi phân thắng bại,” nó tru lên. “Đồ hèn nhát!”

“Mày thích lúc nào tao chiều lúc đấy,” Walter nói.

“Ôi, không, không đâu, Walter,” Faith phản đối. “Đừng đánh nhau với anh ta. *Em* không quan tâm anh ta nói gì đâu... em sẽ không thèm hạ mình quan tâm đến những kẻ như *anh ta*.”

“Nó đã sỉ nhục em và nó đã sỉ nhục mẹ anh,” Walter nói, với giọng đều đều bình tĩnh đầy chết chóc. “Tối nay sau khi tan trường nhé, Dan.”

“Bố tao bảo học xong tao phải về nhà ngay để còn nhặt khoai tây vừa được bữa lên,” Dan sững sủa trả lời. “Nhưng tối mai thì không thành vấn đề.”

“Được... vậy thì tối mai ở đây,” Walter đồng ý.

“Và tao sẽ nện vỡ cái mặt ẻo lả của mày ra,” Dan hứa hẹn.

Walter rùng mình không hẳn vì sợ hãi trước lời đe dọa đó mà chủ yếu là vì phát gớm trước sự xấu xí và thô tục của nó. Nhưng cậu vẫn ngẩng cao đầu hiên ngang bước vào lớp. Faith theo sau, ngổn ngang cảm xúc. Con bé căm ghét cái ý tưởng Walter sẽ đánh nhau với thằng nhóc hèn hạ ấy, nhưng, ôi chao, cậu mới tuyệt vời làm sao chứ! Và cậu sẽ đánh nhau vì *con bé* – Faith Meredith – để trừng phạt kẻ đã sỉ nhục nó! Tất nhiên cậu sẽ chiến thắng rồi... đôi mắt ấy đã báo hiệu chiến thắng.

Tuy nhiên, đến tối, sự tin tưởng mà Faith dành cho chiến binh của con bé đã phai nhạt đôi chút. Kể từ lúc đó cho tới tận

cuối buổi học, Walter dường như trở nên quá lặng lẽ và uể oải.

“Giá như thay vào đó là Jem,” con bé thở dài nói với Una, lúc hai chị em đang ngồi giữa nghĩa địa trên tấm bia mộ của Hezekiah Pollock. “*Anh ấy* đánh nhau rất cừ... *anh ấy* có thể giải quyết Dan ngay lập tức. Chứ còn Walter thì có biết gì mấy về chuyện đánh đấm đâu.”

“Em sợ *anh ấy* sẽ bị thương mất,” Una thở dài, cô bé vốn ghét chuyện đánh đấm và chẳng cách nào hiểu nổi vẻ đặc chí mơ hồ, thâm kín mà cô cảm nhận thấy ở Faith.

“Chắc không có chuyện đó đâu.” Faith bắt an nói. “*Anh ấy* cũng to con đâu kém gì Dan.”

“Nhưng Dan lớn tuổi hơn nhiều,” Una nói. “Này, *anh ta* lớn hơn gần một tuổi đấy.”

“Nếu nhắm đếm ra thì Dan không đánh nhau nhiều lắm đâu,” Faith nói. “Chị tin chắc *anh ta* là kẻ hèn nhát đích thực. *Anh ta* không nghĩ Walter sẽ đánh nhau, nếu không *anh ta* đã chẳng gọi đồ này đồ kia trước mặt *anh ấy*. Ôi, giá như em nhìn thấy mặt Walter lúc *anh ấy* nhìn Dan, Una! Chị thấy mà rùng cả mình... rùng mình theo nghĩa tốt ấy. *Anh ấy* trông giống hệt Sir Galahad trong bài thơ cha đã đọc cho chúng mình nghe hôm thứ Bảy ấy.”

“Em không thích các *anh ấy* đánh nhau và em ước gì chuyện đó có thể được dừng lại,” Una nói.

“Ôi, nó nhất định phải diễn ra chứ,” Faith kêu lên. “Đấy là vấn đề danh dự. *Cấm* em nói chuyện này cho bất cứ ai đấy nhé, Una. Em mà nói ra thì chị sẽ không bao giờ kể cho em nghe thêm bí mật nào nữa!”

“Em không kể đâu,” Una đồng ý. “Nhưng ngày mai em sẽ không ở lại xem đánh nhau. Em sẽ về nhà ngay.”

“Ôi, được rồi. *Chị* sẽ phải có mặt ở đó... *chị* mà không có mặt ở đó thì thật xấu tính, vì *anh Walter* đánh nhau vì *chị* mà. *Chị* sẽ buộc dải băng mang màu sắc của *chị* lên cánh tay *anh ấy* – khi

anh ấy là hiệp sĩ của chị thì phải làm như thế. May là cô Blythe đã tặng chị sợi dây buộc tóc màu xanh dương rất đẹp làm quà sinh nhật! Chị mới buộc có mỗi hai lần nên nó gần như còn mới tinh. Nhưng chị ước gì có thể tin chắc anh Walter sẽ thắng. Hẳn là sẽ như vậy thôi... anh ấy mà không thắng thì *xấu hổ* lắm.”

Faith chắc hẳn sẽ còn hoài nghi hơn nữa nếu nhìn thấy chiến binh của con bé ngay tại thời điểm ấy. Đến khi Walter đi học về, cơn giận dữ chính đáng của cậu đã xẹp xuống và thay vào đó là một cảm giác khó chịu cao độ. Tối hôm sau, cậu sẽ phải đánh nhau với Dan Reese... nhưng cậu không hề muốn thế... cậu căm ghét cái ý nghĩ đó. Ấy vậy nhưng lúc nào cậu cũng nghĩ về nó. Không một giây phút nào cậu có thể dứt tâm trí mình ra khỏi cái ý nghĩ đó. Liệu có đau lắm không nhỉ? Cậu cực kỳ sợ rằng sẽ đau. Và liệu cậu có bị bại trận và bị nhục nhã?

Đến bữa tối, cậu chẳng thể ăn uống cho ra hồn. Bà Susan đã nướng một mẻ lớn món bánh quy khoái khẩu của cậu, nhưng cậu chỉ cố nuốt được mỗi một cái. Jem ăn bốn cái. Walter thầm hỏi làm sao anh trai nó có thể. Làm sao *bất kỳ ai* lại có thể ăn được? Và sao mọi người có thể vừa ăn vừa nói chuyện vui vẻ? Mẹ ngồi kia, đôi mắt sáng long lanh, hai má hồng hào. *Mẹ* đâu có biết ngày mai con trai mẹ sẽ phải đánh nhau. Nếu biết thì liệu mẹ có con vui vẻ như thế không nhỉ, Walter âm thầm hỏi. Jem đã dùng cái máy ảnh mới của cậu để chụp cho bà Susan một kiểu ảnh rồi thành phẩm được chuyển tay quanh bàn và bà Susan đã cảm phần tốt độ.

“Tôi chẳng xinh đẹp gì cho cam, cô bác sĩ thân yêu ạ, và tôi biết rõ điều đó, vẫn luôn biết rõ điều đó,” bà nói giọng đau khổ, “nhưng tôi sẽ không bao giờ, không đâu, không bao giờ tin rằng tôi lại xấu xí đến mức như trong cái bức ảnh đó.”

Jem cười phá lên và Anne cũng bật cười theo cậu. Walter không thể chịu đựng nổi. Cậu đứng dậy chạy về phòng.

“Đứa trẻ ấy đang bận tâm điều gì đó, cô bác sĩ thân yêu ạ,” bà Susan nói. “Thằng bé gần như chẳng ăn gì cả. Cô có cho là thằng

bé lại đang âm mưu một bài thơ nữa không?”

Ngay lúc ấy, tâm trí của Walter tội nghiệp đang cách rất xa cái vùng đất thơ ca nhấp nháy ánh sao. Cậu đang tỳ khuỷu tay lên bậu cửa sổ rộng mở và sâu thăm gục đầu trên hai bàn tay.

“Xuống bãi biển đi, Walter,” Jem kêu lên, xông xộc lao vào phòng. “Tối nay bọn con trai sẽ đốt cỏ ở cồn cát đấy. Bố cho phép anh em mình rồi. Đi nào.”

Nếu là bất kỳ lúc nào khác thì Walter hẳn sẽ rất vui. Cậu rất hoan hỉ mỗi khi được đốt cỏ trên cồn cát. Nhưng lúc này, cậu dứt khoát từ chối, không hề dao động trước bất kỳ lý lẽ hay lời khẩn nài nào. Không muốn phải một mình cuốc bộ cả một quãng đường dài giữa đêm tối để tới Bốn Làn Gió, Jem chán chường rút lui về với bảo tàng của cậu trên gác xép, vùi đầu vào một cuốn sách. Chẳng mấy chốc, cậu đã quên bém nổi thất vọng, say sưa dõi theo các vị anh hùng trong câu chuyện lãng mạn xưa, thỉnh thoảng lại dừng lại để tưởng tượng ra chính mình trong vai trò một vị tướng nổi tiếng, đang dẫn đoàn quân gặt hái chiến thắng trên một chiến trường vĩ đại nào đó.

Walter ngồi bên cửa sổ cho tới tận giờ đi ngủ. Di rón rén vào phòng, hy vọng dò hỏi được có chuyện gì không ổn, nhưng Walter không thể nói chuyện này cho ai biết, kể cả là Di. Dường như nếu bị nhắc đến thì nó sẽ được khoác cho một tính chất chân thực mà cậu vẫn hằng trốn tránh. Nghĩ về nó là đã đủ tra tấn lắm rồi. Những chiếc lá héo khô xào xạc trên cây phong bên ngoài khung cửa sổ phòng cậu. Ánh hoàng hôn đỏ hồng đã tắt trên bầu trời thăm thẳm óng ánh như rắc bạc và vàng trắng tròn đã nhô lên rục rở bên trên Thung Lũng Cầu Vòng. Xa xa, một ngọn lửa củi đỏ rực đang vẽ nên một cảnh tượng huy hoàng trên đường chân trời phía đằng sau rặng đồi. Tối hôm đó trời quang gió lạnh, có thể nghe thấy rõ ràng những âm thanh từ rất xa. Một con cáo đang sủa từ phía bên kia hồ; một đầu máy xe lửa đang phù phù giảm tốc ở ga Glen; một con chim giẻ cùi đang điên cuồng kêu thét nơi vạt rừng phong; tiếng cười vang trên bãi cỏ nhà mục sư. Sao người ta có thể cười được nhỉ? Sao cáo và

chim giẻ cùi và đầu máy xe lửa có thể cư xử như thế ngày hôm sau sẽ chẳng có chuyện gì xảy ra hết?

“Ôi, giá như chuyện này đã kết thúc rồi,” Walter rên lên.

Tối đó, cậu ngủ rất ít và đến sáng hôm sau thì khó khăn lắm mới nuốt nổi món cháo. Bà Susan đã múc hơi quá nhiều cháo lên các đĩa. Hôm đó, thầy Hazard nhận thấy cậu chẳng hề là một học trò khiến thầy ưng ý. Faith Meredith cũng có vẻ lơ đãng không được lanh trí như thường lệ. Dan Reese thì mãi miết lén lút vẽ lên bảng hình những đứa con gái mang đầu lợn hoặc đầu gà trống và giờ bảng lên cho mọi người đều nhìn thấy. Tin tức về trận đánh nhau sắp tới đã rò rỉ và đến lúc Dan và Walter đến bãi sân sau giờ học thì hầu hết đám con trai cùng với khá nhiều đứa con gái đã có mặt ở đó. Una đã về nhà nhưng Faith thì đang ở đó, cột sợi dây buộc tóc màu xanh dương lên cánh tay Walter. Walter thầm cảm ơn trời đất vì Jem, Di hay Nan đều không có mặt trong đám đông khán giả. Chẳng hiểu sao, bọn chúng không nghe phong thanh được chuyện gì nên cũng đã về nhà. Giờ Walter đứng đối diện với Dan. Đến thời khắc cuối cùng, mọi nỗi sợ hãi của cậu đều biến mất, nhưng cậu vẫn cảm thấy ghê tởm khi nghĩ đến chuyện đánh nhau. Có thể nhận thấy rất rõ bên dưới lớp tàn nhang, Dan trông còn nhợt nhạt hơn Walter nhiều. Một đứa trong đám con trai lớn hơn ra hiệu lệnh và Dan bèn đánh vào mặt Walter.

Walter hơi lảo đảo. Cơ đau từ cú đánh râm ran một lúc khắp các dây thần kinh cảm giác của cậu. Rồi cậu không còn thấy đau đớn nữa. Một thứ gì đó mà cậu chưa từng trải nghiệm bao giờ dường như đã tràn khắp người cậu như một cơn lũ. Mặt cậu đỏ phừng phừng, mắt cậu rục lên như lửa. Đám học trò ở trường Glen St. Mary chưa bao giờ có thể tưởng tượng được “tiểu thư Walter” lại có dáng vẻ như thế. Cậu lao mình về phía trước và đánh giập lá cà với Dan, chẳng khác gì một chú mèo con hoang dã.

Những trận đánh nhau giữa bọn con trai trường Glen chẳng áp dụng quy tắc đặc biệt gì. Muốn vật như nào thì vật, đánh kiểu

gì được thì cứ đánh. Walter đánh nhau trong tâm trạng phần nộ hoang dại cùng phần khích, khiến Dan không thể đứng vững nổi. Trận đánh kết thúc nhanh chóng. Walter không ý thức được rõ ràng mình đã làm gì, cho tới khi đột nhiên màn sương mù đỏ rực bị quét sạch khỏi tầm nhìn và cậu nhận thấy mình đang quỳ gối trên tấm thân của Dan bại trận, còn mũi Dan thì – Ôi, kinh quá – đang chảy máu ồ ồ.

“Mày ăn đủ chưa?” Walter hỏi qua hàm răng nghiến chặt.

Dan sững sờ thừa nhận nó đã ăn đủ rồi.

“Mẹ tao không viết những chuyện dối trá chứ?”

“Không.”

“Faith Meredith không phải đồ con lợn chứ?”

“Không.”

“Cũng không phải đồ gà trống?”

“Không.”

“Còn tao không phải đồ hèn nhát?”

“Không.”

Walter định hỏi, “Mày có phải đồ dối trá không?” nhưng lòng thương hại nổi lên và cậu không khiến Dan phải chịu nhục nhã thêm nữa. Ngoài ra, cảnh máu me đó kinh khủng quá.

“Vậy thì mày đi được rồi,” cậu khinh khỉnh nói.

Bọn con trai đang ngồi vắt vẻo trên hàng rào vỗ tay âm ỉ, nhưng mấy đứa trong đám con gái thì khóc nức nở. Chúng bị dọa sợ. Chúng đã từng chứng kiến bọn con trai trong trường đánh nhau, nhưng chẳng có gì giống với cảnh tượng Walter vật lộn với Dan. Từ cậu toát lên một vẻ đáng sợ như thế nào đó. Chúng đã tưởng cậu sẽ giết chết Dan. Giờ đây, khi mọi chuyện đã qua đi, chúng òa khóc hoảng loạn – chỉ trừ Faith, vẫn đứng đó trong cơn hồi hộp, má đỏ bừng.

Walter không ở lại để nhận bất kỳ phần thưởng nào dành cho người chiến thắng. Cậu nhảy vọt qua hàng rào và lao xuống đồi linh sam, chạy về phía Thung Lũng Cầu Vòng. Cậu không hề cảm nhận được niềm hân hoan của kẻ chiến thắng mà lại cảm thấy một sự mãn nguyện bình lặng vì nhiệm vụ đã hoàn thành, vết nhục đã được rửa – trộn lẫn với cảm giác nôn nao nhộn nhạo khi cậu nghĩ đến cái mũi nhoe nhoét máu của Dan. Trông nó xấu xí quá thể, mà Walter thì ghét sự xấu xí.

Đồng thời, cậu bắt đầu nhận ra rằng chính cậu cũng đang đau đớn và tương đối bầm dập. Mũi cậu rách và sưng vều lên, một bên mắt có cảm giác rất lạ. Lúc đến Thung Lũng Cầu Vòng, cậu tình cờ đụng phải ông Meredith – đang trên đường về nhà sau buổi chiều ghé thăm nhà West. Người đàn ông đáng kính đó nghiêm nghị nhìn cậu.

“Có vẻ như cháu vừa đánh nhau hả, Walter?”

“Vâng ạ, thưa bác,” Walter đáp, chuẩn bị sẵn tinh thần nghe quở trách.

“Nguyên nhân là gì vậy?”

“Dan Reese bảo mẹ cháu viết những chuyện dối trá và gọi Faith là đồ con lợn,” Walter đáp thẳng thừng.

“Ô... Ô! Vậy chắc hẳn cháu có lý do chính đáng rồi, Walter.”

“Bác có nghĩ đánh nhau là chuyện đúng đắn không ạ?” Walter tò mò hỏi.

“Không phải lúc nào cũng vậy... và không phải thường xuyên như vậy... nhưng thỉnh thoảng... đúng vậy, thỉnh thoảng thì có,” ông John Meredith đáp. “Ví dụ như khi phụ nữ bị lăng mạ... như trong trường hợp của cháu đấy. Phương châm của bác, Walter ạ, là đừng đánh nhau cho đến khi ta chắc chắn không còn cách nào khác, và *đến khi đó* thì hãy dồn toàn bộ sức lực của mình. Cho dù cháu thâm tím mình mấy thế kia, nhưng bác vẫn đoán là cháu đã chiến thắng.”

“Vâng ạ. Cháu đã bắt cậu ta phải xin lỗi.”

“Tốt lắm... thật vậy, tốt lắm. Bác không ngờ cháu lại là một chiến binh cừ thế đấy, Walter.”

“Trước đây cháu chưa đánh nhau bao giờ... và vào giây phút cuối cùng, cháu đã không muốn đánh nhau... nhưng rồi sau đó,” Walter nói, quyết định thú nhận điều này, “trong lúc nó diễn ra, cháu đã thấy thích thú.”

Đôi mắt mục sư John sáng long lanh. “Thoạt đầu... cháu đã... hơi sợ hãi hả?”

“Cháu sợ mất mặt ấy chứ,” Walter thành thực nói. “Nhưng giờ cháu sẽ không còn sợ hãi gì nữa, bác ạ. Nỗi sợ hãi trước điều gì đó thì còn tồi tệ hơn cả chính điều đó. Ngày mai cháu sẽ nhờ bố đưa cháu tới Lowbridge để nhờ rằng.”

“Lại đúng nữa rồi. ‘Nỗi sợ hãi còn đau đớn hơn cả cơn đau gây ra nỗi sợ.’ Cháu có biết ai đã viết câu ấy không, Walter? Chính là Shakespeare đấy. Liệu có bất kỳ cảm giác hay cảm xúc hay trải nghiệm nào của trái tim con người mà người đàn ông tuyệt vời đó không biết hay không? Khi nào cháu về nhà, hãy nói với mẹ cháu là bác tự hào về cháu nhé.”

Tuy nhiên, Walter không nói với mẹ điều đó, nhưng cậu đã kể cho cô nghe toàn bộ những chuyện còn lại, và cô đã ủng hộ cậu, bảo rằng cô rất mừng vì cậu đã bảo vệ cô và Faith, cô còn bôi dầu lên những vết thương của cậu và xoa bóp cái đầu đau nhức của cậu.

“Có phải tất cả các bà mẹ đều tốt như mẹ không ạ?” Walter hỏi, ôm chầm lấy cô. “Mẹ xứng đáng được bảo vệ mà.”

Cô Cornelia cùng bà Susan đang ở trong phòng khách lúc Anne bước từ trên tầng xuống và vô cùng thích thú lắng nghe câu chuyện. Đặc biệt, bà Susan phi thường hài lòng.

“Tôi thật lòng lấy làm mừng khi nghe nói thằng bé đã đánh đám một trận ra trò, cô bác sĩ thân yêu ạ. Có lẽ đánh đám có thể đánh bay cái thứ thơ thẩn nhớ nhăng ấy ra khỏi đầu thằng bé. Và tôi không bao giờ, không đâu, không bao giờ có thể chịu đựng

nổi cái con rắn nhỏ Dan Reese ấy. Bà không muốn ngồi sát vào bếp lửa hơn à, bà Marshall Elliott? Vào buổi tối tháng Mười một như này trời lạnh căm căm ấy.”

“Cảm ơn bà, bà Susan, tôi không lạnh. Tôi đã ghé qua nhà mục sư trước khi đến đây và đã được sưởi ấm tương đối rồi – mặc dù tôi đã phải tới phòng bếp mới được thế, vì khắp nhà chẳng chỗ nào đốt lửa hết. Căn bếp trông như thể đã bị lấy gậy khuấy loạn cả lên vậy, tin tôi đi. Ông Meredith không có mặt ở nhà. Tôi chẳng thể dò hỏi được ông ấy đã đi đâu, nhưng tôi nghĩ là ông ấy lên chỗ chị em nhà West. Cháu biết không, Anne cũng, người ta bảo suốt cả mùa thu ông ấy vẫn thường xuyên đến đó và mọi người bắt đầu cho là ông ấy sắp ưng Rosemary rồi.”

“Nếu cưới Rosemary thì ông ấy sẽ lấy được một người vợ rất hấp dẫn đấy,” Anne nói, chồng thêm củ vào bếp lửa. “Cô ấy là một trong những cô gái thú vị nhất cháu từng biết – đích thực là một hậu duệ của Joseph.”

“Phải...ii... mỗi tội cô ấy lại là người Tân giáo,” cô Cornelia nói giọng hoài nghi. “Tất nhiên, thế vẫn còn tốt hơn là người Giám lý... nhưng ta nghĩ ông Meredith có thể tìm thấy một người vợ đủ tốt trong giáo đoàn của mình. Tuy nhiên, rất có thể chẳng có chuyện gì cả đâu. Mới một tháng trước thôi, ta đã bảo ông ấy, ‘Ông phải lấy vợ lần nữa đi thôi, ông Meredith.’ Ông ấy có vẻ choáng váng như thể ta vừa đưa ra một đề nghị không đúng đắn gì đó vậy. ‘Vợ tôi đang nằm dưới mộ, bà Elliott ạ,’ ông ấy nói, bằng cung cách nhẹ nhàng, thánh thiện quen thuộc của mình. ‘Tôi cũng biết vậy,’ ta nói, ‘nếu không tôi đã chẳng khuyên ông lấy vợ lần nữa làm gì.’ Sau đó, ông ấy trông còn có vẻ choáng váng hơn cả trước. Vậy nên ta thấy hoài nghi cái vụ Rosemary này lắm. Nếu một mục sư độc thân mà ghé thăm đến lần thứ hai một căn nhà có một phụ nữ độc thân thì đâu đâu cũng sẽ đồn thổi rằng ông ta đang tán tỉnh cô nàng.”

“Theo tôi thấy – nếu tôi có thể mạo muội nói thế – thì ông Meredith quá nhút nhát nên chẳng thể tán tỉnh nổi một cô vợ thứ hai đâu,” bà Susan nghiêm túc nói.

“Ông ấy *không* nhút nhát đâu, tin *tôi* đi,” cô Cornelia phản bác. “Đỉnh đảnh thì có, nhưng nhút nhát thì không đâu. Và cho dù có đỉnh đang lơ mơ đến thế nào đi chăng nữa, ông ấy vẫn đánh giá rất cao bản thân mình, đàn ông mà, và khi nào tỉnh táo hẳn hoi, ông ấy sẽ chẳng thấy hời cưỡi một người phụ nữ nào đó là chuyện vặt vãnh đâu. Không đâu, vấn đề nằm ở chỗ, ông ấy tự đánh lừa bản thân để rồi tin rằng trái tim mình đã bị chôn vùi rồi, trong khi suốt thời gian ấy, nó vẫn đang đập không ngừng bên trong ông ấy, cũng y như bất kỳ ai khác. Có thể ông ấy đã để ý đến Rosemary West và cũng có thể không. Nếu ông ấy để ý thật, vậy thì chúng ta cần phải suy nghĩ theo chiều hướng tích cực nhất. Cô ấy là một cô gái ngọt ngào và là một người nội trợ đảm đang, sẽ là người mẹ tốt đối với những đứa trẻ tội nghiệp vẫn bị bỏ bê ấy. Thêm nữa,” cô Cornelia tổng kết bằng giọng cam chịu, “chính bà của tôi cũng là một người Tân giáo.”

18. Mary mang tin xấu

Mary Vance, sau khi đã đến nhà mục sư chạy việc vặt cho bà Elliott, bèn tạt vào Thung Lũng Cầu Vòng chơi một lúc trên đường đến nhà Bên Ánh Lửa để chơi cả buổi chiều cùng Nan và Di, coi như một cuộc vui chơi ngày thứ Bảy. Nan và Di đã đi thu hoạch nhựa vân sam với Faith và Una trong khu rừng nhà mục sư và giờ cả bốn đứa trẻ đang ngồi trên cây thông đổ bên bờ suối và, phải thừa nhận rằng, cả bọn đều đang khá hăm hở nhai nhựa vân sam. Hai cô gái sinh đôi nhà Bên Ánh Lửa không được phép nhai nhựa vân sam ở bất cứ nơi nào ngoại trừ trong Thung Lũng Cầu Vòng hẻo lánh, nhưng Faith và Una thì chẳng hề bị hạn chế bởi những quy tắc xã giao như thế nên có thể thích chí nhai nó ở bất cứ đâu, cả trong nhà lẫn ngoài đường, trước sự kinh hãi rất chính đáng của dân làng Glen. Có hôm Faith đã nhai nhựa vân sam trong nhà thờ, nhưng Jerry nhận ra hành động đó tội lỗi như thế nào nên đã mắng cho con bé một trận vô cùng ra dáng anh cả khiến con bé không bao giờ còn làm như thế nữa. “Em đói meo cả bụng nên chỉ cảm thấy nhất định phải nhai cái gì đó mới được,” con bé phản đối. “Anh biết thừa bữa sáng như thế nào rồi mà, Jerry Meredith. Em *không thể* ăn nổi món cháo khô và dạ dày em rỗng tuếch, khó chịu lắm. Món nhựa cây giúp ích rất nhiều... mà em có nhai *quá* hăng đâu. Em chẳng gây ra một tiếng động nào và không hề cắn vỡ cục nhựa cây ấy lấy một lần.”

“Dù sao đi nữa em cũng không được nhai nhựa cây trong nhà thờ,” Jerry khẳng định. “Đừng để anh bắt quả tang em làm thế lần nữa.”

“Chính anh cũng nhai trong lễ cầu nguyện tuần trước đấy thôi,” Faith kêu lên.

“Chuyện đó khác,” Jerry trích thượng đáp. “Lễ cầu nguyện không diễn ra vào Chủ nhật. Thêm nữa, anh ngồi khuất tận phía cuối, trong chỗ tối và chẳng ai nhìn thấy anh hết. Em thì ngồi ngay ở phía trước, ai cũng nhìn thấy. Và anh đã lấy viên nhựa cây ra khỏi miệng lúc hát bài thánh ca cuối cùng rồi găm nó lên phía đằng sau hàng ghế trước mặt. Sau đó anh về nhà và quên bég đi mất. Sáng hôm sau anh quay lại định lấy nó nhưng nó đã biến mất. Anh ngờ là Rod Warren đã xoáy mất nó rồi. Và nó là một viên nhựa cây hảo hạng.”

Mary Vance ngẩng cao đầu đi bộ xuống thung lũng. Con bé đội một cái mũ nhung mới màu xanh dương đính nơ hoa hồng đỏ thắm, mặc áo khoác màu xanh hải quân và xỏ bao tay nhỏ bằng lông sóc. Con bé ý thức rất rõ ràng về bộ trang phục mới của mình và vô cùng hài lòng với bản thân. Tóc con bé được uốn lọn cầu kỳ, gương mặt khá bầu bĩnh, má đỏ hây hây, đôi mắt trắng sáng long lanh. Con bé chẳng còn giống đứa trẻ lang thang rách rưới tuyệt vọng được bọn trẻ nhà Meredith tìm thấy trong kho thóc cũ nhà Taylor cho lắm. Una cố không tỏ ra ghen tị. Mary thì đang đội mũ nhung mới, trong khi đông này, cô bé và Faith lại phải đội cái mũ xám cũ đã sờn. Chẳng ai nghĩ đến chuyện mua cho chúng đồ mới mà bọn chúng lại không dám hỏi xin cha vì sợ có khi ông thiếu tiền và thể nào cũng cảm thấy có lỗi với chúng. Mary đã có lần kể với chúng rằng các mục sư lúc nào cũng thiếu tiền và luôn thấy việc trang trải cuộc sống thật “khó kinh khủng”. Kể từ đó, chỉ cần vẫn có thể cố được thì Faith và Una thà ăn mặc rách rưới còn hơn là hỏi xin cha chúng bất cứ thứ gì. Chúng không quá phiền muộn về lỗi ăn mặc tồi tàn của mình, nhưng đồng thời, chúng cũng không khỏi thấy khó chịu trong lòng khi nhìn Mary Vance xuất hiện với phong cách như vậy và lại còn ra cái vẻ ta đây nữa. Quả thật, cái bao tay mới bằng lông sóc chính là giọt nước làm tràn ly. Cả Faith lẫn Una đều chưa bao giờ có bao tay, may mắn lắm thì chúng mới đan được mấy cái găng hở ngón mà không để bị dính lỗ. Bà Martha

chẳng nhìn được để mà mạng các lỗ hồng và mặc dù đã rất cố gắng nhưng Una cũng chỉ vá víu được chẳng đâu vào đâu. Chẳng biết vì sao, chúng không thể chào hỏi Mary một cách thân mật cho lắm. Nhưng Mary chẳng phiền lòng cũng chẳng để ý đến điều đó, con bé không phải người quá nhạy cảm. Con bé nhẩy phốc lên ngồi trên cây thông, để cái bao tay đáng bực mình kia lên một cành cây. Una nhìn ra nó được lột vải xa tanh màu đỏ lông dây chun và đính các núm tua màu đỏ. Cô bé nhìn xuống đôi bàn tay nhỏ nhắn nứt nẻ hơi tím tái của mình, băn khoăn không biết liệu có bao giờ, liệu có *bất cứ khi nào* cô được xỏ tay vào một cái bao tay như thế hay không.

“Chúng mình nhai một chặp đi,” Mary thân thiện nói. Nan, Di và Faith đều lấy từ trong túi áo ra một hoặc hai viên màu hổ phách chuyền cho Mary. Una ngồi im phăng phắc. Cô bé có bốn viên nhựa cây to tướng ngon lành trong túi cái áo khoác nhỏ vừa chật vừa xác xơ, nhưng cô sẽ không đưa một viên nào cho Mary Vance – không một viên nào. Mary cứ tự đi mà lấy nhựa cho chính mình đi! Những người xỏ bao tay bằng lông sóc không cần trông mong sẽ nhận được hết mọi thứ trên đời.

“Ngày tuyệt nhỉ?” Mary nói, đung đưa hai chân, có lẽ cốt để khoe đôi ủng mới phủ lớp vải rất diện. Una nhét hai bàn chân *của mình* xuống bên dưới người. Một bên mũi ủng của cô bé bị thủng một lỗ và cả hai dây buộc đều rối beng. Nhưng đây là đôi ủng tử tế nhất của cô bé. Ôi, cái chị Mary Vance này! Sao hồi ấy bọn chúng không bỏ mặc chị ta ở trong kho thóc cũ nhỉ?

Una không bao giờ cảm thấy khó chịu vì hai chị em sinh đôi nhà Bên Ánh Lửa ăn mặc đẹp hơn cô bé và Faith. Họ mặc trang phục đẹp dễ với thái độ vô tư và dường như chẳng bao giờ để ý đến chúng. Chẳng hiểu sao, họ không làm cho người khác cảm thấy mình ăn mặc xoàng xĩnh. Nhưng khi được ăn mặc đẹp, Mary Vance dường như rõ ràng toát hết cả váy áo ra – bước đi trong một bầu không khí thấm đẫm váy áo – để tất cả những người khác đều cảm thấy và nghĩ đến váy áo. Ngồi đó dưới ánh mặt trời như rót mật của buổi chiều dễ chịu tháng Mười hai,

Una ý thức một cách rõ ràng và khổ sở về tất cả những gì cô bé có – cái mũ dù phai màu nhưng vẫn là cái đẹp nhất của cô, cái áo khoác chạt cô đã mặc suốt ba mùa đông, những lỗ thủng trên váy và trên đôi ủng, sự thiếu thốn không đủ chống rét của bộ quần áo lót nhỏ bé nghèo nàn. Tất nhiên, Mary phải đi thăm hàng xóm còn cô bé thì không. Nhưng kể cả có đi thăm hàng xóm thì cô bé cũng chẳng có món gì thơm tất hơn để mặc và cô không khỏi nhức nhối trong lòng vì điều đó.

“Này, món nhựa cây này bá cháy đấy. Nghe chị cắn nó này. Ở Bốn Làn Gió chẳng cây vân sam nào có nhựa hết,” Mary nói. “Nhiều khi chị thèm được nhai một châu ghê gớm. Bà Elliott mà nhìn thấy thì chẳng đời nào cho phép chị nhai nhựa cây. Bà ấy bảo làm thế không ra dáng quý cô gì cả. Cái vụ ra dáng quý cô này làm chị rầu cả lòng. Chị chẳng thể hiểu nổi tất tạt cái sự quái dị của nó. Này, Una, em bị làm sao đấy? Em bị mèo ăn mất lưỡi rồi à?”

“Không” Una nói, chẳng thể rời ánh mắt mê muội ra khỏi cái bao tay lông sóc ấy. Mary với qua người cô bé, nhặt bao tay lên ném vào tay Una.

“Cứ xỏ tay vào một lát đi” con bé ra lệnh. “Có vẻ như tay em lạnh đến teo lại rồi kìa. Cái bao tay trông diện không? Bà Elliott tặng chị tuần trước làm quà sinh nhật đấy. Đến Giáng sinh, chị sẽ được cái khăn quàng cổ. Chị nghe bà ấy nói thế với ông Elliott.”

“Bà Elliott đối xử rất tốt với chị,” Faith nói.

“Chắc chắn thế rồi. Và *chị* cũng đối xử rất tốt với bà ấy,” Mary bật lại. “Chị làm việc như đồ mọi để bà ấy được thoải mái và để mọi thứ đều được theo đúng ý bà ấy. Chị và bà ấy sinh ra là để dành cho nhau. Không phải ai cũng có thể hòa hợp được với bà ấy như chị đâu. Bà ấy gọn gàng kinh khủng khiếp, nhưng chị cũng vậy, thế nên chị và bà ấy rất hợp nhau.”

“Em đã bảo chị là bà ấy sẽ không bao giờ đánh đập chị mà.”

“Đúng vậy thật. Bà ấy không bao giờ muốn làm tổn thương chị dù chỉ bằng một ngón tay thôi còn chị thì không bao giờ nói dối bà ấy – không một lần nào, thật sự luôn. Tuy nhiên thỉnh thoảng bà ấy vẫn mắng mỗ làm chị cụt hết cả vôi lại, nhưng với *chị* thì chuyện đó cũng như nước đổ đầu vịt thôi. Này, Una, sao em không xỏ bao tay vào?”

Una đã đặt bao tay trở về chỗ canh cây.

“Tay em không lạnh đâu, cảm ơn chị,” cô bé nói giọng cứng nhắc.

“Chẹp, nếu em thấy thế là được thì *chị* cũng bằng lòng thôi. Này, bà Kitty Alec đã quay trở lại nhà thờ, ngoan như Moses vậy, và chẳng ai biết tại sao. Nhưng mọi người đều bảo chính Faith đã lôi được ông Norman Douglas ra ngoài. Bà quản gia của ông ấy bảo em đã đến đó nói cho ông ấy một trận rất cả mặt. Đúng vậy không?”

“Em đã đến đề nghị ông ấy hãy đi nhà thờ,” Faith nói, không mấy thoải mái.

“Xem em gan chưa kìa!” Mary thốt lên đầy ngưỡng mộ. “*Chị* sẽ chẳng bao giờ dám làm thế và chị cũng không rồi hơi đến thế. Bà Wilson bảo em và ông ấy đã lời qua tiếng lại chuyện gì đó rất khiếm nhã, nhưng em đã giành thắng lợi rồi ông ấy tự dưng quay ngoắt thái độ và có vẻ đánh giá cao em. Này, ngày mai cha em sẽ giảng kinh ở đây à?”

“Không. Cha em sẽ đổi ca với ông Perry ở Charlottetown. Sáng nay cha em xuống thị trấn rồi và tối nay ông Perry sẽ đến.”

“*Chị đã nghĩ là sắp có chuyện gì đó mà, nhưng bà già Martha chẳng thỏa mãn trí tò mò của chị gì cả. Tuy nhiên, chị cảm thấy chắc chắn bà ấy không vô duyên vô cớ đi giết con gà trống đó đâu.*”

“Con gà trống nào? Ý chị là sao?” Faith kêu lên, mặt tái nhợt.

“*Chị không biết là con gà trống nào. Chị không nhìn thấy nó. Khi bà ấy ra lấy bơ bà Elliott gửi cho, bà ấy bảo đang phải ra kho*

thóc để thịt một con gà trống làm bữa trưa cho ngày mai.”

Faith nhảy phắt xuống khỏi cây thông.

“Đó là Adam đấy... nhà em không có con gà trống nào khác... bà ấy đã giết Adam rồi.”

“Này, đừng sợ cồ lên chứ. Bà Martha bảo tuần này người bán thịt ở Glen chẳng có tí thịt nào mà bà ấy thì phải kiếm ít thịt trong khi bọn gà mái đều đang nằm ổ và quá gầy.”

“Nếu bà ấy mà giết Adam...” Faith bắt đầu chạy lên đồi.

Mary nhún vai.

“Giờ con bé sẽ phát điên mất thôi. Nó quý con gà Adam đó thế cơ mà. Đến lúc này thì chắc con gà đã bị cho vào nồi lâu rồi... nó sẽ dai nhách như da đóng đế giày vậy. Nhưng *chị* không thích ở vào vị trí bà Martha tí nào. Faith đang giận đến tái cả người rồi; Una này, tốt hơn hết em nên đuổi theo và cố gắng xoa dịu con bé đi.”

Mary đã đi được một quãng ngắn cùng hai chị em nhà Blythe thì đột nhiên Una quay ngoắt lại đuổi theo con bé.

“Cho chị một ít nhựa cây này, Mary,” cô bé nói, giọng thoáng ăn năn, dúi hết cả bốn viên nhựa cây vào tay Mary, và em mừng cho chị vì đã có cái bao tay đẹp như thế.”

“Ồi, cảm ơn em,” Mary nói, hơi sửng sốt. Sau khi Una đã đi khỏi, con bé nói với hai chị em nhà Blythe, “Con bé cư xử hơi kỳ nhỉ? Nhưng chị vẫn luôn bảo là nó tốt bụng lắm mà.”

19. *Tội nghiệp Adam!*

Khi Una về đến nhà, Faith đang nằm úp mặt trên giường, dứt khoát từ chối mọi sự an ủi. Bà Martha đã làm thịt Adam. Ngay lúc này, con gà trống đang yên nghỉ trên một cái đĩa đặt trong chạn, bị buộc chân buộc cẳng, vây xung quanh là gan, tim và bộ mề của nó. Bà Martha chẳng mảy may để ý đến cảm xúc đau buồn, giận dữ của Faith.

“Chúng ta phải có gì đó để đãi ông mục sư xa lạ ấy ăn trưa chứ,” bà nói. “Cháu đã quá tuổi để làm nhặng cả lên vì một con gà trống già rồi đấy. Cháu biết thừa rồi sẽ có lúc nó phải bị làm thịt còn gì.”

“Lúc nào cha về nhà, cháu sẽ kể cho cha nghe bà đã làm gì,” Faith nức nở.

“Đừng có làm phiền người cha tội nghiệp của cháu nữa. Ông ấy đã có đủ rắc rối rồi. Và ở đây, *bà* mới là người nội trợ.”

“Adam là *của cháu*, bà Johnson đã cho cháu. Bà không có quyền động đến nó, Faith la lối.

“Nào, đừng có mà hỗn xược. Con gà trống đã bị làm thịt và chuyện này thế là xong. Ta sẽ không để cho ông mục sư chưa quen biết ấy xơi bữa trưa với món thịt cừu luộc lạnh ngắt. Ta đã được dạy dỗ để biết cách cư xử cho phải phép hơn thế, dù cho có sa sút đến mức nào.”

Tối đó, Faith không chịu xuống ăn tối và sáng hôm sau cũng không chịu đi nhà thờ. Nhưng đến giờ ăn trưa, con bé xuống bàn ăn, mắt sưng húp vì khóc, mặt sưng sía.

Mục sư James Perry đáng người béo tốt, hồng hào, bộ ria bạc cứng như rễ tre, hàng lông mày bạc rậm rì, mái đầu trọc bóng loáng. Ông ta chắc chắn không hề điển trai và thuộc kiểu người phô trương, rất khó chịu. Nhưng giả dụ ông ta có mang dáng vẻ của tổng thiên thần Michael và nói được các thứ tiếng của loài người và thiên sứ thì Faith cũng sẽ vẫn căm ghét ông ta tột độ. Ông ta khéo léo lạng từng miếng thịt của Adam, phô ra hai bàn tay trắng mũm mĩm cùng chiếc nhẫn kim cương rất đẹp. Thêm nữa, suốt trong quá trình thực hiện hành động đó, ông ta còn vui vẻ bình luận này nọ. Jerry và Carl cười khích khích, thậm chí Una cũng mỉm cười yếu ớt, vì cô bé nghĩ phải làm thế mới đúng phép lịch sự. Nhưng Faith chỉ quắc mắt u ám. Mục sư James cho rằng lối cư xử của con bé quá mức tồi tệ. Một lần, lúc ông ta đang thơn thớt khen ngợi Jerry, Faith bèn thô lỗ xen vào, cãi lại một cách thẳng thừng. Mục sư James nhú chặt hai hàng lông mày rậm nhìn con bé.

“Các cô bé không nên ngắt lời người khác,” ông ta nói, “và chúng cũng không nên cãi lại những người hiểu biết hơn chúng nhiều.”

Câu nói này khiến Faith bùng bùng nổi giận hờn bao giờ hết. Bị gọi là “cô bé” cứ như thể con bé chẳng lớn hơn so với Rilla Blythe mũm mĩm ở Bên Ánh Lửa vậy! Thật không thể chịu nổi. Và xem ông Perry đáng kinh tởm kia ăn như thế nào kìa! Ông ta thậm chí còn gặm cả xương của Adam tội nghiệp. Cả Faith lẫn Una đều không ăn một miếng nào và nhìn hai đứa con trai như thể chúng chẳng tốt đẹp hơn bọn ăn thịt người là bao. Faith có cảm giác nếu bữa ăn ghê tởm này mà không chóng kết thúc thì thể nào con bé cũng chấm dứt nó bằng cách ném một thứ gì đó lên cái đầu bóng lũng của ông Perry. May thay, ông Perry nhận ra món bánh táo dai nhách của bà Martha hơi quá sức thậm chí là so với khả năng nhai của ông ta, vậy nên bữa tối đi đến hồi kết, sau một bài cầu nguyện dài dằng dặc, trong đó ông Perry thành kính dâng lên những lời cảm tạ bữa ăn đã được Đức Chúa thiện lành từ tâm ban phát.

“Chúa chẳng liên quan gì tới việc ban phát Adam cho ông cả,” Faith bất mãn lắm lắm rất khế.

Hai thằng con trai hí hửng chuồn ra ngoài nhà, Una đi giúp bà Martha thu dọn chén đĩa – mặc dù bà già tính hơi cộc cằn đó chẳng bao giờ hoan nghênh sự hỗ trợ rụt rè của cô bé – còn Faith chui vào phòng làm việc đang bập bùng ngọn lửa cháy rөн rөng trong ghi lò. Con bé cứ tưởng làm như thế sẽ tránh mặt được ông Perry đáng ghét kia, vì ông ta đã tuyên bố sẽ đánh một giấc buổi chiều trong phòng riêng. Nhưng Faith chỉ vừa yên vị trong góc phòng cùng với một cuốn sách, thì ông ta đã bước vào, đứng trước lò sưởi, tiến hành quan sát phòng làm việc lộn xộn với vẻ chê trách.

“Các cuốn sách của cha cháu có vẻ lộn xộn đến mức không chấp nhận được, cô bé ạ,” ông ta nghiêm khắc nói.

Faith thu mình vào trong góc khuất, không nói một lời. Con bé sẽ *không* nói chuyện với cái... cái kẻ này.

“Cháu nên cố gắng xếp chúng lại cho gọn gàng” ông Perry tiếp tục, nghịch nghịch sợi xích đồng hồ đẹp đẽ của mình và mỉm cười trịch thượng với Faith. “Cháu đã đủ lớn để đảm trách những nhiệm vụ như thế rồi. Đứa con gái bé bỏng *của ta* ở nhà mới chỉ mười tuổi thôi, ấy vậy nhưng nó đã sớm trở thành một người nội trợ nhỏ cừ khôi đồng thời là nguồn hỗ trợ và an ủi lớn lao cho mẹ nó. Nó là một đứa trẻ rất đáng yêu. Giá như cháu được may mắn quen biết con bé. Con bé có thể giúp đỡ cháu trên nhiều phương diện. Tất nhiên, cháu đã không có cái may mắn vô giá được nhận sự chăm sóc và dạy dỗ của một người mẹ tốt. Một sự thiếu thốn đáng buồn... một sự thiếu thốn rất đáng buồn. Ta đã nói với cha cháu không chỉ một lần về điều này và chân thành chỉ ra cho ông ấy thấy nghĩa vụ của mình, nhưng cho đến giờ vẫn chẳng có hiệu quả gì hết. Ta tin tưởng rằng ông ấy có thể tỉnh táo nhận thức được trách nhiệm của mình trước khi quá muộn. Trong lúc chờ đợi thì cháu có nghĩa vụ và may mắn có cơ hội cố gắng thay thế vị trí của người mẹ quá cố. Cháu có thể có được tầm ảnh hưởng lớn lao lên các anh em của cháu –

cháu có thể trở thành một người mẹ đích thực đối với chúng. Ta e rằng cháu đã không nghĩ đến những điều này như đáng lẽ ra nên thế. Cô bé thân mến, hãy cho phép ta mở mắt cho cháu về những điều này.”

Giọng nói thớ lợ, tự mãn của ông Perry cứ đều đều tuôn ra. Ông ta đang ở đúng trong môi trường của mình. Chẳng gì phù hợp với ông ta hơn việc đặt ra quy tắc, thể hiện thái độ bề trên và sự hô hào cổ vũ. Ông ta không định dừng lại, và ông ta không dừng lại. Ông ta đứng trước đồng lửa, vững vàng đặt hai bàn chân trên tấm thảm và tuôn ra cả một dòng lũ những lời nói vô vị sáo rỗng. Faith không nghe thấy một lời nào. Con bé không hề thật tâm lắng nghe ông ta. Nhưng con bé vẫn luôn dán mắt vào hai vạt sau cái áo đuôi tôm đen dài của ông ta, đôi mắt càng lúc càng sáng rực lên một niềm vui sướng tinh quái. Ông Perry đang đứng *rất* gần lò sưởi. Hai vạt áo đuôi tôm của ông ta đã bắt đầu bén lửa... vạt áo đuôi tôm của ông ta bắt đầu bốc khói. Ông ta vẫn thao thao bất tuyệt, chìm đắm trong tài hùng biện của chính mình. Hai vạt áo đuôi tôm đã bốc khói cuộn cuộn. Một tia lửa nhỏ bắn ra khỏi thanh củi đang cháy và đậu xuống giữa một vạt đuôi tôm. Nó bám vào đó, bắt lửa và lan ra thành một ngọn lửa âm ỉ. Không thể kiềm chế thêm được nữa, Faith bật ra một tràng cười khúc khích cố nén.

Ông Perry ngưng bật, giận dữ trước thái độ xấc láo này. Đột nhiên ông ta nhận ra mùi vải cháy đang nồng nặc khắp phòng. Ông ta quay ngoắt lại nhưng chẳng nhìn thấy gì cả. Sau đó, ông ta vỗ vỗ hai bàn tay vào đuôi áo và đưa chúng ra phía trước mặt. Một bên vạt áo đuôi tôm đã bị thủng một cái lỗ khá to... và đây lại là bộ com lê mới của ông ta. Faith cười rũ rượi trước bộ dạng và biểu cảm của ông ta.

“Cháu có nhìn thấy đuôi áo của ta bốc cháy không?” ông ta giận dữ hỏi.

“Có ạ, thưa ông,” Faith từ tốn đáp.

“Sao cháu không nói cho ta biết,” ông ta hỏi, trừng mắt nhìn con bé.

“Ông đã bảo ngắt lời người khác là lỗi cư xử không phải phép ạ, thưa ông,” Faith nói, còn từ tốn hơn cả này.

“Ta... ta mà là cha cháu, ta sẽ nện cho cháu một trận nhớ đời, cô gái,” quý ông đáng kính đang vô cùng giận dữ ấy nói, trong lúc hăm hăm bước ra khỏi phòng làm việc. Cái áo khoác trong bộ com lê đẹp thứ nhì của ông Meredith không vừa với ông Perry, vậy nên ông ta phải đi làm lễ buổi tối với cái đuôi áo cháy sém. Nhưng khi bước trên lối đi giữa các dãy ghế trong nhà thờ, ông ta không còn cái cảm giác quen thuộc là mình đang ban niềm vinh dự cho những giáo dân trong nhà thờ. Ông ta sẽ không bao giờ đổi buổi giảng kinh với ông Meredith nữa và ông ta gần như không thể giữ nổi thái độ lịch sự với ông Meredith khi hai người gặp nhau vài phút sáng hôm sau tại sân ga. Nhưng Faith thì cảm thấy một niềm hài lòng u ám. Adam phần nào đã được báo thù.

20. *Faith kết bạn*

Ngày hôm sau ở trường là một ngày khó khăn với Faith. Mary Vance đã kể lại chuyện về Adam và tất cả đám học trò, chỉ trừ bọn trẻ nhà Blythe, đều nghĩ chuyện đó khá khôi hài. Bọn con gái vừa khúc khích cười vừa bảo Faith rằng chuyện thật kinh khủng, còn đám con trai thì viết cho con bé những bức thư chia buồn đậm tính nhạo báng. Faith tội nghiệp trở về nhà sau buổi học, lòng đau đớn khổ sở.

“Mình sẽ đến Bên Ánh Lửa để chuyện trò với cô Blythe,” con bé nức nở. “*Cô ấy* sẽ không cười nhạo mình như tất cả những người khác. Mình *phải* nói chuyện với một ai đó thấu hiểu được mình đau lòng đến thế nào.”

Con bé chạy băng qua Thung Lũng Cầu Vòng. Bầu không khí mê hoặc đã bao trùm cảnh vật từ đêm hôm trước. Tuyết đã rơi lất phất suốt đêm và những cây linh san lấm tấm tuyết mơ màng tưởng tượng về mùa xuân đang đến gần cùng bầu không khí hân hoan sắp tới. Ngọn đồi trải dài phía bên kia thung lũng nhuộm một màu đỏ tía huy hoàng với những cây sồi trụi lá. Ảnh hưởng hân hoan bao trùm thế giới như một nụ hôn màu hồng. Trong tất cả những chốn thoáng đãng đẹp như xứ tiên, thậm chí một vẻ đẹp kỳ dị, ma mị, Thung Lũng Cầu Vòng lúc chiều tà mùa đông ấy chính là nơi đẹp hơn hết thảy. Nhưng toàn bộ vẻ đẹp huyền ảo của nó cũng chẳng gây được chút ảnh hưởng nào lên cô bé Faith tội nghiệp đang tan nát trái tim.

Đúng lúc đi qua dòng suối thì con bé bất thần đụng độ Rosemary West, lúc này đang ngồi trên cây thông già. Cô đang

trên đường về nhà sau khi đến nhà Bên Ánh Lửa dạy nhạc cho mấy chị em. Cô đã thần thơ ở Thung Lũng Cầu Vòng được một hồi, ngắm nhìn vẻ đẹp trắng xóa của nó, lang thang trên những con đường nhỏ kỳ ảo như trong mơ. Nhìn biểu cảm của cô, có thể đoán được hẳn cô đang nghĩ đến những chuyện khá thích ý. Có lẽ tiếng leng keng của chùm chuông trên Cây Tình Nhân thỉnh thoảng reo lên như có như không đã mang nụ cười phảng phất đậu trên đôi môi cô. Hoặc có lẽ nguyên do là bởi cô nghĩ đến chuyện hiếm có buổi tối thứ Hai nào ông John Meredith không ghé thăm ngôi nhà màu xám trên ngọn đồi trắng xóa lộng gió.

Lòng tràn ngập khổ đau bất mãn, Faith Meredith xồng xộc xông vào thế giới mộng mơ của Rosemary. Faith dừng phắt lại khi nhìn thấy cô West. Con bé không thân quen với cô lắm, chỉ quen biết ở mức độ đủ để chào hỏi khi gặp nhau. Và ngay lúc này, con bé không muốn gặp gỡ bất kỳ ai – trừ cô bác sĩ Blythe. Con bé biết cả mắt lẫn mũi nó đều đang vừa đỏ vừa sưng và con bé không hề muốn một người lạ biết mình vừa khóc.

“Cháu chào cô, cô West,” con bé nói, không mấy thoải mái.

“Có chuyện gì vậy, Faith?” Rosemary dịu dàng hỏi. “Chẳng có chuyện gì ạ, Faith đáp lại có phần cộc lốc.

“Ồ!” Rosemary mỉm cười. “Ý cháu là chẳng có chuyện gì mà cháu có thể kể với người ngoài, phải không?”

Faith nhìn cô West, đột nhiên cảm thấy hứng thú. Ở đây lại có một người hiểu chuyện chứ. Và cô ấy mới xinh đẹp làm sao! Mái tóc cô ấy vàng óng ả dưới cái mũ gài lông chim kia! Đôi má cô mới hồng hào nhường nào bên trên cái áo choàng nhung! Mắt cô mới xanh và thân thiện biết bao! Faith cảm thấy cô West có thể trở thành một người bạn dễ mến... giá mà cô ấy đã là một người bạn chứ không phải một người xa lạ!

“Cháu... cháu định kể với cô Blythe ạ,” Faith nói. “Cô ấy luôn thấu hiểu... Cô ấy không bao giờ cười nhạo chúng cháu. Cháu luôn kể mọi chuyện với cô ấy. Điều đó giúp ích được.”

“Cô gái yêu quý, cô lấy làm tiếc phải nói với cháu rằng cô Blythe đi vắng rồi,” cô West nói, giọng cảm thông. “Hôm nay cô ấy đã lên đường tới Avonlea và phải tới cuối tuần mới trở về.”

Môi Faith run run.

“Vậy thì có lẽ cháu đành phải về nhà thôi ạ,” con bé nói giọng đáng thương.

“Có lẽ vậy... trừ phi cháu cảm thấy có thể mở lòng để giải bày tâm sự với cô,” cô Rosemary dịu dàng nói. “Giải bày tâm sự cũng sẽ giúp ích được đấy. Cô biết mà. Cô không nghĩ là cô có thể thấu hiểu được như cô Blythe... nhưng cô hứa với cháu cô sẽ không cười nhạo.”

“Cô không cười ra mặt,” Faith ngập ngừng. “Nhưng cô có thể cười... ở trong lòng.”

“Không đâu, cô cũng sẽ không cười trong lòng. Sao cô lại làm vậy chứ? Một chuyện gì đó đã làm cháu đau lòng... Cô không bao giờ thấy vui vẻ khi chứng kiến bất kỳ ai bị đau lòng, cho dù họ có đau lòng vì lý do gì đi chăng nữa. Nếu cháu cảm thấy muốn kể cho cô nghe chuyện gì đã khiến cháu đau lòng thì cô sẽ rất vui được lắng nghe. Nhưng nếu cháu không muốn kể... thì cũng không sao cả đâu, cháu yêu quý.”

Faith tha thiết nhìn sâu vào mắt cô West một hồi lâu nữa. Đôi mắt rất nghiêm túc... chúng không hề có vẻ cười cợt nào hết, cho dù ẩn ở rất, rất sâu. Khe khẽ thở dài, con bé ngồi xuống cây thông già bên cạnh người bạn mới và kể cho cô nghe toàn bộ câu chuyện về Adam cùng số phận bi thảm của chú.

Rosemary không cười cũng không tỏ vẻ buồn cười. Cô thấu hiểu và cảm thông – thật ra, cô gần như cũng đáng tin cậy ngang với cô Blythe vậy – phải, khá đáng tin cậy.

“Ông Perry là mục sư, nhưng lẽ ra nên là *người bán thịt* mới đúng,” Faith cay đắng nói. “Ông ta thích lạng thịt đến thế cơ mà. Ông ta *rất thích thú* với việc xẻo Adam tội nghiệp ra thành từng

mẫu. Ông ta cắt xẻo cậu ấy cứ như thể cậu ấy chỉ là một con gà trống tầm thường bất kỳ nào đó.”

“Nói riêng giữa cô cháu mình thôi nhé, Faith, chính cô cũng không có cảm tình với ông Perry cho lắm,” Rosemary nói, bật cười khe khẽ – nhưng cười ông Perry chứ không phải cười Adam, và Faith hiểu rất rõ điều đó. “Cô chưa bao giờ có cảm tình với ông ta. Cô học cùng với ông ta – ông ta hồi xưa cũng ở Glen, cháu biết đấy – và ngay từ hồi đó, ông ta đã là một thằng nhóc hợm hĩnh đáng ghét nhất trường rồi. Ôi, cánh con gái bọn cô ghét cay ghét đắng phải nắm cái bàn tay mập mập, ẩm ướt của ông ta những lúc chơi trò nắm tay nhau hát. Nhưng cháu yêu, ta phải nhớ rằng ông ta không biết Adam là vật cưng của cháu. Ông ta tưởng nó chỉ là một con gà trống bình thường. Ta phải công bằng, kể cả khi ta đang đau lòng khủng khiếp.”

“Chắc vậy ạ,” Faith thừa nhận. “Nhưng tại sao tất cả mọi người có vẻ đều thấy thật buồn cười khi cháu yêu quý Adam nhiều như thế, cô West? Nếu nó là một con mèo già kinh tởm thì sẽ chẳng ai thấy có gì kỳ quái. Khi con mèo con của Lottie Warren bị máy gặt cán đứt chân, ai cũng thấy buồn thay cho cậu ấy. Cậu ấy đã khóc suốt hai ngày ở trường nhưng chẳng bị ai cười nhạo, thậm chí là Dan Reese. Và toàn thể nhóm bạn thân của cậu ấy đều tới dự đám tang con mèo, giúp cậu ấy chôn cất nó – chỉ có điều họ không thể chôn chung mấy cái chân nhỏ tội nghiệp cùng với con mèo được, vì không thể tìm thấy chúng. Tất nhiên, đó là một chuyện kinh khủng, nhưng cháu không nghĩ nó lại khủng khiếp bằng khi chúng kiến vật cưng của mình bị *ăn sạch sành sanh*. Ấy vậy nhưng ai cũng cười nhạo cháu.”

“Cô nghĩ đó là vì ‘gà trống’ có vẻ là một cách gọi khá buồn cười,” Rosemary nghiêm trang nói. “Trong cách gọi ấy có gì đó hài hước. Này nhé, gà thì khác. Có vẻ không quá buồn cười nếu nói về tình yêu thương dành cho một chú gà.”

“Adam là chú gà con yêu dấu nhất trần đời, cô West ạ. Hồi bé, cậu ấy chỉ là một cục lông vàng nhỏ xíu. Cậu ấy thường chạy đến bên cháu và mổ thức ăn trên tay cháu. Khi lớn lên, cậu ấy cũng

vẫn là một chú gà đẹp mã – trắng như tuyết, với cái đuôi trắng cong cong rất đẹp, mặc dù chị Mary Vance cứ bảo nó quá ngắn. Cậu ấy biết tên mình và hề nghe thấy cháu gọi là đều chạy đến – cậu ấy là một chú gà trống rất thông minh. Và bà Martha không có quyền giết cậu ấy. Cậu ấy là của cháu. Chuyện đó thật không công bằng, đúng không ạ, cô West?”

“Ừ, đúng là không,” Rosemary kiên quyết nói. “Không công bằng chút nào hết. Cô nhớ hồi còn nhỏ, cô từng có một cô gà mái cứng. Đây là một cô gà bé bỏng xinh đẹp vô cùng – lông màu vàng nâu lốm đốm. Cô yêu quý cô gà ấy vô cùng. Cô gà không bị giết... Cô gà ấy đã chết vì già. Mẹ cô không đời nào giết cô gà ấy, vì đây là vật cưng của cô.”

“Nếu mẹ *của cháu* còn sống, mẹ sẽ không để Adam bị giết,” Faith nói. “Nếu cha cháu mà ở nhà và biết chuyện này, cha cũng sẽ không để chuyện đấy xảy ra. Cháu chắc chắn như vậy, cô West ạ.”

“Cô cũng tin chắc như vậy,” Rosemary nói. Mặt cô thoáng đỏ ửng lên. Cô có vẻ nhận ra điều đó, nhưng Faith thì chẳng để ý gì.

“Có phải cháu đã *rất* hư vì không nói cho ông Perry biết đuôi áo của ông ta bị cháy sém không ạ?” con bé hỏi, giọng lo lắng.

“Ôi, hư quá thể ấy chứ,” Rosemary đáp, đôi mắt nháy múa long lanh. “Nhưng cô cũng sẽ hư y hệt thế, Faith ạ. Cô cũng sẽ không nói cho ông ta biết đuôi áo ông ta đang cháy sém... và cô cũng không nghĩ là sẽ có khi nào cô thấy hối hận vì trò hư đó của mình đâu.”

“Una nghĩ là đáng lẽ cháu nên nói cho ông ta biết, vì ông ta là mục sư.”

“Cưng ơi, nếu một mục sư không cư xử như một quý ông thì chúng ta không việc gì phải tỏ lòng tôn trọng đuôi áo của ông ta. Cô biết cô rất thích chứng kiến cảnh đuôi áo của Jimmy Perry bị cháy. Cảnh đó hẳn phải buồn cười lắm.”

Cả hai cùng bật cười, nhưng cuối cùng, Faith khẽ thở dài chua xót.

“Chà, dù sao đi nữa, Adam đã chết và cháu sẽ *không bao giờ* yêu thương bất cứ thứ gì nữa.”

“Đừng nói thế, cháu yêu. Nếu không biết yêu thương, chúng ta sẽ bỏ lỡ rất nhiều điều trong cuộc đời. Ta càng yêu thương nhiều thì cuộc sống của ta càng phong phú – dù chỉ là yêu quý một con chim hay một vật cưng nhỏ bé lông lá nào đó. Cháu có thích chim hoàng yến không, Faith – một con chim hoàng yến bé bỏng vàng óng? Nếu cháu thích, cô sẽ cho cháu một con. Cô đang có hai con ở nhà.”

“Ôi, cháu sẽ thích lắm ạ,” Faith reo lên. “Cháu thích chim lắm. Chỉ có điều... Con mèo của bà Martha sẽ không ăn thịt nó chứ ạ? Nếu vật cưng của ta mà bị ăn thịt thì *bi thảm* lắm. Cháu không nghĩ cháu có thể chịu đựng được chuyện đó lần thứ hai đâu ạ.”

“Nếu cháu treo lồng cách tường đủ xa thì cô không nghĩ là con mèo có thể gây hại gì được đâu. Cô sẽ nói cho cháu biết cách chăm sóc nó và lần tới xuống nhà Bên Ánh Lửa, cô sẽ mang nó tới cho cháu.”

Trong lòng, Rosemary thầm nhủ, “Như thế thì tất cả những kẻ ngồi lê đôi mách ở Glen sẽ có chuyện để mà đàm tiếu cho xem, nhưng mình sẽ không quan tâm. Mình muốn an ủi trái tim bé bỏng tội nghiệp này.”

Faith đã được an ủi. Sự cảm thông và thấu hiểu thật ngọt ngào quá chừng. Con bé và cô Rosemary ngồi trên cây thông già cho tới khi ánh ngày tàn khẽ khàng lặn xuống, bao phủ khắp thung lũng trắng xóa, còn ngôi sao Hôm tỏa sáng bên trên vạt rừng phong màu xám. Faith kể cho Rosemary nghe hết các hy vọng cũng như mọi kỷ niệm trong quãng đời mới chớm nở của con bé, cũng như mọi thứ nó thích và không thích, đủ mọi thứ lông gà vỏ tỏi trong cuộc sống dưới mái nhà mục sư cùng mọi thăng trầm trong vòng bạn bè ở trường. Cuối cùng, khi chia tay nhau, họ đã trở thành một đôi bạn trung thành.

Như thường lệ, tối đó khi bắt đầu vào bữa, ông Meredith vẫn đắm chìm trong thế giới mơ mộng, nhưng một cái tên bất thần xuyên thủng sự lơ đãng của ông, mang ông trở về với thực tế. Faith đang kể với Una về cuộc gặp gỡ với Rosemary.

“Chị thấy cô ấy đáng mến cực kỳ, Faith nói.” Tốt bụng y như cô Blythe vậy, nhưng theo một cách khác. Chị có cảm giác chỉ muốn ôm chầm cô ấy. Cô ấy đã ôm *chị* đấy – cái ôm dịu dàng và dễ chịu vô cùng. Và cô ấy gọi chị là ‘cưng’. Nó làm chị *rùng cả mình*. Chị có thể kể cho cô ấy nghe *bất cứ chuyện gì*.”

“Vậy là con quý cô West hả, Faith?” ông Meredith hỏi, âm sắc có phần kỳ lạ.

“Con yêu cô ấy,” Faith kêu lên. “À!” ông Meredith nói. “À!”

21. Lời không thể nói

John Meredith trầm ngâm đi xuyên qua bầu không khí trong lành mát mẻ của đêm mùa đông ở Thung Lũng Cầu Vồng. Rặng đồi phía bên kia thung lũng lấp lánh ánh trăng giá lạnh đang chiếu rực rỡ trên tuyết. Tất cả những cây linh sam non trong thung lũng trải dài đều đang cất lên bài ca hoang dã của riêng mình, để hòa nhập với tiếng hạc cầm của gió và sương giá. Mấy đứa con ông cùng đám trẻ nhà Blythe đang trượt xuống con dốc phía Đông và phóng vèo vèo trên mặt hồ trong vắt như gương. Chúng đang chơi đùa rất thích ý và giọng nói vui vẻ cùng những tiếng cười còn vui vẻ hơn nữa của chúng vang vọng khắp thung lũng, nhỏ dần thành một giai điệu kỳ ảo tan biến vào giữa hàng cây. Phía bên tay phải, ánh đèn từ mái nhà Bên Ánh Lửa lập lờ rọi tới qua vạt rừng phong, mang theo sự mời gọi và nỗi mê hoặc nồng ấm dường như luôn rực sáng trong những cây đèn hiệu ở một ngôi nhà vốn lúc nào cũng mang lại cho hết thảy bạn bè thân hữu, dù là người phàm hay một linh hồn, cái cảm giác được yêu thương, được đón chào và được sẵn sàng thiết đãi. Ông Meredith rất thích thỉnh thoảng được dành một buổi tối tranh luận cùng anh bác sĩ bên bếp lửa đốt bằng những khúc củi rẻ, một nơi đã được đặt dưới sự canh chừng và trông nom thường trực của những chú chó sù nổi tiếng dưới mái nhà Bên Ánh Lửa, như thể chúng đã trở thành những vị thần của lò sưởi, nhưng tối nay ông không nhìn về hướng đó. Xa xa trên ngọn đồi phía Tây, một vì sao nhấp nháy tuy nhạt nhòa hơn nhưng lại hấp dẫn hơn nhiều. Ông Meredith đang trên đường đến gặp Rosemary West và ông dự định nói với cô một điều đã chậm rãi trở nụ đơm hoa trong trái tim ông kể từ lần đầu tiên họ gặp nhau và rồi đã

nở rộ thành một bông hoa hoàn chỉnh vào buổi tối Faith nồng nhiệt cất lên lòng ngưỡng mộ dành cho Rosemary.

Ông đã dần nhận ra rằng ông càng lúc càng thích Rosemary. Tất nhiên, nó không giống như ông từng thích Cecilia. *Cảm giác* đó hoàn toàn khác. Ông cho rằng, cái tình yêu lãng mạn, đầy mộng mơ và đắm say đó không bao giờ có thể quay trở lại. Nhưng Rosemary xinh đẹp, ngọt ngào và đáng mến – rất đáng mến. Cô là người bạn đồng hành tuyệt vời nhất. Ở bên cô, ông cảm thấy hạnh phúc hơn cả những gì ông từng trông mong sẽ được trải nghiệm lại. Cô là một nữ chủ nhân lý tưởng cho tổ ấm của ông, một người mẹ hiền đối với các con ông.

Trong suốt những năm tháng sống đời góa bụa, ông Meredith đã nhận được không biết bao nhiêu lời bóng gió cho rằng ông cần phải tục huyền, từ bạn bè mục sư trong Hội đồng Trưởng lão và từ rất nhiều giáo dân mà không ai có thể hoài nghi là đang ấp ủ động cơ thâm kín nào, cũng như từ một số người có lẽ đang nung nấu những lý do không thật thuần khiết. Nhưng những bóng gió này chẳng bao giờ gây được bất kỳ ấn tượng nào với ông. Nhìn chung, người ta vẫn cho rằng ông chẳng bao giờ ý thức được về chúng. Nhưng thật ra, ông ý thức khá sâu sắc về chúng. Và thỉnh thoảng, những khi được sự khôn ngoan ghé thăm, ông biết rằng điều khôn ngoan ông nên làm là lấy một người vợ. Nhưng sự khôn ngoan không phải điểm mạnh của John Meredith, và việc chọn lọc, một cách dứt khoát và tàn nhẫn, một người phụ nữ “thích hợp” nào đấy, như có lẽ người ta có thể chọn một quản gia hay đồng sự trong công việc, là điều ông không thể nào làm được. Sao ông lại ghét cái từ “thích hợp” đến thế chứ. Nó nhắc ông nhớ ngay đến James Perry. “Một phụ nữ *thích hợp* tuổi tác *thích hợp*,” người đạo hữu thố lộ đó nói, chẳng hề bóng gió tế nhị gì hết. Nghe cậu ấy, trong một thoáng, John Meredith bỗng nảy ra một mong muốn hoàn toàn không thể tin nổi là được guồng chân chạy như điên đến cầu hôn người phụ nữ trẻ tuổi nhất, không phù hợp nhất trong số tất cả những người có thể lọt vào tầm ngắm.

Bà Marshall Elliott là một bằng hữu thân thiết và ông quý mến bà. Nhưng khi bà thẳng thừng khuyên ông tục huyền, ông có cảm giác như thể bà đã xé toạc tấm rèm che vẫn treo trước cái bàn thờ thiêng liêng nào đó ở cuộc sống nội tâm thâm kín nhất của ông, và kể từ đó, ông đâm ra ít nhiều e ngại bà. Ông biết, có nhiều phụ nữ tuổi tác thích hợp trong giáo đoàn sẽ tương đối sẵn lòng kết hôn với ông. Cái thực tế đó đã thấm qua toàn bộ cái trạng thái lơ đãng của ông ngay vào thời gian đầu ông đến làm mục sư ở Glen St. Mary. Họ là những phụ nữ tốt bụng, thực tế, chẳng hề thú vị, một vài người tương đối xinh đẹp, những người khác thì không hẳn có nhan sắc lắm và chẳng bao lâu sau, chỉ cần nghĩ đến chuyện cưới một người trong số họ về làm vợ, John Meredith đã có cảm giác thà treo cổ tự tử còn hơn. Ông không thể đề nghị bất kỳ người phụ nữ nào trám lấy vị trí của Cecilia trong nhà ông trừ phi ông có thể trao cho cô ít nhất cũng là một phần tình cảm và lòng kính trọng mà ông từng dành cho cô dâu tuổi thiếu nữ của mình. Và, trong số những mối quen biết nữ giới hạn hẹp của mình, ông biết tìm đâu ra một người phụ nữ như thế chứ?

Rosemary West đã bước vào cuộc đời ông vào cái buổi tối mùa thu ấy, đem theo bầu không khí mang lại cho tâm hồn ông cảm giác vô cùng thân thuộc. Họ đã băng qua cái hồ sâu ngăn cách hai con người xa lạ, để siết chặt tay nhau trong tình bằng hữu. Trong mười phút đồng hồ bên dòng suối khuất nẻo đó, ông đã hiểu cô hơn cả những gì ông hiểu về Emmeline Drew hay Elizabeth Kirk hay Amy Annetta Douglas trong suốt một năm, hoặc hơn cả những gì ông có thể hiểu về họ trong cả một thế kỷ. Ông đã chạy đến tìm sự an ủi nơi cô khi bà Alec Davis xúc phạm đến tâm hồn trí tuệ ông, và ông đã tìm được nó. Kể từ hồi đó, ông thường xuyên ghé đến ngôi nhà trên đồi ấy, lén lút xuyên qua những con đường mòn chìm khuất trong bóng đêm ở Thung Lũng Cầu Vòng, ranh mãnh tới độ dám ngồi lê đôi mách ở Glen chẳng bao giờ có thể hoàn toàn chắc chắn rằng ông đã đi gặp Rosemary West. Một vài lần, ông bị những vị khách khác bắt gặp khi đang ngồi trong phòng khách nhà West; đó đều là

những dịp Hội Nữ Giáo dân Cứu trợ có việc buộc phải ghé qua. Nhưng nghe được chuyện này, Elizabeth Kirk đã từ bỏ cái hy vọng thầm kín từng được cô cho phép bản thân ấp ủ trong lòng, khuôn mặt chất phác dễ mẩn chằng hề để lộ bất cứ biểu cảm khác thường nào; còn Emmeline Drew hạ quyết tâm rằng lần sau mà nhìn thấy cái người đàn ông chưa vợ đứng tuổi nào đó ở Lowbridge, cô ta sẽ không hắt hủi ông ta như trong buổi gặp mặt lần trước nữa. Tất nhiên, nếu Rosemary West quyết tâm tóm lấy ông mục sư thì cô ấy thế nào cũng tóm được thôi; cô trông trẻ hơn tuổi thực nhiều và cánh *đàn ông* đều thấy cô xinh đẹp, ngoài ra, hai chị em nhà West đều là người có tiền!

“Chỉ hy vọng rằng ông ấy sẽ không đến độ nhận nhầm mà cầu hôn Ellen,” là cái suy nghĩ ác tâm duy nhất cô cho phép mình nói khi cô Drew em bày tỏ sự thông cảm. Emmeline không mang lòng oán giận gì sâu xa hơn với Rosemary. Xét cho cùng, một người đàn ông độc thân không vướng bận thì tốt hơn nhiều so với một ông góa có bốn đứa con. Chỉ tại sức mê hoặc của ngôi nhà mục sư nên Emmeline mới nhất thời bị che mắt, không nhận ra hơn thiệt.

Một chiếc xe trượt tuyết chở ba vị khách đang không ngừng hú hét lao vèo qua ông Meredith tiến về phía hồ. Những lọn tóc dài của Faith bay phấp phới trong gió và tiếng cười của con bé ngân lên át hẳn tiếng hai đứa trẻ còn lại. John Meredith nhìn theo chúng với ánh mắt từ ái thiết tha. Ông lấy làm mừng vì các con ông có những người bạn thân thiết như đám trẻ nhà Blythe; lấy làm mừng vì chúng đã tìm được một người bạn dịu dàng, vui vẻ và khôn ngoan như cô Blythe. Nhưng chúng vẫn cần thêm một điều nữa, cái sự thiếu thốn đó sẽ được bổ khuyết khi ông đưa Rosemary West về ngôi nhà mục sư cũ với tư cách cô dâu mới. Cô mang trong mình những phẩm chất cơ bản của người mẹ.

Bữa đó là tối thứ Bảy và ông không thường ghé thăm vào tối thứ Bảy, do phải dành trọn thời gian này cẩn thận nghiền ngẫm về bài giảng trong ngày Chủ nhật. Nhưng ông đã chọn buổi tối

nay vì ông được biết Ellen West sẽ đi vắng và Rosemary sẽ chỉ có một mình ở nhà. Mặc dù khá thường xuyên trải qua những buổi tối thú vị trong ngôi nhà trên đồi như thế, nhưng kể từ lần đầu tiên gặp gỡ hồi mùa xuân, ông chưa bao giờ được gặp riêng Rosemary. Lúc nào Ellen cũng có mặt ở đó.

Không hẳn là ông phản đối gì chuyện Ellen có mặt đó. Ông rất quý Ellen West và họ là bạn bè thân thiết. Ellen có một sự thấu hiểu như thể bà là một người đàn ông và thêm nữa còn có khiếu hài hước luôn mang lại sự dễ chịu vô cùng cho tâm hồn yêu thích sự vui đùa một cách âm thầm và rụt rè của ông. Ông thích mỗi quan tâm của bà đối với các vấn đề chính trị và các sự kiện trên thế giới. Chẳng một người đàn ông nào ở Glen, thậm chí không ngoại trừ cả bác sĩ Blythe, lại có thể thấu hiểu về các vấn đề ấy một cách sâu sắc hơn.

“Tôi nghĩ thật may mắn khi có thể quan tâm đến thứ này thứ khác trong lúc ta đương sống trên đời,” bà từng nói vậy. “Nếu ta không như thế thì đối với tôi, dường như người sống và người chết cũng chẳng khác nhau là mấy.”

Ông thích chất giọng trầm dễ chịu đầy nội lực của bà; ông thích tiếng cười sảng khoái luôn được bà cất lên khi kết thúc một câu chuyện vui nhộn được kể rất duyên nào đó. Trước mặt ông, bà không bao giờ chê trách các con ông như những người phụ nữ khác ở Glen vẫn làm; bà không bao giờ làm phiền ông bằng những câu chuyện đàm tiếu về dân làng; bà không xấu tính cũng không nhỏ nhen. Bà luôn cư xử thành thật một cách tuyệt vời. Ông Meredith, học theo cách cô Cornelia phân loại mọi người, cho rằng Ellen thuộc dòng dõi Joseph. Nói chung, một phụ nữ đáng ngưỡng mộ cho vai trò chị vợ. Tuy nhiên, đến cả người phụ nữ đáng ngưỡng mộ nhất trần đời cũng chẳng được người đàn ông nào muốn hiện diện bên cạnh lúc anh ta đang cầu hôn một phụ nữ khác. Mà Ellen thì lúc nào cũng hiện diện bên cạnh. Bà không khẳng khẳng đòi chỉ mình bà được nói chuyện với ông Meredith. Bà để Rosemary cùng tham gia trò chuyện với ông. Quả thật, nhiều tối, Ellen gần như hoàn toàn

thu mình lại, để St. George nằm trên lòng mà ngồi khuất trong góc, mặc kệ ông Meredith và Rosemary trò chuyện, hát và đọc sách cùng nhau. Thỉnh thoảng, họ suýt quên mất sự hiện diện của bà. Nhưng nếu cuộc trò chuyện hay sự lựa chọn bài hát đôi nào của họ để lộ ra một dấu hiệu mơ hồ nhất cho thấy cái chiều hướng được Ellen nhận định là một cuộc tán tỉnh, Ellen sẽ lập tức bóp chết cái chiều hướng ấy ngay từ trong trứng nước và hoàn toàn gạt bỏ Rosemary ra ngoài quãng thời gian còn lại của buổi tối. Nhưng thậm chí con rồng tàn nhẫn nhất trong số những con rồng tốt bụng cũng không thể ngăn ngừa tuyệt đối thứ ngôn ngữ tinh tế của ánh mắt, nụ cười và sự im lặng biết nói, và bởi vậy, sự tán tỉnh của ông mục sư đã tiến triển khá.

Nhưng nếu sự tán tỉnh ấy có khi nào đạt được đến cao trào thì cái cao trào ấy ắt phải xảy ra trong lúc Ellen vắng mặt. Mà Ellen thì hiếm khi nào vắng mặt, nhất là vào mùa đông. Bà thề rằng theo bà, cái vị trí cạnh lò sưởi nhà bà chính là nơi dễ chịu nhất trần đời. Bà chẳng thấy việc đi ra ngoài nhà có gì hấp dẫn. Bà rất thích được quây quần bầu bạn, nhưng bà lại muốn chuyện đó diễn ra tại nhà mình. Ông Meredith gần như đã bị đẩy đến cái bước kết luận rằng ông sẽ buộc phải viết thư cho Rosemary giải bày những điều muốn nói, thì một tối nọ, Ellen bất chợt tuyên bố rằng tối thứ Sáu tới, bà sẽ đi dự một đám cưới bạc. Bà đã làm phù dâu hồi cặp đôi này kết hôn. Họ chỉ mời các vị khách cũ, vậy nên Rosemary không nằm trong danh sách. Ông Meredith hơi vểnh tai lên và một tia sáng lóe lên trong đôi mắt đen mờ màng của ông. Cả Ellen lẫn Rosemary đều nhìn thấy điều đó, và cả Ellen lẫn Rosemary đều cảm thấy, với một sự choáng váng râm ran, rằng ông Meredith chắc chắn sẽ lên đôi tối thứ Bảy sắp tới.

“Có lẽ chuyện này đành phải kết thúc thôi, St. George ạ,” Ellen nghiêm nghị nói với con mèo đen, sau khi ông Meredith đã về nhà còn Rosemary đã lảng lạng lên trên gác. “Ông ấy muốn hỏi cưới con bé, St. George ạ – ta chắc chắn trăm phần trăm đấy. Vậy là ông ấy có lẽ sắp có cơ hội thực hiện điều đó và rồi sẽ phát hiện ra ông ấy không thể có nó được, George ạ. Hẳn nó cũng muốn nhận lời đấy, George ạ. Ta biết thế chứ... nhưng nó đã hứa rồi, và

nó buộc phải giữ lời thôi. Trong một chừng mực nào đấy, ta cũng thấy khá tiếc nuối, St. George ạ. Nếu ta mà thích hợp có một người em rể, thì ông ấy chính là người ta muốn dành cho vị trí đó nhất. Ta chẳng có gì không ưng ở ông ấy cả, George ạ – không có điều gì không ưng hết, chỉ trừ chuyện ông ấy sẽ không nhận thấy và cũng chẳng thể bị thuyết phục rằng hoàng đế Đức là mối đe dọa cho nền hòa bình của châu Âu. Đó là điểm mù của ông ấy. Nhưng ông ấy là một người bầu bạn đáng quý và ta mến ông ấy. Phụ nữ có thể nói bất cứ điều gì mình muốn với một người đàn ông có cái miệng giống như John Meredith và tin chắc mình sẽ không bị hiểu nhầm. Một người đàn ông như thế còn quý hơn cả đá quý đấy, George ạ – và còn hiếm hoi hơn nhiều, George ạ. Nhưng ông ấy không thể lấy Rosemary được... và ta ngờ rằng khi đã phát hiện ra mình không thể lấy nó, ông ấy sẽ bỏ rơi cả hai chị em ta. Và chúng ta sẽ nhớ ông ấy, George ạ... chúng ta sẽ nhớ ông ấy ghê gớm, George ạ. Nhưng nó đã hứa rồi, và rồi ta sẽ thấy nó vẫn biết giữ lời!"

Với vẻ kiên quyết dữ tợn, khuôn mặt Ellen gằn như trở nên xấu xí cực độ. Ở trên gác, Rosemary đang úp mặt vào gối mà khóc.

Vậy là ông Meredith đã thấy cô gái yêu dấu đang nhà một mình và trông vô cùng xinh đẹp. Rosemary không đặc biệt trang điểm gì cho dịp này; cô những muốn làm thế, nhưng rồi lại nghĩ thật phi lý khi ăn mặc xinh đẹp chào đón một người đàn ông mà ta định sẽ từ chối lời cầu hôn. Vậy nên cô mặc chiếc váy trơn tối màu và trong chiếc váy ấy, cô trông y như một nữ hoàng. Niềm phấn khích bị đè nén nhuộm màu lên đôi mắt xanh to long lanh, biến nó thành hai hồ ánh sáng kém vẻ điềm tĩnh hơn hẳn lệ thường.

Cô ước gì cuộc hỏi đáp kết thúc cho xong. Cô đã thấp thỏm trông chờ nó suốt cả ngày. Cô cảm thấy khá chắc chắn rằng ở một mức độ nào đó, ông John Meredith rất quan tâm đến cô; và cô cũng cảm thấy khá chắc chắn rằng ông không quan tâm đến cô bằng quan tâm đến mối tình đầu của ông. Cô cảm thấy việc

cô từ chối sẽ làm ông tương đối thất vọng, nhưng cô không nghĩ nó sẽ khiến ông suy sụp. Tuy nhiên, cô vẫn căm ghét điều này; căm ghét nó vì lo cho ông và – Rosemary khá thành thực mà thú nhận với bản thân – lo cho chính cô. Cô biết lẽ ra cô đã có thể yêu John Meredith, nếu như... nếu như điều đó được phép. Cô biết cuộc đời sẽ trở nên trống rỗng nếu như, sau khi bị từ chối trao cho vai trò người yêu, ông không muốn tiếp tục làm một người bạn nữa. Cô biết rõ cô có thể sống hạnh phúc bên ông và đồng thời có thể mang lại hạnh phúc cho ông. Nhưng giữa cô và hạnh phúc vẫn sừng sững một cánh cổng ngục tù được dựng lên bởi lời hứa cô đã lập ra với Ellen nhiều năm về trước. Rosemary không thể nhớ được cha mình là người như thế nào. Ông đã qua đời khi cô mới ba tuổi. Ellen, khi đó đã mười ba, vẫn còn nhớ cha, nhưng chẳng đi kèm với sự triu mến đặc biệt nào. Cha họ là người nghiêm khắc, kín đáo, già hơn nhiều so với người vợ tóc vàng xinh đẹp. Năm năm sau đó, người anh em mười hai tuổi của họ cũng mất; từ khi cậu chết, hai cô gái luôn sống một mình với mẹ. Họ không bao giờ thoả mái hòa nhập vào đời sống giao tế ở Glen hay Lowbridge, mặc dù đến làm khách ở đâu, họ cũng đều rất được hoan nghênh nhờ sự thông minh sôi nổi của Ellen cùng sự ngọt ngào và xinh đẹp của Rosemary. Thời còn con gái, cả hai đều đã trải qua thứ được gọi là “nỗi thất vọng”. Biển cả đã không tha người yêu của Rosemary; còn Norman Douglas, hồi đó đương là một cậu khổng lồ điển trai tóc đỏ, nổi tiếng thích tham gia những cuộc phiêu lưu phóng túng vô hại với một thái độ ngông cuồng huyền ảo, đã cãi nhau với Ellen và rồi chia tay bà trong cơn giận dữ.

Không thiếu các ứng cử viên thay thế cho vị trí của cả Martin lẫn Norman, nhưng dường như chẳng ai lọt được vào mắt xanh của hai cô gái nhà West, và họ dần dần trôi ra khỏi tuổi thanh xuân tươi đẹp, dường như chẳng hề vương nuôi tiếc. Họ tận tụy chăm sóc cho người mẹ bệnh tật kinh niên. Ba mẹ con có một nhóm nhỏ các mối quan tâm trong gia đình – sách, vật cứng và hoa – mang lại cho họ niềm hạnh phúc và sự mãn nguyện.

Cái chết của bà West, xảy đến vào sinh nhật lần thứ hai mươi lăm của Rosemary, khiến cả hai đau buồn khôn nguôi. Thời gian đầu, họ cô đơn đến độ không chịu nổi. Đặc biệt, Ellen mãi vẫn không dứt ra nổi nỗi bị thương sâu nhớ, những cơn u buồn dai dẳng của bà chỉ bị phá vỡ bởi những trận khóc nức nở cuộn trào cảm xúc. Ông bác sĩ già Lowbridge từng bảo với Rosemary rằng ông sợ bà mắc chứng u uất kinh niên hoặc thậm chí còn tệ hơn.

Một lần, thấy Ellen chỉ ngồi cả ngày không chịu ăn uống hay nói chuyện, Rosemary bèn quỳ xuống bên cạnh chị gái.

“Ôi, chị Ellen, nhưng chị vẫn còn có em mà,” cô khẩn nài. “Lẽ nào em chẳng là gì với chị sao? Chị em mình vẫn luôn yêu thương nhau như thế cơ mà.”

“Chị sẽ chẳng thể có em mãi mãi được,” Ellen nói, phá vỡ sự im lặng với một cảm xúc mãnh liệt. “Em sẽ lấy chồng và bỏ chị lại. Chị sẽ chỉ còn lại một mình. Chị không thể chịu đựng nổi cái ý nghĩ đó... chị *không thể*. Chị thà chết còn hơn.”

“Em sẽ không bao giờ lấy chồng,” Rosemary nói, “không bao giờ đâu, Ellen.”

Ellen ngả người về phía trước và nhìn thẳng vào mắt Rosemary đầy vẻ sấm soi.

“Em hứa với chị như thế một cách nghiêm túc chứ?” bà hỏi. “Hãy thề trên cuốn Thánh Kinh của mẹ đi.”

Rosemary lập tức đồng ý, chỉ mong có thể vực dậy tinh thần Ellen. Nào có gì to tát đâu chứ? Cô biết rõ cô sẽ không bao giờ lấy bất cứ ai làm chồng. Tình yêu của cô đã theo Martin Crawford chìm xuống đáy biển; và một khi không có tình yêu, cô không thể lấy ai được. Vậy nên cô sẵn lòng hứa hẹn, mặc dù Ellen đã tiến hành một nghi lễ có hơi đáng sợ. Họ vỗ tay bên trên cuốn Kinh Thánh, trong căn phòng trống trải của người mẹ và cả hai thề với nhau rằng họ sẽ không bao giờ lấy chồng mà sẽ sống mãi mãi bên nhau.

Từ thời điểm đó, tình trạng của Ellen đã được cải thiện. Chẳng mấy chốc, bà đã lấy lại được phong thái tự tin vui vẻ quen thuộc, không bị làm phiền bởi bất cứ suy nghĩ nào về chuyện cưới ai hay ai cưới. Lời hứa hẹn đó đè xuống họ như có như không. Ellen không bao giờ quên nhắc lại cho em gái nhớ về nó, bất cứ khi nào họ gặp một gã đàn ông đủ tư cách để lấy làm chồng, nhưng bà chưa từng thật sự cảm thấy mối đe dọa, mãi cho tới buổi tối hôm đó, John Meredith về nhà cùng Rosemary. Về phần Rosemary, nỗi ám ảnh của Ellen đối với lời hứa đó luôn bị cô xem như một trò vui nho nhỏ, mãi cho tới dạo gần đây. Giờ đây, nó đã trở thành một cái xiềng xích tàn ác cô đã tự trồng lên người nhưng chẳng bao giờ giữ ra được. Vì nó mà tối nay, cô buộc phải quay lưng lại với hạnh phúc.

Quả thật, cô chẳng bao giờ có thể trao cho bất kỳ ai cái tình yêu bền lên, ngọt ngào, chớm nở cô từng dành cho cậu trai cô từng yêu. Nhưng giờ đây, cô biết cô có thể trao cho John Meredith một thứ tình yêu thâm thiết hơn và trưởng thành hơn nhiều. Cô biết ông đã chạm đến nơi sâu thẳm con người thật của cô, nơi Martin chưa bao giờ chạm tới được – mà có lẽ, còn chẳng hề tồn tại trong cái cô gái mười bảy tuổi ấy để mà chạm vào. Ấy vậy nhưng tối nay cô buộc phải đẩy ông ra xa, đẩy ông quay trở về với trái tim cô đơn, với cuộc sống trống rỗng và những vấn đề đau buồn của ông, bởi vì cô đã hứa với Ellen, từ mười năm trước, trên cuốn Kinh Thánh của mẹ họ, rằng cô sẽ không bao giờ lấy chồng.

Ông John Meredith không lập tức tóm lấy cơ hội của mình. Ngược lại, ông trò chuyện suốt hai tiếng đồng hồ về những chủ đề thiếu phong vị yêu đương nhất. Ông thậm chí còn thử đến cả đề tài chính trị, dù chính trị luôn làm Rosemary phát chán. Rosemary bắt đầu cho rằng cô đã nhầm lẫn hoàn toàn và những sợ hãi cùng kỳ vọng của cô dường như bỗng trở nên lố bịch. Cô trở nên bải hoải, thấy mình chẳng khác gì đồ ngốc. Ông John Meredith chẳng mấy may có ý định hỏi cưới cô làm vợ.

Và rồi, khá đột ngột, ông đứng dậy, bước ngang qua căn phòng, đến đứng cạnh ghế cô ngồi, và ngỏ lời cầu hôn. Căn phòng trở nên tĩnh lặng khủng khiếp. Thậm chí St. George cũng ngừng rừ rừ. Rosemary nghe thấy tiếng trái tim mình đang đập và tin chắc ông John Meredith hẳn cũng phải nghe thấy.

Giờ đã đến lúc cô phải từ chối, một cách nhẹ nhàng nhưng dứt khoát. Cô đã chuẩn bị sẵn từ nhiều ngày nay một cách thức trả lời ngắn gọn, cứng nhắc, lộ niềm tiếc nuối. Vậy nhưng bây giờ, những lời lẽ đó đã hoàn toàn biến mất khỏi tâm trí cô. Cô phải từ chối... nhưng cô đột nhiên nhận ra cô không thể cất nổi nên lời. Cái từ không đó là một từ không thể nói. Đến giờ thì cô đã biết, không phải có lẽ cô đã yêu John Meredith, mà cô *thật sự* đã yêu ông mất rồi. Chỉ cần nghĩ đến việc gạt ông ra khỏi cuộc đời mình, cô đã thấy lòng đau đớn.

Cô phải nói gì đó; cô ngẩng mái đầu tóc vàng đang cúi xuống và lắp bắp xin ông cho cô vài ngày để... để cân nhắc.

John Meredith hơi ngạc nhiên. Ông không hề tự tin quá mức bất kỳ người đàn ông nào cũng đều có quyền tự tin như thế, nhưng ông đã tưởng Rosemary West sẽ nói đồng ý. Ông khá chắc chắn rằng cô có cảm tình với ông. Vậy thì tại sao lại có sự nghi ngại này... sự lưỡng lự này? Cô không phải một cô học sinh không biết chắc mình đang nghĩ gì. Ông cảm thấy một nỗi sợ hãi sâu sắc khó chịu vì thất vọng và mất hết nhuệ khí. Nhưng ông chấp nhận đề nghị của cô bằng thái độ lịch thiệp không bao giờ thiếu, rồi lập tức rời đi.

“Tôi sẽ trả lời anh sau vài hôm nữa,” Rosemary nói, mặt đỏ bừng, mắt sụp xuống.

Khi cánh cửa đóng sập lại sau lưng ông, cô quay trở vào phòng, siết chặt hai bàn tay.

22. St. George biết tuốt

Nửa đêm, Ellen West trở về nhà sau khi dự đám cưới bạc của vợ chồng Pollock. Bà đã nán lại một lát sau khi những vị khách khác ra về, để giúp đỡ cô dâu tóc đã ngả màu muối tiêu dọn dẹp đĩa chén. Hai nhà cách nhau không xa và đường cũng dễ đi, vậy nên Ellen rất tận hưởng chuyến đi bộ về nhà dưới ánh trăng.

Buổi tối đó khá thư giãn. Ellen, vốn đã nhiều năm không tham dự tiệc tùng gì, thấy buổi tối rất dễ chịu. Toàn bộ khách khứa đều thuộc vòng quen biết cũ và không có lớp thanh niên xen vào làm hỏng bầu không khí, vì con trai duy nhất của cô dâu chú rể đang đi học xa nhà và không thể tham dự được. Norman Douglas cũng có mặt ở đây và lần đầu tiên sau nhiều năm, hai người họ giao tiếp với nhau, mặc dù mùa đông đó, bà đã đôi lần nhìn thấy ông ở nhà thờ. Cuộc gặp gỡ của họ không đánh thức một chút xíu tình cảm ủy mị nào trong lòng Ellen. Mỗi khi nhớ về quá khứ, bà vẫn thường băn khoăn không hiểu tại sao bà lại có thể mến mộ ông hay cảm thấy đau lòng đến thế trước cuộc kết hôn đột ngột của ông. Nhưng bà khá thích được gặp lại ông. Bà đã quên mất ông có thể sung sức và sôi nổi đến mức nào. Chẳng cuộc tụ họp nào có thể lơ đãng nếu có mặt Norman Douglas. Mọi người đều ngạc nhiên khi Norman xuất hiện. Ai cũng biết ông chẳng bao giờ đi đâu. Vợ chồng Pollock mời ông vì ông nằm trong danh sách khách mời của đám cưới ngày xưa, nhưng họ không ngờ ông sẽ đến. Ông đã đưa người em họ xa, Amy Annetta Douglas, tới bữa tối và có vẻ khá ân cần với cô ta. Nhưng Ellen ngồi đối diện ông trên bàn ăn và đã có một cuộc tranh cãi nảy lửa với ông – một cuộc tranh cãi mà đầu

ông có quát nạt chế giễu như thế nào cũng không đủ sức làm bà bối rối và cuối cùng bà đã giành phần thắng, đánh bại ông Norman một cách điềm tĩnh và tuyệt đối, đến độ ông phải im bật suốt mười phút liền. Sau đó, ông lầm bầm bên dưới bộ râu hoe đỏ “táo tợn y như xưa... táo tợn y như xưa” rồi bắt đầu quát nạt Amy Annetta và cô nàng chỉ ngây ngô cười khúc khích trước màn tấn công của ông, trong khi nếu là Ellen thì bà thể nào cũng sẽ gay gắt đập lại ngay.

Trên đường về nhà, Ellen nhăm nháp nhớ lại những chuyện này với niềm thích thú đầy hoài niệm. Không gian tắm ánh trăng lấp lánh những hạt sương giá. Tuyết lạo xạo dưới chân bà. Làng Glen nằm phía dưới kia, cùng với hải cảng trắng xóa đằng sau nó. Một ánh đèn đang hắt sáng từ trong phòng làm việc nhà mục sư. Vậy là John Meredith đã về nhà. Ông ấy có cầu hôn Rosemary không? Và cô đã bày tỏ sự từ chối của mình bằng cách nào nhỉ? Ellen cảm thấy bà sẽ chẳng bao giờ biết được điều này, dù bà khá tò mò. Bà dám chắc Rosemary sẽ chẳng bao giờ kể cho bà nghe bất cứ lời nào về nó còn bà cũng sẽ chẳng dám hỏi. Bà hẳn đành phải hài lòng với việc biết rằng lời từ chối đã được nói ra. Xét cho cùng, đó là điều duy nhất thật sự đáng quan tâm.

“Hy vọng ông ấy sẽ đủ sáng suốt để tỉnh thoảng lại ghé chơi và vẫn cư xử như bạn bè,” bà tự nói một mình. Bà cực kỳ ghét cảm giác cô độc, đến độ nói ra thành lời những suy nghĩ trong lòng đã trở thành một trong những phương tiện để tránh cái cảm giác cô đơn không mời mà đến. “Thật kinh khủng nếu chẳng bao giờ được tỉnh thoảng trò chuyện với một người đàn ông có đầu óc. Nhưng có lẽ ông ấy sẽ chẳng bao giờ lại gần ngôi nhà nữa. Cả Norman Douglas cũng thế... mình mến người đàn ông đó và rất thích tỉnh thoảng được cãi nhau một trận ra trò với ông ấy. Nhưng ông ấy chẳng bao giờ dám lảng vảng ở đây, vì sợ mọi người sẽ tưởng ông ấy lại đang tìm cách tán tỉnh mình lần nữa... rất có khả năng vì sợ *chính mình* cũng sẽ tưởng thế... dù hiện tại, đối với mình, ông ấy còn xa lạ hơn cả John Meredith. Chuyện mình và ông ấy từng yêu nhau dường như chỉ là một giấc mơ thôi. Nhưng vậy đấy... ở làng Glen, chỉ có hai người đàn

ông mình từng muốn nói chuyện cùng... và vì sự đàm tiếu cùng với vụ tán tỉnh tệ hại này mà rất có khả năng mình sẽ chẳng bao giờ được gặp lại ai trong hai người đó nữa. Mình có thể,” Ellen nói, hướng về phía những vì sao bất động mà buông ra một lời nhấn mạnh nhuộm màu hằn học, “tự mình cũng đã có thể xây dựng một thế giới tốt đẹp hơn.”

Bà dừng lại nơi cổng nhà, lòng bất chợt dâng lên một cảm xúc bất an mơ hồ. Phòng khách vẫn sáng đèn, và lướt qua lướt lại không ngừng qua những tấm màn cửa sổ, bóng một người phụ nữ đang bồn chồn đi đi lại lại. Rosemary đang làm gì giữa đêm hôm khuya khoắt thế này? Và tại sao cô cứ đi loay quanh như phát rồ thế?

Ellen nhẹ nhàng đi vào trong nhà. Đúng lúc bà mở cửa trước thì Rosemary bước ra khỏi phòng. Cô đỏ bừng cả mặt và thở không ra hơi. Một bầu không khí căng thẳng và kích động giăng mắc quanh cô như một tấm áo choàng.

“Sao em vẫn chưa đi ngủ, Rosemary?” Ellen cất vấn.

“Chị vào trong này đi,” Rosemary xúc động nói. “Em muốn kể cho chị nghe một chuyện.”

Ellen bình tĩnh cởi khăn áo, tháo giày bao và theo em gái bước vào trong căn phòng ấm áp bập bùng ánh lửa. Bà đứng yên, tay đặt trên bàn, chờ đợi. Chính bà trông cũng rất ưa nhìn theo một cách riêng, với hàng lông mày đen rậm dữ tợn. Cái váy nhung mới màu đen đuôi dài cổ chữ V được bà chủ tâm chọn cho buổi tiệc, rất phù hợp với thân hình to lớn oai vệ của bà. Bà đeo quanh cổ chuỗi hạt bằng hổ phách nặng trĩu vốn là vật gia truyền. Hành trình đi bộ trong không gian phủ đầy sương giá đã nhuộm màu đỏ ửng rạng rỡ lên hai má bà. Nhưng đôi mắt xanh xám vẫn lạnh lùng và cứng cõi như bầu trời đêm mùa đông. Bà đứng chờ trong bầu không khí căm lạnh mà Rosemary phải cố gắng lắm mới có thể phá vỡ được.

“Ellen này, tối nay ông Meredith đã đến đây.”

“Ừ thì sao?”

“Và... và... ông ấy đã cầu hôn em.”

“Chị đã ngờ là thế. Tất nhiên, em từ chối ông ấy rồi chứ?”

“Không.”

“Rosemary.” Ellen siết chặt hai tay và bắt giắc tiến về phía trước một bước. “Em định nói với chị rằng em đã nhận lời ông ấy đấy à.”

“Không... không phải thế.” Ellen lấy lại bình tĩnh. “Vậy em đã làm gì?”

“Em... em đề nghị ông ấy đợi vài ngày để em suy nghĩ cho thấu đáo.”

“Chị khó mà hiểu nổi tại sao lại cần làm thế,” Ellen nói, giọng khinh khỉnh lạnh lùng, “trong khi em chỉ có thể đưa cho ông ấy một câu trả lời duy nhất.”

Rosemary tha thiết chia hai bàn tay ra.

“Ellen,” cô tuyệt vọng nói, “em yêu John Meredith... em muốn làm vợ ông ấy. Chị sẽ giải thoát em khỏi lời hứa đó chứ?”

“Không,” Ellen nói, không chút lưu tình, vì bà đã phát ốm vì sợ hãi rồi. “Ellen... Ellen...” “Nghe này,” Ellen ngắt lời. “Chị không yêu cầu em hứa hẹn như thế. Chính em đã chủ động đấy chứ.”

“Em biết... em biết. Nhưng hồi đó em không ngờ là em lại còn có thể yêu thương bất kỳ ai nữa.”

“Chính em đã chủ động hứa,” Ellen nói tiếp, không hề dao động. “Em đã hứa điều đó trên cuốn Kinh Thánh của mẹ chúng ta. Đó còn hơn cả một lời hứa nữa... đó là một lời thề. Giờ thì em lại muốn phá vỡ nó.”

“Em chỉ xin chị hãy giải thoát em khỏi lời hứa đó thôi, Ellen.”

“Chị sẽ không làm thế. Trong mắt chị, nói lời phải giữ lấy lời. Chị sẽ không làm thế. Em cứ việc phá vỡ lời hứa... cứ việc phản

bội lời thế nếu em muốn... nhưng đừng hòng nhận được bất kỳ sự đồng ý nào từ chị.”

“Chị hà khắc với em quá, Ellen.”

“Hà khắc với em! Thế còn chị thì sao? Em đã bao giờ nghĩ đến chuyện chị sẽ cô độc đến mức nào ở đây nếu em rời bỏ chị không? Chị không thể chịu đựng được... chị sẽ phát điên mất. Chị *không thể* sống một mình. Chẳng lẽ chị không phải một người chị tốt với em sao? Chị đã bao giờ chống đối lại bất kỳ mong muốn nào của em chưa? Lẽ nào chị không nuông chiều em trong tất cả mọi chuyện sao?”

“Có chứ... có.”

“Vậy thì tại sao em lại muốn rời bỏ chị để đi theo cái người đàn ông em mới gặp gỡ chưa đầy một năm này?”

“Em yêu ông ấy, Ellen.”

“Yêu! Em nói năng cứ như một cô học sinh chứ chẳng hề giống một phụ nữ trung tuổi. Ông ấy không yêu em. Ông ấy muốn một quản gia và một cô giáo. Em không yêu ông ấy. Em chỉ muốn được làm một người vợ... em cũng nằm trong số những phụ nữ gốc nghèo cảm thấy hổ thẹn khi bị xếp vào hàng ngũ gái già. Tất cả là thế đấy.”

Rosemary run rẩy. Ellen không thể, hoặc sẽ không đời nào chịu hiểu. Tranh cãi với bà chẳng ích lợi gì.

“Vậy là chị sẽ không thả em đi hả, Ellen?”

“Không. Và chị sẽ không nhắc lại chuyện này một lần nữa đâu. Em đã hứa và em phải giữ lời hứa. Thế thôi. Lên giường đi ngủ đi. Nhìn xem mấy giờ rồi kìa! Em chỉ quá lãng mạn và phấn khích thôi. Ngày mai em sẽ suy nghĩ khôn ngoan hơn. Dù sao đi nữa, đừng để chị nghe thêm bất cứ lời nào về chuyện vợ vãn này nữa. Đi đi.”

Không nói thêm một lời nào, Rosemary bỏ đi, tái nhợt, chán chường. Ellen nện bước quanh phòng thêm vài phút nữa rồi

dừng lại trước cái ghế tựa được St. George nằm lên ngủ say sưa suốt cả buổi tối. Một nụ cười miễn cưỡng nở trên khuôn mặt rầu rĩ của bà. Chỉ có duy nhất một lần trong đời – khi mẹ mất – Ellen mới không thể lấy hài kịch để xoa dịu nỗi bi kịch. Thậm chí, kể cả trong quãng thời gian đau khổ từ rất lâu về trước, khi ông Norman Douglas, xét trên một phương diện nào đó, đã phụ bạc bà, bà vẫn cười nhạo một mình thường xuyên chẳng kém gì khóc lóc.

“Ta ngờ là sẽ phải mất một hồi đổi hờn, St. George ạ. Đúng vậy đấy, George, ta ngờ là chúng ta sẽ có vài ngày sầm sì không dễ chịu. Ôi dào, chúng ta rồi sẽ khắc phục được thôi, George ạ. Trước đây chúng ta từng đối phó với đám trẻ con ngốc nghếch rồi, George ạ. Rosemary sẽ đổi hờn mất một thời gian... rồi sau đó nó sẽ vượt qua thôi... và mọi chuyện sẽ lại trở về như trước kia, George ạ. Nó đã hứa rồi... và nó sẽ phải giữ lời hứa của mình. Và đây là lần cuối cùng ta nói về chủ đề này với mày hay với nó hay bất cứ ai, George ạ.”

Nhưng Ellen bực bội nằm thao thức cho tới tận khi trời sáng.

Tuy nhiên, chẳng hề có chuyện đổi hờn gì cả. Hôm sau, Rosemary tái nhợt và trầm lặng, nhưng ngoài điều đó ra thì Ellen không tài nào phát hiện ra bất kỳ điều gì khác ở cô. Chắc chắn cô không có vẻ oán hận gì Ellen. Hôm đó trời nổi bão, vậy nên không ai nhắc gì đến chuyện đi nhà thờ. Buổi chiều, Rosemary giam mình trong phòng viết thư cho ông John Meredith. Cô không dám trông cậy bản thân có thể giáp mặt nói “không”. Cô cảm thấy khá chắc chắn rằng nếu hoài nghi cô đang nói “không” một cách miễn cưỡng thì thế nào ông cũng sẽ không coi đó là câu trả lời mà cô thì chẳng thể cầm lòng trước sự cầu xin, khẩn nài. Cô phải làm cho ông tưởng rằng cô không hề quan tâm đến ông, và cô chỉ có thể làm thế bằng cách viết thư. Cô viết cho ông bày tỏ sự từ chối ngắn gọn theo phong cách lạnh lùng nhất, cứng nhắc nhất có thể tưởng tượng được. Nó khó có thể được gọi là lịch sự, chắc chắn đến cả người bạo gan nhất trong số những kẻ đang yêu cũng chẳng thể tìm thấy trong nó

bất kỳ cái cơ nào để mà hy vọng... mà John Meredith cho dù là người như thế nào thì cũng không nằm trong diện nói trên. Ông co vào trong cái vỏ ốc của mình, tổn thương và tủi thẹn, khi đọc bức thư của Rosemary trong phòng làm việc ngày hôm sau. Nhưng từ bên dưới nỗi tủi thẹn, một nhận thức đáng sợ ngay sau đó đã trỗi lên. Ông đã tưởng ông không yêu Rosemary sâu sắc như ông từng yêu Cecilia. Giờ đây, khi đã mất cô, ông mới ý thức được hóa ra không phải. Cô là tất cả đối với ông... tất cả! Vậy nhưng ông phải hoàn toàn gạt cô ra khỏi cuộc đời mình. Giờ đây, cho dù làm bạn cũng là chuyện không thể. Cuộc đời trải ra trước mắt ông trong cảnh thê lương không thể chịu nổi. Ông phải tiếp tục tiến lên phía trước... ông còn có công việc... con cái... nhưng trái tim ông đã chết rồi. Cả tối hôm đó, ông ngồi một mình trong phòng làm việc tối tăm, lạnh lẽo, u ám, đầu gục xuống hai bàn tay. Trên ngọn đồi kia, Rosemary bị nhức đầu nên lên giường từ sớm, trong khi bà Ellen nhận xét với St. George – đang rừ từ bày tỏ sự khinh thường đối với loài người ngốc nghếch, những kẻ không biết được rằng một cái gối êm mới là thứ duy nhất thật sự đáng quan tâm, “Phụ nữ biết làm gì nếu cái câu chuyện bị đau đầu chưa bao giờ được sáng tác ra nhỉ, St. George? Nhưng chẳng cần để ý đâu, George. Chúng ta chỉ cần nhắm một mắt mở một mắt vài tuần thôi. Phải thú nhận là ta không cảm thấy dễ chịu gì, George ạ. Ta có cảm giác như đã chìm chết một chú mèo con vậy. Nhưng nó đã hứa rồi, George... mà nó mới là người chủ động hứa hẹn đấy chứ, George, Nhân danh Chúa!”

23. Câu lạc bộ Cu xử tốt

Mưa đã rơi lất phất suốt cả ngày hôm ấy – một cơn mưa xuân lay phay, mong manh và đẹp dễ, dường như là dấu hiệu và tiếng thì thầm của những bông táo gai cùng những bông viola đang đà thức dậy. Hải cảng, vịnh và những cánh đồng trên bờ biển thấp bằng phẳng những màn sương mù màu xám ngọc trai. Nhưng lúc này, giữa buổi chiều muộn, mưa đã tạnh và sương mù đã bị thổi ra biển. Mây bay rải rác trên bầu trời phía bên trên cảng, như những bông hồng nhỏ đang bùng cháy. Đàng xa, rặng đồi tối sẫm sừng sững in bóng trên nền cảnh rực rỡ ngọn ngọn sắc màu vàng nhạt và đỏ thắm. Vì sao Hôm khổng lồ lấp lánh ánh bạc đang phóng tầm mắt dõi nhìn khắp cồn cát. Một cơn gió lồng bắt thần nổi lên, lả lướt từ dưới Thung Lũng Cầu Vòng thổi tới, nồng nàn mùi linh sam và mùi rêu ẩm ướt. Cơn gió ngâm nga hát giữa đám vân sam cổ thụ bao quanh khu nghĩa địa, làm rối những lọn tóc xoăn rất đẹp của Faith lúc con bé ngồi trên phiến bia mộ của Hezekiah Pollock, vòng hai cánh tay ôm lấy Mary Vance và Una. Carl và Jerry đang ngồi ở phía đối diện, trên một phiến bia mộ khác và tất cả đều khá tinh nghịch sau khi đã bị giam chân suốt cả ngày.

“Tối nay, không gian đúng là đang *tỏa sáng*, nhỉ? Mọi người xem kìa, nó đã được rửa sạch tinh,” Faith hạnh phúc nói.

Mary Vance rầu rĩ nhìn con bé. Với thông tin mà Mary đã biết, hoặc tưởng mình đã biết, con bé cho rằng Faith thật vô tư quá thể. Mary vẫn đang ấp ủ trong đầu một điều cần nói và con bé định sẽ nói ra trước khi đi về. Bà Elliott đã sai con bé mang một ít trứng mới lên nhà mục sư và dặn nó chỉ được ở lại tối đa nửa

tiếng đồng hồ. Nửa tiếng đồng hồ đã sắp cạn, vậy nên Mary đuổi đôi chân đang gập bên dưới người rồi đột ngột nói, “Đừng quan tâm đến không gian làm gì. Nghe tôi nói đây này. Mùa xuân này, đám trẻ nhà mục sư mấy người phải cư xử tốt hơn mấy người vẫn thể hiện trước đây – chỉ có thể thôi. Tối nay tôi đến đây chỉ cốt để nói cho mọi người biết thế. Cái cách thiên hạ đang bàn tán về mọi người thật kinh khủng.”

“Giờ thì bọn em lại gây ra chuyện gì hả?” Faith kinh ngạc kêu lên, thả tay ra khỏi người Mary. Mối Una run bần bật và tâm hồn bé bỏng nhảy cảm của cô bé rụt vào trong vỏ ốc của chính mình. Mary lúc nào cũng thẳng thừng đến độ tàn nhẫn. Jerry bắt đầu huýt sáo, làm ra vẻ can đảm. Thằng bé muốn chứng tỏ cho Mary thấy nó không quan tâm đến những lời đả kích của *con bé*. Dù sao đi nữa, bọn chúng cư xử như thế nào thì cũng không phải chuyện của *con bé*. *Con bé* có quyền gì mà đòi dạy dỗ chúng phải cư xử như thế nào?

“Giờ thì gây ra chuyện gì á! Mấy người *lúc nào* mà chẳng gây chuyện,” Mary bật lại. “Ngay khi những lời bàn tán về một trò ranh ma nào đó của mấy người vừa phai nhạt thì mấy người lại gây ra một chuyện gì đó khác để khơi chúng lên. Theo tôi thấy, mấy người có vẻ chẳng hề ý thức được con cái nhà mục sư thì cần phải cư xử như thế nào cho phải!”

“Có lẽ *cậu* có thể nói cho bọn tôi biết đấy,” Jerry nói, giọng mỉa mai cao độ.

Thái độ chế giễu chẳng có hiệu quả gì mấy với Mary.

“Tôi có thể nói cho mấy người biết chuyện gì sẽ xảy ra nếu mấy người không học cách cư xử cho phải phép. Hội đồng mục vụ sẽ yêu cầu cha mấy người từ chức. Vậy đấy, cậu Jerry Biết Tuốt ạ. Bà Alec Davis đã nói thế với bà Elliott. Tôi đã để ý nghe bà ta nói. Tôi luôn đứng tai lên nghe ngóng mỗi lần bà Alec Davis đến dùng trà. Bà ta bảo tất cả mấy người đã hư sẵn rồi nhưng lại càng ngày càng tồi tệ hơn, và mặc dù chẳng thể trông chờ vào điều gì khác vì mấy người chẳng có ai bảo ban dạy dỗ

nhưng không thể kỳ vọng giáo đoàn có thể chịu đựng lâu hơn nữa, và nhất định phải làm gì đó thôi. Người của Hội Giám lý chỉ cười cợt chế nhạo mấy người và điều đó đã làm người Giáo hội Trưởng lão buồn lòng lắm. Bà ta bảo tất cả mấy người đều cần một liều nước thuốc bạch dương ra trò. Chúa ơi, nếu món đó mà khiến người ta tiến bộ được thì *tôi* hẳn phải thành một vị thánh trẻ rồi ấy chứ. Tôi nói chuyện này không phải nhằm làm *mọi người* buồn lòng. Tôi lấy làm tiếc cho mọi người.” Mary vốn là người rất giỏi tỏ thái độ vỗ về kẻ cả. “*Tôi* hiểu, xét đến tình hình thực tế, mọi người không có nhiều cơ hội. Nhưng những người khác không khoan dung được như *tôi* đâu. Bà Drew bảo Carl đã bỏ một con ếch vào túi áo mang theo đến lớp giáo lý Chủ nhật vừa rồi và nó đã nhảy ra ngoài trong lúc bà ấy đang nghe giảng. Bà ấy bảo sẽ bỏ lớp giáo lý cho coi. Sao em không để đám côn trùng sâu bọ của em ở nhà?”

“Em đã nhét nó vào lại túi ngay rồi mà,” Carl thốt lên. “Nó chẳng làm hại ai cả, chỉ là một con ếch con tội nghiệp! Và em ước gì bà cô già Jane Drew bỏ lớp giáo lý của chúng ta *thật*. Em ghét bà ta. Chính cháu bà ta còn cất một cuộn thuốc lá sợi bẩn thỉu trong túi áo và rủ bọn em nhai trong lúc trưởng lão Clow đang giảng thì sao. Em nghĩ thứ đó còn tồi tệ hơn một con ếch nhiều.”

“Không đâu, bởi vì bọn ếch thuộc loại bất ngờ hơn. Chúng gây náo động nhiều hơn. Thêm nữa, cậu ta có bị bắt quả tang đâu. Và rồi cái cuộc thi cầu nguyện mọi người tổ chức tuần trước đã gây nên một vụ tai tiếng kinh khủng. Ai cũng đang bàn tán về nó.”

“Hả, các bạn nhà Blythe cũng tham gia tích cực y như bọn em mà,” Faith phần nộ kêu lên. “Ngay từ đầu, chính Nan Blythe đã đề xuất ra vụ đó đấy chứ. Còn Walter thì giành giải thưởng.”

“Ôi dào, dù sao đi nữa thì mấy người cũng bị mang tiếng vì nó. Có lẽ nó sẽ chẳng đến nỗi quá tệ nếu mấy người không tổ chức ở trong nghĩa địa.”

“Tôi nghĩ nghĩa địa là chỗ rất thích hợp để cầu nguyện đấy chứ,” Jerry bắt bẻ.

“Ông trợ tế Hazard đánh xe đi qua đúng lúc *cậu* đang cầu nguyện,” Mary nói, “ông ấy đã nhìn thấy và nghe thấy *cậu*, hai bàn tay chấp lại đặt trước bụng, cứ nói được một câu lại chêm thêm một hồi rên rĩ. Ông ấy nghĩ *cậu* đang chế giễu *ông ấy*.”

“Đúng là tôi đã làm thế,” Jerry tuyên bố không chút bối rối. “Chỉ có điều tất nhiên, tôi không biết ông ấy đang đi ngang qua. Đó chỉ là một tai nạn vặt vãnh thôi. Lúc ấy *tôi* không cầu nguyện thành tâm hẳn hoi... tôi biết tôi chẳng có cơ giành giải. Vậy nên tôi chỉ cố gắng làm sao cho càng vui vẻ càng tốt. Walter Blythe có thể cầu nguyện bá cháy luôn. Này, anh ấy có thể cầu nguyện giỏi không kém gì cha.”

Una là người duy nhất trong chúng ta thật lòng thích cầu nguyện,” Faith dăm chiêu nói.

“Ôi chao, nếu việc cầu nguyện làm chướng tai gai mắt mọi người quá thì chúng mình không được làm thế nữa,” Una thở dài.

“Ồi giờ, em muốn cầu nguyện gì cũng được, chỉ có điều đừng có làm trong nghĩa địa... và đừng biến nó thành trò chơi. Đó mới là cái khiến nó trở thành chuyện xấu đấy... cái đó, và cả việc tổ chức tiệc trà trên bia mộ nữa.”

“Chúng em có làm thế đâu.”

“Chậc, thế thì tiệc thối bong bóng xà phòng vậy. Mấy người đã *làm chuyện gì đó*. Dân bên kia cảng thề là mọi người đã tổ chức tiệc trà, nhưng tôi sẵn lòng tin lời mọi người. Và mọi người đã dùng phiến bia mộ này làm bàn.”

“Hừm, bà Martha đâu có cho phép bọn này thối bong bóng trong nhà. Hôm đó bà ấy cáu kỉnh ghê lắm,” Jerry giải thích. “Và cái phiến đá cũ này đã làm thành một cái bàn hay ho cực kỳ.”

“Bong bóng chẳng phải rất đẹp sao?” Faith kêu lên, mắt sáng long lanh khi nhớ về ký ức ấy. “Chúng phản chiếu hình ảnh cây

cối, rặng đồi và cả hải cảng, như những thế giới thần tiên tí hon, và khi bọn em lắc lắc để chúng đứt rời ra, chúng bèn trôi xa về phía Thung Lũng Cầu Vòng.”

“Tất cả đều thế ngoại trừ một cái bong bóng, nó đã bay lên cao và vỡ tung trên chóp nhà thờ Giám lý,” Carl nói.

“Dù sao đi nữa, em cũng thấy vui vì mình đã làm thế một lần, trước khi bọn em phát hiện ra đó là chuyện sai trái,” Faith nói.

“Chuyện chẳng có gì sai trái nếu mọi người thổi bong bóng trên bãi cỏ,” Mary sốt ruột nói, “Có vẻ như tôi chẳng nhét được vào đầu mọi người một chút suy nghĩ khôn ngoan nào. Mọi người đã được dạy suốt là không nên chơi đùa trong nghĩa địa. Người Hội Giám lý nhạy cảm với những chuyện liên quan đến nó lắm.”

“Bọn em quên mất,” Faith ủ rũ nói. “Mà bãi cỏ thì nhỏ quá... nhiều sâu lắm... và toàn cây bụi với đủ các thứ. Bọn em không thể lúc nào cũng ở Thung Lũng Cầu Vòng... và bọn em biết đi đâu nữa chứ?”

Vấn đề là những chuyện mọi người *làm* trong nghĩa địa. Sẽ chẳng có gì to tát nếu mọi người chỉ ngồi đây nói chuyện nhẹ nhàng, y như chúng mình đang làm bây giờ đây. Ôi chao, tôi không biết rồi sẽ có chuyện gì, nhưng tôi *biết* là trưởng lão Warren định nói chuyện với cha mọi người về chuyện đó đấy. Trọ tể Hazard là họ hàng của ông ấy.”

“Giá như họ đừng làm phiền cha vì chuyện của bọn em,” Una nói.

“Ôi chao, thiên hạ cho rằng ông ấy cần phải để tâm đến mấy người thêm chút nữa. *Tôi* thì không cho là thế... *tôi* hiểu ông ấy. Xét trên nhiều phương diện, chính ông ấy cũng là một đứa trẻ... ông ấy là người như thế đấy, và cũng cần có người chăm sóc chẳng kém gì mấy người. Ôi chao, có lẽ chẳng bao lâu nữa ông ấy sẽ có người nào đó thôi, nếu những chuyện đồn thổi là sự thật.”

“Ý chị là gì?” Faith hỏi. “Mọi người không biết gì à... thật sự hả?” Mary cất vấn. “Không, không. Ý chị là gì?”

“Ôi chao, thế có Chúa, mấy người ngây thơ quá. Ôi, chuyện này *ai ai* cũng bàn ra tán vào mà. Cha mấy người đang gặp gỡ Rosemary West. *Cô ấy* sắp trở thành mẹ kế của mọi người đấy.”

“Em không tin,” Una kêu lên, đỏ mặt tía tai.

“Ôi chao, *tôi* chịu. Tôi chỉ kể lại lời người ta nói thôi. Tôi không khẳng định gì cả. Nhưng được vậy cũng tốt. Tôi dám cá là nếu Rosemary West đến đây, cô ấy sẽ bắt mọi người đi vào khuôn khổ, cho dù cô ấy rất dịu dàng và lúc nào cũng mỉm cười ngoài mặt như thế. Họ lúc nào cũng vậy, cho tới khi người ta biết tổng họ rồi. Nhưng mấy người cần có người dạy dỗ. Mấy người đã làm mất mặt cha mình và tôi thấy buồn thay cho ông ấy. Tôi vẫn luôn suy nghĩ rất nhiều về cha mọi người, kể từ buổi tối ông ấy nói chuyện rất tử tế với tôi như thế. Từ hồi đó, tôi chưa bao giờ nói tục một lần nào, cũng không hề nói dối. Và tôi rất muốn thấy ông ấy được hạnh phúc, sung túc, các cúc áo được đơm đầy đủ, các bữa ăn đều thơm tất, bọn trẻ mấy người được rèn cho vào khuôn khổ, còn cái bà già Martha đó được đặt vào đúng vị trí *của bà ta*. Cứ xem cái cách bà ta nhìn số trứng tôi mang đến cho bà ta tối nay kìa. ‘Hy vọng chúng vẫn còn mới,’ bà ta nói. Tôi chỉ ước gì chúng *đã* ung hết rồi. Nhưng mọi người nhớ bắt bà ta phải làm đủ cho mỗi người một quả trứng ăn sáng nhé, kể cả phần của cha mọi người nữa. Bà ta mà không làm thế thì hãy kêu nặng lên nhé. Mục đích chúng được mang đến là thế mà... nhưng tôi không tin tưởng bà già Martha. Bà ta rất có khả năng đem trứng cho con mèo của bà ta ăn mất.”

Mary tạm thời mồm miệng và một sự im lặng ngán ngủi bao trùm khu nghĩa địa. Bọn trẻ nhà mục sư không có tâm trạng trò chuyện. Chúng còn mãi tiêu hóa những ý nghĩ mới mẻ và hoàn toàn không hề dễ chịu mà Mary vừa đưa ra. Jerry và Carl hơi hoảng hốt. Nhưng, xét cho cùng, chuyện đó có gì to tát đâu? Và nhiều khả năng còn chẳng phải là sự thật. Faith, nhìn chung,

thấy hài lòng. Chỉ có Una nghiêm túc lo lắng. Cô bé chỉ mong được trốn đi khỏi đây mà khóc.

“Liệu có ngôi sao nào trên vương miện của ta?” dàn đồng ca bắt đầu luyện tập trong nhà thờ Hội Giám lý.

“Tôi chỉ muốn có ba ngôi thôi,” Mary nói – vốn kiến thức thần học của con bé đã cải thiện đáng kể từ hồi đến sống với bà Elliott. “Chỉ cần ba ngôi thôi... gắn lên trên đầu tôi, như chiếc vương miện, một ngôi sao lớn ở giữa, hai sao nhỏ hai bên.”

“Linh hồn có các kích cỡ khác nhau không nhỉ?” Carl hỏi.

“Tất nhiên. Này nhé, các em bé thì phải có linh hồn nhỏ hơn người lớn chứ. Chà, trời sắp tối rồi, tôi phải phi về nhà đây. Bà Elliott không thích tôi la cà ở ngoài lúc trời tối. Ôi chao, hồi tôi sống với bà Wiley, trời tối hay sáng cũng chẳng khác gì nhau với tôi. Tôi thấy chuyện đó cũng chẳng đáng quan tâm hơn một con mèo xám. Những ngày ấy dường như đã cách đây hàng trăm năm rồi. Này, mọi người nhớ những lời tôi nói nhé và cố gắng nghĩ đến cha mình mà cư xử cho phải phép. *Tôi sẽ* luôn ủng hộ và bảo vệ mọi người, mọi người có thể chắc chắn một trăm phần trăm về chuyện đó. Bà Elliott bảo chưa từng nhìn thấy người nào bảo vệ bạn bè giống như tôi. Tôi thật sự đã rất hỗn hào với bà Alec Davis để bảo vệ mọi người và sau đó bà Elliott đã xạc cho tôi một trận. Tất nhiên cái cô Cornelia thẳng thắn đó đã mắng rất gay gắt. Nhưng bà ấy vẫn âm thầm thấy hài lòng lắm, vì bà ấy ghét bà già Kitty Alec đồng thời rất quý mấy người. *Tôi có thể* đi guốc vào trong bụng các người mà.”

Mary oai vệ bỏ đi, cực kỳ hài lòng với bản thân, để lại sau lưng mấy đứa trẻ đang hơi xiêu hồn lạc phách.

“Mỗi khi xuất hiện, chị Mary Vance luôn nói điều gì đó khiến chúng ta khó chịu,” Una bực bội nói.

“Anh ước gì chúng ta đã kê cho cậu ta chết đói trong cái nhà kho cũ ấy,” Jerry hậm hực nói.

“Ôi, thế thì độc ác quá, anh Jerry,” Una khiển trách.

“Đằng nào cũng mang tiếng thì có khi ta biến giả thành thật luôn cho xong,” Jerry – vẫn không hề ăn năn – vặn lại. “Nếu mọi người đã bảo chúng mình hư hỏng như thế thì cứ *hư* đi cho xong.”

“Nhưng nếu làm thế mà ảnh hưởng xấu đến cha thì không được đâu,” Faith nài nỉ.

Jerry bứt rứt vặn vẹo người. Thằng bé tôn sùng cha mình. Xuyên qua khung cửa sổ không buông rèm của thư phòng, chúng có thể nhìn thấy ông Meredith bên bàn làm việc. Có vẻ như lúc này, ông đang không đọc hay viết. Ông gục đầu vào hai bàn tay và đáng vẻ ông toát lên một điều gì đó cho thấy rõ tâm trạng chán chường mệt mỏi. Bọn trẻ đột nhiên cảm thấy được điều đó.

“Em dám chắc hôm nay ai đó đã nói gì đấy về chúng mình khiến cha phiền lòng,” Faith nói. “Giả như chúng ta *có thể* sống mà không bị người đời đàm tiếu. Ối... Jem Blythe! Anh làm em sợ đấy!”

Jem Blythe đã lén vào nghĩa địa và ngồi xuống bên cạnh các cô gái. Cậu đã lùng sục khắp Thung Lũng Cầu Vòng và cuối cùng cũng đã tìm được bó dương mai đầu tiên của mùa, với những bông hoa màu trắng y như ngôi sao nhỏ để tặng mẹ. Bọn trẻ nhà mục sư có vẻ trầm lặng hẳn sau khi cậu đến. Mùa xuân này, Jem bắt đầu có phần trở nên xa cách với chúng. Cậu đang dốc lòng học tập để chuẩn bị cho kỳ thi đầu vào học viện Queen và sau giờ tan trường vẫn ở lại cùng các học sinh lớp trên để học thêm. Đồng thời, buổi tối cậu cũng bận tối mắt tối mũi, đến độ dạo này hiếm khi nhập bọn cùng những đứa trẻ khác ở Thung Lũng Cầu Vòng. Cậu có vẻ như đang dần trôi ra xa, vào trong thế giới của người trưởng thành.

“Hôm nay các em có chuyện gì vậy?” cậu hỏi. “Các em chẳng vui vẻ gì cả.”

“Không vui lắm thật,” Faith rầu rĩ đồng tình. “Nếu là anh thì *anh* cũng sẽ chẳng vui nổi khi biết anh đang làm mất mặt cha

mình và khiến cho mọi người đàm tiếu về mình.”

“Giờ ai đang đàm tiếu về các em?”

“Tất cả mọi người – chị Mary Vance đã nói thế.” Và trước sự đồng cảm của Jem, Faith dốc hết bầu tâm sự về những rắc rối của mình. “Anh thấy đấy,” con bé rầu rĩ tổng kết, “bọn em chẳng được ai dạy dỗ. Và bọn em lâm vào rắc rối, còn mọi người nghĩ bọn em thật hư.”

“Sao các em không tự dạy dỗ chính mình?” Jem đề nghị. “Anh sẽ hướng dẫn cho các em cách làm. Hãy lập Câu lạc bộ Cư xử tốt và trừng phạt chính mình mỗi lần các em làm bất cứ điều gì không đúng đắn.”

“Ý hay đấy,” Faith nói, rất ấn tượng với ý tưởng này. “Nhưng,” con bé nói tiếp, giọng hoài nghi, “nhiều thứ *chúng ta* chẳng thấy có vẻ gì là tai hại thì người khác lại thấy kinh khủng không thể chịu nổi. Làm sao mình xác định được? Chúng em không thể lúc nào cũng làm phiền cha... mà dù sao đi nữa, cha cũng phải vắng nhà suốt.”

“Trong hầu hết các trường hợp, các em đều có thể xác định được bằng cách dừng lại suy nghĩ cho kỹ trước khi làm gì và tự hỏi mình xem giáo đoàn sẽ nói gì về chuyện đó,” Jem đáp. “Vấn đề nằm ở chỗ các em cứ thế lao vào làm chứ chẳng buồn suy nghĩ cho chín chắn gì hết. Mẹ anh bảo các em quá hấp tấp, y như mẹ ngày xưa vậy. Câu lạc bộ Cư xử tốt sẽ giúp các em biết suy nghĩ, chí có điều các em phải công bằng và trung thực chịu trừng phạt chính bản thân những khi vi phạm quy tắc. Các em phải trừng phạt bằng cách nào đó thật sự *đau đớn* ấy, nếu không sẽ chẳng có tác dụng gì cả.”

“Đánh bằng roi á?”

“Không hẳn. Các em phải nghĩ ra những cách trừng phạt khác nhau phù hợp với từng người. Các em không trừng phạt nhau... các em trừng phạt *chính bản thân* cơ. Anh đã đọc được trong truyện về một câu lạc bộ như thế. Các em cứ thử đi rồi xem nó hoạt động như nào.”

“Để xem, Faith nói; và khi Jem đã đi rồi, bọn trẻ đồng ý với nhau rằng chúng sẽ làm vậy.” Nếu mọi chuyện không đúng đắn thì chúng mình chỉ cần làm cho chúng trở nên đúng đắn,” Faith kiên quyết nói.

“Chúng mình phải công bằng và thẳng thắn, như Jem đã nói đấy,” Jerry bảo. “Đây là một câu lạc bộ để chúng ta tự dạy dỗ bản thân, vì chẳng có bất kỳ ai làm thay ta được. Có nhiều quy tắc quá cũng chẳng ích lợi gì đâu. Chỉ cần đặt ra một quy tắc thôi và bất kỳ ai trong số chúng ta vi phạm cũng đều bị trừng phạt nghiêm khắc.”

“Nhưng *như thế nào?*”

“Chúng ta sẽ vừa làm vừa nghĩ. Chúng ta sẽ tổ chức họp câu lạc bộ mỗi tối ở đây, trong nghĩa địa, rồi kể lại những việc chúng ta đã làm trong ngày, và nếu chúng ta cho rằng mình đã làm bất kỳ điều gì không đúng đắn hoặc điều gì đó làm mất mặt cha, người đã làm điều đó hoặc chịu trách nhiệm về nó sẽ phải bị trừng phạt. Quy tắc là thế. Tất cả chúng ta sẽ cùng quyết định hình thức trừng phạt là gì – nó sẽ phải tương xứng với tội, như lời ông Flagg đã nói. Còn người phạm lỗi sẽ phải thực hiện hình phạt, không được lẩn tránh. Chuyện này sẽ vui lắm cho xem,” Jerry hớn hở tổng kết.

“Chính anh đề nghị tổ chức bữa tiệc bong bóng xà phòng đấy nhé,” Faith nói.

“Nhưng đây là trước khi chúng mình thành lập câu lạc bộ, Jerry vội vã nói.” Mọi chuyện sẽ bắt đầu vào tối nay nhé.”

“Nhưng nếu chúng ta không thể đồng thuận được thế nào mới là đúng hoặc biện pháp trừng phạt nào mới thích đáng? Giả sử hai người trong số chúng ta nghĩ theo một cách còn hai người còn lại nghĩ theo một cách khác thì sao. Trong một câu lạc bộ kiểu này thì phải có năm người mới được.”

“Chúng ta có thể mời Jem Blythe làm trọng tài. Anh ấy là chàng trai trung thực nhất ở Glen St. Mary. Nhưng anh đoán là về cơ bản, chúng ta sẽ tự thu xếp được thôi. Chúng ta cần giữ

chuyện này càng bí mật càng tốt. Đừng có thở ra một lời nào với Mary Vance đấy nhé. Cậu ta sẽ muốn nhập hội và thế nào cũng đòi dạy dỗ.”

“Em nghĩ là,” Faith nói, “chẳng cần phải ngày nào cũng bị phá hỏng bầu không khí bằng cách lôi chuyện trừng phạt vào. Ta hãy chọn một ngày chuyên để thực hiện việc trừng phạt đi.”

“Tốt nhất ta nên chọn thứ Bảy, thì sẽ không bị việc học hành ảnh hưởng,” Una đề xuất.

“Và phá hỏng ngày nghỉ duy nhất trong tuần á,” Faith kêu lên. “Không có chuyện đó đâu! Đừng, chọn ngày thứ Sáu đi. Dù sao đi nữa, đó cũng là ngày ăn cá, và tất cả chúng ta đều ghét cá. Mình có thể gom tất cả mọi thứ khó chịu vào trong một ngày. Rồi những ngày khác, mình tha hồ mà vui vẻ.”

“Vớ vẩn,” Jerry nói, giọng kẻ cả. “Một kế hoạch như thế sẽ chẳng có chút tác dụng gì đâu. Chúng ta sẽ xử phạt ngay và luôn trong lúc cố giữ cho lý lịch sạch bong. Nào, tất cả đều hiểu rồi chứ? Đây là một Câu lạc bộ Cư xử tốt, với mục đích để chúng ta tự dạy dỗ mình. Chúng ta đồng ý tự phạt mình vì cách cư xử kém và đồng ý rằng sẽ luôn dừng lại trước khi làm bất kỳ điều gì, cho dù có là điều gì đi chăng nữa, và tự hỏi mình xem hành động này có làm ảnh hưởng xấu đến cha theo bất kỳ cách nào không; và bất kỳ ai trốn tránh trách nhiệm cũng sẽ bị khai trừ ra khỏi câu lạc bộ và không bao giờ được phép chơi cùng các thành viên còn lại trong Thung Lũng Cầu Vòng nữa. Jem Blythe sẽ làm trọng tài trong trường hợp có tranh cãi. Không được mang sâu bọ đến lớp giáo lý nữa đâu đấy, Carl, và cảm phiền em đừng nhai nhựa cây chốn công cộng nữa nhé, cô Faith.”

“Không được trêu ghẹo các trưởng lão đang cầu nguyện hay đến buổi lễ cầu nguyện của Hội Giám lý nữa nhé,” Faith đáp trả.

“Hả, đến lễ cầu nguyện của Hội Giám lý thì có gì sai trái đâu,” Jerry kinh ngạc phản đối.

“Bà Elliott nói là có đấy. Bà ấy bảo con cái nhà mục sư chẳng có việc gì để đi đến bất kỳ chỗ nào ngoài những chỗ liên quan

đến nhà thờ Giáo hội Trưởng lão.”

“Bố khỉ, anh sẽ không bỏ vụ đến lễ cầu nguyện của Hội Giám lý đâu,” Jerry nói. “Nó còn thú vị gấp chục lần buổi lễ của chúng ta ấy chứ.”

“Anh vừa nói một từ tục tĩu đấy,” Faith kêu lên. “Bây giờ, anh phải tự phạt mình đi.”

“Chưa đâu, chờ tới lúc chuyện này thành chính thức đã. Chúng ta mới chỉ đang bàn bạc về câu lạc bộ thôi. Nó vẫn chưa được thành lập thật sự, phải chờ tới khi chúng ta đã viết hết ra và ký tên lên đã. Phải có cơ cấu và điều lệ chứ. Mà em *biết thừa* đâu có gì sai trái khi đi đến một buổi lễ cầu nguyện.”

“Nhưng đâu phải chỉ khi làm sai chúng ta mới tự phạt mình, mà cả khi ta làm bất cứ chuyện gì ảnh hưởng xấu đến cha nữa.”

“Chuyện đó đâu có ảnh hưởng xấu đến ai. Em biết rõ hể động đến những vấn đề liên quan đến Hội Giám lý thì thái độ của bà Elliott đều gằn dở lắm mà. Làm gì có ai khác kêu ca chuyện anh đi đến đây đâu. Anh vẫn luôn cư xử phải phép. Em cứ hỏi Jem hay cô Blythe đi xem họ nói gì. Anh sẽ nghe theo ý kiến của họ. Giờ anh đi lấy giấy đây và sẽ mang cả cái đèn xách ra nữa, rồi tất cả chúng ta sẽ cùng ký tên.”

Mười lăm phút sau, văn bản này đã được nghiêm trang ký kết trên phiến bia mộ của Hezekiah Pollock – chiếc đèn xách ám khói của nhà mục sư được đặt ở chính giữa, trong khi bọn trẻ quỳ xung quanh. Bà vợ trưởng lão Clow đi ngang qua nghĩa địa đúng thời điểm đó, thế là ngày hôm sau, cả làng Glen đã nghe kể rằng bọn trẻ nhà mục sư lại bày trò thi cầu nguyện lần nữa và kết thúc cuộc thi bằng màn đuổi bắt trên các ngôi mộ, xách theo một chiếc đèn. Phần thêu dệt này có lẽ đã được khơi nguồn cảm hứng từ cái thực tế rằng, sau khi hoàn thành việc ký kết đóng dấu, Carl đã cầm đèn và thận trọng đi tới chỗ lòng chảo nhỏ để nghiên cứu cái tổ kiến của mình. Đám trẻ còn lại thì lặng lẽ quay về ngôi nhà mục sư rồi leo lên giường đi ngủ.

“Chị có nghĩ là cha sắp cưới cô West thật không?” Una rút rề hỏi Faith, sau khi cả hai đã cầu nguyện xong.

“Chị không biết nữa, nhưng chị thích thế,” Faith nói.

“Ôi, em thì không đâu,” Una nói, nhe răng. “Cô ấy là người tốt bụng thật đấy. Nhưng chị Mary Vance bảo là một khi trở thành mẹ kế, người ta sẽ thay đổi hoàn toàn. Khi đó, họ sẽ trở nên cáu kỉnh và bủn xỉn và đáng ghét kinh khủng, và sẽ xúi giục cha ta chống lại ta. Chị ấy bảo họ *chắc chắn* sẽ làm thế. Chị ấy chưa từng thấy có trường hợp nào không như vậy cả.”

“Chị không tin là cô West lại có *bất cứ khi nào* tìm cách làm điều đó,” Faith kêu lên.

“Chị Mary bảo ai cũng thế hết. Chị ấy biết *tất tât* mọi chuyện về các bà mẹ kế, Faith ạ, chị ấy bảo chị ấy đã gặp cả trăm bà mẹ kế rồi, trong khi chị chưa gặp người nào hết. Ôi, chị Mary đã kể cho em nghe những chuyện rợn cả tóc gáy về họ. Chị ấy bảo chị ấy còn biết cả một người lấy roi quất lên vai trần của các cô con gái của ông chồng bà ta cho đến khi tứa máu, sau đó nhốt họ cả đêm trong hầm chứa than tối tăm, lạnh lẽo. Chị ấy bảo *tất cả* bọn họ đều khát khao được làm những chuyện như thế.”

“Chị không tin cô West sẽ làm vậy. Em không hiểu cô ấy bằng chị, Una ạ. Chỉ cần nghĩ đến con chim nhỏ bé đáng yêu mà cô ấy đã gửi tặng chị xem. Chị yêu nó còn hơn cả yêu Adam nữa.”

“Chỉ là một khi đã trở thành mẹ kế thì họ sẽ bị thay đổi. Chị Mary bảo họ không thể cưỡng lại được. Em không để tâm nhiều đến chuyện đánh đập mà chủ yếu lo là cha sẽ ghét bỏ chúng ta.”

“Em biết rõ chẳng điều gì có thể khiến cho cha ghét bỏ chúng ta được mà. Đừng ngốc nghếch thế, Una. Chị dám chắc chẳng có gì đáng lo đâu. Rất có khả năng nếu câu lạc bộ của chúng ta hoạt động trơn tru thì cha sẽ không nghĩ đến chuyện cưới ai nữa. Mà nếu cha có cưới, thì chị *biết rõ* cô West sẽ đối xử rất tốt với chúng ta.”

Nhưng Una không có được niềm tin chắc chắn đó và cô bé khóc một mình cho đến lúc ngủ thiếp đi.

24. Con bốc đồng xuất phát từ lòng nhân ái

Hai tuần trôi qua, Câu lạc bộ Cư xử tốt vẫn hoạt động một cách trôi chảy. Nó có vẻ đã đạt được hiệu quả đáng ngưỡng mộ. Chưa một lần nào Jem Blythe bị mời đến làm trọng tài. Chưa một lần nào bất kỳ ai trong số đám trẻ nhà mục sư trở thành đề tài tranh cãi cho giới ngồi lê đôi mách ở Glen. Về phần các lỗi vặt của chúng ở nhà, bọn trẻ theo dõi nhau sát sao và kiên cường thực hiện các biện pháp trừng phạt tự đặt ra cho bản thân – thường là tự nguyện vắng mặt tại một trò nô đùa vui vẻ nào đó tối thứ Sáu ở Thung Lũng Cầu Vòng, hay ở lại trên giường vào một buổi chiều tối mùa xuân nào đó trong khi toàn bộ đám xương cốt trẻ trung của chúng đều đang khát khao mong được ra ngoài. Faith, vì tội nói thảm trong lớp giáo lý, tự nhận hình phạt phải im lặng cả ngày, không thốt ra một lời nào trừ trường hợp thật sự cần thiết, và đã hoàn thành bản án. Chỉ hơi không may là ông Baker bên kia cảng lại chọn đúng tối đó mà ghé thăm nhà mục sư và Faith lại tình cờ đi ra cửa đúng lúc đấy. Con bé không cất một lời nào để đáp lại lời chào hỏi thân tình của ông mà chỉ im thin thít bỏ đi thông báo ngắn gọn cho cha mình. Ông Baker hơi bực mình và khi về nhà bèn kể với vợ rằng cái đứa con gái cả nhà Meredith đó có vẻ là đứa trẻ sững sủa, rụt rè hết sức, không đủ lễ phép để mà mở miệng nói chuyện lúc cần phải nói chuyện. Nhưng chuyện đó cũng chẳng gây ra hệ quả nào xấu hơn, và nhìn chung, những hình thức sám hối của bọn trẻ đều vô hại với cả chúng lẫn bất kỳ ai khác. Cả mấy đứa đều bắt đầu cảm thấy

khá kiêu ngạo vì xét cho cùng, tự mình dạy dỗ mình là một chuyện quá đơn giản.

“Chị đoán là chẳng mấy mà mọi người sẽ nhận ra chúng ta cũng có thể biết cách cư xử phải phép chẳng kém gì bất kỳ ai,” Faith hân hoan nói. “Chỉ cần chúng ta để ý thì chẳng có gì khó cả.”

Con bé và Una đang ngồi trên phiến bia mộ của Pollock. Hôm đó đương là một ngày mùa xuân nổi bão, trời ẩm ướt, giá rét căm căm; Thung Lũng Cầu Vòng chắc chắn không phải chỗ dành cho các cô gái, dù mấy đứa con trai nhà mục sư và nhà Bên Ánh Lửa đều đang ở dưới đó câu cá. Mưa đã tạnh, nhưng gió đông đang hung dữ thổi từ biển vào, rét đến thấu xương. Mùa xuân đến muộn, bất chấp hứa hẹn lúc ban đầu, và thậm chí, vẫn còn một đông tuyết và băng cũ răn đánh bị gió thổi dạt vào góc phía Bắc khu nghĩa địa. Lida Marsh, vừa lên nhà mục sư để đưa một mớ cá trích, run rẩy rón rén bước qua cổng vào bên trong nghĩa địa. Con bé sống ở làng chài nơi Cửa Vịnh và cha con bé, từ ba mươi năm nay, vẫn có thói quen biếu nhà mục sư một mớ cá trong mẻ cất lưới đầu tiên của ông vào mùa xuân. Ông ta không bao giờ lai vãng đến nhà thờ, ông ta là kẻ coi trời bằng vung và nghiện rượu nặng, nhưng chừng nào còn biếu nhà mục sư mớ cá trích này vào mỗi mùa xuân, như cha ông ta trước đó vẫn từng làm, chừng đó ông ta vẫn vui vẻ cảm thấy chắc chắn rằng những nợ nần của mình với Đấng Tối cao trong năm đó đã được thanh toán sòng phẳng. Ông ta đứng hòng trông chờ được mùa cá bội thu nếu không đem biếu thành quả đầu tiên của mùa kéo lưới.

Lida là một cô bé mười tuổi, nhưng trông có vẻ nhỏ hơn nhiều, vì nó quá bé, gầy tong teo. Tối nay, lúc đánh bạo len lén đi đến chỗ hai cô gái nhà mục sư, con bé trông như thể chưa từng biết đến sự ấm áp kể từ khi chào đời. Mặt nó tím tái và đôi mắt nhỏ bạo dạn màu xanh lơ nhạt thì đỏ quạch và lúc nào cũng rơm rớm. Con bé mặc váy hoa rách rưới, choàng cái khăn len toí tả che hai bờ vai gầy guộc, kẹp hai đầu khăn xuống dưới cánh

tay. Con bé đã chân trần đi bộ suốt quãng đường dài ba dặm từ Cửa Vịnh đến đây, băng qua con đường vẫn còn phủ tuyết, bùn và những vũng tuyết tan. Chân cẳng con bé cũng tím tái y như khuôn mặt. Nhưng Lida chẳng mấy bận tâm đến chuyện này. Nó đã quen chịu lạnh và vẫn đi chân trần cả tháng nay rồi, y như mọi đứa khác trong bầy trẻ làng chài đông đúc. Con bé chẳng hề có chút cảm giác than thân trách phận nào lúc nó ngồi xuống trên phiến bia mộ và toe toét cười vui chào Faith và Una. Faith và Una cũng vui vẻ toét miệng cười đáp lại. Hai chị em cũng biết sơ qua về Lida, vì đã gặp con bé đôi lần mùa hè vừa rồi, lúc chúng xuống cảng cùng đám trẻ nhà Blythe.

“Chào hai chị em!” Lida nói. “Tôi nay đúng là khắc nghiệt ra trò ha? Chẳng hề phù hợp để một con chó lang thang ngoài trời, nhỉ?”

“Vậy sao em lại lang thang ngoài trời?” Faith hỏi.

“Bố em bảo em mang một ít cá trích đến cho nhà chị,” Lida đáp. Con bé run rẩy, húng hắng ho và chìa hai bàn chân trần ra. Lida chẳng nghĩ ngợi gì đến bản thân hay đôi chân của mình và cũng không định cầu xin lòng thương hại. Con bé giơ hai bàn chân ra theo bản năng, cốt để tránh cho chúng không chạm vào đám cỏ ướt mọc quanh phiến bia mộ. Nhưng Faith và Una ngay lập tức bị nhấn chìm trong niềm thương cảm cuộn cuộn dành cho con bé. Con bé có vẻ lạnh quá... khốn khổ quá.

“Ôi, sao em lại đi chân trần vào một đêm lạnh thế này?” Faith kêu lên. “Chân em sắp đông đá đến nơi rồi.”

“Cũng gần như thế,” Lida tự hào nói. “Phải công nhận là đi bộ trên con đường cảng đó kinh khủng lắm.”

“Sao cậu không đi giày đi tất vào?” Una hỏi.

“Có gì mà đi đâu. Qua mùa đông là tất cả mọi thứ tớ có đều đã rách hết cả rồi,” Lida thờ ơ nói.

Trong một thoáng, Faith rung mình kinh hãi. Chuyện này thật khủng khiếp. Ở đây có một cô bé, cũng có thể coi là hàng

xóm, sắp bị đông đá vì không có giày hay tất để đi trong tiết trời mùa xuân khắc nghiệt này. Trong cơn xúc động, Faith chẳng nghĩ đến bất cứ điều gì khác ngoài sự đáng sợ của tình cảnh ấy. Ngay lập tức, con bé cởi giày tất của mình ra.

“Này, cầm lấy rồi xỏ vào luôn đi,” con bé nói, dúm mấy món đồ vào tay Lida lúc này đường sương sốt. “Nhanh lên nào. Em sắp chết vì lạnh rồi đấy. Chị vẫn còn đôi khác nữa. Xỏ vào luôn đi.”

Lida, giờ đã lạnh lợi trở lại, bèn chộp lấy món quà, đôi mắt mờ đục sáng lên long lanh. Chắc chắn con bé sẽ xỏ vào rồi, và phải xỏ gấp, trước khi ai đó có thẩm quyền xuất hiện và đòi lại. Nhoáng một cái, con bé đã kéo đôi tất lên che hai cẳng chân bé nhỏ gầy trơ xương và xỏ đôi giày của Faith vào, che hai mắt cá chân nhỏ dày cui.

“Em rất biết ơn chị,” con bé nói, “nhưng người nhà chị sẽ không tức giận đấy chứ?”

“Không đâu, mà họ có tức giận thì chị cũng không quan tâm,” Faith nói. “Em nghĩ là chị có thể nhìn ai đó sắp chết vì lạnh mà chẳng thèm giúp đỡ họ dù có thể ư? Như thế thật không phải lẽ, nhất là khi cha chị lại là mục sư.”

“Mấy nữa chị có muốn đòi lại không? Dưới Cửa Vịnh lạnh kinh khủng khiếp; vẫn còn lạnh kể cả khi ở đây trời đã ấm lên từ lâu rồi,” Lida láu cá nói.

“Không, tất nhiên em cứ giữ mà đi. Chị đã có ý này khi đưa chúng cho em rồi. Chị vẫn còn một đôi giày khác và vô khối tất.”

Lida đã định ở lại một lát trò chuyện đủ thú trên trời dưới đất với hai chị em. Nhưng giờ con bé nghĩ tốt hơn hết là hãy đi khỏi đây trước khi có ai đó xuất hiện và bắt con bé phải nhường lại chiến lợi phẩm này. Vậy nên con bé lúng túng bỏ về, dưới bầu trời chạng vạng rét buốt, theo đúng cái cung cách lặng lẽ như một cái bóng mà lúc này con bé đã lén vào. Ngay khi ngôi nhà mục sư đã khuất khỏi tầm nhìn, con bé ngồi xuống, cởi giày và tất ra cất vào trong giỏ đựng cá trích. Con bé không định tiếp tục đi chúng trên con đường cằn bần thủ ấy. Chúng cần phải được

giữ gìn cẩn thận để dành riêng cho những dịp hội hè. Không có bất kỳ đứa con gái nào khác ở Cửa Vịnh lại được sở hữu đôi tất len cashmere màu đen đẹp như thế và đôi giày bảnh bao gần như mới toanh như vậy. Lida đã sẵn sàng chuyển sang thời trang mùa hè trước hạn rồi. Con bé chẳng có gì băn khoăn trước chuyện này hết. Trong mắt nó, nhà mục sư được xếp vào diện tương đối giàu có hoành tráng, và chắc chắn các cô con gái ở nhà đó có cả đồng giày lẫn tất. Vậy là Lida bèn chạy xuống làng Glen, chơi đùa chừng một tiếng đồng hồ với bọn con trai trước cửa hàng của ông Flagg, chơi trò giẫm bùn bắn lên tung tóe cùng với thằng bé nghịch nhất đám, mãi cho đến khi bà Elliott đến đuổi con bé về nhà.

“Em không nghĩ là chị nên làm như thế, Faith ạ,” Una nói, hơi trách móc, sau khi Lida đã đi khuất. “Bây giờ thì ngày nào chị cũng phải đi đôi giày đẹp kia và chẳng mấy chốc chúng sẽ mòn vẹt đi thôi.”

“Chị không quan tâm,” Faith kêu lên, vẫn phẫn khích vì đã làm được việc thiện giúp một người bạn. “Thật không công bằng khi chỉ có hai đôi giày trong khi Lida Marsh bé nhỏ tội nghiệp chẳng có đôi nào. *Bây giờ* thì cả hai bọn chị đều đã có giày rồi. Em biết thừa mà, Una, cha đã nói trong bài giảng hôm Chủ nhật vừa rồi rằng không có niềm hạnh phúc đích thực nào trong việc nhận được hay sở hữu thứ gì đó – mà nó chỉ tồn tại trong sự trao tặng. Và quả thật như thế. Lúc này đây, chị thấy hạnh phúc *hơn* bất kỳ khi nào khác trong đời. Chỉ cần nghĩ đến ngay phút giây này đây, Lida đang đi bộ về nhà, đôi chân bé bỏng tội nghiệp đang được ấm áp, dễ chịu, khoan khoái mà xem.”

“Chị biết rõ chị không còn đôi tất len cashmere màu đen nào khác mà,” Una nói. “Đôi tất còn lại của chị thủng lỗ chỗ đến độ bà Martha phải bảo không thể vá vuiu thêm được nữa và đã cắt phần cổ tất để làm khăn lau lò sưởi rồi. Chị chẳng còn gì khác ngoài hai đôi tất sọc chị vốn ghét cay ghét đắng.”

Mọi cảm giác hân hoan phấn khích đều trôi sạch khỏi người Faith. Niềm vui của con bé xẹp xuống như quả bóng xì hơi. Con bé im lặng ngồi rầu rĩ mất một lúc, đối diện với những hậu quả từ hành động bốc đồng của mình.

“Ôi, Una, chị chưa bao giờ nghĩ đến chuyện đó,” con bé u sầu nói. “Chị đã không hề dừng lại để nghĩ cho kỹ đã.”

Đôi tất sọc vốn được bà Martha đan cho Faith hồi mùa đông, màu xanh dương và đỏ, bằng len thô dày, nặng và có gân. Chúng gớm ghiếc không thể tả được. Faith chưa từng cảm ghét bất kỳ thứ gì như cảm ghét chúng. Chắc chắn con bé sẽ không đi đôi tất ấy. Chúng vẫn đang nằm trong ngăn kéo tủ com mốt của con bé, chưa từng được xỏ chân vào.

“Sau chuyện này, chị sẽ phải đi đôi tất sọc thôi,” Una nói. “Cứ thử nghĩ mà xem, cảnh con trai trong trường sẽ cười nhạo chị như nào. Chị biết họ đã cười nhạo Mamie Warren như thế nào vì đi tất sọc rồi đấy, lại còn gọi cậu ấy là một hiệu thợ cắt tóc nữa, mà tất của chị thì còn xấu hơn nhiều.”

“Chị không đi chúng đâu,” Faith nói. “Chị thà đi chân đất còn hơn, dù trời lạnh như này.”

“Chị không thể đi chân đất đến nhà thờ ngày mai được. Thử nghĩ xem mọi người sẽ nói gì đi.”

“Vậy chị sẽ ở nhà.”

“Không được. Chị biết thừa bà Martha sẽ bắt chị đi cho bằng được.”

Faith biết thế. Điều duy nhất mà bà Martha luôn lo lắng khẳng khẳng đòi cho bằng được là tất cả bọn họ đều nhất định phải đi nhà thờ, bất kể trời mưa hay nắng. Còn về việc chúng ăn mặc như thế nào, hoặc chúng liệu có mặc gì hay không, thì bà chẳng bao giờ quan tâm. Nhưng chúng nhất định phải đi. Đó chính là cách bà Martha đã được nuôi dạy bảy mươi năm về trước và cũng là cách bà dự định dùng để nuôi dạy bọn trẻ này.

“Em không có đôi nào cho chị mượn à, Una?” Faith tội nghiệp nói, giọng đáng thương.

Una lắc đầu. “Không, chị biết thừa em chỉ có mỗi một đôi tất đen mà. Và chúng chật lắm rồi, đến em cũng khó mà xỏ vừa nữa. Chúng không vừa với chị đâu. Đôi màu xám của em cũng vậy. Thêm nữa, phần cổ của *chúng* đều bị mạng *chằng chịt* rồi.”

“Chị không đi đôi tất sọc ấy đâu,” Faith bướng bỉnh nói. “Cái cảm giác khi đi chúng thậm chí còn kinh hơn cả vẻ ngoài của chúng nữa. Chúng khiến chị cứ cảm thấy như thể cẳng chân chị to như hai cái thùng ấy, mà chúng lại còn *ngứa* cực kỳ.”

“Chật, em không biết chị sẽ xoay xử như nào nữa.”

“Nếu cha mà có nhà, thế nào chị cũng sẽ xin cha mua cho chị một đôi tất mới trước khi người ta đóng cửa hàng. Nhưng mãi đến tối muộn cha mới về. Chị sẽ hỏi xin cha hôm thứ Hai vậy... Còn ngày mai chị sẽ không đi nhà thờ đâu. Chị sẽ giả vờ ốm và bà Martha sẽ *phải* để chị ở nhà.”

“Như thế sẽ là làm việc dối trá đấy, chị Faith,” Una kêu lên. “Chị *không thể* làm thế được. Chị biết rõ chuyện đó sẽ tệ lắm mà. Nếu cha mà biết thì cha sẽ nói gì? Lẽ nào chị không nhớ sau khi mẹ qua đời, cha đã dặn chúng ta cho dù có không làm được những chuyện khác thì ta cũng vẫn phải luôn luôn *trung thực* à. Cha bảo chúng ta không bao giờ được nói dối hay làm việc dối trá; cha bảo cha *tin tưởng* chúng ta sẽ không làm thế. Chị *không thể* làm thế được, Faith. Cứ đi đôi tất sọc kia đi. Chỉ có một lần thôi mà. Sẽ không ai để ý đến chúng ở nhà thờ đâu. Ở đó đâu có giống ở trường. Và cái váy nâu mới của chị rất dài, nên chúng sẽ không bị lộ ra nhiều đâu. Chẳng phải thật may là bà Martha đã may nó rộng rãi nên dù lớn thêm lên chị vẫn mặc vừa à, cho dù lúc bà ấy mới làm xong chị đã ghét nó lắm?”

“Chị sẽ không đi đôi tất đó đâu,” Faith nhắc lại. Con bé duỗi thẳng đôi chân trần tái nhợt đang để trên phiến bia mộ rồi thông thả bước xuyên qua bãi cỏ ẩm ướt lạnh ngắt, tiến đến chỗ u tuyết. Nghiến chặt răng, con bé bước lên đó đứng.

“Chị đang làm gì đấy?” Una thất kinh kêu lên. “Chị sẽ lạnh chết mất, Faith Meredith.”

“Chị cố tình làm thế đấy,” Faith trả lời. “Chị hy vọng chị sẽ bị cảm lạnh nặng và ngày mai sẽ ốm một trận *kinh khủng*. Vậy thì chị sẽ không cần làm việc gian dối nữa. Chị sẽ cứ đứng yên ở đây cho tới khi nào không chịu được nữa mới thôi.”

“Nhưng, chị Faith, chị có thể chết thật đấy. Chị có thể bị viêm phổi, Thôi đi, chị Faith, đừng làm thế. Đi vào trong nhà lấy gì đó cho chân chị đi. Ôi, Jerry đây rồi. Cảm ơn trời đất. Anh Jerry, anh bắt chị Faith xuống khỏi đồng tuyết đó đi. Nhìn chân chị ấy kìa.”

“Ôi trời ơi! Faith, em đang làm cái gì đấy?” Jerry cất vấn. “Em điên à?”

“Không. Đi đi!” Faith quát.

“Vậy là em đang tự phạt mình vì chuyện gì đó à? Nếu như vậy thật thì em làm thế không đúng đâu. Em sẽ ốm mất.”

“Em muốn bị ốm đây. Không phải em đang tự phạt mình. Đi chỗ khác đi.”

“Giày tất của con bé đâu rồi?” Jerry hỏi Una. “Chị ấy đem cho Lida Marsh rồi.”

“Lida Marsh? Vì sao?”

“Vì Lida không có giày tất, và chân cậu ấy lạnh cóng. Và bây giờ chị ấy muốn bị ốm để ngày mai không phải đến nhà thờ và đi đôi tất sọc. Nhưng, anh Jerry ơi, chị ấy sẽ chết mất.”

“Faith,” Jerry nói, “ra khỏi cái đồng tuyết đó đi không anh sẽ lôi em xuống đấy.”

“Cứ lôi đi,” Faith thách thức.

Jerry nhảy phắt tới túm lấy hai cánh tay con bé. Thằng bé kéo về một phía trong khi Faith kéo về phía ngược lại. Una chạy ra đằng sau Faith để đẩy. Faith quát nạt Jerry bảo thằng bé hãy để cho nó yên. Jerry gào toáng lên bảo con bé đừng có tỏ ra ảm ờ dờ hời; còn Una òa khóc. Chúng âm ỉ mãi không ngừng và lại đang

ở ngay sát hàng rào ven đường của nghĩa địa. Henry Warren và vợ đúng lúc đó đang đánh xe qua và nghe thấy cũng như nhìn thấy hết. Chẳng mấy chốc, dân làng Glen đã được nghe kể rằng bọn trẻ nhà mục sư đã cãi nhau một trận kinh hồn trong nghĩa địa và dùng đến thứ ngôn ngữ thiếu đứng đắn nhất trần đời. Trong lúc đó, Faith cho phép mình bị kéo ra khỏi đồng băng vì hai bàn chân con bé đang đau nhức đến độ sẵn sàng rời khỏi đó bằng bất cứ cách nào. Cả bọn vào nhà, chan hòa thân ái, và lên giường đi ngủ, Faith ngủ say như một tiểu thiên sứ và đến sáng tỉnh dậy, nó chẳng hề có bất cứ dấu hiệu bị cảm nào. Nhớ đến cuộc trò chuyện từ ngày xa xưa với cha mình, con bé cảm thấy nó không thể giả vờ ốm hay hành động gian dối được. Nhưng con bé vẫn tràn đầy quyết tâm y như trước, nhất định không chịu xỏ đôi tất kinh tởm ấy tới nhà thờ.

25. Một vụ bê bối nữa và một "lời giải thích" nữa

Faith đến lớp giáo lý từ sớm, khi vẫn còn chưa có một ai xuất hiện, và ngồi trong góc hàng ghế dành cho giáo dân. Bởi vậy, vẫn chưa có bất kỳ ai phát hiện ra cái sự thật khủng khiếp, mãi cho tới khi Faith rời hàng ghế dành cho giáo dân gần cửa ra vào để đi lên hàng ghế dành cho gia đình mục sư sau giờ học của lớp giáo lý. Nhà thờ lúc đấy đã kín một nửa và tất cả những người ngồi gần lối đi giữa hai dãy ghế đều nhìn thấy con gái mục sư đi giày nhưng không đi tất!

Cái váy mới màu nâu của Faith, được bà Martha may theo kiểu cổ, dài đến mức lộ bịch so với con bé, nhưng kể cả thế, nó vẫn chưa chạm đến mép giày. Hai phân cái cẳng chân trần trắng bệch của con bé lộ lộ trước mắt mọi người.

Chỉ có Faith và Carl ngồi trên hàng ghế dành cho gia đình mục sư. Jerry đã biến vào khu ghế cao để ngồi với cậu bạn thân còn các cô gái nhà Blythe đã rủ Una đến ngồi chung. Bọn trẻ nhà Meredith vẫn thường "ngồi khắp các nơi trong nhà thờ" theo cung cách này và rất nhiều người vẫn cho rằng đây là chuyện rất không phù hợp. Đặc biệt là khu ghế cao, nơi bọn choai choai vô trách nhiệm thường tụ tập và mọi người đều biết chúng vẫn hay thì thầm trong giờ lễ và nhiều người ngờ rằng chúng còn nhai thuốc lá sợi nữa, không phải là nơi thích hợp dành cho một cậu con trai nhà mục sư. Nhưng Jerry ghét hàng ghế nhà mục sư ở ngay phía đầu nhà thờ, trong tầm mắt của trưởng lão Clow cùng gia đình. Thằng bé luôn trốn khỏi đó bất cứ khi nào có cơ hội.

Carl, mê mải ngắm nhìn một con nhện giăng tơ dệt mạng chỗ cửa sổ, không để ý đến đôi chân của Faith. Con bé đi bộ cùng cha về nhà sau buổi lễ ở nhà thờ và ông cũng chẳng buồn để ý đến chúng. Con bé đã xỏ đôi tất sọc đáng ghét vào trước khi Jerry và Una về đến nhà, vậy nên trong lúc này, không có bất cứ thành viên nào trong gia đình mục sư biết con bé đã làm gì. Nhưng chẳng có bất kỳ ai khác ở làng Glen St. Mary lại không biết đến chuyện này. Vài người ít ỏi không được nhìn tận mắt thì cũng đều được nghe kể. Người ta chẳng nói đến chuyện gì khác trên đường từ nhà thờ về nhà. Bà Alec Davis nói bà ta chẳng thể kỳ vọng vào bất kỳ điều gì khác, và chẳng mấy nữa ta sẽ thấy đứa nào đó trong số đám trẻ ấy chẳng mặc gì mà đi đến nhà thờ. Chủ tịch Hội Nữ Giáo dân Cứu trợ quyết định rằng bà ta sẽ đưa chuyện này ra bàn vào buổi họp tiếp theo của Hội và đề nghị họ hãy tập trung lại cùng đến thăm ông mục sư để bày tỏ thái độ phản đối. Cô Cornelia nói rằng về phần mình, cô đành chịu thôi. Có lo nghĩ về đứa trẻ nhà mục sư ấy cũng chẳng ích gì. Thậm chí cô bác sĩ Blythe cũng cảm thấy hơi sững sốt, tuy nhiên cô quy toàn bộ trách nhiệm về sự kiện này là vì tính hay quên của Faith. Bà Susan không thể lập tức đan tất cho Faith bởi vì hôm đó là Chủ nhật, nhưng sáng hôm sau, bà đã sẵn sàng bắt tay vào việc khi còn chưa có một ai ở nhà Bên Ánh Lửa rời khỏi giường.

“Cô không cần nói với tôi bất kỳ điều gì khác đâu, trừ việc đó chính là lỗi của bà già Martha ấy, cô bác sĩ thân yêu ạ,” bà nói với Anne. “Tôi đoán là đứa trẻ tội nghiệp đó chẳng có đôi tất tử tế nào để đi. Tôi ngờ là mọi đôi tất con bé có đều bị thủng rồi, vì cô biết quá rõ chúng thường vẫn như vậy mà. Và theo *tôi* nghĩ, cô bác sĩ thân yêu ạ, Hội Nữ Giáo dân Cứu trợ đáng ra nên tập trung đan một ít tất cho chúng thay vì tranh cãi mãi về cái thảm mới dùng cho bục giảng kinh. *Tôi* không phải thành viên Hội Nữ Giáo dân Cứu trợ, nhưng tôi sẽ đan cho Faith hai đôi tất, bằng thứ sợi màu đen đẹp dễ này, vận hết tốc lực của các ngón tay tôi, cô có thể tin chắc như vậy. Tôi sẽ không bao giờ quên được cảm xúc của mình, cô bác sĩ thân yêu ạ, khi nhìn thấy một đứa trẻ nhà mục sư bước trên lối đi giữa hai dãy ghế trong nhà

thờ của chúng ta, chân không mang tất. Tôi thật tình không biết nên nhìn đi đâu nữa.”

“Mà hôm qua nhà thờ lại còn đông nghịt người Hội Giám lý nữa chứ,” cô Cornelia than thở – cô đã lên Glen mua sắm vài món và tạt vào Bên Ánh Lửa để bàn luận về vụ việc này. “Ta không biết sao lại thế được, nhưng hễ cứ khi nào mấy đứa trẻ nhà mục sư đó làm ra chuyện gì đó đặc biệt kinh khủng là y như rằng lúc đó nhà thờ đang đông nghịt người Hội Giám lý. Ta nghĩ mắt bà vợ ông trợ tế Hazard dễ chừng sắp rơi ra mất. Lúc rời khỏi nhà thờ, bà ta bảo, ‘Ôi chao, cái cảnh tượng đó thật bất nhả quá thể. Tôi lấy làm thương thay cho cánh Trưởng lão.’ Và chúng ta chỉ đành *chấp nhận* thôi. Chẳng thể nói gì được.”

“Nếu mà chính tai tôi nghe được bà ta nói thì tôi ắt đã nói được vài điều đấy, cô bác sĩ thân yêu ạ,” bà Susan nghiêm nghị nói. “Tôi sẽ nói, một là, theo ý tôi, một đôi chân trần sạch sẽ cũng đoan trang không kém gì các vết thủng. Và tôi sẽ nói, hai là, các tín hữu Giáo hội Trưởng lão không thấy cần được thương hại cho lắm, bởi vì họ có một mục sư biết *giảng đạo* trong khi Hội Giám lý thì *không*. Tôi có thể làm cho bà vợ ông trợ tế Hazard cứng họng, cô bác sĩ thân yêu ạ, và cô có thể tin chắc điều đó.”

“Tôi ước gì ông Meredith đừng có giảng đạo hay đến như thế mà hãy chăm sóc gia đình mình chu đáo hơn một chút,” cô Cornelia vặn lại. “Ít nhất ông ấy cũng nên liếc nhìn con cái một lần trước khi chúng tới nhà thờ xem chúng ăn mặc có phù hợp không. Tôi quá chán phải kiểm soát hộ cho ông ấy rồi, tin *tôi* đi.”

Trong lúc đó, tâm hồn Faith đang bị nỗi đau khổ giày vò trong Thung Lũng Cầu Vồng. Mary Vance đang đó và, như thường lệ, đang có hứng lên giọng dạy dỗ. Mary đã làm cho Faith hiểu rằng con bé đã làm mất mặt chính mình cùng cha mình đến mức vô phương cứu vãn và rằng nó, Mary Vance, hết cách với con bé rồi. “Tất cả mọi người” đều đang bàn tán và “tất cả mọi người” đều đang nói đến cùng một chuyện.

“Chị chỉ cảm thấy rằng từ nay chị không thể qua lại với em được nữa,” nó kết luận.

“Vậy thì *bọn em* sẽ qua lại với cậu ấy,” Nan Blythe kêu lên. Nan cũng thầm cho rằng Faith đã làm một chuyện kinh khủng, nhưng con bé sẽ không để Mary Vance đưa đẩy vấn đề theo cái cung cách trịch thượng này. “Và nếu chị không chịu thì chị cũng không cần phải đến Thung Lũng Cầu Vòng nữa đâu, *thưa chị Vance*.”

Cả Nan và Di cùng vòng tay ôm lấy Faith và trừng mắt nhìn Mary vẻ thách thức. Mary bất thần suy sụp, con bé ngồi xuống một thân cây đổ, òa khóc nức nở.

“Chị có muốn thế đâu,” con bé rên rỉ. “Nhưng nếu chị vẫn tiếp tục chơi với Faith, mọi người sẽ bảo chính chị đã xúi con bé làm mọi chuyện. Giờ đã có một số người nói thế rồi, thế với các em đây. Bây giờ, khi chị đã được ở trong một mái nhà đáng kính, cố gắng ra dáng một quý cô, chị không thể chịu đựng nổi nếu bị người khác nói về mình như thế. Và kể cả trong thời kỳ khó khăn nhất, chị cũng chưa bao giờ để lộ cẳng chân trong nhà thờ. Chị chưa bao giờ nghĩ sẽ làm một việc như thế. Nhưng bà già Kitty Alec đáng ghét đó bảo là kể từ hồi chị đến ở tại nhà mục sư, Faith không bao giờ còn giống như trước nữa. Bà ta nói rồi sẽ có ngày bà Cornelia Elliott hối hận vì đã nhận nuôi chị. Nói cho các em biết, điều đó khiến chị đau lòng lắm. Nhưng chính ông Meredith mới là người chị thật tâm lo lắng.”

“Em nghĩ chị không cần phải lo cho bác ấy đâu,” Di khinh khỉnh nói. “Chẳng có gì phải lo cả. Nào, Faith yêu quý, nín khóc đi nhé và kể cho bọn tớ nghe xem tại sao cậu lại làm thế nào.”

Faith giải thích mọi chuyện trong nước mắt. Các cô gái nhà Blythe tỏ lòng ủng hộ con bé và ngay cả Mary Vance cũng đồng ý rằng đây đúng là một tình huống khó xử. Nhưng Jerry, vốn nghe đến chuyện này mà như sét đánh ngang tai, không cách nào nguôi giận được. Vậy ra đây chính là ý nghĩa của những lời bóng gió thẳng bé nghe được ở trường ngày hôm ấy! Chẳng

buồn tỏ ra khách sáo gì, thằng bé xua cả Faith lẫn Una về nhà và Câu lạc bộ Cư xử tốt lập tức tổ chức cuộc họp trong nghĩa địa để phán xử vụ việc của Faith.

“Em chẳng thấy chuyện đó có hại gì hết,” Faith bướng bỉnh cãi. “Em có để lộ cẳng chân nhiều *quá* đâu. Chuyện đó không có gì *sai trái* và nó không gây ảnh hưởng xấu đến ai hết.”

“Nó gây ảnh hưởng xấu đến cha. Em *biết* thừa như thế mà. Em biết rõ mọi người sẽ đổ lỗi cho cha bất cứ khi nào chúng ta làm gì kỳ lạ.”

“Em không nghĩ thế,” Faith lầm bầm.

“Đó chính là vấn đề đấy. Em đã không suy nghĩ trong khi *đáng ra* em nên suy nghĩ. Mục đích câu lạc bộ của chúng ta là thế mà – dạy dỗ chúng ta và *khiến* cho chúng ta biết suy nghĩ. Chúng ta đã hứa sẽ luôn luôn dừng lại suy nghĩ kỹ trước khi hành động. Em đã không tuân thủ lời hứa và em phải chịu hình phạt, Faith ạ; và phải là một hình phạt nghiêm khắc hẳn hoi. Em sẽ chịu phạt bằng cách phải đi đôi tất sọc đó tới trường trong một tuần.”

“Ôi, Jerry, chẳng lẽ một ngày không được à... hay hai ngày? Đừng có nguyên cả tuần chứ!”

“Có chứ, nguyên cả tuần,” Jerry nói, không chút mủi lòng. “Thế là hợp lý rồi... em cứ hỏi Jem Blythe xem có phải không.”

Faith cảm thấy thà quy phục còn hơn là đi hỏi Jem Blythe về một vấn đề dạng này. Con bé đã bắt đầu dần nhận ra lỗi lầm của mình tương đối đáng xấu hổ.

“Thôi, em sẽ làm thế vậy,” con bé lầm bầm, hơi dằn dỗi.

“Em sẽ dễ dàng vượt qua chuyện này thôi,” Jerry nghiêm túc nói, “Và cho dù chúng ta có trừng phạt em như thế nào đi chăng nữa thì cũng chẳng giúp ích được gì cho cha. Mọi người sẽ vẫn luôn cho rằng chỉ vì em nghịch quá nên mới làm thế, nhưng mọi người sẽ đổ lỗi cho cha vì đã không ngăn cản việc này.”

Chúng ta không bao giờ có thể giải thích cho tất cả mọi người hiểu được.”

Khía cạnh này của vấn đề đã đè nặng lên tâm trí Faith. Con bé có thể chịu đựng được bản án dành cho mình, nhưng nó không khỏi khổ sở khi thấy cha mình bị chê trách. Nếu biết nguồn cơn đích thực của câu chuyện này, mọi người sẽ không đổ lỗi cho cha nó nữa. Nhưng con bé phải làm sao để mọi người đều biết sự thực đây? Chắc chắn không có chuyện đứng dậy trong nhà thờ, như nó từng làm một lần, và giải thích mọi chuyện. Faith đã nghe Mary Vance kể về phản ứng của giáo đoàn trước màn thể hiện đó và nhận ra mình không được phép làm thế lần nữa. Faith trần trở về chuyện này suốt mấy ngày. Rồi con bé nảy ra một ý tưởng và lập tức bắt tay vào thực hiện luôn. Con bé dành cả tối hôm đó trên gác xép, mang theo cây đèn và cuốn vở bài tập, cầm cúi viết, hai má ửng hồng, mắt sáng rực. Làm thế này là quá đúng rồi! Con bé thật thông minh biết bao nên mới nghĩ ra được việc này! Nó sẽ sắp đặt ổn thỏa mọi chuyện, giải thích mọi chuyện mà chẳng gây ra một vụ lùm xùm nào hết. Đến lúc con bé mãn nguyện chấm dứt công việc và rón rén leo xuống gác xép về giường, mệt rũ rời nhưng sung sướng vô ngần, thì đã là mười một giờ đêm.

Vài ngày sau, tờ tuần san nhỏ được phát hành ở Glen với tên *Tạp chí* được ra mắt như thường lệ, và làng Glen lại trải qua một cơn chấn động nữa. Một bức thư ký tên “Faith Meredith” chiếm một vị trí nổi bật ngay trang đầu và trình bày nội dung như sau:

“Gửi tất cả những ai quan tâm, Cháu muốn giải thích với mọi người tại sao cháu lại không đi tất đến nhà thờ, để mọi người đều biết rằng cha cháu không hề có lỗi trong chuyện này, và những bà già thích ngồi lê đôi mách không được đổ lỗi cho cha cháu, vì sự thật không phải như thế. Cháu đã tặng đôi tất đen duy nhất của mình cho Lida Marsh vì em ấy không có đôi tất nào và đôi chân nhỏ bé tội nghiệp của em ấy bị lạnh kinh khủng và cháu thấy em ấy rất đáng thương. Không đứa trẻ nào trong một cộng đồng Thiên Chúa giáo đáng phải chịu cảnh đi không giày không tất trước khi tuyết

tan hoàn toàn và cháu nghĩ đáng lẽ Hội Nữ Giáo dân Truyền giáo nên cho em ấy tất. Tất nhiên, cháu biết họ đã gửi nhiều đồ tặng các trẻ em ngoại đạo, và đó là hành động đúng đắn và tử tế. Nhưng các trẻ em ngoại đạo đang ở trong thời tiết ẩm áp hơn chúng ta nhiều, và cháu nghĩ các cô các bà ở nhà thờ của chúng ta đáng lẽ nên chăm lo cho Lida chứ đừng để kệ hết cho cháu phải lo. Khi đưa cho em ấy đôi tất của mình, cháu đã quên mất đó là đôi tất màu đen duy nhất không bị thủng của cháu, nhưng cháu rất vui vì đã tặng nó cho em ấy, bởi nếu không làm thế thì lương tâm cháu không yên ổn được. Khi em ấy đã đi rồi, có vẻ cực kỳ kiêu hãnh và hạnh phúc, tội nghiệp cô bé, cháu mới nhớ ra rằng món đồ duy nhất cháu có thể dùng được là cái thứ màu đỏ xanh kinh khủng mà bà Martha đã đan cho cháu hồi mùa đông vừa rồi bằng thứ sợi được bà Joseph Burr ở Thượng Glen đưa tới. Thứ sợi đó thô ráp kinh khủng lại đầy vết gợn và cháu chưa bao giờ nhìn thấy bất cứ người con nào của bà Burr từng mang thứ gì đan từ loại sợi đó. Nhưng chị Mary Vance nói bà Burr thường đưa cho mục sư những thứ bà ấy không thể dùng hay ăn được và cho rằng nó phải được tính như một phần khoản cung lương mà chồng bà ấy đã cam kết sẽ quyên góp nhưng chẳng bao giờ thực hiện.

Cháu chỉ không thể chịu đựng nổi nếu phải đi cái đôi tất đáng ghét ấy. Chúng quá xấu xí, quá thô ráp và đi vào có cảm giác ngứa ngáy kinh khủng. Ai cũng sẽ cười nhạo cháu cho xem. Ban đầu cháu đã định giả vờ ốm để hôm sau không đến nhà thờ, nhưng cháu quyết định mình không thể làm như thế được, bởi vì thế là hành động dối trá mà cha cháu đã dạy chúng cháu sau khi mẹ qua đời rằng đó là điều chúng cháu không bao giờ, nhất quyết không bao giờ được làm. Làm chuyện gian trá cũng tội tệ ngang với nói dối, mặc dù cháu biết một số người, ở ngay trong làng Glen này, vẫn làm chuyện gian trá nhưng có vẻ chẳng bao giờ cảm thấy chuyện đó có gì tội tệ hết. Cháu sẽ không nhắc đến tên người nào, nhưng cháu biết họ là ai và cả cha cháu cũng biết.

Vậy là cháu đã cố hết sức để mình bị dính lạnh rồi bị ốm thật bằng cách để chân trần đứng trên ụ tuyết ở trong nghĩa địa Hội Giám lý, cho tới khi anh Jerry lôi cháu ra khỏi đó. Nhưng nó chẳng

gây hại gì cho cháu hết nên cháu không thể trốn được chuyện phải đến nhà thờ. Vậy là cháu quyết định cháu sẽ xỏ giày và cứ thế mà đi thôi. Cháu không thể hiểu được tại sao đó lại là hành động sai trái và cháu đã cực kỳ cẩn thận rửa chân sạch bong như mặt, nhưng dù sao đi nữa, cha cháu cũng không hề có lỗi gì trong chuyện này. Khi đó cha đang ở trong phòng làm việc suy nghĩ về bài giảng cùng những vấn đề liên quan đến thiên đường khác, và cháu đã tránh gặp cha trước khi tới lớp giáo lý. Lúc ở nhà thờ, cha chẳng bao giờ nhìn vào chân ai, vậy nên tất nhiên cho không để ý đến chân cháu, nhưng tất cả những người hay ngồi lê đôi mách thì có và đã bàn tán về nó, và chính bởi vậy nên cháu mới viết lá thư này gửi tới Tạp chí để giải thích. Cháu đoán là cháu đã hành động rất sai trái, vì tất cả mọi người đều nói thế, cháu rất xin lỗi và sẽ đi đôi tất kinh khủng đó để tự trừng phạt mình, mặc dù cha đã mua cho cháu hai đôi tất màu đen mới đẹp để ngay khi cửa hàng của ông Flagg mở cửa vào sáng thứ Hai. Nhưng toàn bộ chuyện này là lỗi của cháu, và nếu có ai đổ lỗi cho cha cháu về chuyện đó sau khi đọc được bức thư này thì người đó ắt hẳn không phải tín hữu Thiên Chúa giáo và vậy nên cháu sẽ không quan tâm họ nói gì.

Cháu cũng muốn giải thích thêm một chuyện nữa trước khi dừng bút. Chị Mary Vance kể với cháu rằng ông Evan Boyd vẫn đang đổ tội cho gia đình Lew Baxter là đã lấy trộm khoai tây ở cánh đồng nhà ông ấy hồi mùa thu vừa rồi. Họ không đụng đến khoai tây của ông ấy đâu ạ. Đúng là họ nghèo thật, nhưng họ là người trung thực. Chính chúng cháu đã làm thế – Jerry và Carl và cháu. Lúc đó Una không ở cùng chúng cháu. Chúng cháu không bao giờ nghĩ rằng đó là hành vi ăn trộm. Chúng cháu chỉ muốn lấy một ít khoai tây để buổi tối nấu trong Thung Lũng Cầu Vòng ăn cùng món cá hồi chiên. Cánh đồng của ông Boyd nằm gần đó nhất, ngay giữa thung lũng và làng, vậy nên chúng cháu đã leo qua hàng rào nhà ông ấy và nhổ mấy dây. Khoai tây nhỏ kinh khủng khiếp, vì ông Boyd không bón đủ dưỡng chất cho chúng nên chúng cháu phải nhổ cả đống dây leo thì mới gom đủ khoai được, mà chúng còn chẳng to hơn mấy viên bi là bao. Walter và Di Blythe cũng ăn hộ chúng cháu, nhưng mãi tới lúc bọn cháu đã nấu xong xuôi rồi các bạn ấy mới đến và không biết

chúng cháu lấy khoai ở đây, vậy nên các bạn ấy không hề có lỗi gì hết, chỉ có chúng cháu thôi. Chúng cháu không hề có ý gây hại gì, nhưng nếu đó là hành vi ăn trộm thì chúng cháu rất xin lỗi và chúng cháu sẽ trả tiền cho ông Boyd, nếu ông ấy sẵn lòng đợi đến khi chúng cháu trưởng thành. Bây giờ chúng cháu chẳng có chút tiền nào vì chúng cháu chưa đủ lớn để kiếm được tiền và bà Martha vẫn bảo việc duy trì ngôi nhà này sẽ tiêu tốn đến những đồng xu cuối cùng trong khoản lương của người cha tội nghiệp của chúng cháu, kể cả khi khoản lương đó có được trả đều đặn đi chăng nữa – mà thường thì không có chuyện đó. Nhưng ông Boyd không được đổ tội cho gia đình Lew Baxter nữa – vì họ là người vô tội – và không được khiến họ phải mang tiếng xấu.

Trân trọng, FAITH MEREDITH.”

26. Cô Cornelia thay đổi quan điểm

“Sau khi chết, cháu sẽ quay trở lại trần thế mỗi độ thủy tiên hoa vàng nở rộ trong khu vườn này, cô Susan ạ,” Anne mê đắm nói. “Chẳng ai có thể nhìn thấy cháu, nhưng cháu sẽ ở đây. Nếu có bất kỳ ai ở trong vườn lúc đó – cháu *nghĩ* cháu sẽ đến vào một buổi tối y như thế này, nhưng *có thể* là ngay lúc bình minh... một buổi bình minh mùa xuân ửng hồng tươi đẹp – người ta sẽ chỉ nhìn thấy những bông thủy tiên hoa vàng đang hăm hờ gập gù như thể một cơn gió mạnh vừa thổi lướt qua, nhưng thật ra đó chính là *cháu*.”

“Thật tình, cô bác sĩ thân yêu ạ, khi đã chết rồi thì cô sẽ chẳng nghĩ đến những thứ trần tục hời hợt như là thủy với chả tiên đâu” bà Susan nói. “Và tôi *không* tin là trên đời có ma đâu, dù nhìn thấy hay không nhìn thấy được.”

“Ôi, cô Susan, cháu sẽ không phải là một hồn ma đâu! Nghe kinh khủng quá. Cháu sẽ chỉ là *cháu* thôi. Và cháu sẽ chạy quanh đây dưới ánh hoàng hôn, bất kể lúc đó đang là sáng hay đêm, và ngắm nhìn hết thấy những chốn cháu hằng yêu mến. Cô còn nhớ cháu đã cảm thấy xuống tinh thần như thế nào khi phải rời Ngôi Nhà Mơ ước bé nhỏ của chúng ta không, cô Susan? Cháu cứ tưởng cháu chẳng bao giờ có thể yêu quý mái nhà Bên Ánh Lửa như thế. Nhưng cháu đã yêu. Cháu yêu từng phần đất cũng như từng cành cây viên đá trên đó.”

“Tôi cũng khá yêu quý chốn này,” bà Susan nói – bà hẳn sẽ chết mất nếu bị buộc phải rời khỏi nơi đây, “nhưng ta không nên dành quá nhiều cảm xúc cho những thứ trần tục, cô bác sĩ thân

yêu ạ. Có những thứ như hỏa hoạn và động đất mà. Chúng ta lúc nào cũng nên chuẩn bị sẵn sàng. Nhà Tom MacAllister bên kia cảng đã bị cháy rụi cách đây ba đêm đấy. Có người nói Tom MacAllister đã tự đốt nhà để hưởng tiền bảo hiểm. Có thể đúng vậy, mà cũng có thể không. Nhưng tôi đã lập tức khuyên ông bác sĩ phải kiểm tra các ống khói nhà ta đi. Phòng bệnh hơn chữa bệnh. Nhưng tôi thấy bà Marshall Elliott đến cổng kia rồi, có vẻ như bà ấy đang hoang mang ghê lắm.”

“Anne cứng, cháu đã đọc *Tạp chí* ngày hôm nay chưa?”

Giọng cô Cornelia run rẩy, phần vì xúc động, phần vì cô vừa đi quá vội từ cửa hàng đến và đang hết cả hơi.

Anne cúi người xuống cụm thủy tiên hoa vàng để che giấu nụ cười. Cô và Gilbert đã phá lên cười rũ rượi khi đọc trang đầu tờ *Tạp chí* ra ngày hôm đó, nhưng cô biết đối với cô Cornelia, chuyện này gần như một thảm họa, và cô không được để lộ bất kỳ dấu hiệu thiếu nghiêm túc nào, tránh cho cô Cornelia phật ý.

“Kinh khủng thật đúng không? Biết *làm gì* mới được đây?” cô Cornelia tuyệt vọng hỏi. Cô Cornelia đã thể sẽ không thêm bận tâm đến những trò tinh quái của đám trẻ nhà mục sư nữa, nhưng rồi sau đó cô vẫn tiếp tục bận tâm như thường.

Anne dẫn cô tới hiên nhà, nơi bà Susan đang ngồi đan, Shirley và Rilla mê mải đọc sách vỡ lòng ở hai bên. Bà Susan đã đan sang đôi tất thứ hai cho Faith. Bà Susan chẳng bao giờ bận tâm đến nhân loại khốn khổ. Bà chuyên tâm làm cho tốt công việc của mình và bình thản để kệ phần còn lại cho Đấng Tối cao.

“Cornelia Elliott cứ tưởng bà ấy sinh ra là để thống trị thế giới này, cô bác sĩ thân yêu ạ,” bà từng có lần nói với Anne, bởi vậy nên lúc nào bà ấy cũng đứng ngồi không yên vì chuyện gì đó. Tôi chưa bao giờ cho rằng tôi là người như thế, vậy nên tôi cứ bình yên mà sống thôi. Nói thế nhưng thỉnh thoảng, tôi cũng cảm thấy rằng mọi thứ nhẽ ra có thể tốt đẹp hơn. Nhưng phận con sâu cái kiến khốn khổ chúng ta thì đừng có nuôi dưỡng

những suy nghĩ kiểu ấy làm gì. Chúng chỉ khiến chúng ta khó chịu và chẳng dẫn ta đi đến đâu hết.”

“Cháu thấy chẳng thể làm được bất kỳ điều gì... bây giờ...” Anne nói, kéo một cái ghế tựa thoải mái có nệm ra mời cô Cornelia ngồi. “Nhưng không hiểu thế nào mà ông Vickers lại đồng ý cho in cái bức thư đó nhỉ. Chắc chắn nhẽ ra ông ấy phải hiểu rõ tình hình hơn mới phải.”

“Hồi ôi, ông ấy lại đi vắng, Anne cũng ạ... ông ấy đến New Brunswick một tuần. Và thằng nhóc tinh quái Joe Vickers đã biên tập tờ *Tạp chí* trong lúc ông ấy vắng mặt. Tất nhiên, ông Vickers không đời nào thông qua cái thư đó, kể cả khi ông ấy có là người Hội Giám lý đi chẳng nữa, nhưng Joe thì chắc chỉ nghĩ đó là một trò đùa hay ho. Như cháu đã nói đấy, ta không nghĩ là hiện tại có thể làm được bất cứ điều gì, chỉ đành kệ cho nó nhạt dần theo thời gian thôi. Nhưng nếu có bao giờ tình cờ gặp Joe Vickers ở đâu đó, thế nào ta cũng sẽ nói cho cậu ta một trận để cậu ta không dễ mà quên đi được. Ta những muốn Marshall lập tức cắt khoản tiền đóng cho tờ *Tạp chí*, nhưng ông ấy chỉ phá lên cười và bảo bài báo ngày hôm nay là thứ duy nhất đáng đọc trên tờ tạp chí này suốt cả năm qua. Marshall sẽ chẳng bao giờ nghiêm túc suy xét cái gì đâu... đúng là đồ đàn ông. May thay, Evan Boyd cũng giống thế. Ông ta coi nó là một trò đùa và đi đến đâu cũng lôi nó ra mà cười cợt. Mà ông ta lại cũng là người Hội Giám lý nữa! Về phần bà Burr ở Thượng Glen, tất nhiên bà ta sẽ nổi giận đùng đùng và họ sẽ rời bỏ nhà thờ cho xem. Nhưng nói thế không có nghĩa là chuyện đó sẽ gây ra mất mát lớn lao gì, dù là xét trên khía cạnh nào đi nữa. Người Hội Giám lý sẽ chào đón họ lắm đấy.”

“Thế cũng đáng đời bà Burr,” bà Susan nói, bà vốn có mối hiềm khích từ xưa với người đàn bà được nhắc đến đây và vô cùng thích thú trước thông tin liên quan đến bà ta được nhắc tới trong bức thư của Faith. “Bà ta sẽ nhận ra là bà ta sẽ không thể đánh lừa mục sư bên Hội Giám lý để ông ta chấp nhận thứ sợi phế phẩm thay thế cho khoản cung lương.”

“Tệ hơn cả là ta chẳng mấy hy vọng mọi chuyện rồi sẽ khởi sắc hơn,” cô Cornelia rầu rĩ nói. “Chừng nào ông Meredith vẫn gặp gỡ Rosemary West thì ta vẫn còn hy vọng ngôi nhà mục sư sẽ sớm đón một nữ chủ nhân xứng đáng. Nhưng chuyện đó đã chấm dứt hẳn rồi. Ta ngờ là vì bọn trẻ nên cô ấy đã không chấp nhận ông ấy – ít nhất, có vẻ như ai cũng đều nghĩ thế.”

“Tôi không tin là ông ấy đã từng cầu hôn cô ấy,” bà Susan nói, bà vốn không thể tưởng tượng được có người nào lại đi từ chối một mục sư.

“Ôi chao, chẳng ai biết gì về *chuyện đó* cả. Nhưng chắc chắn một điều, ông ấy không còn đến đây nữa. Và suốt cả mùa xuân, Rosemary khí sắc kém hẳn. Hy vọng chuyến thăm Kingsport sẽ giúp cô ấy khá hơn. Theo tôi hiểu, cô ấy đã đi được một tháng rồi và định sẽ ở lại thêm một tháng nữa. Tôi không thể nhớ nổi trước đây đã có khi nào Rosemary xa nhà chưa. Cô ấy và Ellen chẳng bao giờ chịu nổi cảnh xa nhau. Nhưng theo tôi hiểu thì lần này Ellen đã khẳng khái bắt cô ấy phải đi. Và trong thời gian đó thì Ellen và Norman Douglas đang hâm nóng tình cảm ngày xưa.”

“Thật thế không ạ?” Anne hỏi, cười phá lên. “Cháu đã nghe đồn rồi nhưng khó mà tin nổi chuyện đó.”

“Cứ tin đi! Cháu có thể tin chuyện đó là thật đấy, Anne cưng ạ. Chẳng ai lại không biết đến chuyện đó hết. Norman Douglas chưa bao giờ để cho bất cứ ai phải mơ hồ về các ý định của ông ta liên quan đến bất cứ chuyện gì. Ông ta luôn theo đuổi một cách công khai. Ông ta bảo với Marshall rằng ông ta đã không nghĩ đến Ellen trong suốt nhiều năm, nhưng lần đầu tiên đi nhà thờ hồi mùa thu vừa rồi, ông ta đã nhìn thấy bà ấy và lại một lần nữa sa vào lưới tình. Ông ta bảo đã hoàn toàn quên mất bà ấy đẹp đến thế nào. Ông ta đã không gặp bà ấy suốt hai mươi năm, nếu cháu có thể tin chuyện đó được. Tất nhiên trước đây ông ta chẳng bao giờ đi nhà thờ, còn Ellen thì không đến bất cứ nơi nào khác mà chỉ loanh quanh ở đây. Ôi, tất cả chúng ta đều biết Norman có ý gì, nhưng Ellen nghĩ như thế nào thì lại là chuyện

khác. Ta sẽ chẳng rồi hơi đoán mò xem liệu có thành một mối nhân duyên nào hay không đâu.”

“Ông ta từng phụ bạc bà ấy một lần rồi, nhưng có vẻ như với một số người thì chuyện đó chẳng quan trọng gì, cô bác sĩ thân yêu ạ,” bà Susan bình luận có phần gay gắt.

“Ông ta bỏ rơi bà ấy trong cơn nóng giận và đã ăn năn hối hận cả đời rồi,” cô Cornelia nói. “Chuyện đó khác với việc nhấn tâm phụ bạc chứ. Về phần tôi, tôi chẳng bao giờ chán ghét Norman như một số người đâu. Ông ta chẳng bao giờ có thể lên mặt với *tôi* được. Tôi cứ băn khoăn mãi không biết điều gì đã thúc đẩy ông ta đến nhà thờ. Tôi chẳng bao giờ tin nổi câu chuyện của bà Wilson, rằng Faith Meredith đã đến đó và đe dọa buộc ông ta phải đi nhà thờ. Tôi vẫn luôn muốn đích thân hỏi Faith, nhưng cứ khi nào gặp con bé là tôi lại quên bồng mất chuyện này. Con bé thì có thể có ảnh hưởng gì với Norman Douglas được chứ? Lúc tôi rời khỏi cửa hàng tạp hóa thì ông ta cũng đang ở đó, cười rống lên vì cái bức thư tai tiếng kia. Đứng ở Bốn Làn Gió bà cũng có thể nghe thấy tiếng ông ta ấy chứ. ‘Cô gái tuyệt nhất trần đời,’ ông ta hét lên. ‘Một khi đã bùng nổ thì cô bé ấy khí thế lắm. Và cái đám gái già ấy lại còn muốn thuần phục con bé chứ, mẹ kiếp. Nhưng bọn họ sẽ không bao giờ thành công đâu... không bao giờ! Cứ thử tìm cách dìm chết một con cá mà xem. Xem chừng năm sau ông phải bón thêm dưỡng chất cho đám khoai tây của ông rồi đấy, Boyd. Hô, hô, hô!’ Và rồi ông ta cứ thế cười cho đến khi mái nhà rung cả lên.”

“Ít nhất ông Douglas cũng quên góp hậu hĩnh,” bà Susan nhận xét.

“Ồ, xét trên nhiều phương diện, Norman không phải người keo kiệt. Ông ta sẵn sàng cho đi một nghìn đô mà chẳng buồn chớp mắt một cái, nhưng sẽ rống lên nếu phải trả lỗ năm xu cho một món nào đó. Thêm nữa, ông ta thích các bài giảng của ông Meredith và Norman Douglas luôn sẵn lòng vung tay quá trán nếu bộ óc được thỏa mãn. Lòng mộ đạo của ông ta chẳng hơn gì lòng mộ đạo của một kẻ ngoại đạo da đen trần trụi ở châu Phi,

và chuyện đó sẽ chẳng bao giờ khác đi cả đâu. Nhưng ông ta là người khôn ngoan, đọc rộng hiểu nhiều và đánh giá các bài giảng như thế ông ta sẽ lên bục giảng vậy. Dù sao đi nữa, ông ta ủng hộ ông Meredith và bọn trẻ như thế thì kể cũng tốt, vì từ sau chuyện này, họ sẽ cần bằng hữu hơn bao giờ hết. Tôi đã quá chán chẳng muốn kiếm cơ biện hộ cho họ nữa rồi, tin tôi đi.”

“Cô biết đấy, cô Cornelia yêu quý,” Anne nghiêm túc nói, “cháu nghĩ tất cả chúng ta đều đang viện ra quá nhiều cái cớ. Làm thế thật khờ quá và chúng ta phải dừng lại thôi. Để cháu nói cho cô biết cháu *muốn* làm gì nhé. Tất nhiên cháu sẽ không làm điều đó” – Anne để ý thấy ánh nhìn cảnh giác lóe sáng trong mắt bà Susan – “như thế quá trái so với thói thường, mà từ sau khi chạm tới cái độ tuổi được gọi là đáng kính, chúng ta buộc phải tuân theo thói thường, nếu không thì chết chắc. Nhưng cháu *muốn* làm điều đó. Cháu muốn tổ chức một cuộc họp với sự tham gia của Hội Nữ Giáo dân Cứu trợ, Hội Nữ Giáo dân Truyền giáo và Hội Thiếu nữ May vá, đồng thời mời đến dự khán toàn thể những người Hội Giám lý đã chỉ trích nhà Meredith – tuy nhiên cháu cho là nếu chính Giáo hội Trưởng lão chúng ta dừng việc chỉ trích và viện cớ lại thì chúng ta sẽ nhận thấy rằng những tín đồ thuộc các giáo phái khác chỉ quan tâm chút xíu đến gia đình mục sư của chúng ta thôi. Cháu sẽ nói với họ rằng, ‘Các tín hữu cơ Đốc thân mến’ – nhấn trong âm vào từ ‘cơ đốc’ – ‘tôi cần nói với các bạn một điều và tôi muốn nói một cách rõ ràng rành mạch, để các bạn có thể ghi nhớ đến tận khi về tới nhà và nhắc lại nó cho gia đình nghe. Các tín đồ Hội Giám lý các bạn không cần phải tỏ lòng tội nghiệp chúng tôi, và những người Giáo hội Trưởng lão chúng tôi cũng không cần thấy tội nghiệp cho bản thân. Chúng tôi sẽ không như thế nữa. Và chúng tôi sẽ nói, một cách dũng cảm và chân thành, với tất cả những người chỉ trích chúng tôi và thương cảm cho chúng tôi rằng, ‘Chúng tôi *tự hào* về mục sư của chúng tôi cùng gia đình của ông ấy. Ông Meredith là người giảng đạo xuất sắc nhất nhà thờ làng Glen St. Mary từng có. Hơn thế nữa, ông ấy là một người thầy dạy về lẽ phải và lòng khoan dung của Chúa một cách nhiệt

tình, thẳng thắn. Ông ấy là một người bạn trung thành, một mục sư sáng suốt và là một người đàn ông lịch sự, uyên bác, có giáo dục. Gia đình ông ấy xứng đáng với ông ấy. Gerald Meredith là học trò thông minh nhất trường Glen và thầy Hazard nói rằng cậu bé đã được số phận định sẵn cho một sự nghiệp sáng chói. Cậu bé là một người bạn nhỏ thật thà, chính trực, ra dáng đàn ông. Faith Meredith là một mỹ nhân và không chỉ xinh đẹp mà còn là người có cá tính và giỏi truyền cảm hứng. Cô bé không hề có chút tầm thường nào hết. Tất cả các cô gái khác ở làng Glen cộng lại cũng không thể có được sức sống, sự dí dỏm, tính tình vui vẻ và khí thế như cô bé. Cô bé chẳng có kẻ thù nào trên đời. Ai quen biết Faith cũng đều yêu quý cô bé. Ta có thể nói như thế về bao nhiêu người đây, kể cả trẻ con lẫn người trưởng thành? Una Meredith là hiện thân của sự ngọt ngào. Cô bé rồi sẽ trở thành một người phụ nữ đáng yêu nhất trần đời. Carl Meredith, với tình yêu dành cho kiến, ếch và nhện, rồi một ngày nào đó sẽ trở thành một nhà tự nhiên học đủ sức khiến cho toàn thể Canada – không, toàn thế giới, sẵn lòng bày tỏ niềm kính trọng. Các bạn có biết bất kỳ gia đình nào khác ở Glen, hoặc cả ngoài Glen, có thể được nói đến bằng những lời như thế này không? Vứt hết những lời xin lỗi và những sự viện cớ đầy xấu hổ đi. Chúng tôi *hãnh diện* về mục sư của chúng tôi cùng với các cậu con trai, các cô con gái tuyệt vời của ông ấy!”

Anne dừng lại, phần vì cô đã hụt hơi sau bài diễn văn kịch liệt ấy, phần vì cô không đủ tự tin nói thêm khi nhìn thấy vẻ mặt của cô Cornelia. Người phụ nữ tốt bụng đó đang trợn mắt nhìn Anne đầy bất lực, rõ ràng bị nhấn chìm dưới những đợt sóng suy nghĩ mới mẻ đang cuộn cuộn. Nhưng rồi, bà đứng dậy, thở hỗn hển và dũng cảm vùng vẫy bơi vào bờ.

“Anne Blythe, giá như cháu đã tổ chức cuộc họp đó và nói y như thế! Cháu khiến ta phải thấy hổ thẹn cho chính mình, đúng thế đấy, và không đời nào ta không dám thừa nhận điều đó. *Tất nhiên*, đáng lẽ chúng ta nên nói như thế – đặc biệt là nói với những người Hội Giám lý. Và từng lời trong đó đều đúng với sự thật – từng lời một. Chúng ta đã nhắm mắt làm ngơ trước

những điều quan trọng, đáng giá, để mà lác mắt đi nhìn những thứ vật vãnh thật ra chẳng là cái đỉnh gì. Ôi, Anne cứng, ta chỉ nhìn ra được vấn đề khi nó được lấy búa đóng vào đầu ta. Không cần biện hộ gì cho Cornelia Marshall nữa! Kể từ bây giờ, *ta* sẽ ngẩng cao đầu *của mình*, tin *ta* đi – tuy nhiên, nếu bọn trẻ nhà Meredith lại gây ra bất cứ trò gì chán động nữa, *có lẽ* ta vẫn kể mọi chuyện với cháu như trước đây, chỉ để giải tỏa cảm xúc thôi. Kể cả cái bức thư khiến ta thấy khó chịu trong lòng đến thế... đấy, xét cho cùng, như Norman đã nói, đó cũng chỉ là một trò đùa vui thôi. Không nhiều cô gái có đủ sự lạnh lợi để nghĩ đến chuyện viết bức thư đó đâu... và lại còn được đặt dấu chấm câu cẩn thận, không sai chính tả một từ nào. Cứ để cho ta nghe thêm bất cứ một người Hội Giám lý nào nói thêm một lời về nó xem – tuy nhiên ta cũng vẫn sẽ không bao giờ tha thứ cho Joe Vickers – tin *ta* đi! Tối nay bọn trẻ còn lại nhà cháu đâu rồi?”

“Walter và hai chị em sinh đôi đang ở Thung Lũng Cầu Vòng. Jem đang học trên gác xép.”

“Bọn chúng đứa nào cũng phát cuồng lên với cái Thung Lũng Cầu Vòng ấy. Mary Vance cứ tưởng đó là nơi duy nhất trên thế giới. Nếu ta mà cho phép thì tối nào con bé cũng ra đấy cho xem. Nhưng ta không khuyến khích nó đi lang thang ở ngoài. Thêm nữa, khi không có con bé ở cạnh, ta lại thấy nhớ nó, Anne cứng ạ. Ta chưa bao giờ nghĩ rằng mình lại yêu quý nó đến thế. Nói thế không phải là ta không nhận thấy các lỗi lầm của con bé và cố gắng uốn nắn cho đúng. Nhưng kể từ khi đến nhà ta, con bé chưa từng nói hờn với ta một lời nào và con bé hỗ trợ ta *rất rất nhiều* – vì, nhìn chung, Anne cứng ạ, ta không còn trẻ trung như thời xưa nữa và có muốn phủ nhận cũng chẳng nghĩa lý gì. Đến sinh nhật vừa rồi, ta đã năm mươi chín tuổi. Ta không *cảm thấy* điều đó, nhưng không thể cải lại năm sinh tháng đẻ đã ghi trong cuốn Kinh Thánh gia đình được.”

27. Buổi hòa nhạc thiêng liêng

Cho dù đã nhìn nhận mọi chuyện theo quan điểm mới, cô Cornelia vẫn không thể dần lòng mà không lo lắng đôi chút về màn thể hiện tiếp theo của đám trẻ nhà mục sư. Trước mặt người ngoài, cô đã oanh liệt làm chủ tình hình, dùng những lý lẽ cơ bản mà Anne đã nói hôm ngắm hoa thủy tiên nở rộ để đáp lại tất cả những lời đàm tiếu; và cô nói bằng giọng điệu bén nhọn và mạnh mẽ đến độ khiến cho các thánh giả không khỏi cảm thấy mình thật khờ khạo và bắt đầu nảy sinh ý nghĩ rằng, xét cho cùng, họ đang phản ứng thái quá trước một trò đùa nghịch trẻ con. Nhưng trong vòng thân hữu, cô Cornelia cho phép bản thân được giải tỏa tâm trạng bằng cách than thở với Anne.

“Anne cưng ơi, chúng đã tổ chức một *buổi hòa nhạc trong nghĩa địa* vào tối thứ Năm vừa rồi, trong khi Hội Giám lý đang tổ chức lễ cầu nguyện. Chúng ngồi đó, trên bia mộ của Hezekiah Pollock và ca hát suốt một tiếng đồng hồ liền. Tất nhiên, ta biết chúng chủ yếu hát thánh ca và nếu chúng chẳng làm gì khác nữa thì chuyện đó chắc cũng chẳng đến nỗi quá tệ. Nhưng ta nghe nói chúng đã kết thúc bằng cách hát trọn vẹn bài *Polly Wolly Doodle*... và đúng lúc đó trợ tế Baxter lại đang cầu nguyện.”

“Tôi cũng ở đây tối hôm đó,” bà Susan nói, “và mặc dù không kể lại gì với cô, cô bác sĩ thân yêu ạ, nhưng tôi không thể không nghĩ rằng thật vô cùng đáng tiếc vì bọn trẻ đã chọn đúng buổi tối hôm đó. Thật cứ rợn cả người khi nghe bọn chúng ngồi ở đó, giữa chốn yên nghỉ của người đã khuất, vận hết âm lượng mà gào lên hát cái bài ca nhớ nhãng đó.”

“Tôi chẳng hiểu nổi bà thì có việc gì ở buổi lễ cầu nguyện của Hội Giám lý nữa,” cô Cornelia gay gắt nói.

“Tôi chẳng hề thấy Hội Giám lý có gì độc hại cả.” bà Susan cứng rắn phản bác. “Thêm nữa, như tôi định nói đúng lúc bị cắt ngang khi này – một cách đến là bức mình – tôi đã *không* chịu thua những người Hội Giám lý. Khi bà vợ trợ tế Baxter nói, lúc chúng tôi ra về, ‘Cái màn trình diễn đáng hổ thẹn chưa kìa!’ tôi đã nhìn thẳng vào mắt bà ta mà nói,” “Mấy đứa trẻ ấy đều hát hay cả, và có vẻ như, bà Baxter ạ, chẳng một ai trong dàn đồng ca của bà buồn xuất hiện ở buổi lễ cầu nguyện. Hình như chỉ có Chủ nhật họ mới không hát lạc điệu thì phải!” Bà ta là người khá nhu nhược và tôi đã chinh cho bà ta một trận thích đáng. Nhưng nhẽ ra tôi đã có thể xử lý chuyện này một cách triệt để hơn, cô bác sĩ thân yêu ạ, giá như bọn chúng không ca cái bài *Polly Wolly Doodle* ấy. Thật kinh khủng khi nghĩ đến chuyện cái bài đó được hát lên giữa nghĩa địa.”

“Một số người đã khuất cũng từng hát *Polly Wolly Doodle* hồi còn trên dương thế mà, cô Susan. Có khi họ vẫn thích nghe bài đấy ấy chứ,” Gilbert nhận xét.

Cô Cornelia nhìn anh bằng ánh mắt khiển trách đồng thời hạ quyết tâm rằng sau này hễ có cơ hội, cô sẽ phải bóng gió cho Anne biết để mà khuyên anh bác sĩ chớ có nói năng kiêu đấy nữa. Lời nói năng đó có thể gây hại cho công việc của anh. Người ta rất có thể sẽ bị tiêm nhiễm cái ý tưởng rằng anh không phải tín đồ Công giáo chính thống. Tất nhiên, ông Marshall vẫn thường xuyên nói những điều còn tệ hại hơn nhiều, nhưng nói gì thì nói, ông ấy có phải người của công chúng đâu.

“Theo tôi được biết thì suốt thời gian ấy, cha chúng vẫn ở trong phòng làm việc, cửa sổ mở toang, ấy vậy nhưng ông ấy chẳng hề để ý gì đến chúng. Tất nhiên, ông ấy lại đang đắm chìm vào một cuốn sách như thường lệ. Nhưng hôm qua khi ông ấy ghé thăm nhà, tôi đã nói với ông ấy về chuyện đó rồi.”

“Sao bà dám làm thế, bà Marshall Elliott?” bà Susan nói, giọng trách móc.

“Dám ư! Đã đến lúc ai đó phải dám làm một cái gì đó rồi. Sao chứ, người ta bảo ông ấy chẳng biết gì về bức thư Faith gửi cho tờ *Tạp chí* hết, bởi vì chẳng ai buồn nhắc về nó với ông ấy. Tất nhiên ông ấy có bao giờ nhìn đến một tờ *Tạp chí* đâu. Nhưng tôi cho rằng ông ấy cần phải biết chuyện này, để tránh cho sau này lại có thêm bất kỳ màn thể hiện nào như thế nữa. Ông ấy bảo ông ấy sẽ ‘trao đổi với bọn trẻ về chuyện đó’. Nhưng tất nhiên một khi bước chân rời khỏi cánh cổng nhà chúng tôi thì ông ấy sẽ chẳng bao giờ nghĩ đến nó nữa. Cái người đàn ông đó chẳng có khiếu hài hước gì cả, Anne ạ, cứ tin *ta* đi. Hôm Chủ nhật vừa rồi, ông ấy giảng về Cách dưỡng dục trẻ em. Đó cũng là một bài giảng hay, và mọi người ở nhà thờ đều nghĩ, ‘Đáng tiếc là ông không thể thực hành bài giảng của mình’.”

Cô Cornelia đã đánh giá bất công về ông Meredith khi cho rằng ông sẽ nhanh chóng quên bém những chuyện cô đã nói. Ông đi về mà lòng rối bời và tối đó, khi bọn trẻ từ Thung Lũng Cầu Vòng về nhà, muộn hơn nhiều so với giờ bọn trẻ được phép lang thang ở đấy, ông gọi chúng vào phòng làm việc.

Bọn trẻ vào trong phòng, có phần sợ hãi. Hành động này của cha chúng quá ư bất thường. Ông định nói gì với chúng đây? Bọn trẻ sục sạo trong ký ức để xem dạo gần đây chúng có phạm phải bất kỳ lỗi lầm nghiêm trọng nào không, nhưng chẳng nhớ được gì hết. Carl đã làm đổ nguyên cả đĩa mứt lên cái váy lụa của bà Peter Flagg buổi tối hôm kia, khi bà ở lại ăn tối theo lời mời của bà Martha. Nhưng ông Meredith không để ý đến vụ đó còn bà Flagg, vốn tính tình hòa ái, chẳng hề làm ầm ĩ lên. Thêm nữa, Carl đã bị phạt bằng cách phải mặc váy của Una từ lúc đó cho tới tận cuối buổi tối.

Una đột nhiên nghĩ có khi cha chúng định nói với chúng rằng ông sắp cưới cô West. Tim con bé bắt đầu đập như trống dồn còn hai chân run lẩy bẩy. Rồi con bé nhận thấy vẻ mặt ông Meredith

đượm vẻ nghiêm khắc và phiền muộn. Không, không thể là chuyện đó được.

“Các con,” ông Meredith nói, “cha đã nghe nói về một chuyện khiến cha vô cùng đau lòng. Có thật là suốt cả buổi tối thứ Năm vừa rồi, các con đã ngồi trong nghĩa địa hát các bài hát thô tục trong khi người ta đang tổ chức lễ cầu nguyện ở nhà thờ Hội Giám lý không?”

“Lạy Chúa lòng lành, cha ơi, bọn con quên bém mắt tối đó họ đang tổ chức lễ cầu nguyện,” Jerry kinh hãi kêu lên.

“Vậy ra đúng là như vậy... các con thật sự đã làm điều này sao?”

“Ôi, cha ơi, con không hiểu cha nói những bài hát thô tục có nghĩa là sao. Chúng con hát thánh ca mà... đấy là một buổi hòa nhạc thiêng liêng, cha biết đấy. Nó có hại gì đâu ạ? Con đã nói với cha là bọn con không hề nhớ ra tối đó Hội Giám lý cũng tổ chức lễ cầu nguyện. Trước đây, họ vẫn tổ chức lễ cầu nguyện vào tối thứ Ba, nên từ hồi họ chuyển lịch sang thứ Năm, khó mà nhớ lắm ạ.”

“Các con có hát gì khác ngoài thánh ca không?”

“Ôi,” Jerry nói, mặt đỏ dần lên, “đến cuối buổi bọn con đã hát *Polly Wolly Doodle*. Faith bảo, ‘Hãy chọn bài gì vui nhộn để kết thúc đi.’ Nhưng bọn con không có ý xấu, cha ạ... bọn con thật sự không hề cố ý.”

“Buổi hòa nhạc là ý tưởng của con, cha ạ,” Faith nói, sợ ông Meredith khiển trách Jerry quá nặng. “Cha biết là người Hội Giám lý đã tổ chức một buổi hòa nhạc thiêng liêng tại nhà thờ của họ vào tối Chủ nhật ba tuần trước. Con nghĩ mình tổ chức một buổi bắt chước theo đó thì kể cũng hay. Chỉ có điều họ đọc kinh cầu nguyện, còn chúng con đã bỏ qua phần đó vì nghe nói mọi người nghĩ chuyện bọn con cầu nguyện trong nghĩa địa thật kinh khủng. Cha vẫn ngồi đây suốt thời gian đó mà, con bé bổ sung,” và chẳng nói một lời nào với bọn con hết.”

“Cha không để ý bọn con đang làm gì. Tất nhiên, cha không thể lấy cớ đó bao biện cho mình được. Cha còn đáng trách hơn các con nhiều... cha đã nhận ra điều đó. Nhưng tại sao các con lại hát cái bài ngớ ngẩn đó để kết thúc?”

“Bọn con không nghĩ gì cả,” Jerry lầm bầm, cảm thấy lời biện hộ đó thật chẳng đâu vào đâu, xét đến việc trong các buổi họp của Câu lạc bộ Cư xử tốt, nó vẫn mạnh mẽ lên lớp Faith vì tội không biết suy nghĩ thấu đáo. “Bọn con xin lỗi cha... bọn con thật lòng xin lỗi. Cha cứ trách phạt bọn con thật nặng vào ạ... bọn con xứng đáng bị xạc cho một trận thích đáng.”

Nhưng ông Meredith không sặc cho một trận hay trách phạt gì. Ông ngồi xuống, gọi những kẻ phạm tội nhỏ tuổi lại gần mình và chuyện trò một lúc với chúng, bằng thái độ dịu dàng và sáng suốt. Nỗi ăn năn xấu hổ trào dâng trong lòng và bọn trẻ có cảm giác chúng sẽ chẳng bao giờ có thể cư xử ngốc nghếch và thiếu suy nghĩ như thế nữa.

“Bọn mình sẽ phải tự trừng phạt mình một cách nghiêm khắc và thích đáng vì chuyện này mới được,” Jerry thì thầm trong lúc cả bọn rón rén lên gác. “Bọn mình sẽ họp câu lạc bộ ngay sáng sớm mai và quyết định xem mình sẽ nhận hình thức phạt gì. Anh chưa bao giờ thấy cha đau lòng đến thế.”

“Dù sao đi nữa, em rất mừng vì chuyện không như em lo sợ,” Una lầm bầm một mình.

Đằng sau bọn trẻ, trong phòng làm việc, ông Meredith ngồi xuống bên bàn, giấu mặt vào hai cánh tay.

“Cầu Chúa cứu giúp!” ông nói. “Con đúng là một người cha khốn khổ. Ôi, Rosemary! Giá như em chịu quan tâm!”

28. Ngày nhịn đói

Sáng hôm sau, trước khi đến trường, Câu lạc bộ Cư xử tốt đã tổ chức phiên họp đặc biệt. Sau rất nhiều phương án được đề ra, cả bọn quyết định rằng hình thức trừng phạt thích đáng chính là phải nhịn đói một ngày.

“Bọn mình sẽ không ăn bất cứ thứ gì trong cả ngày,” Jerry nói. “Dù sao đi nữa, anh cũng khá tò mò muốn biết cảm giác nhịn đói là như thế nào. Đây sẽ là cơ hội tốt để trải nghiệm.”

“Bọn mình chọn ngày nào đây ạ?” Una hỏi, thăm nghĩ hình thức trừng phạt này có phần tương đối nhẹ nhàng và hơi ngạc nhiên vì Jerry và Faith không nghĩ ra cách nào đó nghiêm khắc hơn.

“Chọn thứ Hai đi,” Faith nói. “Hầu như Chủ nhật nào, bọn mình cũng được ăn tối *no nê* và dù sao đi nữa, các bữa ăn hôm thứ Hai cũng chẳng đầy đặn cho lắm.”

“Nhưng đó mới là vấn đề đấy,” Jerry kêu lên. “Chúng ta không được chọn ngày dễ dàng nhất để nhịn ăn, mà phải chọn ngày khó nhất ấy... và hôm đó chính là Chủ nhật, vì như em đã nói đấy, hầu như Chủ nhật nào chúng ta cũng có món thịt bò nướng thay cho ‘món y như cũ’ nguội ngơ nguội ngắt. Nếu nhịn ăn ‘món y như cũ’ thì không mang tính trừng phạt nặng nề cho lắm. Hãy chọn Chủ nhật sắp tới đi. Hôm đó sẽ là ngày phù hợp đấy, vì cha định sẽ đổi lễ sáng với mục sư ở Thượng Lowbridge. Cha sẽ vắng nhà cho tới tận tối mới về. Nếu bà Martha thắc mắc bọn mình bị làm sao thì anh em mình sẽ bảo luôn với bà ấy là bọn mình nhịn ăn để thanh lọc tâm hồn và trong Kinh Thánh

cũng đã nói thế rồi nên bà ấy đừng can thiệp làm gì, mà anh đoán là bà ấy chẳng can thiệp đâu.”

Bà Martha không can thiệp thật. Bà chỉ nói bằng giọng lầm bầm cái kính quen thuộc, “Giờ bọn nhóc gầy còm các cháu lại đang bày cái trò ngớ ngẩn gì nữa đây?” rồi sau đó chẳng nghĩ ngợi sâu xa thêm nữa. Ông Meredith đã rời nhà từ sáng sớm, khi chưa ai kịp thức dậy. Ông cũng không ăn sáng mà cứ thế đi luôn, nhưng tất nhiên, chuyện đó vốn chẳng có gì bất thường. Đến một nửa thời gian, ông quên bém mất bữa sáng và chẳng có ai nhắc nhở ông về nó. Nếu bỏ lỡ bữa sáng – bữa sáng của bà Martha – thì cũng không khổ sở gì cho cam. Thậm chí đến cả “bọn nhóc gầy còm” đói khát cũng không thấy có gì quá mất mát nếu phải nhịn món “cháo lỏn nhỏ kèm sữa màu xanh” vốn là nguồn cơn khơi dậy nỗi khinh bỉ của Mary Vance. Nhưng đến bữa trưa thì tình hình khác hẳn. Đến lúc đó, bọn trẻ đều đã đói đến cồn cào ruột gan trong khi mùi thịt bò nướng tỏa khắp căn nhà, và bất chấp cái thực tế rằng món thịt nướng vẫn còn sống nhăn, mùi thơm vẫn đủ sức khiến người ta ứa nước miếng và làm cho bọn trẻ gần như không thể nào chịu đựng nổi. Trong cơn tuyệt vọng, bọn trẻ chạy tới nghĩa địa để khỏi phải ngửi thấy mùi thịt. Nhưng Una không thể rời mắt khỏi cửa sổ phòng ăn; qua khung cửa ấy, có thể nhìn thấy ông mục sư Thượng Lowbridge đang bình yên ngồi ăn trưa.

“Giá mà em được ăn một mẩu, dù bé xíu xiu xiu thôi cũng được,” cô bé thở dài.

“Này, em thôi đi,” Jerry ra lệnh. “Tất nhiên, chuyện này rất khó khăn... nhưng đã là phạt thì phải thế. Ngay lúc này đây, anh sẵn sàng chén cả một bức tượng thờ ấy chứ, nhưng anh có kêu ca gì không? Thử nghĩ đến chuyện gì đó khác đi. Bọn mình phải vượt lên cái cảm giác thèm ăn.”

Đến bữa tối, bọn trẻ không còn bị cơn đói hành hạ như lúc trước nữa.

“Có lẽ bọn mình đã quen với nó rồi,” Faith nói. “Em có cảm giác trống rỗng kiểu gì đó kỳ quái lắm, nhưng em không thể bảo rằng mình đang đói được.”

“Đầu em buồn cười lắm,” Una nói. “Thỉnh thoảng nó cứ quay quay ấy.”

Nhưng cô bé vẫn đánh liều đi nhà thờ cùng những người khác. Nếu không phải đang quá đắm chìm vào bài giảng, chẳng còn tâm trí nghĩ đến bất cứ điều gì khác thì hẳn ông Meredith đã để ý đến khuôn mặt nhỏ nhắn tái nhợt và đôi mắt trũng sâu trên hàng ghế nhà mục sư bên dưới. Nhưng ông lại chẳng để ý gì hết và bài giảng của ông hôm nay kéo dài hơn thường lệ. Rồi, ngay trước khi ông bắt nhịp bài thánh ca kết lễ, Una Meredith đã ngã lăn ra khỏi chỗ ngồi nơi hàng ghế dành cho gia đình mục sư và nằm ngất xỉu trên sàn.

Bà vợ trưởng lão Clow là người đầu tiên đến chỗ cô bé. Bà đón cái thân hình bé bỏng gầy gò ấy từ vòng tay con bé Faith đang hoảng loạn, mặt trắng bệch, rồi đưa cô bé vào trong phòng áo lễ. Ông Meredith quên sạch bài thánh ca cũng như tất cả những thứ khác, chạy như phát điên đuổi theo cô bé. Giáo đoàn giải tán một cách trật tự hết mức có thể.

“Ôi, bà Clow,” Faith thở hắt ra, “Una chết rồi ạ? Chúng cháu đã giết chết em ấy rồi sao?”

“Con tôi bị làm sao thế?” người cha nhợt nhạt hỏi.

“Tôi nghĩ cô bé chỉ bị ngất thôi,” bà Clow nói. “Ôi, bác sĩ đây rồi, ơn Chúa.”

Gilbert nhận thấy muốn làm Una tỉnh lại thật không hề đơn giản chút nào. Anh phải chập vật xoay xở mất một lúc lâu thì cô bé mới mở mắt ra được. Rồi anh bế cô bé về nhà mục sư, theo sau là Faith đang khóc nức nở sau cơn hoảng loạn.

“Em ấy chỉ bị đói thôi ạ, chú biết đấy... hôm nay em ấy chẳng ăn gì hết... bọn cháu chưa ai ăn gì hết... bọn cháu đều đang nhịn đói.”

“Nhịn đói!” ông Meredith kêu lên, còn bác sĩ hỏi, “Nhịn đói?”

“Vâng ạ... để trừng phạt bản thân vì đã hát *Polly Wolly Doodle* trong nghĩa địa ấy ạ,” Faith đáp.

“Con ơi, cha đâu có muốn các con phải trừng phạt bản thân vì chuyện đó,” ông Meredith lo lắng nói. “Cha đã khiển trách các con một chút rồi... và các con đều ăn năn hối hận... và cha đã tha thứ cho các con rồi.”

“Vâng, nhưng bọn con phải bị trừng phạt ạ,” Faith giải thích. “Đây là quy tắc của bọn con... trong Câu lạc bộ Cư xử tốt của chúng con ấy ạ.. nếu chúng con làm bất cứ chuyện gì sai trái, hoặc bất cứ chuyện gì có khả năng làm tổn hại hình ảnh của cha trong giáo đoàn, chúng con sẽ *phải* tự trừng phạt mình. Chúng con đang tự dạy dỗ bản thân, cha biết đấy ạ, vì chẳng còn ai khác làm điều đó cả.”

Ông Meredith rên lên, nhưng bác sĩ đang ngồi bên Una bèn đứng dậy, vẻ nhẹ nhõm.

“Vậy là đứa trẻ này chỉ đơn giản là ngất vì đói thôi và cô bé chỉ cần một bữa ăn ngon lành tử tế? Nghe chuyện Faith vừa kể thì tôi nghĩ tốt hơn hết tất cả mấy đứa trẻ đều cần ăn gì đó, nếu không chúng ta sẽ có thêm mấy ca bị ngất nữa đấy.”

“Có lẽ đáng nhẽ ra chúng cháu không nên bắt Una nhịn đói,” Faith tự trách. “Ngẫm cho kỹ thì đáng lẽ chỉ có Jerry và cháu là đáng bị phạt. *Chúng cháu* đã nảy ra ý tưởng tổ chức buổi hòa nhạc và chúng cháu là anh cả chị cả.”

“Em cũng hát *Polly Wolly* y như các anh chị mà,” Una cất giọng yếu ớt, “vậy nên em cũng phải bị phạt.”

Bà Clow bước vào, cầm theo cốc sữa, Faith, Jerry và Carl lên ra chỗ chạn thức ăn còn ông John Meredith vào phòng làm việc, ngồi ở đó một lúc lâu trong bóng tối, một mình gặm nhấm những suy nghĩ cay đắng. Vậy ra các con ông đang tự dạy dỗ bản thân bởi vì “chẳng có ai khác làm việc đó”... chật vật vùng vẫy giữa những rắc rối trẻ con của mình mà chẳng hề có một bàn

tay giúp đỡ hay một giọng nói khuyên bảo nào. Cùm từ được Faith vô tình thốt ra như một mũi tên có ngạnh giầy vò trái tim của cha con bé. “Chẳng có ai” chăm lo cho bọn trẻ... chẳng có ai an ủi tâm hồn bé bỏng của chúng và chăm sóc cơ thể bé nhỏ của chúng. Nằm ngất bao nhiêu lâu ở đó trên cái trường kỷ ở phòng áo lễ, trông Una mới mong manh làm sao chứ! Hai bàn tay bé xíu của cô bé mới gầy guộc làm sao, khuôn mặt nhỏ bé mới nhợt nhạt đến nhường nào! Nhìn cô bé, cứ như thể chớp mắt một cái, cô sẽ trôi tuột đi cách xa ông – Una bé bỏng ngọt ngào ấy, cô bé đã được Cecilia cầu xin ông hãy đặc biệt để tâm chăm sóc đến ấy. Kể từ sau cái chết của vợ, ông chưa từng cảm thấy cái nỗi đau thắt gan thắt ruột như khi ông đứng nhìn xuống cô con gái bé bỏng đang mất hết tri giác của mình. Ông phải làm một điều gì đó... nhưng điều gì mới được? Ông có nên hỏi cưới Elizabeth Kirk không nhỉ? Cô là một phụ nữ tốt bụng... cô sẽ đối xử tử tế với các con ông. Có lẽ ông đã buộc mình làm như thế thật, nếu không phải ông vẫn đang dành tình yêu cho Rosemary West. Nhưng trừ phi đã bóp chết được tình yêu đó, còn không thì ông chẳng cách nào có thể tìm một người phụ nữ khác về làm vợ. Mà ông thì chẳng thể bóp chết được nó – ông đã cố nhưng không thành công. Tối hôm đó, Rosemary cũng có mặt ở nhà thờ, lần đầu tiên kể từ khi cô ở Kingsport về. Ông đã thoáng nhìn thấy khuôn mặt cô phía cuối nhà thờ đông đúc, đúng lúc ông vừa kết thúc bài giảng. Trái tim ông đập thành thịch như trống dồn. Ông cứ ngồi thế, đầu gục xuống, các mạch máu giãn giật, trong khi ca đoàn hát thánh ca quỳên góp. Ông đã không gặp cô kể từ buổi tối cầu hôn cô. Khi ông đứng dậy bắt nhịp bài thánh ca, hai bàn tay ông run lẩy bẩy, khuôn mặt tái nhợt ửng hồng. Đúng lúc đó, Una bị ngất, tâm trí công nhất thời trống rỗng. Giờ đây, trong bóng tối và nỗi cô đơn của phòng làm việc, nó đột ngột quay trở lại. Rosemary là người phụ nữ duy nhất trên thế giới này dành cho ông. Ông có nghĩ đến việc cưới bất kỳ người nào khác làm vợ thì cũng chẳng ích lợi gì. Cho dù có vì con cái thì ông cũng không thể làm một hành động báng bổ như thế. Ông đành phải một mình gồng gánh cái gánh nặng của mình thôi... ông phải cố gắng trở thành một người cha tốt hơn, chu đáo hơn... ông

phải khuyên nhủ các con chó có sợ hãi mà không dám đến tâm sự với ông hết thấy những vấn đề vật vãnh của chúng. Rồi sau đó, ông tắt đèn, cầm lên một cuốn sách mới đồ sộ khơi dậy những mâu thuẫn trong thế giới thần học. Ông sẽ đọc một chương để bình tâm lại. Năm phút sau, ông đã hoàn toàn quên mất thế giới trần tục cùng những rắc rối của nó.

29. Câu chuyện kỳ quái

Thung Lũng Cầu Vòng giữa một buổi chiều tà đầu tháng Sáu quả là một chốn thú vị không cách nào tả xiết và bọn trẻ cảm nhận rõ điều đó trong lúc ngồi ở khoảng rừng thưa thoáng đãng, trong tiếng chuông tinh nghịch rung vang trên Cây Tình Nhân còn Tiểu Thư Trắng thì đang lúc lắc mái tóc màu xanh lục. Gió cười rộn ràng và huýt vang quanh bọn trẻ y như một người bạn triu mến chân thành. Đám dương xỉ non tươi rói trong vùng lòng chảo. Cây anh đào đại mọc rải rác khắp thung lũng, xen giữa đám linh sam sẫm màu, nở hoa trắng xóa như sương. Bầy chim cổ đỏ riu rít giữa những tán phong sau mái nhà Bên Ánh Lửa. Đằng sau nhà, trên các con dốc làng Glen, những vườn cây ăn quả đang nở rộ hoa, khoe vẻ đẹp diệu kỳ, ngọt ngào và huyền bí, nửa khuất nửa lộ trong bóng chiều chạng vạng. Lúc này đương độ mùa xuân và những sinh vật trẻ trung *ắt hẳn* đều thấy hân hoan giữa mùa xuân. Chiều tối hôm đó, trong Thung Lũng Cầu Vòng, tất cả bọn trẻ đều đắm chìm trong bầu không khí hân hoan vui sướng, cho đến khi Mary Vance kể chuyện về hồn ma của Henry Warren, làm cả bọn sợ hết hồn hết vía.

Lúc ấy, Jem không có mặt ở đó. Giờ các buổi chiều Jem đều ở trên căn gác xép nhà Bên Ánh Lửa bận rộn học tập chuẩn bị cho kỳ thi đầu vào. Jerry đang ở phía dưới hồ câu cá hồi. Walter đang đọc cho bọn trẻ nghe các bài thơ biển cả của Longfellow và cả bọn đều đắm chìm vào vẻ đẹp và sự huyền bí của những con tàu. Rồi bọn trẻ bàn chuyện lớn lên chúng sẽ làm gì, chúng định du hành tới những miền đất nào, sẽ chiêm ngưỡng những bờ biển xinh đẹp xa xăm ở chốn nao. Nan và Di dự định tới châu Âu.

Walter thiết tha mơ đến dòng sông Nile đang than van chảy qua những đụn cát Ai Cập, khao khát được thoáng nhìn bóng dáng nhân sư. Faith có phần rầu rĩ tuyên bố chắc nó sẽ phải trở thành một người truyền giáo – bà già Taylor đã bảo con bé nên làm nghề ấy nhưng trước lúc đó thì ít nhất con bé sẽ ngắm nhìn Ấn Độ hoặc Trung Quốc, những miền đất phương Đông huyền bí. Trái tim Carl thì đang hướng về những cánh rừng rậm châu Phi. Una không nói gì. Cô bé nghĩ cô sẽ chỉ muốn được ở nguyên tại nhà. Nơi đây tươi đẹp hơn bất kỳ chốn nào khác. Thật kinh khủng biết bao nếu tất cả bọn chúng đều trưởng thành và tản mát khắp các nơi trên thế giới. Cái ý nghĩ ấy khơi dậy trong Una cảm giác cô đơn và nhớ nhà da diết. Nhưng đám trẻ còn lại vẫn hân hoan chìm trong cơn mơ, cho tới khi Mary Vance xuất hiện và hết thảy những thơ mộng mơ màng lập tức tan biến hết.

“Ôi trời, chị thở không ra hơi rồi đây,” con bé kêu lên. “Chị vừa vắt chân lên cổ mà chạy xuống dưới đồi. Chị đã bị dọa cho một trận khiếp vía ở trên đó chỗ nhà Bailey cũ.”

“Chị sợ cái gì vậy?” Di hỏi.

“Chị chịu. Chị đang mò mẫm dưới mấy bụi tử đinh hương trong khu vườn cũ, thử tìm xem liệu có bông linh lan nào không. Ở đó tối như hũ nút ấy... rồi bất thành linh chị nhìn thấy có cái gì đó cựa quậy sột soạt bò ở đầu bên kia vườn, chỗ mấy bụi anh đào. Nó màu trắng. Phải nói là chị không dám dừng lại nhìn thêm lần nữa. Chị phi hết tốc lực vọt qua bờ tường. Chị dám chắc đó là hồn ma của Henry Warren.”

“Henry Warren là ai?” Di hỏi. “Và tại sao ông ấy lại phải có một hồn ma?” Nan hỏi.

“Ôi trời, các em chưa nghe kể bao giờ à? Ấy vậy mà các em đã lớn lên ở Glen cơ đấy. Chà, đợi một tí để chị thở đã, rồi chị kể cho mà nghe.”

Walter run lên vì phấn khích. Cậu thích các câu chuyện ma. Sự huyền bí của chúng, bầu không khí kịch tính cùng tính kỳ quái của chúng khơi dậy trong cậu một niềm vui thích tột độ

nhuộm màu sợ hãi. Longfellow lập tức trở nên nhặt nhẻo tâm thường. Cậu ném cuốn sách sang một bên và vươn người dậy, chống hai khuỷu tay để dồn hết tâm trí lắng nghe câu chuyện, đôi mắt sáng long lanh dán vào mặt Mary. Mary ước gì cậu đừng nhìn nó như thế. Con bé cảm thấy nó có thể kể câu chuyện ma hay hơn nhiều nếu không bị Walter quan sát. Con bé có thể làm điệu làm bộ, thêm mắm dặm muối một vài chi tiết nhằm làm gia tăng độ ghê rợn. Trên thực tế, con bé đành phải bám vào sự thật trần trụi – hoặc cái sự thật mà con bé đã được nghe kể.

“Chà” con bé bắt đầu, “các em biết vợ chồng lão Tom Bailey đã sống ở ngôi nhà đó ba mươi năm về trước rồi đấy. Nghe nói ông ta là một lão già rất đáng sợ và vợ ông ta cũng chẳng khá khẩm hơn là bao. Họ không có con ruột, nhưng một người chị của lão Tom qua đời, để lại một đứa con trai nhỏ tuổi – chính là Henry Warren này đây – và vợ chồng lão đã nhận nuôi anh ta. Khi đến nhà họ, anh ta khoảng mười hai tuổi, thuộc dạng còi cọc mảnh khảnh. Người ta kể là ngay từ ban đầu vợ chồng lão Tom đã đối xử với anh ta không ra gì – đánh đập và bỏ đói anh ta. Theo lời dân làng, hai vợ chồng lão chỉ muốn anh ta chết đi để họ có thể chiếm lấy món tiền còm mà bà mẹ để lại cho anh ta. Henry không chết sớm, nhưng anh ta bắt đầu lên cơn – người ta gọi là động kinh – và anh ta cứ thế dần lớn lên, cho tới khi chừng mười tám tuổi. Bác anh ta thường đánh anh ta trong khu vườn trên đó, vì nó nằm phía sau nhà nên không ai có thể nhìn thấy anh ta. Nhưng dân làng vẫn nghe thấy các âm thanh và người ta bảo rằng, đôi khi, họ rợn cả người khi nghe thấy chàng trai Henry tội nghiệp van nài ông bác đừng giết mình. Nhưng chẳng ai dám can thiệp vì lão Tom là đồ vô lại và chắc chắn sẽ trả đũa họ theo cách nào đấy. Lão ta từng đốt kho thóc của một người ở Cửa Vịnh vì đã chọc tức lão. Cuối cùng, Henry chết và vợ chồng ông bác tuyên bố anh ta chết vì một cơn động kinh và người ta chỉ được biết có thế, nhưng ai cũng cho rằng cuối cùng Tom đã nổi sát tâm và kết liễu tính mạng anh ta. Rồi chẳng bao lâu sau đó, Henry bắt đầu *hiện hồn*. Khu vườn cũ đó đã *bị ma ám*. Đêm đêm, người ta vẫn nghe thấy tiếng anh ta ở đó, rên rỉ khóc than. Vợ

chồng lão Tom đã bỏ đi – về miền Tây và chẳng bao giờ quay trở lại. Chỗ đó đã bị mang tai tiếng như thế, thành ra chẳng ai dám mua hay thuê. Bởi vậy nó mới đổ nát như thế. Chuyện xảy ra đã ba mươi năm rồi, nhưng hồn ma Henry Warren vẫn đang ám nơi này.”

“Chị tin chuyện đó à?” Nan khinh khỉnh hỏi. “*Em* thì không đâu.”

“Chắc, *nhiều* người đã nhìn thấy anh ta rồi... và nghe thấy anh ta nữa,” Mary phản bác. “Người ta bảo anh ta xuất hiện và nằm rạp trên mặt đất, tóm lấy chân ta, lấp bấp rên rỉ y như hồi còn sống. Chị nhớ đến chuyện đó ngay khi nhìn thấy cái thứ màu trắng xuất hiện trong bụi rậm và đã nghĩ rằng nếu nó mà tóm lấy chị như thế rồi rên rỉ than van thì chị sẽ ngã lặn ra chết ngay tại chỗ mất. Vậy nên chị chạy vội đi ngay. *Có thể* đó không phải là hồn ma của anh ta, nhưng chị sẽ chẳng chơi trò mạo hiểm với một vụ ma ám đâu.”

“Rất có thể đó là con bê trắng của bà cụ Stimson đấy,” Di cười phá lên. “Nó vẫn ăn cỏ trong khu vườn đó mà... em từng nhìn thấy thế rồi.”

“Có lẽ vậy. Nhưng chị sẽ không đi về qua đường vườn nhà Bailey nữa đâu. Jerry mang một xâu tướng cá hồi về kìa, đến lượt chị nấu chúng rồi. Cả Jem lẫn Jerry đều bảo chị là đầu bếp xuất sắc nhất ở Glen đấy. Và bà Cornelia đã cho phép chị mang mẻ bánh quy tới. Nhưng chị đã làm rơi hết sạch lúc nhìn thấy hồn ma của Henry rồi.”

Jerry huýt sáo chế giễu khi nghe câu chuyện ma này – đã được Mary kể lại lần nữa trong lúc rán cá, có thêm thất chút xiu vì Walter đã đi giúp Faith dọn bàn. Câu chuyện chẳng gây được ấn tượng gì với Jerry, nhưng Faith, Una và Carl đều thán sợ hãi cực kỳ, dù chúng sẽ không bao giờ thừa nhận điều đó. Chừng nào mấy đứa kia vẫn đang ở cùng chúng trong thung lũng thì tất cả đều ổn thỏa cả; nhưng khi bữa tiệc đã kết thúc và những cái bóng bắt đầu đổ xuống, ba đứa trẻ không khỏi run cả người khi

nhớ lại câu chuyện. Jerry đã tới nhà Bên Ánh Lửa cùng đám trẻ nhà Blythe để hỏi Jem chuyện gì đó, còn Mary Vance đã vòng tránh đường cũ đi về nhà. Vậy nên chỉ có Faith, Una và Carl quay về nhà mục sư. Chúng đi nép sát vào nhau, tránh xa khu vườn cũ nhà Bailey. Tất nhiên, chúng không tin nơi đó bị ma ám, nhưng kể cả có thể thì chúng cũng sẽ không bén mảng lại gần đó.

30. Con ma trên bờ tường

Chẳng hiểu sao, Faith, Carl và Una không thể rũ bỏ được nỗi ám ảnh mà câu chuyện về hồn ma Henry Warren đã khơi dậy trong trí tưởng tượng của chúng. Bọn trẻ chẳng bao giờ tin trên đời có ma. Chúng đã nghe vô khối chuyện ma – Mary Vance từng kể một vài chuyện còn rợn tóc gáy hơn thế này nhiều, nhưng những câu chuyện ấy đều kể về những vùng đất, những con người và ma quỷ ở cách đây rất xa và chẳng biết được đây là đâu. Sau khi cơn rừng mình kinh hãi vừa đáng sợ vừa kích thích lúc ban đầu đã qua đi, bọn trẻ không còn nghĩ về chúng nữa. Nhưng câu chuyện này thì bám theo chúng về tới tận nhà. Khu vườn Bailey cũ gần như ở ngay trên ngưỡng cửa nhà chúng, gần như ở ngay trong Thung Lũng Cầu Vòng yêu dấu của chúng. Bọn trẻ đã đi qua đi lại khu vườn ấy không biết bao nhiêu lần, chúng đã tìm hoa trong đó, chúng đã đi tắt qua đó khi muốn đi thẳng từ làng tới thung lũng. Nhưng từ giờ thì không bao giờ nữa! Sau cái buổi tối Mary Vance kể câu chuyện khủng khiếp về khu vườn ấy, dù có chết bọn trẻ cũng nhất định không chịu băng qua hoặc lai vãng gần nơi này. Chết ư! Cái chết có là gì đâu nếu đem so với cái khả năng đáng sợ là sẽ bị rơi vào nanh vuốt của hồn ma Henry Warren đang bò lổm ngổm?

Một buổi chiều tà tháng Bảy ẩm áp, ba đứa trẻ đang ngồi dưới Cây Tình Nhân, hơi thấy cô đơn. Tối đó, chẳng có ai khác đến gần thung lũng. Jem Blythe đang ở Charlottetown, hoàn thành các bài thi tuyển sinh. Jerry và Walter Blythe đã dong buồm dạo chơi trên cảng cùng thuyền trưởng già Crawford. Nan, Di, Rilla và Shirley đã xuống đường cảng chơi với Kenneth và Persis Ford

– hai người bạn đang theo cha mẹ ghé thăm chớp nhoáng Ngôi Nhà Mơ ước nhỏ bé ngày xưa. Nan đã rủ Faith đi cùng nhưng Faith từ chối. Mặc dù không bao giờ chịu thừa nhận nhưng con bé vẫn âm thầm cảm thấy hơi ghen tị với Persis Ford vì đã nghe kể rất nhiều đến nhan sắc diễm lệ và nét quyến rũ thành thị của cô nàng. Không, con bé sẽ không xuống dưới đó và làm nền cho bất cứ ai. Con bé và Una bèn mang truyện tới đọc ở Thung Lũng Cầu Vòng, trong khi Carl nghiên cứu đám sâu bọ dọc theo bờ suối và cả ba đứa trẻ đều hết sức vui vẻ cho tới khi đột nhiên nhận ra trời đã ngả bóng và khu vườn Bailey cũ đang ở ngay bên cạnh, chẳng hề dễ chịu chút nào. Carl đến ngồi sát vào hai chị em. Cả ba đứa trẻ đều ước giá như chúng đã trở về nhà sớm hơn một chút, nhưng chẳng đứa nào nói gì hết.

Những đám mây nhưng khổng lồ màu tím cuộn dần lên nơi chân trời phía Tây và lan ra phủ khắp trên thung lũng. Trời lặng gió và vạn vật chìm trong bầu không khí tĩnh lặng đột ngột, kỳ lạ và đáng sợ. Hàng nghìn con đom đóm giăng kín đầm lầy. Chắc hẳn tối đó, xứ thần tiên đang tổ chức một cuộc họp. Nói chung, tại thời điểm đó, Thung Lũng Cầu Vòng chẳng hề là một chốn bình yên.

Faith sợ hãi ngược mắt lên nhìn khu vườn Bailey cũ. Nếu trên đời này, máu người ta mà có thể đông lại được thành đá, thì chắc hẳn ngay vào lúc đó, máu Faith Meredith đã đông lại thật rồi. Carl và Una cũng dõi nhìn theo ánh mắt chăm chăm mù mịt của con bé và cơn ớn lạnh bắt đầu chạy dọc theo sống lưng cả hai. Ở đó, dưới gốc cây thông rụng lá cao lớn mọc trên bờ tường đổ nát cỏ mọc um tùm quanh vườn Bailey, là một thứ gì đó màu trắng – một màu trắng không rõ hình thù trong bóng tối đang dần đậm đặc. Ba đứa trẻ nhà Meredith ngồi nhìn chăm chăm như bị hóa đá.

“Nó... nó là... con bê đấy.” Una cuối cùng cũng thì thầm.

“Nó... mà là bê... thì to... quá,” Faith thì thầm. Cả miệng lẫn môi con bé đều khô khốc, đến độ nó gần như không thốt nổi nên lời.

Đột nhiên Carl thở hỗn hển, “Nó đang tiến đến đây kìa.”

Hai đứa con gái tuyệt vọng liếc nhìn nhau. Đúng vậy, nó đang bò lổm ngổm trên bờ tường, mà chưa từng có con bê nào bò như thế và chúng cũng chẳng biết bò. Cơ hoảng loạn đột ngột, vượt quá tầm kiểm soát đã xua lý trí chạy mất tăm. Trong một thoáng, cả ba đứa trẻ đều tin tưởng chắc chắn thứ chúng nhìn thấy chính là hồn ma của Henry Warren. Carl đứng phắt dậy là lao vụt đi chẳng còn biết trời trăng gì hết. Đồng thanh kêu ré lên một tiếng, hai chị em gái chạy bám theo thằng bé. Bọn trẻ phi như điên lên trên đồi, băng qua đường, vào trong nhà mục sư. Lúc chúng rời nhà, bà Martha đang ngồi khâu trong bếp. Giờ bà không có mặt ở đó. Bọn trẻ chạy như bay vào trong phòng làm việc. Phòng tối đen, không một bóng người. Trong cơn bốc đồng, bọn trẻ quay ngoắt lại tìm đường đến Bên Ánh Lửa – nhưng không phải đường băng qua Thung Lũng Cầu Vòng. Được nỗi kinh hoàng chấp cánh, bọn trẻ chạy xuống dưới đồi, xuyên qua đường chính làng Glen, Carl dẫn đầu, Una chặn hậu. Chẳng ai tìm cách ngăn chúng lại, mặc dù ai nhìn thấy cảnh ấy cũng đều băn khoăn không biết bọn trẻ nhà mục sư lại vừa nghĩ ra trò quái quỷ gì. Nhưng lúc đến cổng nhà Bên Ánh Lửa, bọn trẻ tình cờ gặp Rosemary West vừa tạt qua đây một lát để trả lại mấy cuốn sách mượn hồi trước.

Cô nhìn thấy những khuôn mặt thất thần cùng ba đội mắt trợn trừng của bọn trẻ. Cô nhận ra cho dù căn nguyên là gì đi chăng nữa thì ba đứa trẻ bé bỏng tội nghiệp cũng đều đã bị dọa cho mất mật. Cô giơ tay này ra tóm lấy Carl còn tay kia thì túm Faith lại. Una loạng choạng lao bổ vào cô và tuyệt vọng bám chặt lấy cô.

“Các cháu yêu quý, có chuyện gì thế?” cô hỏi. “Cái gì khiến các cháu sợ hãi đến vậy?”

“Con ma Henry Warren ạ,” Carl trả lời, hai hàm răng va vào nhau lập cập.

“Con ma... Henry... Warren!” Rosemary – chưa từng nghe chuyện này – ngạc nhiên thốt lên.

“Vâng ạ,” Faith hoảng loạn nức nở. “Nó ở đó đấy ạ... trên bờ tường nhà Bailey... chúng cháu đã nhìn thấy nó... và nó bắt đầu... đuổi theo chúng cháu.”

Rosemary lừa cả ba đứa trẻ đang thất thần ấy tới chỗ hiên nhà Bên Ánh Lửa. Cả Gilbert và Anne đều cũng đã đi thăm Ngôi Nhà Mơ ước rồi, nhưng bà Susan đã xuất hiện trên ngưỡng cửa, cúi kính, thực tế và không hề giống ma chút nào.

“Cái gì mà om sòm cả lên thế này?” bà hỏi.

Bọn trẻ hỗn hển kể lại câu chuyện đáng sợ một lần nữa, trong khi Rosemary kéo chúng lại gần và trấn an chúng bằng sự an ủi không lời.

“Có khi nó là một con cú thôi,” bà Susan nói, chẳng hề dao động.

Một con cú! Sau nhận xét này thì bọn trẻ nhà Meredith chẳng bao giờ có thể đánh giá cao trí thông minh của bà Susan nữa.

“Nó to hơn cú cả triệu lần ấy,” Carl sụt sịt nói – ôi, màn sụt sịt này đã khiến cho Carl trong tương lai phải xấu hổ đến nhường nào kia chứ – “và nó... nó *bò lồm ngồm* y như chị Mary đã nói... và nó đã bò xuống khỏi bờ tường để bắt bọn cháu. Bọn cú có *bò* không ạ?”

Rosemary nhìn bà Susan.

“Chúng hẳn đã nhìn thấy thứ gì đó nên mới sợ đến thế,” cô nói.

“Để tôi đi xem,” bà Susan lạnh lùng nói. “Nào, các cháu, bình tĩnh lại đi. Cho dù các cháu có nhìn thấy gì thì cũng không phải ma đâu. Về phần Henry Warren tội nghiệp, bà tin chắc một khi đã đến được với ngôi mộ thanh bình của mình rồi, cậu ta sẽ vô cùng sẵn lòng được yên nghỉ trong đó. Không cần sợ cậu ta táo gan quay trở lại đâu, và các cháu có thể tin chắc như vậy. Nếu cô

có thể thuyết phục bọn chúng biết phân biệt đúng sai, cô West ạ, thì tôi sẽ tìm hiểu cho ra chuyện này thực chất là sao.”

Bà Susan lên đường tới Thung Lũng Cầu Vòng, quả quyết túm lấy một cái chìa đang dựa vào hàng rào sau nhà, nơi anh bác sĩ từng làm việc trên bãi cỏ khô nhỏ của mình. Một cái chìa có lẽ không có nhiều tác dụng nếu muốn chống “ma ám”, nhưng nó là một món vũ khí đáng an tâm. Lúc đến được Thung Lũng Cầu Vòng, bà Susan chẳng nhìn thấy gì hết. Chẳng có vị khách màu trắng nào đang lớn vồn trong khu vườn tối tăm lộn xộn nhà Bailey cũ. Bà Susan phăm phăm đi xuyên qua khu vườn và vượt qua cả đấy, gõ nhẹ cái chìa lên cánh cửa ngôi nhà nhỏ nằm phía bên kia, nơi bà Stimson cùng hai cô con gái đang sinh sống.

Còn ở nhà Bên Ánh Lửa, Rosemary đã xoa dịu được bọn trẻ. Chúng vẫn hơi nức nở do cơn choáng váng, nhưng đã bắt đầu nảy ra một mối hoài nghi âm thầm, bổ ích, rằng có lẽ chúng đã thần hồn nát thần tính mà thôi. Mối hoài nghi này được củng cố chắc chắn khi bà Susan cuối cùng cũng quay trở lại.

“Bà đã phát hiện ra con ma của các cháu là cái gì rồi,” bà nói, mỉm cười tươi rói, ngồi xuống cái ghế bập bênh và tự quạt cho mình. “Bà già Stimson đã phơi hai cái ga tẩy trắng ở vườn nhà Bailey cả tuần nay rồi. Bà ta trải chúng trên bờ tường, bên dưới gốc cây thông rụng lá, vì có ở đó sạch sẽ và mọc thấp. Tối nay bà ta ra lấy chăn vào. Tay còn bận cầm món đồ len đang đan nên bà ta phải vắt hai tấm ga lên vai thì mới mang đi được. Rồi lúc đó, hắn bà ta đã đánh rơi một que kim đan và không thể tìm ra nó ở đâu, đến giờ vẫn chưa tìm thấy. Nhưng bà ta đã quỳ xuống bò xung quanh tìm cái kim đan, rồi đúng lúc đó, bà ta nghe thấy những tiếng la hét đáng sợ vang lên từ trong thung lũng và nhìn thấy ba đứa trẻ đang học tốc phi lên đồi chạy qua trước mắt bà ta. Bà ta nghĩ chúng đã bị thứ gì đó cắn và trái tim già nua tội nghiệp của bà ta bị chấn động mạnh đến độ bà ta không thể nhúc nhích hay há miệng nói nên lời, mà cứ giữ nguyên tư thế lom khom đó cho tới khi bọn trẻ biến mất. Rồi bà ta chân thắp chân cao trở về nhà và kể từ lúc đó vẫn chưa dịu được cơn kinh

hải, tim bà ta thì vẫn đang rất yếu và bà ta bảo cho dù hết cả hè thì bà ta cũng chưa thể vượt qua được nỗi hoảng sợ này.”

Bọn trẻ nhà Meredith ngồi đó, mặt đỏ dừ, đến cả thái độ cảm thông đầy thấu hiểu của Rosemary cũng chẳng đủ giúp chúng xua đi cảm giác xấu hổ. Chúng len lén trở về nhà, gặp Jerry ngay cổng nhà mục sư và ăn năn thú nhận lỗi lầm. Một cuộc họp của Câu lạc bộ Cư xử tốt được bố trí tổ chức vào sáng hôm sau.

“Hôm nay cô West đối xử với chúng mình dịu dàng nhỉ?” Faith thì thầm trên giường.

“Vâng,” Una thừa nhận. “Thật đáng tiếc là việc trở thành mẹ kế sẽ làm người ta thay đổi quá mức.”

“Chị không tin chuyện đó đâu,” Faith nói, trung thành với niềm tin của mình.

31. Carl hành xác để sám hối

“Em chẳng hiểu tại sao bọn em lại đáng bị phạt nữa,” Faith nói, hơi sững sủa. “Bọn em đâu có làm gì sai. Bọn em đâu thể kìm nén sợ hãi được. Thêm nữa chuyện đó cũng đâu gây hại gì cho cha. Nó chỉ là tai nạn thôi mà.”

“Các em là kẻ hèn nhát,” Jerry nói với giọng khinh thường mang ý khiển trách, “và các em đã để lộ sự hèn nhát của mình. Chính bởi vậy, các em đang bị trừng phạt. Mọi người sẽ cười nhạo các em vì chuyện này và nó chính là nỗi hổ nhục đối với gia đình ta.”

“Giá anh biết được toàn bộ chuyện này đáng sợ đến thế nào,” Faith nói, rùng mình, “thì anh thế nào cũng cho rằng bọn em vốn đã nhận đủ sự trừng phạt rồi. Cho dù có đánh đôi bất cứ thứ gì trên đời thì em cũng không đời nào đi xuyên qua đó lần nữa đâu.”

“Em tin chắc nếu có mặt ở đó thì anh cũng sẽ chạy bán sống bán chết thôi,” Carl lầm bầm.

“Để trốn một bà già khoác ga trải giường,” Jerry giễu cợt. “Hố, hố, hố!”

“Trông nó chẳng giống một bà già chút xíu nào đâu,” Faith kêu lên. “Nó chỉ là một thứ màu trắng to lớn khổng lồ, đang bò lổm ngổm trên bãi cỏ giống y như chị Mary Vance tả Henry Warren. Anh cứ việc cười cho đã, Jerry Meredith, nhưng nếu có mặt ở đó thì anh sẽ chẳng nhếch miệng cười nổi đâu. Vậy bọn em phải chịu phạt như nào đây? Em không nghĩ thế là công

bằng, nhưng cứ cho bọn em biết bọn em phải làm gì đi, thưa ngài thẩm phán Meredith!”

“Theo như anh thấy,” Jerry cau mày nói, “thì Carl là người phải chịu trách nhiệm nhiều nhất. Theo anh hiểu, nó là người bỏ chạy trước tiên. Thêm nữa, nó là con trai, nên đáng lý ra, nó phải đứng ra bảo vệ hai cô gái các em, cho dù có nguy hiểm gì đi chăng nữa. Em biết rõ điều đó mà, phải không Carl?”

“Chắc vậy ạ,” Carl lầm bầm, vẻ xấu hổ.

“Rất tốt. Đây sẽ là hình phạt dành cho em. Tối nay, em sẽ phải ngồi một mình trong nghĩa địa trên bia mộ của ông Hezekiah Pollock, cho tới mười hai giờ đêm.”

Carl khẽ rùng mình. Nghĩa địa chỉ cách khu vườn nhà Bailey cũ một quãng ngắn. Đây là một thử thách cam go. Nhưng Carl nóng lòng mong được xóa bỏ nỗi hổ thẹn và chứng tỏ mình hoàn toàn không phải kẻ hèn nhát.

“Được ạ,” thằng bé nói giọng kiên quyết. “Nhưng làm sao em biết đã đến mười hai giờ hay chưa?”

“Cửa sổ phòng làm việc vẫn mở và em sẽ nghe tiếng đồng hồ điểm chuông. Nhớ là em không được nhấc chân rời khỏi đó cho tới khi tiếng chuông đồng hồ cuối cùng đã điểm nhé. Còn về hai cô gái, các em không được ăn mứt vào bữa tối trong suốt một tuần.”

Faith và Una có vẻ thất thần. Theo lối tư duy của chúng thì thậm chí nỗi thống khổ đau ác liệt nhưng tương đối ngắn ngủi của Carl hẳn vẫn là hình thức trừng phạt nhẹ hơn so với cái thử thách dài lê thê này. Trọn một tuần ăn bánh mì nhão nhoét mà không có món mứt để mà bù đắp! Nhưng câu lạc bộ không cho phép trốn tránh hình phạt. Hai cô gái chấp nhận số phận với thái độ bình thản hết mức có thể.

Tối đó, cả đám lên giường đi ngủ đúng giờ, chỉ trừ Carl, đang thức canh trên ngôi mộ. Una len lén ra nghĩa địa để chúc thằng

bé ngủ ngon. Trái tim nhân hậu của cô bé nhói đau vì thương cảm.

“Ôi, Carl, chắc em phải sợ lắm nhỉ?” cô bé thì thầm. “Không một chút xíu nào luôn,” Carl ung dung đáp.

“Chị sẽ không chợp mắt một giây nào, cho tới tận sau mười hai giờ,” Una nói. “Nếu thấy cô đơn quá, em chỉ cần nhìn lên phòng bọn chị và nhớ rằng chị đang ở trong phòng, vẫn thức và đang nhớ đến em. Như thế phần nào cũng giống như em vẫn đang có bầu có bạn, phải không?”

“Em sẽ ổn cả thôi. Chị không cần lo lắng cho em đâu,” Carl nói.

Nhưng dần nói năng ra vẻ can đảm như thế, Carl vẫn không khỏi cảm thấy hơi cô đơn khi ánh đèn trong nhà mục sư đã tắt hết. Thằng bé những mong cha nó sẽ ở trong phòng làm việc như thường lệ. Vậy thì nó sẽ không thấy cô đơn. Nhưng tối đó, ông Meredith lại bị gọi đến làng chài ở Cửa Vịnh để thăm một người đang hấp hối. Khả năng cao khi ông quay về thì đã quá nửa đêm. Carl đành phải một mình cam chịu số mệnh.

Một người dân làng Glen đi qua, cầm theo một cây đèn xách tay. Những bóng đen huyền bí do ánh đèn tạo ra điên cuồng sấn sổ trên nghĩa địa, như thể một bầy quỷ hay phù thủy đang nhảy múa. Rồi chúng khuất khỏi tầm nhìn và bóng tối lại bao trùm. Ánh đèn trong làng Glen lần lượt tắt mất. Đêm đó, trời tối đen như mực, mây giăng kín trời, một cơn gió trái mùa lạnh căm căm từ phía Tây thổi tới mang theo cái lạnh buốt giá. Tít phía cuối đường chân trời, những ánh đèn rực rỡ ở Charlottetown thấp thoáng khi tỏ khi mờ. Gió rên rỉ, thổi dài thườn thượt giữa những tán linh sam cổ thụ. Tấm bia tưởng niệm vươn cao của ông Alec Davis lơ mờ bóng trắng trong màn đêm đen kịt. Cây liễu bên cạnh nó vung những cánh tay dài ngoằng vẫy vẫy đầy ma mị. Thỉnh thoảng, chuyển động xoay tròn của đám cành cây mang lại cảm giác như thể chính tấm bia tưởng niệm cũng đang di chuyển.

Carl cuộn mình trên phiến bia mộ, hai cẳng chân co lại bên dưới người. Thật tình, chẳng dễ chịu chút nào nếu cứ để hai chân vắt vẻo bên ngoài mép phiến đá. Cứ thử tưởng tượng... chỉ là tưởng tượng tượng thôi... hai bàn tay xương xẩu thò ra ngoài ngôi mộ của ông Pollock bên dưới và túm lấy hai mắt cá chân thằng bé. Đây là một trong những giả định mà Mary Vance từng phẩn khởi đặt ra vào một lần cả bọn đang ngồi ở đó. Giờ cái ý tưởng đó đã quay lại ám ảnh Carl. Thằng bé không tin vào những chuyện này, nó thậm chí không thật lòng tin vào sự tồn tại của con ma Henry Warren. Về phần ông Pollock, ông ta vốn đã chết được sáu mươi năm rồi nên không có nhiều khả năng ông ta thêm bận tâm đến việc bây giờ ai đang ngồi trên bia mộ của mình. Nhưng vẫn thật kỳ lạ và đáng sợ biết bao cái cảnh một mình ta còn thức trong khi cả thế giới đều đang say ngủ. Khi ấy ta chỉ còn lại một mình, chẳng thể trông chờ vào bất kỳ thứ gì khác ngoài cái tôi yếu đuối của chính mình để chống chọi lại sự thống trị hùng cường cùng sức mạnh vĩ đại của bóng tối. Carl mới có mười tuổi, trong khi người chết nhan nhản xung quanh... và thằng bé chỉ ước gì, ôi, thằng bé chỉ ước gì đồng hồ điểm mười hai tiếng chuông đi. Có phải nó sẽ *chẳng bao giờ* điểm mười hai tiếng? Chắc chắn bà Martha đã quên vặn đồng hồ rồi.

Rồi đúng lúc đó, đồng hồ điểm mười một tiếng... chỉ có mười một tiếng! Thằng bé phải ở lại giữa chốn đáng sợ này thêm một tiếng đồng hồ nữa. Giá như có thể nhìn thấy vài ba vì sao thân thiết! Bóng tối dày đặc đến độ dường như đè hắt lên khuôn mặt thằng bé. Những âm thanh tựa như tiếng bước chân rón rén vang lên trên khắp nghĩa địa. Carl run rẩy, phần vì nỗi sợ đang râm ran khắp châu thân, phần vì cái giá lạnh trong không khí. Rồi trời bắt đầu đổ mưa – cơn mưa phùn buốt giá, lạnh căm căm. Cái áo sơ-mi và áo bông nhỏ mỏng manh của Carl chẳng mấy đã ướt sũng. Thằng bé cảm thấy lạnh đến thấu xương. Sự chật vật của thể xác đã khiến thằng bé quên biến nỗi sợ hãi trong lòng. Nhưng thằng bé vẫn phải ở lại đây cho tới mười hai giờ... nó đang thực hiện hình phạt và nó được tin tưởng là sẽ thực hiện một cách nghiêm túc. Chẳng ai từng dă động gì đến chuyện trời

mưa – nhưng nói hay không thì cũng chẳng có gì khác cả. Khi chiếc đồng hồ trong phòng làm việc cuối cùng cũng điểm mười hai tiếng, một bóng hình bé nhỏ ướt sũng nước mưa khó nhọc rón rén leo xuống khỏi phiến bia mộ của ông Pollock, lần mò tìm đường vào nhà và leo lên tầng, về giường. Hai hàm răng Carl đánh vào nhau lập cập. Thằng bé tưởng chừng như mình sẽ không bao giờ còn cảm thấy ấm áp được nữa.

Đến sáng hôm sau thì thằng bé đã thấy ấm áp tương đối rồi. Jerry giật mình nhìn khuôn mặt đỏ phùng phùng của đứa em và lao vội đi gọi cha mình. Ông Meredith vội vã đi đến, mặt vẫn đang tái nhợt sau cả đêm dài thức canh bên giường người chết. Mãi tới rạng sáng nay ông mới về nhà. Ông lo lắng cúi mình trên cậu con trai bé bỏng.

“Con ốm à, Carl?” ông hỏi.

“Phiến bia mộ... đó... ở kia kìa,” Carl nói, “nó đang... di chuyển... nó... đang... đến... gần... Con... xin... hãy... đuổi... nó... đi.”

Ông Meredith vội lao đến chỗ điện thoại. Mười phút sau, bác sĩ Blythe đã có mặt tại nhà mục sư. Nửa tiếng đồng hồ sau đó nữa, một bức điện tín đã được gửi tới thị trấn cho một y tá lành nghề, và cả làng Glen đều biết rằng Carl Meredith bị viêm phổi nặng và rằng đã có người nhìn thấy anh bác sĩ Blythe lắc đầu.

Gilbert đã lắc đầu không chỉ một lần trong hai tuần tiếp theo đó. Bệnh của Carl đã trở nặng lên thành chứng viêm cả hai bên buồng phổi. Có một tối, ông Meredith đi đi lại lại suốt đêm trong phòng làm việc, Faith và Una ôm lấy nhau mà khóc trong phòng, còn Jerry, hồi hận đến phát điên, nhất định không chịu nhấc chân rời khỏi hành lang bên ngoài cửa phòng Carl. Bác sĩ Blythe và cô y tá túc trực cả ngày lẫn đêm bên giường thằng bé. Họ kiên cường chiến đấu với tử thần cho tới tận khi bình minh rạng rỡ và họ đã giành chiến thắng. Carl đã bình phục và qua cơn nguy hiểm. Những cuộc điện thoại được gọi đi khắp nơi, thông báo cho dân làng Glen vẫn đang ngóng chờ tin tức và mọi

người nhận ra họ mới thật lòng yêu quý mục sư và con cái của ông biết bao nhiêu.

“Ta chưa từng có một đêm ngon giấc kể từ lúc nghe tin đứa trẻ đó bị ốm,” cô Cornelia nói với Anne, “còn Mary Vance thì khóc suốt cho tới tận khi đôi mắt kỳ lạ của con bé trông chẳng khác gì hai cái lỗ cháy sém trên một cái chăn vậy. Có thực là Carl đã bị viêm phổi vì đã nhận lời thách đố mà lang thang trong nghĩa địa vào cái tối rét mướt đó không vậy?”

“Không đâu ạ. Cậu bé ở ngoài đó để tự trừng phạt mình vì đã tỏ ra hèn nhát trong vụ con ma Warren. Có vẻ như bọn trẻ đã lập một câu lạc bộ để tự dạy dỗ bản thân và chúng tự trừng phạt mình mỗi khi làm chuyện gì sai. Jerry đã kể hết với ông Meredith về chuyện đó rồi.”

“Tội nghiệp bọn nhỏ,” cô Cornelia nói.

Carl hồi phục sức khỏe nhanh chóng, vì giáo đoàn đã mang tới nhà mục sư các thứ đồ bồi bổ đủ dùng cho cả một bệnh viện. Ông Norman Douglas tối nào cũng đánh xe đến mang theo một chục trứng tươi kèm theo một hũ kem Jersey. Thỉnh thoảng ông ở lại chừng một tiếng đồng hồ, sang sang tranh cãi về thuyết thiên định với ông Meredith trong phòng làm việc; còn thường thì ông sẽ đánh xe lên trên ngọn đồi trông xuống làng Glen.

Khi Carl đã đủ khỏe để quay trở lại Thung Lũng Cầu Vòng, bọn trẻ đã tổ chức một bữa tiệc đặc biệt vinh danh cậu và ông bác sĩ cũng đến đó, giúp bọn chúng đốt pháo hoa. Mary Vance cũng có mặt, nhưng không kể bất kỳ câu chuyện ma nào. Cô Cornelia đã quạu con bé một trận về chủ đề đó, đủ khiến cho Mary chẳng dễ gì mà quên đi được.

32. Hai kẻ cứng đầu

Trên đường về nhà sau buổi dạy nhạc ở Bên Ánh Lửa, Rosemary West rẽ vào con suối bí mật trong Thung Lũng Cầu Vồng. Cô đã không đến đây suốt cả mùa hè; chốn nhỏ xinh đẹp này đã không còn sức quyến rũ đối với cô nữa. Giờ linh hồn chàng người yêu trẻ tuổi của cô không bao giờ còn đến đây hẹn hò nữa; còn những ký ức liên quan đến John Meredith thì quá đau khổ và chua xót. Nhưng cô đã tình cờ liếc mắt về phía sau ngược lên thung lũng và thấy Norman Douglas nhẩy qua bờ tường đá cũ bao quanh vườn nhà Bailey nhẹ nhàng như một chàng thanh niên và chắc hẳn ông đang trên đường lên đồi. Nếu ông bắt kịp cô thì thế nào cô cũng phải đi bộ về nhà cùng ông, mà cô thì không muốn thế chút nào. Vậy là cô lập tức lén vào đằng sau mấy cây phong bên bờ suối, hy vọng ông không nhìn thấy cô và cứ thế vượt qua thôi.

Nhưng Norman đã nhìn thấy cô và, hơn thế nữa, còn đuổi theo cô. Ông vẫn muốn lựa lúc nào đó nói chuyện với Rosemary, nhưng có vẻ như cô luôn tìm cách tránh mặt ông. Rosemary chưa bao giờ, dù là xưa hay nay đi chăng nữa, dành nhiều cảm tình cho Norman Douglas. Cách nói to tiếng, tính nóng nảy, phong cách vui nhộn ồn ã của ông luôn khiến cô thấy khó chịu. Hồi xa xưa, cô vẫn thường băn khoăn không biết làm sao bà Ellen lại bị ông hấp dẫn. Norman Douglas nhận thức rõ ràng thái độ không ưa của cô và lấy thế làm khoái trá. Norman chẳng bao giờ phiền lòng để ý xem người khác có thích ông ta hay không. Thậm chí ông ta còn chẳng buồn tỏ thái độ không thích cho có đi có lại, vì ông coi đó như một dạng khen ngợi miễn

cưỡng. Ông vẫn cho rằng Rosemary là một cô gái tốt và ông vẫn nuôi ý định sẽ trở thành một người anh rể xuất sắc, hào phóng của cô. Nhưng trước khi có thể trở thành anh rể cô thì ông phải trò chuyện với cô được đã, vậy nên, khi nhìn thấy cô đang rời khỏi nhà Bên Ánh Lửa đúng lúc ông đứng ở ngưỡng cửa một hàng tạp hóa ở làng Glen, ông bèn lập tức lao xuống thung lũng để đuổi theo cô.

Rosemary đang trầm ngâm ngồi trên thân cây phong, nơi John Meredith từng ngồi vào buổi tối gần một năm về trước. Dòng suối nhỏ lờ mờ tỏa sáng, gợn sóng lăn tăn bên dưới viền lá dương xỉ đang phủ bóng trên mặt nước ven bờ. Những tia nắng hoàng hôn đỏ ối chiếu xuống xuyên qua cái mái vòm đan bằng những cành cây. Một khóm cúc tây tuyệt đẹp vươn cao mình ngay bên cạnh cô. Chốn nhỏ này đậm chất mộng ảo, đầy mê hoặc và xa lánh nhân gian chẳng kém gì nơi trú ẩn của những nàng tiên và những nữ thần rừng trong các khu rừng cổ kính. Norman Douglas bất thành linh phóng vọt vào trong nơi này, nhất thời phá tan nát sức mê hoặc của nó. Sự hiện diện của ông ta dường như đã nuốt trọn cả chốn này. Nơi đây chẳng còn lại gì ngoài Norman Douglas, gã đàn ông cao lớn, tự mãn, râu đỏ.

“Chào anh,” Rosemary lạnh lùng nói và đứng dậy.

“Chào cô gái. Cứ ngồi lại đi... ngồi lại đi. Tôi muốn nói chuyện với cô một lát. Ôi trời ơi, tại sao cái cô gái này cứ nhìn tôi như thế chứ? Tôi có định ăn thịt cô đâu, tôi đã ăn tối rồi. Ngồi xuống đi và cư xử cho lịch sự nào.”

“Đúng ở đây tôi vẫn có thể nghe rõ những điều anh muốn nói,” Rosemary đáp.

“Tất nhiên cô có thể nghe được, cô gái, nếu cô chịu lắng nghe. Tôi chỉ muốn cô được thoải mái thôi. Cô đứng chỗ đó có vẻ chẳng thoải mái khi gì cả. Chà, dù sao thì *tôi* cũng cứ ngồi xuống vậy.”

Vậy là ông Norman ngồi xuống đúng cái vị trí mà ông John Meredith từng ngồi lần trước. Sự tương phản khôi hài đến độ

Rosemary chỉ sợ cô sẽ phá lên cười sặc sụa mất. Ông Norman bỏ mũ sang bên cạnh, đặt hai bàn tay hồng hào to tướng lên trên đầu gối rồi ngược nhìn cô bằng đôi mắt sáng long lanh.

“Nào, cô gái, đừng có cứng đờ cả người ra như thế,” ông ta nói, vẻ lấy lòng. Nếu muốn, ông ta có thể rất biết cách lấy lòng.

“Chúng ta hãy chuyện trò một cách thân thiện, khôn ngoan và hợp lẽ nhé. Tôi muốn nhờ cô một việc. Ellen bảo cô ấy sẽ không hỏi cô, vậy nên tôi đành phải làm điều đó thôi.”

Rosemary nhìn xuống dòng suối lúc này dường như đã co lại chỉ bằng kích cỡ một hạt sương đêm. Ông Norman nhìn cô chăm chăm, vẻ tuyệt vọng.

“Chết tiệt thật, cô ít ra cũng có thể giúp đỡ người ta một chút chứ,” ông nói to.

“Anh muốn nhờ tôi chuyện gì?” Rosemary hỏi giọng khinh khỉnh.

“Cô cũng biết rõ chẳng kém gì tôi mà, cô gái. Đừng có trưng cái vẻ bi kịch ấy ra chứ. Chẳng trách Ellen sợ không dám hỏi cô. Nghe này, cô gái, Ellen và tôi muốn cưới nhau. Nói thế đủ đơn giản để hiểu từng câu từng chữ rồi chứ? Hiểu chứ? Và Ellen bảo rằng cô ấy không thể lấy tôi trừ phi cô cho phép cô ấy rút lại cái lời hứa ngớ ngẩn nào đó. Nào, cô sẽ cho phép chứ? Cô sẽ cho phép chứ?”

“Vâng.” Rosemary nói.

Ông Norman đứng bật dậy và siết chặt bàn tay đầy miễn cưỡng của cô.

“Tốt! Anh đã biết cô sẽ đồng ý mà... anh đã bảo Ellen là cô sẽ đồng ý mà. Anh đã biết sẽ chỉ mất một phút thôi. Nào, cô gái, giờ cô về nhà nói lại với Ellen đi nhé, rồi bọn anh sẽ tổ chức đám cưới trong hai tuần nữa sau đó cô sẽ đến sống cùng anh chị. Anh chị sẽ không để cô lại trên cái đỉnh đồi đó như một con quạ cô đơn đâu, đừng lo. Anh biết cô ghét anh, nhưng, trời ạ, hẳn là sẽ hay ho lắm khi được sống với một người vẫn mang lòng ghét bỏ

ta. Từ giờ trở đi, cuộc sống sẽ có thêm chút gia vị hấp dẫn rồi đây. Ellen sẽ sưởi ấm anh còn cô sẽ làm anh đông thành đá. Anh sẽ chẳng có lấy một giây phút tẻ nhạt nào.”

Rosemary không hạ cố nói với ông ta rằng không có bất kỳ điều gì có thể xui khiến cô đến sống trong nhà ông ta. Cô để kệ cho ông ta sai bước quay trở về làng Glen, phơi phới niềm vui mừng mãn nguyện, còn cô thì chậm chạp leo lên đồi trở về nhà. Cô đã biết chuyện này rồi sẽ đến, kể từ khi cô từ Kingsport về nhà và phát hiện ra Norman Douglas đã trở thành một vị khách thường xuyên ghé qua vào buổi tối. Cô và Ellen chưa từng nhắc đến tên ông ta, nhưng chính sự lảng tránh đó đã nói lên rất nhiều điều. Rosemary không phải tạng người dễ bị khơi lòng chua xót, nếu không thì cô hẳn sẽ phải thấy chua xót lắm. Cô đã đối xử với ông Norman bằng thái độ lịch sự hờ hững và cô chẳng hề tỏ thái độ gì khác với Ellen. Nhưng Ellen thì lại chẳng mấy dễ chịu khi cô được theo đuổi lần thứ hai.

Khi Rosemary về nhà, Ellen đang ở trong vườn, có St. George tháp tùng. Hai chị em gặp nhau trên lối đi trồng cây thuốc được. St. George ngồi trên con đường trải sỏi giữa hai chị em, u nhả cuộn cái đuôi màu đen bóng mượt quanh bốn cái chân màu trắng, toát lên vẻ lãnh đạm tuyệt đối của một con mèo được nuôi dưỡng chu đáo, ăn ngon ngủ tốt.

“Em có bao giờ nhìn thấy cây thuốc nào như thế này chưa?” Ellen hãnh diện hỏi. “Chúng là những cây thuốc đẹp nhất ta từng có đấy.”

Rosemary chẳng bao giờ quan tâm đến cây thuốc. Chúng hiện diện trong khu vườn này là nhờ cô chiều theo sở thích của Ellen. Cô để ý thấy một bông thuốc khổng lồ tạp sắc vừa vàng vừa đỏ vươn lên át hẳn số còn lại.

“Bông thuốc đó,” cô nói, chỉ về phía nó, “giống y hệt Norman Douglas. Để có khi nó chính là anh em sinh đôi của anh ta đấy.”

Khuôn mặt ngăm ngăm của Ellen đỏ bừng. Bà mê mẩn bông hoa thược dược vừa được nhắc đến đó, nhưng bà biết Rosemary thì không và câu nói vừa rồi chẳng hề mang hàm ý khen ngợi. Nhưng bà không dám tỏ ra phật ý trước câu nói của Rosemary – ngay tại thời điểm đó, Ellen tội nghiệp chẳng dám tỏ ra phật ý trước bất cứ điều gì. Và đây là lần đầu tiên Rosemary nhắc đến tên ông Norman với bà. Bà có cảm giác đây là một điềm báo.

“Em đã gặp Norman Douglas trong thung lũng,” Rosemary nói, nhìn thẳng người chị gái, “và anh ta bảo em rằng chị và anh ta muốn lấy nhau... nếu em cho phép chị làm thế.”

“Ừ? Vậy em nói sao?” Ellen hỏi, cố gắng giữ giọng tự nhiên, thoải mái, nhưng hoàn toàn thất bại. Bà không thể nhìn thẳng vào mắt Rosemary. Bà nhìn xuống tấm lưng bóng mượt của St. George, lòng cuộn lên cảm giác sợ hãi tột độ. Không biết Rosemary có đồng ý hay không nhỉ. Nếu cô đồng ý thì Ellen sẽ cảm thấy xấu hổ và hối hận vô cùng, chẳng thể vui vẻ dễ chịu trước ngày cưới; còn nếu cô không đồng ý... thế đấy, Ellen đã từng học được cách sống thiếu Norman Douglas, nhưng bà đã quên mất bài học ấy rồi và cảm thấy bà chẳng bao giờ có thể học nó lại lần nữa được.

“Em bảo theo như em thấy thì chị hoàn toàn tự do cưới hỏi miễn là chị muốn,” Rosemary đáp.

“Cảm ơn em,” Ellen nói, vẫn nhìn St. George. Khuôn mặt Rosemary dịu lại. “Em hy vọng chị hạnh phúc, Ellen,” cô dịu dàng nói.

“Ôi, Rosemary,” Ellen khổ sở nhìn lên, “chị xấu hổ quá... chị không xứng đáng được thế này... xét cho cùng chị đã từng bảo em...”

“Chúng ta không cần nhắc đến chuyện đó nữa,” Rosemary vội nói, giọng dứt khoát.

“Nhưng... nhưng,” bà Ellen vẫn kiên trì, “giờ em cũng tự do rồi... và vẫn chưa quá muộn đâu... John Meredith...”

“Ellen West!” Rosemary vẫn luôn giấu một tia tức giận mong manh bên dưới vẻ dịu dàng của mình và giờ nó lóe sáng trong đôi mắt màu xanh dương của cô. “Chị mất hết lý trí trên *mọi* phương diện rồi đấy à? Có phải chị vừa nảy ra cái ý tưởng là *em* sẽ tới gặp John Meredith và ngoan ngoãn nói, ‘Xin ngài, thưa ngài, tôi đã nghĩ lại rồi và thưa ngài, xin ngài, hy vọng ngài vẫn chưa thay đổi ý định của mình.’ Có phải chỉ muốn em làm vậy không?”

“Không... không đâu... nhưng một chút... động lực... ông ấy sẽ quay lại...”

“Không đời nào. Ông ấy khinh thường em... và cũng thích đáng thôi. Đừng nói về chuyện này nữa, Ellen. Em không oán giận gì chị hết... chị thích cưới ai thì cưới. Nhưng đừng can thiệp vào chuyện của em.”

“Vậy thì em phải chuyển đến sống cùng chị,” Ellen nói. “Chị sẽ không để em ở lại đây một mình đâu.”

“Chị thật tâm nghĩ là em sẽ chuyển đến sống trong nhà Norman Douglas đấy à?”

“Sao lại không?” Ellen kêu lên, có phần giận dữ, bất chấp nỗi hổ thẹn trong lòng.

Rosemary cười phá lên.

“Ellen, em nghĩ chị có khiếu hài hước đấy. Chị thấy có lý do để em làm thế à?”

“Chị chẳng thấy có lý do gì khiến em không làm thế. Nhà anh ấy đủ rộng mà... em sẽ có chỗ riêng... anh ấy sẽ không can thiệp gì.”

“Ellen, không cần nghĩ đến chuyện này làm gì. Đừng có nhắc đến chuyện này nữa.”

“Vậy thì,” Ellen nói, giọng lạnh lùng và kiên quyết, “chị sẽ không cưới anh ấy. Chị sẽ không bỏ em ở đây một mình. Chuyện này chỉ bàn đến đây thôi.”

“Vớ vẩn, Ellen.”

“Chẳng có gì vớ vẩn cả. Chị sẽ không thay đổi quyết định đâu. Em thật phi lý khi nghĩ đến chuyện sống ở đây một mình... cách xa hàng dặm với bất cứ ngôi nhà nào khác. Nếu em không chuyển đi với chị thì chị sẽ ở lại với em. Thế đấy, chị em ta sẽ không tranh cãi về vấn đề này, nên đừng cố lý luận làm gì.”

“Em sẽ để Norman nhận nhiệm vụ tranh cãi vậy,” Rosemary nói.

“Chị sẽ nói chuyện với Norman. Chị có thể xử lý *anh ấy*. Chị không bao giờ muốn xin em cho chị rút lại lời hứa... không bao giờ... nhưng chị phải cho Norman biết lý do chị không thể cưới anh ấy và *anh ấy* bảo anh ấy sẽ hỏi em. Chị không thể ngăn cản anh ấy được. Em không cần phải cho rằng em là người duy nhất trên đời có lòng tự trọng. Chị chưa bao giờ tưởng tượng đến cảnh lấy chồng rồi bỏ lại em ở đây một mình. Rồi em sẽ thấy, chị cũng có thể tỏ ra kiên quyết không kém gì em.”

Rosemary nhún vai, xoay người bỏ đi vào trong nhà. Bà Ellen nhìn xuống St. George, chú mèo chưa từng chớp mắt hay rung râu một lần nào trong suốt cuộc trao đổi vừa rồi.

“St. George ạ, thế giới này sẽ tẻ nhạt lắm nếu thiếu cánh đàn ông, ta phải thừa nhận như thế, nhưng ta gần như muốn ước rằng họ chẳng tồn tại trên đời. Cứ nhìn những rắc rối phiền phức mà họ gây ra ở đây mà xem, George... nhớ đến tận gốc rễ cuộc sống hạnh phúc ngày xưa của chúng ta, George ạ. John Meredith đã bắt đầu còn Norman Douglas đã kết thúc chuyện đó. Và giờ thì cả hai người họ đều phải vào trong miền quên lãng thôi. Norman là người duy nhất ta từng gặp đồng ý với ta rằng hoàng đế Đức là sinh vật nguy hiểm nhất đang sống trên cõi đời này... Ấy vậy nhưng ta chẳng thể lấy con người khôn ngoan này làm chồng được bởi vì em gái ta là người bướng bỉnh và ta còn bướng bỉnh hơn. Cứ nhớ lấy lời ta nhé, St. George, chỉ cần con bé nhấc cái ngón tay nhỏ bé của mình lên là ông mục sư sẽ quay lại thôi. Nhưng nó lại không làm thế, George ạ... nó sẽ chẳng bao

giờ làm thế... nó thậm chí sẽ chẳng thềm uốn ngón tay... mà ta thì chẳng dám can thiệp, George ạ. Ta sẽ không dẫn dắt gì, George ạ; Rosemary đã chẳng dẫn dắt gì, vậy nên ta quyết định ta cũng sẽ không, George ạ; Norman sẽ tức giận lắm cho xem, nhưng nói cho gọn, St. George ạ, tất cả mấy người già cả khờ dại chúng ta đừng có nghĩ gì đến chuyện cưới xin nữa. Ôi chao ơi, ‘nỗi tuyệt vọng là kẻ tự do, niềm hy vọng là tên nô lệ,’ George ạ. Vậy nên vào nhà thôi, George ạ, và ta sẽ giải buồn cho mày bằng một đĩa kem đầy ụ. Vậy thì ít nhất trên ngọn đồi này cũng có một sinh vật được hạnh phúc và mãn nguyện.”

33. *Carl không bị ăn roi*

“Chị nghĩ là có một chuyện chị cần phải kể với các em,” Mary Vance thần thần bí bí nói.

Con bé, Faith và Una đang khoác tay nhau đi bộ xuyên qua làng, sau khi tình cờ gặp gỡ ở cửa hàng tạp hóa của ông Flagg. Una và Faith trao cho nhau ánh mắt như muốn nói, “Giờ thì sắp có chuyện không mấy dễ chịu rồi đây.” Cứ khi nào Mary Vance cho rằng con bé nên kể cho cho chúng nghe chuyện gì thì thể nào chuyện đó cũng chẳng mấy khi dễ nghe cho lắm. Chúng thường băn khoăn không hiểu tại sao chúng vẫn không ngừng yêu quý Mary Vance – vì chúng quả thật vẫn luôn yêu quý con bé, cho dù có chuyện gì xảy ra đi nữa. Tất nhiên, nhìn chung con bé là một người bạn đồng hành thú vị và dễ mến. Giá như con bé đừng có áp ủ cái niềm tin vững chắc rằng mình phải có trách nhiệm kể với chúng mọi chuyện!

“Các em có biết rằng cô Rosemary West không cưới cha các em vì cô ấy nghĩ các em là bọn trẻ quá lâu lổng không? Cô ấy sợ sẽ không thể nuôi dạy các em nên người vậy nên cô ấy đã từ chối cha các em.”

Trái tim Una run lên một niềm hoan hỉ âm thầm. Cô bé rất mừng khi nghe nói cô West sẽ không cưới cha mình. Nhưng Faith thì có phần thất vọng.

“Làm sao chị biết?” con bé hỏi.

“Ôi, ai cũng đều nói thế cả. Chị đã nghe bà Elliott nói về chuyện đó với cô bác sĩ. Họ nghĩ chị ở quá xa không thể nghe thấy được, nhưng tai chị thính như tai mèo ấy chứ. Bà Elliott

bảo bà ấy chắc chắn cô Rosemary sợ không dám làm mẹ kế của các em vì các em tai tiếng đến thế cơ mà. Giờ cha các em không hề lên trên đời nữa. Cả ông Norman Douglas cũng vậy. Dân làng bảo bà Ellen đã phụ tình ông ta để trả đũa chuyện ông ta phụ tình bà ấy hồi xưa. Nhưng ông Norman thì đi khắp nơi tuyên bố ông ta sẽ thu phục được bà ấy. Và chị nghĩ là các em phải được biết các em đã phá hoại cuộc hôn nhân của cha các em và chị thấy điều đó thật đáng tiếc, vì ông ấy sẽ sớm phải lấy một ai đó thôi, mà cô Rosemary West sẽ là người vợ phù hợp nhất dành cho ông ấy mà *chị* biết.”

“Chị đã bảo em rằng tất cả các bà mẹ kế đều độc ác xấu xa mà,” Una nói.

“Ồ... chắc,” Mary nói, có phần bối rối, “gần như tất cả họ đều đồng bóng kinh khủng, chị biết. Nhưng cô Rosemary West chẳng thể đối xử quá tệ với bất kỳ ai được. Nói cho các em biết nhé, nếu cha các em mà đổi ý rồi cưới Emmeline Drew thì thế nào các em cũng sẽ ước gì mình đã cư xử tốt hơn để không dọa cô Rosemary phát sợ mà từ chối cuộc hôn nhân này. Thật kinh khủng biết bao bởi các em đã mang tai mang tiếng đến độ vì các em mà chẳng có người phụ nữ tử tế nào chịu cưới cha các em. Tất nhiên, chị biết trong số những chuyện người ta bàn tán về các em thì đến một nửa là không phải sự thật. Nhưng trăm năm bia đá cũng mòn, nghìn năm bia miệng vẫn còn trơ trơ. Này nhé, có một số người bảo rằng tối hôm nọ, chính Jerry và Carl đã ném đá qua cửa sổ nhà bà Stimson, trong khi thật ra là hai thằng con trai nhà Boyd đã làm đấy chứ. Nhưng chị e là chính Carl đã bỏ con lươn vào trong cỗ xe độc mã của bà già Carr, tuy nhiên ngay từ đầu chị đã nói là chị sẽ không tin chuyện đó trừ phi chị thấy có bằng chứng nào đó thuyết phục hơn là lời kể của bà già Kitty Alec. Chị đã bảo thẳng với bà Elliott như vậy đấy.”

“Carl đã làm gì cơ?” Faith kêu lên.

“Chắc, người ta bảo – này, nhớ nhé, chị chỉ đang kể lại cho các em nghe những gì mọi người nói thôi đấy, vậy nên các em có đổ lỗi cho chị thì cũng chẳng ích gì đâu – là một tối tuần vừa rồi,

Carl và cả một đám con trai khác đi câu lươn ở chỗ cầu. Bà Carr đánh cỗ xe độc mã cà tàng qua chỗ đó, thùng xe để mở. Và Carl đã đứng dậy, ném một con lươn to tướng vào trong thùng xe. Đúng lúc bà già Carr tội nghiệp đó đang đánh xe lên đồi, chỗ nhà Bên Ánh Lửa thì con lươn đó bò lổm ngổm ló ra giữa hai chân bà ta. Bà ta cứ tưởng đó là con rắn nên đã hét lên một tiếng kinh khủng khiếp rồi đứng bật dậy nhảy phắt ra khỏi xe. Con ngựa lao vọt đi, nhưng nó vẫn chạy về nhà và không có thiệt hại nào cả. Nhưng chân bà Carr thì nhức ghê gớm và kể từ khi đó, hễ cứ nghĩ tới lươn là bà ấy lại đau hết cả đầu. Này nhé, đùa cợt kiểu đó với cái bà già đáng thương ấy thì đúng là quá tệ hại. Dẫu trông có kỳ dị thế nào thì bà ấy vẫn là người tử tế.”

Faih và Una lại đưa mắt nhìn nhau. Đây là một vụ việc dành cho Câu lạc bộ Cư xử tốt. Chúng sẽ không bàn luận về chuyện này với Mary.

“Cha các em kìa,” Mary nói khi ông Meredith đi ngang qua chỗ mấy đứa, “và chẳng hề nhìn thấy chúng ta cứ như thể chúng ta không có mặt ở đây vậy. Chậc, chị đã quen rồi nên chẳng lấy gì làm phiền. Nhưng có nhiều người vẫn để ý đấy.”

Ông Meredith không nhìn thấy bọn trẻ, nhưng ông không bước đi trong trạng thái mơ màng lơ đãng quen thuộc. Ông sải bước lên đồi, lòng lo lắng, ngổn ngang trăm mối tơ vò. Bà Alec Davis vừa kể cho ông nghe chuyện về Carl và con lươn. Bà ta cực kỳ phần nộ về chuyện này. Bà già Carr là người họ hàng xa của bà ta. Nói ông Meredith phần nộ thì vẫn còn là nhẹ. Ông thấy choáng váng và cảm giác bị tổn thương. Trước nay, ông không hề nghĩ rằng Carl lại gây ra một chuyện gì như thế này. Ông không có khuynh hướng trừng phạt nghiêm khắc với những trò tinh nghịch do thói cầu thả hoặc lơ đãng, nhưng *chuyện này* thì khác. *Chuyện này* mang tính chất ác độc. Về đến nhà, ông thấy Carl đang ở bãi cỏ, kiên nhẫn nghiên cứu thói quen và tập tính của một bầy ong bắp cày. Ông Meredith gọi thẳng bé vào phòng làm việc rồi mặt giáp mặt với thằng bé, với vẻ nghiêm khắc mà

chưa đứa con nào từng chứng kiến ở ông, ông hỏi thằng bé câu chuyện có thật hay không.

“Đúng vậy ạ,” Carl trả lời, đỏ bừng mặt, nhưng vẫn dũng cảm nhìn thẳng vào mắt cha.

Ông Meredith rên lên. Ông đã hy vọng ít nhất câu chuyện cũng đã bị làm quá lên.

“Kể cho cha nghe toàn bộ câu chuyện đi,” ông nói.

“Đám con trai đang câu lươn trên cầu,” Carl nói. “Link Drew bắt được một con to không tưởng – ý con là một con to kinh khủng khiếp ấy ạ – con lươn to chưa từng thấy. Ngay lúc bắt đầu câu cậu ta đã bắt được nó rồi và nó nằm trong giỏ của cậu ta suốt một lúc lâu, hoàn toàn bất động. Con cứ tưởng nó đã chết rồi, thật đấy ạ. Đúng lúc đó bà Carr đánh xe đi qua cầu và bà ấy gọi bọn con là lũ trẻ ranh vô công rồi nghề và bảo bọn con về nhà đi. Lúc ấy bọn con không nói một lời nào với bà ấy cả, cha ạ, thật đấy. Vậy là khi bà ấy đánh xe quay trở lại, sau khi đã đến cửa hàng tạp hóa, mấy đứa con trai kia thách con bỏ con lươn của Link vào trong xe ngựa của bà ấy. Con cứ tưởng nó đã chết rồi nên sẽ chẳng thể gây hại gì cho bà ấy được, vậy là con bèn ném nó vào trong xe. Rồi lúc ở trên đồi con lươn đã sống lại và chúng con nghe tiếng bà ấy hét lên và nhìn thấy bà ấy nhảy ra ngoài xe. Con hồi hận kinh khủng. Chuyện là thế đấy, cha ạ.”

Câu chuyện không đến nỗi quá tệ như ông Meredith e sợ, nhưng dù sao thế cũng đủ tệ lắm rồi. “Cha buộc phải phạt con thôi, Carl,” ông âu sầu nói.

“Vâng, con biết, cha ạ.”

“Cha... cha phải cho con ăn roi thôi.”

Carl nhả mặt. Thằng bé chưa bị ăn roi bao giờ. Rồi, nhận thấy cha đang rất khổ tâm, nó vui vẻ nói, “Được ạ, thưa cha.”

Ông Meredith hiểu nhầm thái độ vui vẻ của thằng bé và nghĩ thằng bé thật vô tâm. Ông bảo Carl đến phòng làm việc sau bữa tối và khi thằng bé đã rời khỏi phòng, ông thả mình xuống ghế

và lại rên lên. Ông còn sợ hãi buổi tối ấy hơn Carl cả chục lần. Ông mục sư khốn khổ thậm chí còn chẳng biết nên lấy cái gì để đánh đứa con trai. Người ta thường lấy cái gì để quất bọn con trai nhỉ? Gậy à? Hay roi? Không, như thế thì tàn nhẫn quá. Thế thì một cành cây mềm vậy? Và ông John Meredith, phải cấp tốc vào rừng chặt lấy một cành. Cái ý tưởng đó thật ghê tởm làm sao. Rồi một hình ảnh tự động nảy bật ra trong tâm trí ông. Ông thấy khuôn mặt nhỏ nhon hoắt nhăn nheo của bà Carr khi nhìn thấy con lươn đang được hồi sinh ấy... ông nhìn thấy bà ta như một mụ phù thủy lao bắn ra qua mấy cái bánh xe độc mã. Chưa kịp ngăn mình lại thì ông mục sư đã cười phá lên. Rồi ông thấy bức bối với chính mình và còn bức với Carl hơn nữa. Ông đi kiếm cái cành cây mềm ấy ngay đây... và xét cho cùng, nó không được mềm quá.

Lúc này, Carl đang ở trong nghĩa địa, kể lại vụ việc này với Faith và Una, vốn vừa mới về đến nhà. Cả hai đứa trẻ đều phát hoảng trước cái ý tưởng Carl sẽ bị ăn roi... và lại là bởi cha chúng, người chưa từng làm điều đó bao giờ nữa chứ! Nhưng cả bọn đều nghiêm túc công nhận rằng hình phạt này là thích đáng.

“Em biết đó là một hành vi rất xấu mà,” Faith thở dài. “Vậy mà em chưa bao giờ thú nhận trong câu lạc bộ.”

“Em quên mất,” Carl nói. “Với lại, em không nghĩ chuyện đó sẽ gây ra tai hại gì. Em không biết bà ấy bị đau chân. Nhưng em đáng bị ăn roi và như thế mọi chuyện sẽ công bằng.”

“Liệu có đau... lắm không nhỉ?” Una nói, luồn tay vào bàn tay Carl.

“Ồ, không đau lắm đâu, em đoán thế,” Carl dững cảm nói. “Dù sao đi nữa, em cũng sẽ không khóc, cho dù có đau đến mức nào đi nữa. Em mà khóc thì cha sẽ đau lòng lắm. Giờ cha đã khổ sở lắm rồi. Em chỉ ước gì mình có thể tự quất cho mình một trận thật đau để cha khỏi phải làm điều đó.”

Sau bữa tối – Carl chỉ ăn chút xíu còn ông Meredith chẳng ăn được chút gì – hai cha con lẳng lặng vào trong phòng làm việc. Cành cây nằm trên bàn. Ông Meredith đã mất một khoảng thời gian khổ sở kiếm cho được một cành cây phù hợp. Ông cắt một cành, rồi lại cảm thấy nó mảnh dẻ quá. Carl đã gây ra một chuyện không thể biện hộ được. Vậy là ông cắt một cành cây khác, nhưng nó lại quá to. Xét cho cùng, Carl cứ tưởng con lươn đã chết rồi mà. Cành cây thứ ba phù hợp hơn, nhưng lúc nhắc nó lên khỏi bàn, ông lại cảm thấy nó dường như quá to quá nặng – giống một cây gậy hơn là một cành cây.

“Con giơ tay ra,” ông nói với Carl.

Carl ngả đầu ra sau và chìa tay ra, không hề tỏ ra nao núng. Nhưng thằng bé vẫn chưa lớn lắm và chẳng thể nào ngăn được nét sợ hãi ánh lên trong đôi mắt. Ông Meredith nhìn vào đôi mắt ấy... ôi chao, đây là đôi mắt của Cecilia... chính là đôi mắt của cô... và đôi mắt ấy hàm chứa đúng cái biểu cảm ông từng nhìn thấy trong mắt Cecilia khi cô đến nói cho ông nghe một điều gì đó cô vẫn hơi sợ phải nói với ông. Đôi mắt của cô đang ở đây, trên khuôn mặt nhỏ nhắn trắng bệch của Carl... và sáu tuần trước đây, trong suốt một đêm khủng khiếp dài bất tận, ông đã tưởng đứa con bé bỏng của ông sắp rơi vào vòng tay tử thần.

John Meredith ném cái cành cây xuống. “Đi đi,” ông nói. “Cha không thể đánh con được.”

Carl chạy tới nghĩa địa, cảm thấy vẻ mặt cha mình còn khiến nó đau đớn hơn bất kỳ trận đòn roi nào.

“Xong nhanh vậy cơ à?” Faith hỏi. Con bé và Una vẫn đang nắm tay, nghiêng rặng trên phiến bia mộ của ông Pollock.

“Cha... cha không hề đánh em,” Carl nức nở nói. “Và... em ước gì cha đã đánh... ở trong nhà cha đang thấy đau lòng lắm đấy.”

Una len lén rời đi. Cô bé thiết tha mong muốn được an ủi cha mình. Lặng lẽ như một chú chuột nhắt màu xám, cô bé mở cửa phòng làm việc và rón rén bước vào. Căn phòng chìm trong

bóng tối giữa buổi chiều tà. Cha cô bé đang ngồi bên bàn làm việc. Ông xoay lưng về phía cô bé... đầu gục vào hai bàn tay. Ông đang nói chuyện một mình... những lời lẽ thống khổ, vụn vỡ... nhưng Una đã nghe thấy... nghe thấy và thấu hiểu, với một thứ ánh sáng đột ngột chiếu rọi lên tâm trí của đứa trẻ nhạy cảm mồ côi mẹ. Vẫn lặng lẽ y như lúc vào trong phòng, cô bé lén ra ngoài, đóng cửa lại. Ông John Meredith vẫn tiếp tục giải bày nỗi đau của mình, trong cảnh cô độc mà ông những tưởng không hề bị quấy rầy.

34. *Una ghé thăm đôi*

Una lên trên gác. Carl và Faith đã đang trên đường xuyên qua ánh trăng non tới Thung Lũng Cầu Vòng, sau khi nghe thấy từ đó vẳng đến tiếng đàn môi du dương của Jerry và đoán rằng mấy anh em nhà Blythe đang tụ tập vui vẻ ở đó. Una không muốn đi. Ban đầu, cô bé về phòng riêng, ngồi xuống giường khóc một hồi. Cô bé không muốn bất cứ ai đến thay thế vị trí người mẹ yêu dấu của mình. Nhưng cha cô bé đang khổ sở đến tuyệt vọng... và nếu có thể làm được bất kỳ điều gì giúp cho cha mình hạnh phúc hơn, cô bé sẽ *phải* làm điều đó. Chỉ có duy nhất một điều cô bé có thể làm được... và ngay cái thời khắc rời khỏi phòng làm việc, Una đã biết cô bé sẽ phải làm điều đó. Nhưng để làm được điều đó thì thật khó khăn làm sao chứ.

Sau khi đã khóc cho thỏa, Una lau nước mắt rồi tiến tới phòng dành cho khách. Căn phòng tối om và hơi ám mùi ẩm mốc, vì rèm không được kéo lên và cửa sổ cũng không được mở ra từ lâu lắm rồi. Bà Martha không phải người thích bầu không khí trong lành. Nhưng vì chẳng ai từng nghĩ đến chuyện phải đóng kín bất kỳ cánh cửa nào trong nhà mục sư nên điều này cũng chẳng thành vấn đề cho lắm, chỉ trừ khi có một ông mục sư bất hạnh nào đó đến ở qua đêm và buộc phải hít thở bầu không khí trong căn phòng dành cho khách.

Trong phòng dành cho khách có một phòng kho và tít cuối phòng kho, có treo một cái váy lụa màu xám. Una bước vào trong phòng kho rồi đóng cửa lại, quỳ gối xuống và áp mặt lên những nếp vải lụa mềm mại. Đây từng là chiếc váy cưới của mẹ cô bé. Chiếc váy vẫn tỏa ra một mùi hương ngọt ngào, thoang

thoảng, đầy ám ảnh, giống như tình yêu vẫn đang lưu luyến. Bất cứ khi nào ở trong này, Una đều cảm thấy vô cùng gần gũi mẹ... như thể cô bé đang quỳ bên chân mẹ, ngả đầu vào lòng mẹ. Thỉnh thoảng, mỗi khi cuộc sống quá khó khăn, cô bé lại tới đây.

“Mẹ ơi,” cô bé thì thầm với chiếc váy lụa màu xám, “con sẽ không bao giờ quên mẹ, mẹ ạ, và con sẽ *mãi mãi* yêu mẹ nhất trên đời. Nhưng con phải làm điều này thôi, mẹ ạ, vì cha khổ sở quá chừng. Con biết mẹ sẽ không muốn cha phải khổ sở. Và con sẽ ngoan ngoãn với cô ấy, mẹ ạ, và sẽ cố gắng yêu quý cô ấy, cho dù cô ấy có giống như chị Mary Vance vẫn bảo, rằng bà mẹ kế nào cũng sẽ đều như thế.”

Mang theo một nguồn sức mạnh thiêng liêng, cao quý, Una rời khỏi cái điện thờ bí mật của mình. Đêm đó, cô bé ngủ ngon giấc, những vệt nước mắt vẫn lấp lóa trên khuôn mặt nhỏ nhắn, ngọt ngào, nghiêm trang.

Chiều ngày hôm sau, cô bé mặc chiếc váy diện nhất, đội cái mũ đẹp nhất của mình. Cả váy lẫn mũ đều đã mòn sần tương đối. Mùa hè đó, mọi cô gái nhỏ khác trong làng Glen đều đã được sắm váy áo mới, chỉ trừ Faith và Una. Mary Vance có một chiếc váy thêu màu trắng bằng vải gai mịn rất đẹp, kèm khăn thắt lưng bằng lụa đỏ và vai thắt nơ. Nhưng hôm nay, Una không bận tâm đến trang phục hoàng xính của mình. Cô bé chỉ muốn ăn mặc thật gọn gàng. Cô bé rửa mặt kỹ càng. Cô bé chải mái tóc đen cho tới khi nó mượt mà như lụa. Cô bé cẩn thận thắt dây giày, sau khi đã mạng hai vết xước dài trên đôi tất đẹp. Cô bé muốn đánh xi đen cho đôi giày, nhưng chẳng tìm thấy chút xi nào. Cuối cùng, cô bé rón rén rời khỏi ngôi nhà mục sư, đi xuống băng qua Thung Lũng Cầu Vòng, đi lên xuyên qua cánh rừng đang thăm thĩ, rồi ra khỏi rừng, bước vào con đường chạy qua ngôi nhà trên đồi. Quãng đường đi bộ khá dài và tới lúc lên đến nơi thì Una đã mệt mỏi và nóng sức cả người.

Nhìn thấy cô Rosemary West đang ngồi bên một gốc cây trong vườn, Una bèn len lén băng qua thảm hoa thược dược, đi tới chỗ cô. Cô Rosemary đang để một cuốn sách trong lòng,

nhưng cô thì cứ nhìn xa xăm về phía bên kia cảng, tâm trí chìm trong sầu muộn. Đạo gần đây, cuộc sống trong ngôi nhà trên đồi chẳng mấy dễ chịu. Ellen không tỏ ra dằn dỗi – bà vốn là người rộng lượng. Nhưng có nhiều điều dẫu chẳng bao giờ được nói ra nhưng vẫn có thể cảm nhận được và thỉnh thoảng, sự im lặng giữa hai người phụ nữ lại hàm chứa nhiều ý nghĩa đến độ khó lòng chịu đựng nổi. Biết bao điều thân thuộc ngày xưa từng có thời mang lại sự ngọt ngào cho cuộc sống thì giờ đây lại nhuộm vị cay đắng. Norman Douglas cũng thỉnh thoảng lại bùng nổ, hết đe nẹt rồi lại ngon ngọt dỗ dành Ellen. Rosemary tin rằng chuyện này rồi sẽ kết thúc bằng cái viễn cảnh một ngày nào đó, ông lôi được Ellen đi và Rosemary cảm thấy cô hẳn sẽ gần như vui mừng lắm khi chuyện ấy xảy ra. Đến lúc đó, cuộc sống hẳn sẽ cô đơn khủng khiếp, nhưng nó sẽ không còn chôn trong mình cả một khối thuốc nổ nữa.

Một bàn tay rút rề khẽ chạm lên vai, gọi cô thoát khỏi dòng suy tưởng không mấy dễ chịu. Quay lại nhìn, cô nhận ra Una Meredith.

“Ôi, Una, cháu yêu, cháu đã đi bộ lên đây trong tiết trời nóng nực như này đây à?”

“Vâng ạ,” Una nói. “Cháu đến để... cháu đến để...”

Nhưng cô bé nhận ra thật khó có thể nói lên thành lời mục đích mình đến đây. Cô bé không thể cất giọng lên nổi nữa... đôi mắt cô đong đầy nước mắt.

“Chao ôi, Una, cô gái bé bỏng, có chuyện gì vậy? Đừng sợ, cứ nói cô nghe xem nào.”

Rosemary quàng tay ôm lấy thân hình bé nhỏ gầy gò ấy và kéo cô bé lại gần mình. Đôi mắt cô đẹp quá... sự đụng chạm của cô âu yếm quá, giúp Una khơi dậy được lòng dũng cảm.

“Cháu đến... để xin cô... hãy cưới cha cháu,” cô bé thở hổn hển.

Rosemary im phăng phắc mất một lúc, chết lặng không cất nổi nên lời. Cô chăm chăm nhìn Una, ánh mắt trống rỗng.

“Ôi, xin cô đừng giận, cô West yêu quý,” Una khấn nài. “Cô biết đấy, mọi người đều bảo rằng cô không chịu cưới cha cháu vì chúng cháu hư quá. Cha cháu *khổ sở* vì chuyện ấy lắm. Vậy nên cháu nghĩ cháu sẽ đến gặp cô, để nói cho cô biết rằng chúng cháu không bao giờ *cố tình* hư đốn đâu ạ. Và nếu cô cưới cha cháu, tất cả chúng cháu sẽ cố gắng ngoan ngoãn và cô bảo gì chúng cháu cũng sẽ cố gắng làm theo như thế. Cháu *tin chắc* cô sẽ không gặp phiền phức gì với chúng cháu đâu ạ. *Xin cô đấy ạ*, cô West.”

Rosemary gấp rút suy nghĩ. Cô hiểu ra, những lời đồn đoán truyền từ miệng người này sang miệng người khác đã tiêm nhiễm vào đầu Una một ý tưởng sai lầm. Cô phải hoàn toàn chân thành, thẳng thắn với đứa trẻ này.

“Una, cháu yêu,” cô dịu dàng nói. “Cô không thể làm vợ cha các cháu không phải vì những đứa trẻ tội nghiệp các cháu đâu. Cô chưa bao giờ nghĩ như thế. Các cháu không hư... Cô chưa bao giờ cho rằng các cháu là những đứa trẻ hư. Có... có một lý do hoàn toàn khác, Una ạ.”

“Cô không thích cha chúng cháu ạ?” Una hỏi, ngược đôi mắt nhuộm vẻ trách móc. “Ôi, cô West, cô không biết cha cháu tốt như thế nào đâu ạ. Cháu chắc chắn cha sẽ là một người chồng *tốt* của cô.”

Dẫu đang trong tâm trạng bối rối, khổ sở, Rosemary không thể kiềm chế được mà vẫn nhếch môi nở một nụ cười thấp thoáng.

“Ôi, cô đừng cười, cô West,” Una xúc động kêu lên. “Chuyện đó đã khiến cha cháu đau lòng *khủng khiếp* đấy ạ.”

“Cô nghĩ cháu đã hiểu nhầm rồi, cháu yêu,” Rosemary nói.

“Không đâu ạ. Cháu *chắc chắn* cháu không hiểu nhầm đâu ạ. Ôi, cô West ơi, hôm qua cha đã định đánh Carl... Carl đã rất hư...

nhưng cha không thể xuống tay được vì cô biết đấy, cha không quen phạt roi ai. Vậy nên khi Carl ra khỏi nhà và kể với chúng cháu rằng cha đang rất buồn, cháu đã lẻn vào phòng làm việc để xem liệu cháu có giúp gì được cho cha không... cha *thích* được cháu an ủi, cô West ạ... nhưng cha không nghe thấy tiếng cháu vào phòng và cháu đã nghe thấy những lời cha nói. Cháu sẽ kể cho cô nghe, cô West, nếu cô cho phép cháu thì thắm vào tai cô.”

Una hăm hở thì thắm. Mặt Rosemary đỏ lựng lên. Vậy ra John Meredith vẫn quan tâm. Ông đã không thay đổi suy nghĩ. Và nếu ông nói như thế, vậy thì ắt hẳn ông phải quan tâm sâu sắc lắm, quan tâm hơn mức cô vẫn tưởng nhiều. Cô ngồi im một lát, vuốt tóc Una. Rồi cô nói, “Cháu chuyển giùm cô một bức thư ngắn tới cho cha cháu được không, Una?”

“Ôi, cô sẽ cưới cho cháu chứ ạ, cô West?” Una háo hức hỏi.

“Có lẽ... nếu ông ấy thật lòng muốn thế,” Rosemary đáp, lại đỏ mặt lần nữa.

“Cháu mừng lắm... cháu mừng lắm,” Una dững cảm nói. Rồi cô bé ngược mắt lên nhìn, đôi môi run run. “Ôi, cô West, cô sẽ không khiến cho cha chúng cháu chống lại chúng cháu chứ ạ... Cô sẽ không khiến cho cha ghét bỏ chúng cháu chứ ạ?” cô bé tha thiết van xin.

Rosemary lại trợn mắt nhìn lần nữa.

“Una Meredith! Cháu nghĩ cô sẽ làm một chuyện như thế được sao? Cái gì đã nhét ý tưởng đó vào đầu cháu thế?”

“Chị Mary Vance bảo các bà mẹ kế đều như thế cả... và rằng tất cả họ đều ghét con riêng và sẽ làm cho cha chúng ghét bỏ chúng... chị ấy bảo họ không thể làm khác được... khi trở thành mẹ kế, họ sẽ bị biến thành như thế...”

“Đứa trẻ tội nghiệp! Ấy vậy nhưng cháu vẫn đến đây đề nghị cô cưới cha cháu, bởi vì cháu muốn ông ấy được hạnh phúc? Cháu đúng là một đứa trẻ đáng quý... một anh hùng... đúng như chị Ellen hẳn sẽ nói đấy, cháu là người rộng lượng. Nào,

nghe cô nói này, nghe cho thật kỹ nhé, cháu yêu quý. Mary Vance là một cô bé ngờ nghệch chưa hiểu rõ sự đời và cô bé ấy đã nhầm lẫn khủng khiếp về một số điều. Cô sẽ không bao giờ mơ tưởng đến việc cố gắng khiến cho cha các cháu chống lại các cháu. Cô sẽ hết lòng yêu thương tất cả các cháu. Cô không muốn thay thế vị trí của mẹ các cháu... Cô ấy hẳn vẫn phải luôn hiện diện trong trái tim các cháu. Nhưng cô cũng không có ý định trở thành một bà mẹ kế. Cô muốn trở thành một người bạn, người giúp đỡ, *người bạn thân thiết* với các cháu. Cháu không thấy chuyện đó thật hay ho sao, Una... nếu như cháu, Faith, Carl và Jerry có thể nghĩ về cô như một người bạn thân thiết vui vẻ tốt bụng... một người chị cả?”

“Ôi, thế thì sẽ tuyệt lắm ạ,” Una kêu lên, mặt rạng rỡ. Cảm xúc dâng trào, cô bé ôm chầm lấy cổ Rosemary. Cô bé hạnh phúc quá đôi, cảm giác như thể sắp vỗ cánh bay lên được.

“Những người còn lại... Faith và hai anh em trai của cháu có cùng quan điểm với cháu về chuyện mẹ kế không?”

“Không ạ. Chị Faith chẳng bao giờ tin chị Mary Vance cả. Cháu cũng ngạc nhiên kinh khủng mới đi tin lời chị ấy. Chị Faith quý cô lắm ạ... chị ấy đã yêu quý cô kể từ hồi Adam tội nghiệp bị ăn thịt. Còn anh Jerry và Carl thì thế nào cũng thấy chuyện này thật hay ho. Ôi, cô West, khi cô đến sống cùng chúng cháu, cô sẽ... liệu cô có thể... dạy cháu nấu ăn... một chút... và may vá... và... và... và dạy cháu làm việc được không ạ? Cháu chẳng biết gì cả. Cháu sẽ không gây phiền phức nhiều lắm đâu ạ... cháu sẽ cố gắng học thật nhanh.”

“Cháu yêu, cô sẽ dạy cháu và giúp cháu tất cả những gì cô có thể. Nào, cháu đừng nói với bất kỳ ai về chuyện này nhé... kể cả với Faith cũng không, cho tới khi đích thân cha cháu nói chuyện với các cháu, được không? Và cháu ở lại dùng trà với cô nhé?”

“Ôi, cháu cảm ơn cô... nhưng... nhưng... Có lẽ cháu nên đi về ngay để đưa thư cho cha,” Una đáp ứng. “Cô biết đấy, cô West, như thế thì cha cháu sẽ được vui vì chuyện này *sớm hơn*.”

“Cô hiểu rồi,” Rosemary nói. Cô đi vào nhà, viết một bức thư ngắn rồi đưa cho Una. Khi cô gái bé bỏng ấy đã chạy xa, rạo rực niềm hạnh phúc, Rosemary tới gặp Ellen lúc này đang bóc vỏ đậu trên hiên sau.

“Chị Ellen, cô nói,” Una Meredith vừa đến đây đề nghị em hãy cưới cha cô bé.”

Ellen ngược nhìn, thăm dò vẻ mặt người em gái. “Và em sẽ làm thế chứ?” bà hỏi. “Có nhiều khả năng là vậy.”

Ellen tiếp tục bóc vỏ đậu thêm vài phút nữa. Rồi, đột nhiên, bà đưa cả hai tay lên mặt. Nước mắt đang ứa ra trong đôi mắt màu nâu đen của bà.

“Chị... chị hy vọng tất cả chúng ta đều sẽ hạnh phúc,” bà nói, vừa khóc vừa cười.

Trong khi đó, dưới nhà mục sư, Una Meredith, ầm ập, hồng hào và đắc thắng, ngẩng cao đầu bước vào trong phòng làm việc của cha và đặt một bức thư lên bàn trước mặt ông. Khuôn mặt nhợt nhạt của ông đỏ ửng lên khi ông nhìn thấy những nét chữ viết tay rõ ràng, xinh đẹp vốn đã quá quen thuộc. Ông mở bức thư ra. Thư rất ngắn... nhưng ông đã trẻ ra đến hai mươi tuổi khi đọc nó. Rosemary hỏi ông liệu xế chiều ngày hôm đó có thể đến gặp cô ở con suối trong Thung Lũng Cầu Vòng hay không.

35. *"Củ để Người Thổi Sáo đến đi"*

"Và vậy là," cô Cornelia nói, "đám cưới kếp sẽ được tổ chức đầu đó tầm giữa tháng này."

Bầu không khí buổi tối đầu tháng Chín se se lạnh, vậy nên Anne đã đốt đồng củi rề vốn vẫn luôn chờ sẵn trong lò sưởi nơi phòng khách rộng rãi, và cô cùng cô Cornelia ngồi sưởi giữa ánh lửa bập bùng như trong truyện cổ.

"Thật tuyệt quá... đặc biệt là đám cưới của ông Meredith và Rosemary," Anne nói. "Cứ nghĩ đến nó, cháu lại thấy hạnh phúc như chính hồi cháu sắp lấy chồng vậy. Tối qua, lúc ở trên đồi nhìn của hồi môn của Rosemary, cháu cảm thấy như chính mình lại được làm cô dâu lần nữa."

"Mọi người kể với tôi là đồ đạc của cô ấy quý giá chẳng kém gì dành cho một công chúa," bà Susan nói từ một góc khuất, nơi bà đang ôm ấp cậu bé nâu của mình. "Tôi cũng đã được mời đến thăm họ và tôi đã định thu xếp ghé qua một tối nào đấy. Theo tôi hiểu thì Rosemary dự định mặc váy lụa trắng và đeo mạng che mặt, nhưng Ellen thì sẽ mặc váy màu xanh nước biển trong lễ cưới. Tôi không có gì hoài nghi, cô bác sĩ thân yêu ạ, rằng bà ấy làm thế có gì không phải, nhưng theo ý tôi thì tôi luôn cảm thấy, nếu tôi mà có khi nào lấy chồng thì tôi sẽ thích mặc váy trắng mang mạng che mặt hơn, như thế mới ra dáng cô dâu chứ."

Hình ảnh bà Susan "mặc váy trắng mang mạng che mặt" hiện ra trong tâm trí Anne và cô gần như không thể tưởng tượng nổi.

“Về phần ông Meredith,” cô Cornelia nói, “đám cưới này thậm chí còn khiến ông ấy như thành một người khác vậy. Ông ấy chẳng còn mơ màng đếnh đẳng bằng một nửa ngày xưa, cứ tin ta đi. Ta đã nhẹ cả người khi nghe nói ông ấy quyết định đóng cửa nhà mục sư và gửi bọn trẻ đi chỗ khác trong thời gian ông ấy đi hưởng tuần trăng mật xa nhà. Nếu ông ấy mà để bọn trẻ ở nhà một tháng với một mình bà già Martha thì ta nên sẵn sàng cho cái tương lai thức dậy vào buổi sáng rồi nhìn thấy chỗ ấy đã cháy thành tro.”

“Bà Martha và Jerry sẽ đến đây đây ạ,” Anne nói. “Carl sẽ tới nhà trưởng lão Clow. Cháu vẫn chưa nghe nói hai cô gái sẽ ở đâu.”

“Ồ, ta sẽ đón chúng về nhà ta,” cô Cornelia nói. “Tất nhiên, ta rất vui được làm thế, nhưng dù sao đi nữa, Mary cũng sẽ chẳng để cho ta được yên chừng nào ta còn chưa đề nghị đón chúng về. Hội Nữ Giáo dân Cứu trợ sẽ dọn dẹp ngôi nhà mục sư khắp từ trên xuống dưới, trước khi cô dâu chú rể quay trở về, còn Norman Douglas đã bố trí để chất đầy rau củ vào hầm thức ăn rồi. Chưa ai từng nhìn thấy hay nghe thấy gì giống như Norman Douglas dạo gần đây, tin *ta* đi. Ông ta đang mừng húm lên vì sắp được cưới Ellen West sau khi đã mơ ước cả đời. Nếu *ta* mà là Ellen... nhưng nói thế thôi, ta không phải bà ấy, và ta có thể dám chắc liệu bà ấy có hài lòng hay không. Hồi xưa, thời bà ấy còn đi học, ta từng nghe bà ấy nói bà ấy không muốn lấy một kẻ hiền lành dễ bảo làm chồng. Norman thì chẳng có chút gì là hiền lành dễ bảo cả, tin *ta* đi.”

Vàng mặt trời tỏa rạng trên khắp Thung Lũng Cầu Vòng. Hồ nước khoác lên mình một tấm khăn mỏng đẹp tuyệt đủ màu đỏ tía, vàng rực, xanh lục và đỏ thắm. Một màn sương mù màu xanh nhạt phủ lên trên ngọn đồi đằng Đông và vầng trăng to tròn bàng bạc trôi lững lờ phía trên nó như một cái bong bóng bạc.

Toàn bộ đám trẻ đều có mặt ở đây, ngồi xúm trong trảng đất nhỏ thoáng dăng – Faith và Una, Jerry và Carl, Jem và Walter,

Nan và Di, và Mary Vance. Chúng đang tổ chức một buổi lễ kỷ niệm đặc biệt, vì đây sẽ là buổi tối cuối cùng của Jem ở Thung Lũng Cầu Vồng. Ngày mai, cậu sẽ rời nhà đi Charlottetown để nhập học ở Học viện Queen.

Nhóm bạn thân độc nhất vô nhị của chúng sẽ không còn trọn vẹn nữa; và, đầu buổi lễ nho nhỏ này được tắm trong bầu không khí rộn ràng, một nỗi buồn phảng phất vẫn len lỏi trong mọi trái tim trẻ trung vui vẻ.

“Nhìn kia... một tòa lâu đài màu vàng hoành tráng đang nằm ở kia, trong buổi hoàng hôn,” Walter nói, chỉ cho các bạn thấy. “Nhìn ngọn tháp đang sáng rực lên kia... và những lá cờ hiệu đỏ thắm đang bay phấp phới trên đó nữa. Có lẽ một nhà chinh phục đang ca khúc khải hoàn... và họ đang treo cờ để vinh danh người ấy.”

“Ôi, giá như chúng ta được quay trở về thời xa xưa,” Jem kêu lên. “Anh rất muốn được trở thành một người lính – một vị tướng chiến thắng vĩ đại. Anh sẵn sàng đánh đổi *tất cả mọi thứ* để được chứng kiến một trận chiến lớn.”

Ôi chao, Jem rồi sẽ trở thành một người lính và được chứng kiến một trận chiến lớn lao hơn bất kỳ trận chiến nào từng diễn ra trên đời, nhưng đó là chuyện ở tương lai xa; còn lúc này người mẹ, người hạ sinh cậu là đứa con đầu lòng, thường ngắm nhìn các chàng trai của mình và tạ ơn Chúa rằng “những ngày hào hùng xa xưa” mà Jem hằng mong mỏi đã vĩnh viễn trôi xa, và rằng sẽ chẳng bao giờ những đứa con trai của Canada còn cần phải lên đường ra chiến trường, chiến đấu “vì tro cốt của cha ông, vì đền đài của các vị thần”.

Cái bóng của Cuộc Đại Chiến vẫn chưa khơi lên bất kỳ dấu hiệu nào báo trước sự lạnh lẽo của nó. Những chàng trai trong tương lai phải chiến đấu, và có lẽ sẽ ngã xuống, trên những chiến trường nước Pháp và vùng Flanders, Gallipoli và Palestine lúc này đây vẫn chỉ là những cậu học trò tinh nghịch với viễn cảnh về một cuộc đời tươi đẹp đang trải ra trước mắt, những cô

gái trong tương lai phải gánh chịu nỗi đau vò xé tâm can lúc này đây vẫn chỉ là những cô bé ngoan chan chứa ước mơ và hy vọng.

Những lá cờ hiệu của thành phố hoàng hôn dần dần bị xóa mất màu đỏ thắm và vàng rực; đám rước lộng lẫy của người chinh phục dần dần phai nhạt. Ánh trời chạng vạng lẳng lẳng lan khắp thung lũng và nhóm bạn nhỏ trở nên yên ắng hẳn. Hôm ấy Walter lại đang đọc cuốn truyện cổ tích yêu thích và cậu nhớ lại trước đây, cậu từng tưởng tượng ra cảnh Người Thổi Sáo đi xuống thung lũng trong một buổi tối giống hệt tối hôm nay.

Cậu mơ màng lên tiếng, phần vì muốn dọa các bạn một chút, phần vì một thứ gì đó không thuộc về cậu dường như đang cất lời qua miệng cậu.

“Người Thổi Sáo đang tiến đến gần đây,” cậu nói, “ông ta đang tiến lại gần hơn so với cái buổi tối tôi từng nhìn thấy ông ta hồi trước. Cái áo choàng dài mờ tối bay lên theo gió, ôm lấy người ông ta. Ông ta thổi sáo... ông ta thổi sáo..., và chúng ta phải đi theo... Jem và Carl và Jerry và tôi... đi vòng quanh trái đất. Nghe kìa... nghe kìa... mọi người không nghe thấy tiếng nhạc hoang dại của ông ta à?”

Mấy cô gái rùng mình sợ hãi.

“Anh biết thừa anh chỉ đang giả vờ thôi,” Mary Vance quả quyết, và em ước gì anh không làm thế. Anh làm cho chuyện này trở nên chân thật quá. Em ghét cái Người Thổi Sáo đó của anh.”

Nhưng Jem đã nhảy bật dậy, cười phá lên vui vẻ. Cậu đứng trên một mô đất nhỏ, cao lồi lồi, với vầng trán rộng và đôi mắt không vương chút sợ hãi. Có hàng nghìn người giống như cậu trên khắp xứ sở của lá phong này.

“Cứ để Người Thổi Sáo đến đi, hân hạnh đón chào,” cậu kêu lên, vẫy vẫy tay. “Anh sẽ vui vẻ theo ông ta đi vòng quanh trái đất.”